

Đỗ Hùng

Mộng Bá Vương



văn hữu

Đỗ Hùng

Mộng Bá Vương

Tập Truyện



TU SÁCH VĂN HỌC
VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Hoàn thành ebook 02/2012

Mộng Bá Hương

Tập truyện của Đỗ Hùng

Bìa Nguyễn Trọng Khôi

Trình bày Anh Khoa & Sao Khuê

Văn Hữu xuất bản lần thứ nhất tại Hoa Kỳ

Tác giả giữ bản quyền



Mục Lục

Mở Đầu	11
Mộng Bá Vương	15
Cuộc Tương Tàn	47
Hồng Nhan	117
Chim Bằng	159
Tây Sơn Đại Huynh	219



TU SẠCH VĂN HỌC
VIỆT NAM HAI NGOẠI

Mở đầu

Từ đầu năm 1996, tôi hợp tác thường xuyên với nguyệt san *Quốc Dân* do anh Nguyễn Vũ chủ trương, Phan Nhật Nam chủ bút. Hai anh và tôi đã một thời cùng học tại trường Phan Chu Trinh Đà Nẵng. Dạo ấy tôi làm thơ, viết tạp bút. Nghĩ giản dị lấy viết làm vui. Anh Kim Âu đọc tôi, đề nghị nên tái hiện lịch sử qua hình thức truyện.

Chợt nhớ chuyện cũ. Năm 1965, khi học khóa Hành Chánh tại Trường Quân Y Sài Gòn. Anh bạn cùng khóa Tạ Chí Đại Trường cũng có lần đề cập đến chuyện này. Thời gian ấy Tạ Chí Đại Trường viết sử, chuyên nghiên cứu về văn hóa Tây Sơn. Tôi viết được đôi bài rồi ngừng. Giữa cảnh chiến tranh, người Việt đang đi vào cuộc hành trình khổ nạn bất trắc, đời lính lệnh đênh khó kiên nhẫn.

Mười bốn năm sau. Năm 1979, khi bị giam tại K1 trại Tân Lập Vĩnh Phú, tôi lại gặp sử gia Phạm Văn Sơn. Con người đáng trân trọng đã dành cả đời nghiên cứu sưu tầm và viết sử. Ông Sơn khuyên các bạn trẻ đã đọc sử nên hiểu lẽ thịnh suy. Kinh nghiệm lịch sử vực con người vươn lên từ nỗi đau tù ngục, lạc quan và tin tưởng ở tương lai.

Đầu năm 1993 đến định cư tại liên bang Mỹ. Tôi cố dành nhiều thời gian đọc lại sử Việt. Nhận ra nhiều điều bất khoan nhượng vực.

Lĩnh ý bằng hữu tập viết truyện sử, tôi kịp nhận ra mình đang đi vào con đường chông chênh trắc trở. Rất cần suy

tư cần trọng trong sáng, không phóng túng đến độ vẽ rắn thành rồng.

Thế hệ chúng tôi sinh ra và lớn lên trong lửa đạn, từng chứng kiến cảnh núi xương sông máu, từng chịu cay đắng xi nhục phải hiểu hơn ai hết, bao xương máu các thế hệ người Việt đã đổ trên quê hương cần phải được suy nghiệm. Suy nghiệm để nỗi đau không trở thành vô nghĩa. Lịch sử không thể sửa nhưng kinh nghiệm lịch sử sửa được tương lai. Tôi quyết định chọn thời điểm nhà Lê mất vận. Khi những thế lực thù nghịch tranh ngôi vương bá. Cuộc chiến tương tàn dẫn đến sự chia cắt đất nước.

Niềm vui của người viết là sự gần gũi trân trọng. Chìm đắm trong thời đại và nhân vật lịch sử, những con người trăm năm qua đi nhưng mãi mãi đi vào lòng dân. Cùng là gửi chút tâm tư, hy vọng vào tương lai dân tộc.

Sau bài đầu viết về “Trường hợp Mạc Đăng Dung”. Bài viết một phần dựa vào quan điểm của sử gia Phạm Văn Sơn nhận định về triều đại nhà Mạc. Anh Phạm Tú, Tổng Thư Ký Hội Đồng Tông họ Mạc tại San Jose gửi tặng tài liệu trên năm trăm trang đánh máy viết về triều đại nhà Mạc. Kèm theo là quyển gia phả Mạc Phạm tộc do giòng họ dày công sưu tầm. Được khích lệ, tôi viết tiếp giai đoạn họ Trịnh làm chúa tể Bắc Hà.

Chuyến đi Houston năm 1997, Nguyên Vũ đọc truyện cho thêm nhiều ý kiến xác đáng. Nguyên Vũ ngoài viết văn còn là một sử gia uyên bác. Anh Trịnh Bá Hoa, hậu duệ chúa Trịnh bổ túc thêm chi tiết về giòng họ. Sau này, Võ Sư Sáu Kiệt lại kể cho nghe nhiều giai thoại kỳ thú về đất võ Bình Định và anh em Tây Sơn.

Hơn ba năm sau, nhờ tài liệu bằng hữu tặng cộng với nhiều sử liệu khác. Tập truyện Mộng Bá Vương hoàn thành.

Ghi lại những nét đặc sắc trong giai đoạn lịch sử ba trăm năm, kể từ khi Mạc Đăng Dung lật đổ nhà Lê đến lúc Tây Sơn mất vận.

Cám ơn bằng hữu quý mến khích lệ. Quý anh chị Bùi Công Nguyên, Dung Krall, Đức Phổ, Lâm Chương, Hoàng Đình Ngoạn, Phạm Thế Truyền, Phan Lạc Phúc, Phan Lạc Tiếp, Thảo Trường, Trần Văn Nga....

Cám ơn quý anh Nguyễn Trọng Khôi, Lâm Chương lo phần kỹ thuật.

Cám ơn quý vị độc giả độ lượng với những thiếu sót.

Cuối năm Canh Thìn 2000

Tác giả kính bút

Mộng Bá Vương

*Gót danh lợi bùn pha sắc xám
Mặt phong trần nắng nám mùi dâu.*
Nguyễn Gia Thiều

Năm Đinh Hợi 1527, niên hiệu Thống Nguyên năm thứ sáu đời vua Lê Cung Hoàng.

Đêm rằm tháng sáu, ánh trăng xanh vắng vạc phủ khắp Thăng Long thành. Màn đêm lam dịu bớt cái nóng oi ả kéo dài từ sáng sớm. Trời tĩnh không có ngọn gió. Những hàng cây yên lặng trầm mặc. Trên vọng lâu hoàng thành, lá đại kỳ tượng trưng cho uy quyền hoàng đế mang hai chữ Thống Nguyên nằm liệt bất động.

Đêm đã khuya, kinh thành dường như ngủ yên nhưng có nhiều người còn thao thức. Điều bất thường đầu tiên, giờ tý qua đã lâu vẫn chưa nghe tiếng trống báo hiệu cho toán lính canh đổi phiên gác. Trên vọng lâu cổng thành phía nam bỗng xuất hiện nhiều bóng người áo đen. Một võ tướng cao lớn đeo trường kiếm đứng yên như pho tượng. Người ta nhận ra

Dục Mỹ Hầu Mạc Đăng Doanh, con trai trưởng của An Hưng Vương Mạc Đăng Dung. Đăng Doanh hiện đang chỉ huy năm nghìn tinh binh bảo vệ hoàng thành.

Khoảng đầu giờ sủ, tiếng vó ngựa vang dội trên khắp các nẻo vào kinh đô. Hàng nghìn lính áo đen gươm giáo tuốt trần dàn quân tại các nơi trọng yếu. Đây là đoàn cảm tử quân tinh nhuệ của An Hưng Vương Mạc Đăng Dung, nhân vật quyền lực nhất nước đang đặt đại bản doanh tại huyện Nghi Dương, trấn Hải Dương.

Mở sáng, toán kỵ sĩ mười hai người do Tả Tướng Mạc Trung Chính, con trai thứ của Mạc Đăng Dung dẫn đầu phi nước đại đến cổng hoàng thành. Toán kỵ sĩ nhanh nhẹn xuống ngựa tiến lên vọng lâu.

Đầu giờ mao, trời sáng rõ. Người ta thấy đại kỳ vua Lê bị hạ xuống, thay bằng lá cờ khác.

Trời bỗng nổi gió. Gió hiu hiu rồi mạnh dần. Lá cờ mới màu vàng tung bay ngạo nghễ hiện rõ hai chữ Minh Đức. Kinh đô Thăng Long thêm một lần biến động. Nhà nhà cửa đóng then cài. Không khí nặng nề bất trắc. Không ai biết chuyện gì đã và sẽ xảy ra...

Xế trưa, cổng thành mở rộng. Toán quân do Đông Quận Công Mạc Quyết, em trai Mạc Đăng Dung dẫn đầu dán yết thị ở các nơi công cộng, báo cho quân dân biết Hoàng Đế đương triều Lê Cung Hoàng đã hạ chiếu nhường ngôi báu cho An Hưng Vương Mạc Đăng Dung. Tân Vương lên ngôi đặt niên hiệu là Minh Đức, mở đầu triều đại nhà Mạc.

Chiếu chỉ có đoạn viết: "... *Ta không có tài đức để thay trời trị dân. Mệnh trời lòng người thuận theo kẻ tài đức.*

Xét Thái Sư An Hưng Vương Mạc Đăng Dung tư chất thông minh, tài kiêm văn võ. Ngoài dẹp loạn lạc, các trấn quy phục. Trong coi trăm quan, mọi việc tốt lành. Công to đức

lớn, trời độ người theo. Nay ta cân nhắc lẽ phải nên nhường ngôi báu. Cố sửa đức lớn, giữ mệnh trời để lương dân an vui, bốn cõi thái hòa. Mong kính theo đó."

Dân chúng nhiều người mừng rỡ, lắm kẻ ưu tư...

Chuyện trăm năm trước, năm Mậu Thân 1428. Bình Định Vương Lê Lợi sau khi dẹp tan giặc Minh lên ngôi Hoàng Đế. Triều thần có người đề nghị vua nên dùng Tây Đô, ngôi thành do Hồ Quý Ly xây dựng thuộc huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa làm kinh đô.

Vua không bằng lòng, cho rằng Tây Đô tuy xây dựng trên thế đất bằng phẳng, nhưng cảnh quan toàn thể là vùng rừng núi, nhiều sông. Đó là thế đất hẻo lánh cuối nước đầu non, chỉ hợp với thời loạn mà không nên với thời bình.

Cuối cùng, vua chọn Thăng Long nhưng đổi tên thành Đông Kinh. Vua nói: Thanh Hóa vốn là quê hương ta. Nhưng xét từ thời nhà Lý, ông cha ta đã chọn nơi này làm kinh đô. Đây là nơi tiện hình thế núi sông sau trước, đất rộng bằng phẳng, trông như rồng cuộn hổ ngồi. Tuy kinh đô đổi tên, dân vẫn không quên tên Thăng Long cũ.

Từ đó Thăng Long sống bình yên, phát triển thịnh vượng chưa hề nếm mùi binh lửa.

Gần tám mươi năm sau, triều đình bắt đầu biến loạn.

Chuyện xảy ra vào năm Ất Sửu 1505, khi Lê Tuấn lên ngôi hoàng đế tức Lê Uy Mục.

Vừa lên ngôi báu, việc đầu tiên của ông vua mới mười bảy tuổi là trả thù những người không chấp nhận cho vua nối ngôi. Nạn nhân đầu tiên chính là Trương Lạc Thái Hoàng Thái Hậu, bà nội nhà vua bị bức tử, các đại thần bị giết. Cuộc khủng bố tiếp tục chĩa mũi dùi ngay vào hoàng tộc.

Người bị giết, kẻ bị giam giữ lưu đầy. Quần thần hoang mang, ngỡ vực, sợ hãi.

Uy Mục hiếu sát, bạo ngược dân ô, thường tụ tập cung nhân uống rượu, lúc say giết người bữa bãi. Những người bên họ ngoại nhà vua được ưu đãi, cậy thế cậy quyền muốn bắt giết ai tùy ý, cướp đoạt tài sản người. Dân oán hận, sứ giả Tàu gọi vua là Quỷ Vương.

Năm Kỷ Ty 1509, người anh thúc bá của vua là Giản Tu Công Lê Oanh đang bị giam cầm trốn thoát về Thanh Hóa. Lê Oanh kêu gọi quan quân đứng lên diệt bạo chúa. Bảng Nhân Lương Đắc Bằng viết hịch kể tội vua Uy Mục: "... *Bạo chúa Lê Tuấn, phạt con thứ kém hèn, làm nhơ nghiệp cả. Giết người xương thịt, dìm hãm thân liêu, vợ vết của dân, tiêu pha như bùn đất..*"

Năm Kỷ Tị 1510, Lê Oanh kéo quân từ Tây Đô về kinh bắt được Uy Mục. Vua tự sát. Lê Oanh trả thù bằng cách nhét xác vua vào nòng súng rồi bắn đi cho tan nát xương thịt.

Giản Tu Công Lê Oanh lên ngôi tức Lê Tương Dực. Mọi người tưởng vua mới sẽ khá hơn. Nào ngờ, chỉ được vài năm đầu. Khi ngoài hai mươi, vua bắt đầu tiêu pha xa xỉ, cho xây điện trăm nóc gọi là Cửu Trùng Đài tượng trưng uy quyền đế vương, công quỹ cạn kiệt. Vua hoang dâm, ngang nhiên tư thông với cả vợ vua Lê Uy Mục và các cung phi triều trước. Trẻ không tha già không thương. Chưa đủ, vua nhiều sáng kiến lạ, sai đóng chiến thuyền thật to trang hoàng lộng lẫy, bắt hàng trăm cung nữ trần truồng chèo thuyền rong chơi yến tiệc trên Hồ Tây, ca công tấu nhạc tưng bừng, thêm màn vũ thoát y hấp dẫn chưa từng có.

Dân kinh thành, toàn cánh đàn ông đổ ra bờ hồ trở mắt xem, hò reo đông vui như hội. Vua thích thú rượu say ngất ngưỡng, cho là thời thịnh trị thái bình!

Thấy cảnh chướng mắt, Nguyên Quận Công Trịnh Duy Sản, danh tướng lập nhiều công trận, cũng là người triệt để ủng hộ nhà vua lên ngôi cả. Một lần trong buổi thiết triều, Duy Sản lên tiếng can vua:

- Muôn tâu bệ hạ. Đế vương là rường cột, mối giềng xã tắc. Nay trong nước loạn lạc, giặc Trần Cảo có lần dám tiến đánh gần kinh đô. Nhiều vùng dân đói gối lên nhau mà chết. Trời làm lũ lụt, đê Yên Phụ vỡ. Rắn thần hiện ra trên sông Tô Lịch bốn tháng trời mới chịu bỏ đi. Ấy là những điềm bất thường xin bệ hạ chớ coi nhẹ.

Vua không vui, nói:

- Chuyện vỡ đê, rắn xuất hiện trên sông là lẽ thường. Có chi người đặt điều mê tín cho là rắn thần? Người muốn làm dân hoang mang chẳng? Còn giặc cướp nổi lên, ấy là do quan lại chưa làm hết sức, chưa truyền bá những điều trầm rắn dậy trong sách Trị Bình.

Nghe vua nhắc đến sách Trị Bình, Duy Sản tâu tiếp:

- Sách Trị Bình của bệ hạ là những lời châu ngọc giáo huấn con dân. Thần nhớ điều thứ ba bệ hạ dạy: Quan lại trong ngoài phải nghiêm khắc sửa mình hoàn thành chức trách. Không bữa bãi dục vọng, say đắm tử sắc, sai khiến百姓, đất mỗi đi điểm, yêu sách cổ bản, liên miên chèn chèn, bỏ bê công việc, hư hại phong hóa...

Vua giận ngắt lời:

- Người chỉ là kẻ vô biên cậy công nói điều xằng bậy. Trẫm ở ngôi đế vương thay trời trị dân, nắm trong tay sơn hà xã tắc. Trẫm viết sách giáo hóa quan dân. Nay người lại muốn đem những điều ấy giáo hóa lại trẫm. Tội bất kính rõ ràng. Đế vương là tối thượng, trẫm muốn ai chết là phải chết. Huống chi trẫm bày cuộc vui người dám cho là làm hư

hại phong hóa ư? Trẫm không vui vẻ sao đủ sáng suốt trị nước chần dân?

Nói xong, vua truyền nọc Duy Sản đánh năm mươi roi ngay giữa triều đường.

Duy Sản bị đòn đau cần răng chịu nhục không một tiếng kêu la. Một tháng nằm nhà dưỡng thương, chịu đựng nỗi đau thể xác. Duy Sản nghĩ ra kế độc, ngầm cấu kết với bọn bè thủ hạ thân tín tìm cách giết vua.

Rạng sáng ngày bảy tháng tư năm Bính Tý 1516, Duy Sản kéo ba nghìn quân vào hoàng thành loan tin dẹp phiến loạn.

Nghe tiếng quân reo ngựa hí trước nhà Thái Học, vua Tương Dực bước ra xem sự việc bị võ sĩ của Duy Sản dùng thương đâm chết. Vua chết mới hai mươi tư tuổi.

Giết vua xong, quần thần họp bàn chọn vua mới. Các phe phái chống đối nhau kịch liệt đến đổ máu. Trịnh Duy Sản chém chết Vũ Tá Hầu Phùng Mại ngay giữa triều. Cuối cùng các phe thỏa thuận lập Quang Trị lên ngôi. Quang Trị mới tám tuổi.

Được tin Duy Sản giết vua, An Hòa Hầu Nguyễn Hoàng Dụ đang đóng quân tại Bồ Đề tức tốc kéo quân về bao vây kinh đô, hỏi tội lũ nghịch thần. Kinh đô tới bởi khói lửa. Văn Quận Công Trịnh Duy Đại, anh ruột Duy Sản đem vua chạy vào Thanh Hóa. Vua lên ngôi chỉ mới ba ngày, chưa có niên hiệu.

Đám tôn thất nhà Lê hòa giải các tướng, bỏ Quang Trị, lập Lê Y lên ngôi vua tức Lê Chiêu Tôn. Chiêu Tôn là cháu bốn đời của vua Lê Thánh Tôn, lúc ấy vừa mười bốn tuổi.

Lợi dụng cơ hội, Trần Cảo người trấn Hải Dương kéo một vạn quân về mưu chiếm kinh đô. Trần Cảo từ lâu ấp ủ mộng đế vương, cho rằng khí số nhà Lê đã tận, có lời sấm

ứng điềm Cảo sẽ là hoàng đế, bèn tự xưng Đế Thích giáng sinh. Quân của Cảo đầu cạo trọc, chiến đấu dũng cảm.

Biết thế giặc mạnh, Chiêu Tôn và triều thần phải bỏ kinh đô chạy vào Thanh Hóa.

Hoàng Thành bỏ trống. Dân tràn vào kho cướp báu vật. Một cuộc tranh cướp đẫm máu xảy ra. Xác người ngập hoàng cung. Cuối cùng, kho tàng trống trơn chẳng còn gì. Nhiều người trở nên giàu có nhờ giở cướp bóc.

“Giặc đầu trọc” tiến vào Thăng Long. Trần Cảo lên ngôi vua đặt niên hiệu Thiên Ứng, gia phong quan chức lập triều đình mới.

Dân chúng biết kinh đô không còn là nơi an toàn, dắt díu nhau tìm đường lánh nạn.

Tại Thanh Hóa, Chiêu Tôn tập trung đại quân cử các tướng Trịnh Duy Sản, Nguyễn Hoàng Dụ, Trịnh Tuy, Trần Chân chỉ huy về tái chiếm kinh đô. Trịnh Duy Đại về gặp Chiêu Tôn. Vua hỏi anh em Quang Trị. Đại nói cả ba bị lạc chẳng biết đâu tìm, để sau sẽ liệu.

Sau vua biết Duy Đại tàn nhẫn giết hết cả ba. Tội nghiệp vua Quang Trị, cậu bé mới lên tám, bỗng bị người bắt lên làm vua, rồi bị giết dễ dàng như loài thú. Chiêu Tôn uất hận nhưng không dám nói gì. Vua sợ thế lực anh em họ Trịnh, Trịnh Tuy là em họ của Đại và Sản. Trần Chân lại là con nuôi của Trịnh Tuy.

Quân vua về Thăng Long. Trần Cảo chống không lại rút chạy về vùng Chí Linh, Hải Dương. Tính ra Cảo giữ kinh đô chỉ hơn hai tuần lễ.

Suốt năm ấy, các tướng phải dẹp loạn nhiều nơi. Tháng mười một, Duy Sản khinh địch tiến sâu vào vùng rừng núi bị Trần Cảo bắt sống đem chém. Cảo thừa thắng kéo quân định

chiếm lại kinh đô nhưng bị Trần Chân đánh bại chạy trốn lên phía bắc.

Sau chiến thắng, Trần Chân thành nhân vật có thế lực tại triều đình.

Duy Sản chết, Chiêu Tôn nghĩ ngay việc triệt hạ Duy Đại, cũng là rửa mối hận cho anh em vua Quang Trị. Thừa dịp bọn hoạn quan Phạm Diên, Phạm Thứ tâu vua Trịnh Duy Đại và Trịnh Tuy có ý phản nghịch. Vua truyền chém Đại, bêu đầu ba ngày ngoài cổng thành. Riêng Trịnh Tuy, vua chưa dám đụng vì Tuy hiện nắm vài nghìn quân đóng tại ngoại thành Thăng Long.

Mấy ngày sau vua thiết triều. Quần thần đang hội nghị bỗng nghe tiếng sấm nổ, tiếng quân reo ngoài thành. Vua như chim bị đạn, hoang mang hoảng sợ không biết có chuyện gì. Quan Đề Lĩnh vào điện tâu:

- Muôn tâu bệ hạ. Chẳng hiểu vì cớ gì quân của An Hòa Hầu Nguyễn Hoàng Dụ và Vĩnh Hưng Hầu Trịnh Tuy đang đánh nhau dữ dội ngoài thành. Dân hoảng chạy toán loạn, nhiều nhà bị đốt cháy...

Vua rời triều cùng một số cận thần bước lên vọng lâu xem sự thể.

Trời lúc ấy mây đen vần vũ, bỗng biến sắc vàng tỏa khắp kinh đô. Vua hỏi Tư Thiên Giám đó là điềm gì? Quan tâu điềm quyền thần làm loạn nước.

Cuộc giao tranh diễn ra ác liệt ngay cổng nam.

Thấy Hoàng Dụ mặc giáp trắng đang cỡi ngựa điều binh cố đẩy lùi quân Trịnh Tuy. Vua bắc loa kêu gọi ngừng chiến. Dụ làm như không nghe.

Nhà nhem tối, quân Trịnh Tuy rút ra ngoài kinh đô. Vua cho gọi Hoàng Dụ vào triều. Dụ cáo một không vào.

Hai hôm sau, Dụ lại kéo đại quân đánh Tuy. Tuy thua trận chạy vào Thanh Hóa.

Đoàn quân của Nguyễn Hoàng Dụ sau chiến thắng nghênh ngang về lại kinh đô bất ngờ bị quân của Đô Lược Sĩ Trần Chân, con nuôi Trịnh Tuy phục kích đánh tan tã. Kinh đô hoang tàn vắng lặng, dân không ai dám bước ra đường. Cuối cùng, Hoàng Dụ kéo tàn quân rút chạy về phía nam, dừng quân tại quê nhà thuộc huyện Tống Sơn, Thanh Hóa.

Thắng được Nguyễn Hoàng Dụ. Trần Chân cho mình là thiên hạ vô địch. Chân kiêu ngạo đến độ ngang nhiên đeo gươm vào nội cung cùng thủ hạ chèn chèn. Quần thần có kẻ dị nghị bị Chân sai thủ hạ giết chết. Vua tức tối nhưng không dám nói gì.

Đô Ngự Sử Đỗ Nhạc và Phó Đô Ngự Sử Nguyễn Dữ bàn với vua cách trừ khử Trần Chân. Đỗ Nhạc hiến kế:

- Nay Trần Chân ý mạnh làm càn, giết đại thần, gây loạn cả chốn nội cung thâm nghiêm. Đó là hành vi của loài dã thú không thể dung thứ. Thần xin bệ hạ nhả nhục, làm ra vẻ trọng nể hần, mời hần và bọn tay chân vào cung uống rượu, nói là để thưởng công lao chinh chiến. Khi bọn nó say sưa, ta sai võ sĩ mai phục giết đi.

Chiêu Tôn y kế. Kết quả Trần Chân và sáu thủ hạ bị giết. Vua sai cấm thủ cấp của Chân trên đầu ngọn giáo, đem đi khắp kinh đô cho dân thấy.

Bọn thủ hạ của Trần Chân là Hoàng Duy Nhạc, Nguyễn Kính, Nguyễn Áng... thấy chủ bị giết quyết báo thù. Chúng tập trung quân tại chùa Yên Lăng ở ngoại thành, tổ chức tấn công kinh đô.

Kinh đô thêm một phen chìm trong lửa khói. Bọn lính vô kỷ luật mặc sức đốt nhà cướp của. Dân chúng trở thành những nạn nhân đau khổ nhất.

Thế giặc mạnh, vua tôi nhà Lê vượt sông Nhị Hà chạy sang Gia Lâm đóng hành dinh ở Bồ Đề. Vua khẩn cho người vào Thanh Hóa cầu cứu Nguyễn Hoàng Dụ. Hoàng Dụ đang dưỡng quân nên không chịu động binh. Vua bối rối bàn với Đỗ Nhạc cho người đến Hải Dương triệu Vũ Xuyên Hầu Mạc Đăng Dung về cứu giá. Nhạc nói:

- Theo ý thần, bề hạ không nên gọi Đăng Dung. Thần biết Dung từ lâu. Hắn đỗ Đô Lục Sĩ thời vua Uy Mục. Từ đó công danh thăng tiến. Hắn lắm mưu kế, đầy tham vọng. Nếu với hắn về có khác nào đuổi được con chồn con cáo lại rước loài lang sói vào nhà. Đó là một lẽ. Thứ hai, Đăng Dung vốn thông gia với Trần Chân. Mạc Đăng Doanh là rể họ Trần, nếu hắn thừa dịp trả thù, bề hạ tính sao?

Vua không chịu ý của Nhạc. Vua nói:

- Lời người nói chỉ có lý một phần. Trẫm đánh giá con người Mạc Đăng Dung không phải như bọn Trần Chân, Hoàng Dụ hoặc Trịnh Tuy. Dung khôn ngoan trầm tĩnh, biết cách cư xử tỏ ra là người có lễ nghi. Vả lại, nếu không nhờ y thì biết cậy ai bây giờ? Cứu binh như cứu hỏa, cứ gọi y về rồi liệu sau.

Đăng Dung nhận chiếu chỉ lập tức kéo quân về Bồ Đề bá yết. Vua vỗ về giao toàn quyền điều binh cho Dung.

Tổ thiện chí hòa hoãn, Mạc Đăng Dung đích thân gặp đám thủ hạ Trần Chân. Dung nói:

- Tôi vâng mệnh vua về đây thực tâm không muốn cùng các ông giao chiến gây cảnh nổi da xáo thịt, mà chỉ muốn hòa giải bãi binh tránh cho lê dân và binh sĩ cảnh lầm than đổ máu. Trần tướng quân với tôi là thông gia thân tình. Các ông và tôi chẳng lạ gì nhau. Chúng ta cùng là tôi nhà Lê thì lệnh vua trên hết. Nếu chỉ vì ân oán mà gây xáo trộn tất mang tiếng bất trung loạn thần. Xin cho biết tôn ý.

Hoàng Duy Nhạc nói:

- Chủ tướng tôi là bậc trung quân ái quốc, lại có công đánh đuổi bọn Trần Cảo bảo vệ kinh đô. Vua bất nhân nghe lời xàm tấu của bọn gian thần tìm cách hãm hại giết chủ tôi. Anh em chúng tôi quyết rửa mối oan cừu cho chủ tướng?

Nguyễn Kính tiếp lời:

- Kể nghĩa khí trên đời phải thờ vua, thầy và cha như một. Chủ tôi một lòng thờ vua, ra công đuổi giặc Cảo làm mặt trời mặt trăng của nhà Lê lại sáng, tông miếu nhà Lê lại được tôn thờ. Nay người có công bị hại, ngậm oan nuốt hận, trời đất vô tình há chẳng đau xót sao? Vậy nên chúng tôi mài chí phục thù, trừ bọn gian ác. Trước là báo đền ân đức, sau là giải mối oan khiên, làm sáng tỏ đạo thờ thầy. Quan hầu nghĩ đó có phải là việc nên làm?

Đăng Dung trầm ngâm rồi nói:

- Trần tướng quân bị hại, chính ta cũng xót xa. Nhưng mệnh vua không thể cãi. Ta nghĩ nợ máu phải trả bằng máu. Nếu các ông thuận, ta sẽ giết hết bọn chủ mưu hại chủ các ông, giải mối oan, làm sáng tỏ kẻ ngay người gian, để vong linh Trần tướng quân ngậm cười nơi chín suối. Mạc Đăng Dung đội trời đạp đất, thể chẳng nuốt lời.

Duy Nhạc và Nguyễn Kính vốn trọng Đăng Dung. Cả hai đồng ý bãi binh rút quân về Sơn Tây.

Đăng Dung thực hiện lời hứa giết một số người, kể cả hai quan Ngự Sử Đỗ Nhạc và Nguyễn Dự. Trong khi bọn Nhạc, Kính vẫn chưa chịu rút khỏi kinh đô. Mãi đến khi nghe tin Trịnh Tuy đã lập vua mới tại Sơn Tây mới chịu kéo quân về theo Trịnh Tuy.

Vĩnh Hưng Hầu Trịnh Tuy vốn tính thích xưng hùng xưng bá. Thấy Chiêu Tôn không còn uy quyền, lại bất tài nhu nhược, nghe lời xàm tấu. Trịnh Tuy mưu lập triều đình riêng,

bền tôn người hoàng tộc là Lê Bổng lên ngôi vua lấy niên hiệu Đại Đức. Mấy tháng sau, Tuy lại phế Lê Bổng lập Lê Do lên ngôi niên hiệu Thiên Hiến. Chuyện xảy ra vào cuối năm Mậu Dần 1518.

Chiêu Tôn nghe tin cả giận, truyền Mạc Đăng Dung cất quân đánh dẹp. Dung tâu:

- Thế giặc mạnh lắm. Bệ hạ nên vời Hoàng Dụ kéo quân đánh bọn Nhạc, Kính. Thần sẽ tấn công Trịnh Tuy. Mở hai mặt trận một lúc chúng sẽ không cứu được nhau.

Vua cho là phải, hạ chiếu vời Hoàng Dụ. Nguyễn Hoàng Dụ biết Đăng Dung đang phò vua yên tâm động binh. Đoàn quân vừa tiến đến Sơn Tây đã bị Duy Nhạc đánh tan tác phải rút chạy về Thanh Hóa.

Trịnh Tuy thấy Dụ thua trận liền điều quân vượt sông tấn công hành dinh Bồ Đề quyết giết Chiêu Tôn. Đăng Dung chỉ huy quân sĩ quyết tử đánh tan giặc. Trịnh Tuy và Lê Do bỏ chạy.

Tháng bảy năm Kỷ Mão 1519, Do và Tuy đóng quân ở huyện Từ Liêm âm mưu đánh chiếm kinh đô. Lợi dụng trời mưa to, Mạc Đăng Dung ra lệnh phá đê cho nước tràn vào trại giặc. Lê Do bị bắt. Trịnh Tuy thoát chạy về Thanh Hóa.

Thắng trận, Chiêu Tôn yên tâm về lại Thăng Long, phong Mạc Đăng Dung làm Minh Quận Công. Mùa xuân năm Tân Ty 1521, vua lại gia phong Dung làm Nhân Quốc Công, Tiết Chế mười ba đạo thủy bộ binh. Chỉ trong một năm, Đăng Dung dẹp yên các cuộc nội loạn, tình thế tạm yên.

Biết tính vua phản trắc, hay nghe kẻ nịnh. Mạc Đăng Dung củng cố quyền lực phòng thân, tìm cách gạt bỏ những thủ hạ thân tín của vua, đặt con là Dục Mỹ Hầu Mạc Đăng

Doanh trấn giữ Kim Quang Điện, chỉ huy cấm binh bảo vệ hoàng thành.

Bọn hoạn quan hầu cận vua Phạm Hiến, Phạm Thứ lo sợ lắm. Chúng bàn nhau tâu vua tìm cách triệt Mạc Đăng Dung. Phạm Hiến nói:

- Nay Đăng Dung tóm thâu quyền bính, không ngừng củng cố quyền lực. Chúng ta thân cận nhà vua, số phận như cá nằm trên thớt. Ông có kế sách gì phòng thân?

Phạm Thứ buồn bã:

- Sách có chữ tẩu vi thượng sách. Trong hoàn cảnh chúng ta, tôi nghĩ đó là kế vẹn toàn.

- Ông nói phải. Ta phải tìm cách trốn khỏi Thăng Long, kêu gọi các trấn hội binh về đánh chiếm kinh thành. Tôi biết tại các trấn Sơn Tây, Sơn Nam và Thanh Hóa nhiều người muốn triệt Mạc Đăng Dung. Nhất là Trịnh Tuy hiện đóng bản doanh gần Cẩm Thủy, Thanh Hóa. Trịnh Tuy mộng bá đồ vương, dễ đem chức trước bồng lộc dụ dỗ.

- Còn vua thì sao? Phạm Thứ ngắt lời.

Hiến tiếp:

- Nhà vua tính dễ thuyết phục, lại dám làm. Ông không nhớ ngài đã từng giết Trịnh Duy Đại, Trần Chân. Trường hợp Mạc Đăng Dung lại khác. Dung khôn ngoan không đóng binh ở kinh thành mà lập bản doanh tại quê nhà. Chỉ để con trai và thủ hạ ở bên vua để kiểm chế. Tôi sẽ gặp Trịnh Tuy xem kế sách của hắn ra sao. Phải gấp rút xúc tiến kéo trở tay không kịp.

Vài hôm sau. Phạm Thứ cáo ốm xin nghỉ. Thực sự Thứ ngấm vào Thanh Hóa liên lạc với Trịnh Tuy. Thứ bịa đặt nói vua sẽ gia phong vương tước cho Tuy, lại ban thưởng cơ man ngọc ngà châu báu. Thứ muốn Tuy yên lòng, nói quân các

trấn Sơn Nam, Sơn Tây sẵn sàng phò vua diệt loạn thần Mạc Đăng Dung.

Trịnh Tuy mừng lắm nhưng đòi phải có chiếu chỉ chính thức của vua. Thứ hện sẽ có người đem đến.

Vài ngày sau, Thứ và Hiến nhân buổi hầu rượu vua tại vườn Ngự Uyển. Hiến tung hô vạn tuế, quỳ nâng rượu ngang mày dâng vua. Vua đẹp lòng thưởng mỗi người một chung rượu quý. Hiến làm bộ buồn rầu, cầm chung rượu rưng rưng:

- Tâu bệ hạ, kẻ hạ thần bao năm cúc cung tận tụy hầu hạ thánh chúa, lòng mong non sông thái hòa, cơ nghiệp nhà Lê muôn đời vững như Thái Sơn. Bệ hạ phúc lộc thọ trường dân trị nước. Hạ thần được theo phù bệ hạ đến lúc răng long đầu bạc. Ước vọng không biết có được toại nguyện?

Nghe Hiến nói, vua đặt chén rượu đang uống dở xuống bàn, hỏi:

- Người nói vậy là ý gì?

Hiến quỳ vấp đầu trên sàn gạch, trán rướm máu, nói:

- Kẻ bề tôi không được dối vua. Hàng tháng nay, hạ thần mang nặng mối lo, lòng như đeo đá. Nay run sợ tâu lên bệ hạ những điều mắt thấy tai nghe. Có điều gì phật ý, xin lượng thánh bao dung tha cho tội khi quân...

Vua nôn nóng:

- Người cứ nói, nếu là sự thật, trẫm không phạt mà lại thưởng công.

Hiến kể lễ:

- Tháng trước, thần ngang qua trấn Hải Dương, lại được dịp ghé bản doanh của Mạc Quốc Công (chỉ Mạc Đăng Dung). Cảnh thật nguy nga tráng lệ hơn cả hoàng cung. Còn Quốc Công, đi bộ thì long phụng dát vàng, đi thủy thì thuyền rồng dây kéo. Nghi vệ đường bệ thiên tử. Khắp trấn, nam phụ lão ấu đều biết chuyện năm xưa, khi Quốc Công còn

hàn vi làm nghề chài lưới độ nhật ở bến dò Hàn. Một hôm, Từ Thục phu nhân, vợ quan Thái Bảo Nghiêm Quận Công Nguyễn Văn Định, học trò Bảng Nhân Lương Đắc Bằng. Bà tinh thông dịch lý, biết việc vị lai. Thấy Quốc Công, bà cung kính vái chào nói: Ngài có số đế vương. Mới đây, bà lại đến yết kiến Quốc Công, nói ngôi Đế Tinh ở phương đông ngày càng rạng rỡ, ứng vào điềm ngài sắp lên ngôi báu. Hạ thần thấy dân Hải Dương tỏ ra mừng rỡ, hân diện vì quê hương họ là đất phát đế. Đó là những điều chính thần mắt thấy tai nghe, chẳng có ý xâm tấu.

Vua lặng yên. Trăng đêm sáng vàng vạc soi trên hoa lá. Ngoại thành, vài ánh đèn le lói xa xa. Tiếng chó sủa bâng quơ, mơ hồ buồn bã.

Vua biết Phạm Hiến không nói dối. Vua vốn nghi ngại Đăng Dung, chuyện Hiến kể khơi thêm nỗi ngờ vực nhen nhúm trong lòng vua bấy lâu. Vua buồn thở dài.

Từ ngày lên ngôi báu, vua chưa bao giờ được tận hưởng cảnh giàu sang phú quý tột đỉnh quyền lực, mà chỉ toàn cảnh khốn khó lao đao, cuộc tranh dành quyền lực giữa các cựu thần không ngừng. Trong lòng ông vua mười tám tuổi chỉ có phiền muộn lo lắng. Vua nói:

- Mạc Quốc Công là bậc trung thần, rường cột xã tắc. Sao các người dám đặt điều nghi hoặc. Nếu như Quốc Công nghe được ắt tính mệnh chẳng còn. Trẫm muốn từ nay các người phải dè dặt lời ăn tiếng nói.

Nghe vua nói, Thứ và Hiến dập đầu khóc ngất, nguyện đem cái chết bày tỏ lòng trung. Vua lặng lẽ bước vào thư phòng, ngồi tựa ghế, gối ngang trăm mối. Quá nửa đêm, vua mở cửa nhìn ra thấy hai hoạn quan vẫn còn cúi đầu quỳ đáng thiếu nã. Vua thương cảm truyền cả hai lui. Phạm Thứ tâu nài:

- Tàu bè hạ, việc Đấng Dung mưu thoán nghịch thần nghĩ nhiều người đoán biết nhưng không dám nói ra sợ tai vạ. Ngay cả Vĩnh Hưng Hầu cũng biết chuyện.

Nghe Thứ nhắc đến Trịnh Tuy, vua chăm chú nghe. Phạm Thứ bịa chuyện:

- Tuần trước, thần gặp thuộc tướng thân tín của Vĩnh Hưng Hầu là Nguyễn Bá Kỳ tại kinh đô. Kỳ với thần vốn chỗ thâm giao nên Kỳ không ngại ngùng thổ lộ: Vĩnh Hưng Hầu nay có trong tay trên hai vạn quân tinh nhuệ. Nghe tin Đấng Dung lộng quyền, ngài giận muốn hưng binh cứu vua dẹp loạn thần. Chỉ cần vua ban mật chiếu, ngài sẽ vâng mệnh tức khắc.

Vua yên lặng hồi lâu rồi nói:

- Trẫm tin các người, cứ ai có lòng trung thì trẫm nường cậy. Vậy ai dám vì cơ nghiệp nhà Lê, lên đường vào Thanh Hóa trao mật chiếu?

Phạm Thứ háng hái nhận nhiệm vụ.

Ngay đêm đó, Thứ bí mật lên đường. Vua ân cần dặn dò phải tuyệt đối bí mật.

Mười ngày sau, Thứ trở về gặp vua trình kế hoạch, theo đó vua sẽ bí mật trốn lên huyện Minh Nghĩa trấn Sơn Tây, Trịnh Tuy đợi vua ở đó. Vua sẽ xuống chiếu truyền các trấn tập trung quân cùng lúc tiến đánh kinh đô Thăng Long và bản doanh Mạc Đấng Dung tại huyện Nghi Dương trấn Hải Dương.

Đêm hạ tuần tháng bảy năm Nhâm Ngọ 1522, vua và hai thái giám trốn khỏi kinh đô lên Sơn Tây. Sáng hôm sau, Mạc Đấng Doanh phái tùy tướng đuổi theo nhưng không kịp.

Mạc Đấng Dung nghe tin vội về kinh, lệnh truyền dân không được xao động, cấm tụ tập ngoài đường phố. Cử em ruột là Đông Quận Công Mạc Quyết đem năm nghìn quân

trấn giữ các yếu điểm. Đấng Dung triệu tập phiên họp khẩn gồm toàn phe cánh như Quỳnh Vũ Hầu, Vũ Hộ, Hoàng Lễ Hầu, Phạm Gia Mô, Dương Xuyên, Hầu, Nguyễn Như Quế... Ba người đồng hương liên hệ với Đấng Dung mật thiết như anh em.

Phạm Gia Mô đỗ tiến sĩ, từng làm Lễ Bộ Thượng Thư. Mô đa mưu túc kế nêu ý kiến:

- Sự việc nghiêm trọng xảy ra do chính nhà vua là đầu mối loạn. Nay ta cứ phao tin vua bị gian thần ép rời kinh, dân không thể thiếu chủ, nước không thể một ngày không vua, thần khí không thể bỏ trống. Ta tôn ngay hoàng đệ Lê Xuân lên ngôi. Truyền cho quân dân các nơi cứ an cư lạc nghiệp, giữ phúc sinh toàn. Danh chính ngôn thuận, ta sẽ liệu cách trừ khử loạn thần sau.

Mọi người cho là phải.

Lê Xuân lên ngôi tức Lê Cung Hoàng.

Thấy thế lực Chiêu Tôn còn mạnh, Thăng Long ở thế trống trải khó đương cự. Đấng Dung quyết định lập hành điện tại huyện Gia Phúc Hải Dương, đưa Cung Hoàng và triều thần đến đó. Lại lập phòng tuyến tại huyện Cẩm Giàng cự địch.

Đấng Dung đoán đúng, thanh thế Chiêu Tôn ngày càng mạnh dù Trịnh Tuy vẫn chưa kéo quân đến Sơn Tây như đã mật ước với vua. Khoảng hai vạn quân theo vua tiến về Thăng Long, lập hành dinh tại phía tây kinh đô, tổ chức việc triều chính, quyết dành quyền lực từ tay Mạc Đấng Dung. Đến lúc ấy, Trịnh Tuy mới đem một vạn quân đến đóng bản doanh ở gần vua, nói là hộ giá.

Vua giận lắm, dám hoạn quan tâu vua không cần đến quân Trịnh Tuy cũng đủ thắng. Lại dèm pha Trịnh Tuy là kẻ

phản trắc thời cơ, chờ dọn cỗ rồi đến hưởng, chẳng có chút công lao nào.

Tù tướng của Tuy là Nguyễn Bá Kỳ đến bái yết vua. Vua kết tội khi quân đem chém, cho quân mang thủ cấp của Kỳ cắm vào cọc đặt ngay trước dinh Trịnh Tuy.

Trịnh Tuy hận lắm nhưng lờ như không, lại bắn tiếng đích thân sẽ dâng biểu tạ tội, đặt mình dưới quyền vua sai khiến.

Đêm hôm sau, Trịnh Tuy bí mật hạ lệnh nhổ trại, sai hàng nghìn quân tinh nhuệ mặc quân phục giống quân vua, tiến vào hành dinh bắt cóc vua rồi rút quân về Thanh Hóa.

Sáng hôm sau, các tướng mới biết vua đã bị Trịnh Tuy bắt. Tình trạng quân sĩ hoang mang giao động. Thừa cơ, Mạc Đăng Dung hạ lệnh tấn công trên khắp mặt trận. Quân vua như rắn mất đầu bỏ chạy tan tác. Dung sai Mạc Quyết và Phạm Gia Mô truy kích Trịnh Tuy. Tuy thua chạy, quân sĩ tản mác vào rừng. Trịnh Tuy đem vua lẫn trốn ở vùng thượng lưu sông Mã.

Cuối năm, vua Lê Cung Hoàng cùng quần thần trở lại kinh đô.

Mùa xuân năm Ất Dậu 1525, dân vùng rừng núi Lam Sơn Thanh Hóa bị một phen kinh hoảng. Một đêm, người ta nghe những tiếng động âm âm dưới lòng đất, có ngọn núi sụp hẳn xuống làm thành hố sâu. Vài hôm sau, mưa như thác đổ kéo từ nguồn xuống xác chết hàng tỉ tỉ các loại côn trùng, có nhiều loại sâu trông khiếp hãi.

Tháng sau lại xảy ra trận động đất khác cũng ở Thanh Hóa, vùng thượng lưu sông Mã. Một ngọn núi bị chẻ hai, nước từ hang núi cuộn cuộn chảy làm trôi nhà cửa. Nhiều người chết. Kẻ thức giả bàn cơ nghiệp nhà Lê khó bền vì động đất xảy ra ngay trên quê hương vua Lê.

Mùa hạ, các trấn Thanh Hóa, Sơn Nam hạn hán. Ruộng khô đồng cháy. Dân ta thán hết bị người hành đến trời hành.

Biết quân Trịnh Tuy đang lâm vào thế khốn quẫn vì thiếu lương. Cuối thu, Mạc Đăng Dung dẫn hai vạn quân vào vây đánh. Bản doanh của Trịnh Tuy đóng gần biên giới Ai Lao, giữa vùng rừng rậm bị hàng nghìn cảm tử quân phóng hỏa đốt, quân Tuy thua chạy sâu vào rừng tản mác không tập trung lại được. Quân Mạc chiếm căn cứ, bắt sống được Chiêu Tôn. Trịnh Tuy một mình một ngựa thoát chạy sang Ai Lao, sau này lâm bệnh chết.

Thế là chỉ trong nửa tháng, lực lượng Trịnh Tuy hoàn toàn bị tiêu diệt. Đăng Dung đắc thắng về lại kinh đô. Vua Cung Hoàng và quần thần ra khỏi thành đón tiếp. Vua nói với Dung:

- Quốc Công là rường cột xã tắc, vì nghĩa lớn hưng binh diệt trừ phản nghịch. Quân tiến như chim ưng lướt, như hổ vồ mồi. Bọn phản như hoẵng tan bầy, như kiến vỡ tổ. Lại đón được anh trẫm hồi kinh. Từ nay bốn phương đại đồng, nơi nào cũng chịu phép.

Dung cảm tạ kéo quân về lại bản doanh ở Hải Dương. Chiêu Tôn vào hoàng cung ở cùng vua Cung Hoàng. Hai anh em vẫn chung sống hòa thuận tương đắc, đi đâu cũng có nhau. Dân chúng ai cũng khen Mạc Quốc Công độ lượng nhân nghĩa, cả như người khác thì Chiêu Tôn đã mất mạng rồi.

Đám thân tín của Đăng Dung không bằng lòng thái độ chủ tướng. Phạm Gia Mô đang làm quân sư cho Dung nói:

- Lẽ ra ngài nên giết Lê Y (chỉ Chiêu Tôn) ngay tại trận. Cho là gươm kiếm vô tình. Còn đem hấn về đây có khác nào thêm vây cánh cho vua. Ngài tin được anh em họ chăng?

Đăng Dung ôn tồn đáp:

- Ta biết điều đó. Nhưng lúc bắt được hấn quân sĩ đều thấy. Nếu giết ngay mang tiếng hẹp lượng bất nhân. Không tránh được tiếng thị phi. Dù đem về kinh, thân phận hấn khác nào cá trên thớt. Ta từ từ tính chuyện, làm việc lớn nóng nảy khó thành.

Gia Mô nói tiếp:

- Ngài tính càng sớm càng tốt. Nay ý trời lòng người đều thuận tiện. Họ Trần, Lý, Lê... Người ở các trấn đã từng làm vua. Người trấn Hải Dương ta lẽ nào chịu kém. Ngài là niềm kiêu hãnh cho cả trấn. Dân chúng ai cũng biết chuyện Từ Thục phu nhân tiên đoán ngài có chân mạng đế vương. Hàng đêm tôi xem thiên tượng thấy ngôi Đế Tinh phương đông quá đổi rạng rỡ. Sách có chữ thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong. Thuận ý trời thì còn, nghịch ý trời tất mất.

Đặng Dung trầm ngâm:

- Việc hệ trọng, ta phải suy cho chín.

Nói xong quay gót.

Trời về chiều. Mặt trời đỏ như mâm lửa ngả dần sau rặng núi phía tây. Đặng Dung một mình thả thuyền trên sông. Giữa cảnh trời mây lồng lộng hùng vĩ, Dung buông tay chèo để mặc thuyền lênh đênh, đắm chìm trong những suy tư ảnh hưởng đến cả vận mệnh đất nước. Đây là sự thật. Mạc Đăng Dung, con người quyền uy nhất nước. Người đang có quyền quyết định có nên chấm dứt ngay cơ nghiệp nhà Lê do đám bề tôi thân tín thúc bách. Xa xa, cây đa trên bến đò Hàn ngả màu xẫm. Cây đa tỏa bóng che nắng cho người trong những buổi trưa hè. Cũng tại bến sông đó, trên hai mươi năm trước, lần đầu gặp người đàn bà xưng là Từ Thục phu nhân, Đặng Dung nhớ như in câu nói của người đàn bà lạ mặt: "*Sau này ngài sẽ là Hoàng Đế*". Bà còn nói thêm: "*Ta*

có con trai tên Nguyễn Bình Khiêm, thông minh dĩnh ngộ. Sau này sẽ cho nó phù tá ngài."

Đặng Dung về thưa chuyện với mẹ. Người mẹ vui, mắt long lanh tin tưởng. Mẹ nói: "*Ngày mẹ thụ thai con, mãi tháng thứ mười bốn, con mới chào đời. Đêm trước hôm sinh con, mẹ mơ thấy thần nhân báo mộng, Ngọc Hoàng thấy vợ chồng người nhân đức nên cho Tử Quý Hoàng Đế xuống đầu thai ở cửa nhà người...*".

Từ ngày ấy, Dung tự cảm thấy khác xưa. Dung chăm chỉ luyện võ, lại chịu khó đọc sách thánh hiền. Năm sau, Dung thi võ đỗ Đô Lục Sĩ. Trải qua mấy triều vua, hoạn lộ thăng tiến không ngừng. Nay tiến đến chức Quốc Công nắm trọn uy quyền. Mạc Đăng Dung thấy ngai vàng như kẻ bên, hoàn toàn trong tầm tay của mình.

Mặt sông tĩnh lặng, loang loáng ánh trăng. Mạc Đăng Dung miên man suy nghĩ. Giòng họ Trần ở Sơn Nam xuất thân từ nghề chài lưới, sau dựng nên nghiệp bá. Ngay cả đến vua Thái Tổ nhà Lê, sinh ra trong gia đình nông dân giàu có, tính tình hào hiệp, chí khí hơn người, trải mười năm lao khổ cũng đạt ngôi vị đế vương. Xét về giòng tộc, họ Mạc nào thua kém ai? Cả nước ai không biết Trạng Nguyên Mạc Đĩnh Chi, thông minh tuyệt vời, tài quán thiên hạ đến nỗi vua Trung Quốc phong làm Lương Quốc Trạng Nguyên. Chú ruột Đặng Dung là Trạng Nguyên Mạc Đăng Hùng làm quan dưới triều vua Lê Thánh Tôn. Chú tài kiêm văn võ, lại luyện được ngón đá cầu tuyệt diệu được vua thương mến. Một hôm, vua dạo thuyền trên sông Thiên Đức xem các quan diễn võ đá cầu. Trạng Nguyên Đặng Hùng sơ ý đá quả cầu bay sang thuyền ngự, phạm vào vua. Triều thần kết tội khi quân dõng trảm tử. Thân phụ Dung là Mạc Đăng Thuật, đỗ tiến sĩ đang làm quan đương triều bỏ trốn vì sợ họa lây. Sau cơn gia biến,

gia đình lâm vào cảnh sa sút, Mạc Đăng Dung lớn lên làm nghề chài lưới nuôi mẹ. Dung nghĩ xét riêng mặt này thì họ Mạc hơn hẳn họ Lê. Chưa kể đến cái thế, Lê Lợi khởi binh ở thế yếu hơn giặc Minh, còn Đăng Dung nay nắm lực lượng quân sự mạnh nhất... Kể như không còn đối thủ.

Nghĩ như vậy nhưng Dung chưa dám ra tay hành động ngay vì tin câu sấm: Minh chúa xuất hiện ở phương đông vào năm Hợi, nay mới chỉ năm Tuất. Thời gian chẳng còn bao lâu nữa.

Hôm sau, Đăng Dung gọi Phạm Gia Mô bảo:

- Kế sách của ông hay, phải triệt Lê Y xong tùy đó mà liệu tiếp công việc, nhưng nên kín đáo.

Nghe chủ nói, Gia Mô tươi cười:

- Vâng lệnh ngài, vài ngày nữa tôi sẽ hồi kinh.

Trung tuần tháng mười, Gia Mô về kinh bàn với Đô Ngự Sử Nguyễn Mậu kế hoạch giết vua Chiêu Tôn. Mậu mang ơn Mô có lần cứu mình thoát chết. Mậu háng hái nói:

- Trước tiên, nên ly gián anh em họ Lê. Tôi có sẵn chủ trương, ngài yên lòng.

Vài hôm sau trong buổi chầu Nguyễn Mậu tâu vua:

- Tâu hệ hạ, huynh trưởng của bề hạ trước tuy ở ngôi cao, nhưng nay đã bị phế thành Đà Dương Vương. Việc bề hạ để ngài ở chung trong nội cung e lỗi đạo quân thần. Tạo dị nghị nơi chốn cung đình không phải là việc tốt.

Vua bối rối không muốn lìa anh, vì biết anh đang trong tình trạng bị ngờ vực, dễ gặp nguy biến. Phạm Gia Mô góp ý:

- Tâu bề hạ, lời quan Ngự Sử chí lý. Theo ý thần, tại phường Đông Hà ngoại thành Thăng Long có sẵn dinh cơ khá bề thế. Vậy đề nghị Đà Dương Vương ra ở đó là tiện nhất.

Vua gờm Gia Mô vì biết Mô là người thân tín nhất của Mạc Đăng Dung. Vua hỏi ý quần thần. Mọi người cho ý kiến của Gia Mô là phải.

Trung tuần tháng chạp, một ngày đông giá buốt. Chiêu Tôn ngồi nhìn cảnh gió bắc mưa phùn, lòng nao nao nôn nóng như có điềm bất tường xảy đến. Bỗng người hầu cận báo Bái Khê Bá Phạm Kim Bảng, tùy tướng của Mạc Quốc Công xin gặp đang chờ ngoài cửa. Trời lạnh nhưng vương bỗng toát mồ hôi. Vương gượng gạo bước ra phòng ngoài.

Kim Bảng thấy vương cúi chào lễ phép, trao vương một hộp gỗ dài rồi nói:

- Quốc Công sai tôi đến đây chờ ngài thi hành mệnh lệnh, không được trì hoãn.

Wương thần thờ mở hộp, hốt hoảng nhìn thấy trong hộp có một lưỡi gươm, dải lụa trắng và bình độc được màu nâu sẫm. Vương được lựa chọn cái chết bằng một trong ba thứ ấy.

Sau một lát chần chờ, vương lấy bình thuốc độc, quay về phương nam lay ba lay rồi tự sát. Năm ấy vương vừa hai mươi sáu tuổi.

Ngày hôm sau, dân kinh đô nghe tin Đà Dương Vương ngộ cảm chết bất ngờ, được an táng trọng thể, thi hài chôn ở lăng Vĩnh Hưng.

Sau cái chết của anh, vua Cung Hoàng vô cùng hoang mang sợ hãi. Vua có cảm nghĩ ai nấy nhìn mình bằng đôi mắt dò xét, ngờ vực. Vua không biết tin cậy ai. Ngoài mặt, vua làm vẻ bình thường nhưng trong lòng như bị xát muối. Vua thương anh bạc mệnh nhưng chẳng hề dám nghĩ đến chuyện báo oán phục hận. Chính sinh mệnh của vua lấy gì bảo đảm? Thân phận như con tướng trong bàn cờ sạch không còn sĩ tượng che chắn.

Đông tàn xuân qua. Đầu mùa hạ năm Đinh Hợi 1527, vua nghĩ chỉ có cách làm cho Mạc Đăng Dung hiểu vua hoàn toàn tín cẩn, kính phục Đăng Dung, tuyệt không có ý gì khác. Vua sai các cựu thần mang cờ tiết, kim sách, mũ áo, ô lọng, đai ngọc, kiệu tía, quạt hoa... và rượu quý đến huyện Nghi Dương tiến phong Mạc Đăng Dung làm An Hưng Vương. Lại làm thơ ca tụng công đức Đăng Dung, trung nghĩa vẹn toàn, nghìn thu rạng tiếng, người người noi gương...

Phạm Gia Mô nói với Dung:

- Ngài mưu việc lớn chớ nệ điều nhân nghĩa nhỏ. Nay lòng dân ngã về ta vì quá chán ghét chiến tranh do các vua Lê bất lực. Ta nắm trong tay lực lượng quân sự mạnh nhất, cả các chức vụ trọng yếu ở triều đình cũng do người của ta đảm trách. Đám thân vua chỉ còn lại các bộ lại, bộ hộ và vài chức vụ lẻ tẻ. Tôi xem vận số nhà Lê không qua nổi mùa hạ. Nhà Lê khác nào như người không còn mạch sống, như cây kia chết khô. Ngài chỉ làm việc mai táng cái cơ nghiệp đó, nên thụ mệnh trời là đắc sách. Để lâu ta khó lường được tình hình.

Gia Mô trình bày tỉ mỉ kế hoạch cướp ngôi. Nghe xong, Đăng Dung chưa vội trả lời. Lúc sau nói với Mô:

- Các ông chuẩn bị kỹ, cuối hạ ta khởi sự.

Đầu tháng sáu, Phạm Gia Mô về triều đình bàn với Bình Bộ Thượng Thư Vũ Hộ, lại cử Đông Các Đại Học Sĩ Nguyễn Văn Thái soạn sẵn chiếu chỉ buộc vua Lê Cung Hoàng nhường ngôi cho Mạc Đăng Dung.

Ngày rằm tháng sáu, Mạc Đăng Dung bí mật về triều. Trên một vạn quân trấn Hải Dương đặt trong tình trạng sẵn sàng ứng chiến.

Buổi chiều, Mô và Thái báo cho chủ tướng biết vua Lê thuận nhường ngôi, chỉ xin bảo toàn mạng sống của vua và hoàng tộc.

Ngày buổi tối, vua Lê truyền lệnh thiết triều bất thường. Hầu hết các quan trong triều thuộc phe cánh Đăng Dung đều rõ chuyện. Một số cận thần vua Lê bồn chồn ngơ ngác.

Trời tối hẳn. Kim Quang Điện đèn đuốc sáng trưng. Sau ba hồi trống chiêng dài, hai viên Tự ban dẫn các đại thần phẩm phục đứng hai bên tả hữu sân rồng. Quận Công Mạc Đốc, em trai An Hưng Vương mặc võ phục, đeo trường kiếm đứng thế nghiêm gần ngai vua.

Vua Cung Hoàng chậm chạp bước ra, mặc hoàng bào đai ngọc, mũ xung thiên lên ngự tọa. Vài giây yên lặng nặng nề. Quan Tuyên Chiếu từ trong bước ra, quỳ trước mặt vua bắt đầu đọc tờ chiếu nhường ngôi. Đọc đến câu “...*Thái Sư An Hưng Vương Mạc Đăng Dung tư chất thông minh, tài kiêm văn võ.*” Lễ Bộ Thượng Thư Lê Tuấn Mậu lặng lẽ, ngang nhiên bước ra khỏi sân rồng. Quận Công Mạc Đốc trừng mắt định nắm chuôi kiếm, kịp nhận ra Mạc Đăng Dung từ bên trong ra dấu ngưng, nén giận đứng yên.

Quan Tuyên Chiếu đọc xong, hai quan lễ bộ phò An Hưng Vương bước ra đứng trước mặt vua. Vua Cung Hoàng cởi hoàng bào, đội mũ xung thiên cho tân vương rồi lui vào trong. Người ta nghe rõ có tiếng khóc nức trong đám đại thần. Thượng Thư Bộ Hộ Nguyễn Thiệu Trí, quan Thượng Tế Lê Tuấn Kiệt bỏ mũ áo trên thềm bước ra ngoài. Vài vị quan nói gót theo.

Mạc Đăng Dung, giờ chính thức là vua Thái Tổ nhà Mạc vẫn ngồi yên lặng trên ngai vàng. Những giây phút nặng nề nghẹt thở. Chờ không còn ai bước ra, vua Mạc ra lệnh quan Tuyên Chiếu đọc chiếu chỉ đầu tiên của triều đại mới. Vua

đặt niên hiệu Minh Đức. Ra lệnh đại xá, thi ân bố đức toàn thiên hạ, những mong mở đầu buổi thịnh trị, vận nước lâu dài, hưởng thụ vững bền phúc lộc.

Triều thần phủ phục cung bái, chúc Hoàng Thượng trường thọ muôn năm.

Vua gia phong trên năm mươi công thần, hạ chiếu giáng vua Cung Hoàng xuống làm Cung Vương, bắt dời đến ngụ tại Tây Cung.

Cơ nghiệp nhà Lê, từ vua Lê Thái Tổ đến Lê Cung Hoàng chấm dứt sau một trăm năm trị vì nước Đại Việt. Vào rạng sáng ngày mười sáu tháng sáu năm Đinh Hợi 1527.

Dù đã xuống chiếu trấn an các cựu thần nhà Lê, sẵn sàng bỏ qua quá khứ nhưng vương triều nhà Mạc vẫn không tránh khỏi bị ngờ vực. Tin đồn về số phận bi thảm của những cựu thần chống đối vẫn ngấm loan trong dân.

Trước tiên là Lễ Bộ Thượng Thư Lê Tuấn Mậu.

Tuấn Mậu đỗ tiến sĩ, làm quan từ thời vua Lê Thánh Tông, nổi tiếng liêm chính, sức ăn mỗi bữa bằng mười người thường. Có lần Mậu khuyên Chiêu Tôn không nên dùng Mạc Đăng Dung vì nhận ra Dung có tướng phản chủ.

Sau hôm bỏ triều đình, Tuấn Mậu về dinh lệnh cho toàn gia trở về quê thuộc huyện Yên Phong, trấn Kinh Bắc. Vua Mạc cho sứ gọi về triều. Mậu nhổ vào mặt sứ giả, cả tiếng sỉ nhục nhà vua, sau đó đập đầu vào cột tự sát. Vua nghe tin thương cảm người trung nghĩa, thảo sắc phong tặng kẻ quá cố làm Phúc Thần. Sắc phong rước về đến đầu làng thì bị sét đánh cháy. Người ta bảo anh linh quan Thượng Thư sống không chịu làm tôi nhà Mạc thì chết quyết không nhận sắc phong.

Số phận quan Thượng Tế Lê Tuấn Kiệt cũng thế. Bỏ về quê nhà thuộc huyện Hoàng Hóa trấn Thanh Hóa, Kiệt tụ tập khoảng vài trăm người nổi lên chống nhà Mạc. Nhà vua cho sứ giả đến chiêu dụ, Tuấn Kiệt ném nghiên mực vào mặt sứ giả rồi đuổi về. Vua cho quân bao vây, Tuấn Kiệt mở đường rút chạy bị bắn chết.

Hộ Bộ Thượng Thư Nguyễn Thiệu Trí cũng trở về quê. Giận con trai trưởng ra làm quan nhà Mạc, Thiệu Trí lập bàn thờ tạ tội với nhà Lê rồi uống thuốc độc tự sát.

Hai nhân vật được chú ý nhất vẫn là Lê Cung Hoàng và bà Thái Hậu. Nhà vua nay bị giáng làm Cung Vương. Hai mẹ con cùng ở Tây Cung.

Ngay buổi chiều nhường ngôi, Tú Vương Mạc Đốc, em ruột vua nhà Mạc đến hỏi Cung Vương về hộp ấn tín. Cung Vương định lấy nộp nhưng tìm không thấy, hộp ấn tín không cánh mà bay. Vương đâu ngờ Trạng Nguyên Vũ Duệ thấy Đăng Dung cướp ngôi vua, lén mang ấn tín trốn mất.

Vương nói thật tình, Mạc Đốc không tin, lại cho vương còn nuôi chí phục hận, có thái độ khiêu khích. Mạc Đốc quyết hạ nhục vương. Từ ngày ấy, vương hoàn toàn bị cô lập. Hàng ngày vẫn có lính canh mang cơm ba bữa, nhưng nếu vương hỏi điều gì thì tuyệt không ai dám trả lời. Rồi dần dần chỉ còn hai bữa sớm chiều, thậm chí có hôm bị bỏ đói. Vương yên lặng nuốt hận. Thái Hậu thường oán than khóc lóc.

Một hôm, Mạc Đốc vào cung thấy Cung Vương thơ thần ngoài hành lang, hình dung tiêu tụy. Đốc nghiêm nghị nói:

- Ngài còn nhớ chuyện ngày xưa giữa Thái Sư Trần Thủ Độ và vua Lý Huệ Tôn?

Rồi không đợi Cung Vương trả lời, Mạc Đốc nói tiếp:

- Thái sư nhắc vua: Bệ hạ làm cỏ nhớ nhổ sạch rễ.

Mạc Đốc nói xong bỏ đi.

Cung Vương thần thờ, hiểu ý người ta muốn giết mình. Đêm ấy vương thất cổ tự vẫn.

Sau ngày con chết, Thái Hậu hóa điên. Bà bỏ không ăn, thỉnh thoảng trong đêm khuya, lính gác thấy người đàn bà xõa tóc bám trên thành cửa sổ khóc than la hét, gọi đích danh Mạc Đăng Dung nguyên rủa cho đến khi mất tiếng. Mấy ngày sau, Tây Cung lại chìm trong yên lặng, toán lính gác đã bỏ đi.

Thời gian trôi. Cuộc sống tương đối yên ổn làm người dân dần quên chuyện cũ. Kinh đô hồi sinh sau bao năm biến loạn, phố phường lại nhộn nhịp người mua kẻ bán.

Ba năm sau, tháng chạp năm Kỷ Sửu 1529, Thái Tổ nhường ngôi cho con là Mạc Đăng Doanh, lui về ở tại quê nhà. Vua nói chỉ muốn vui bên sông nước, nhìn đàn cá vẩy lội tung tăng, hưởng thú thanh nhàn thả thuyền đi câu trên giong sông thời thơ ấu.

Đăng Doanh lên ngôi tức Mạc Thái Tôn. Tôn phong vua cha làm Thái Thượng Hoàng.

Mạc Thái Tôn hiền hòa thông minh, chăm lo phát triển kinh tế, ổn định xã hội, mở nhiều khoa thi tuyển chọn nhân tài. Ai cũng nghĩ mầm chống đối của con cháu và cựu thần nhà Lê đã tàn lụi. Nào ngờ, vẫn có người nuôi chí phục hận họ Mạc, dựng lại cơ nghiệp nhà Lê: Đó là An Thành Hầu Nguyễn Kim, con trai trưởng của An Hòa Hầu Nguyễn Hoảng Dụ, người huyện Tống Sơn, Thanh Hóa.

Sau cái chết của vua Cung Hoàng và các cựu thần chống đối, Nguyễn Kim nhận ra vua Mạc vô cùng thủ đoạn, chơi trò chó săn khốc thủ. Kim nghĩ không thoát thân sớm sẽ mang họa vào thân, bèn bí mật dẫn hàng trăm thủ hạ trốn sang xứ Sầm Châu, thuộc nước Ai Lao nương nhờ vua Xạ Đẩu.

Dần dần Nguyễn Kim có số quân cả nghìn người. Kim vừa luyện quân, vừa lo sản xuất dự trữ lương thảo.

Năm Ất Mùi 1535, xứ Sầm Châu bị hạn mất mùa, quân lính chỉ được ăn sắn khoai. Nguyễn Kim cùng con rể là Tả tướng quân Trịnh Kiểm về huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa tìm cách phát triển lực lượng, vận chuyển lúa sang Ai Lao. Kiểm cũng người Vĩnh Lộc, giỏi võ nghệ, lại thêm mưu trí sức mạnh, từng tay không đánh chết cọp dữ.

Trời ngã bóng, Nguyễn Kim muốn dừng chân nghỉ tại chùa làng Nhân Lộ tránh người dòm ngó. Sư cụ Viên Chân, trụ trì chùa với thân phụ Kim vốn thâm giao. Riêng Nguyễn Kim trước kia đã đôi lần gặp sư.

Sư Viên Chân mồ côi cha, hằng mong qui y từ thuở thiếu thời. Vì thương không nỡ bỏ mẹ một mình, sư lo học hành đỗ đạt làm quan đúng ý mẹ mong. Năm hai mươi lăm tuổi, sư đỗ tiến sĩ, làm quan dưới thời Lê Thánh Tôn. Hai mươi năm trên hoạn lộ, sư nổi tiếng thanh liêm chính trực, sống như kẻ tu hành, không lập gia đình.

Đến đời Lê Uy Mục, thấy vua bạo ngược. Nhân thân mẫu mất, sư lấy cớ về cư tang rồi từ quan, nương náu nơi cửa Phật.

Hai mươi năm sau, vị Hòa Thượng trụ trì viên tịch. Thấy sư đạo hạnh cao thâm, quan dân trọng nể, chúng tăng trong chùa tôn sư lên thay thầy cai quản ngôi chùa.

Từ ngày ấy, thiện nam tín nữ trong những ngày sóc vọng, nô nức đến chùa nghe sư giảng kinh, chăm lo làm công quả. Sư mua thêm đất, buộc chúng tăng phải làm việc như mọi người. Chính sư hàng ngày cũng ra đồng làm việc, tránh tiếng trốn việc quan đi ở chùa.

Lúa gạo nhà chùa làm ra tích trữ trong kho, phòng năm đói kém mất mùa lại đem phát chẩn. Được nhiều người ca

tụng, sư ôn tồn bảo đừng nên, ta chẳng hề mong mang danh đạo tạo danh đời.

Một chiều nọ đứng trước hiên, sư thấy hai người khách dẫn ngựa vào sân chùa. Nhìn kỹ, sư nhận ra một trong hai là Nguyễn Kim. Sư vui vẻ đón khách, làm cơm thiết đãi.

Tối hôm ấy trăng vừa lên, sư và Nguyễn Kim ngồi uống trà dưới mái hiên chùa. Sư nói:

- Thời gian như trôi đưa, An Hòa Hầu mãn phần thoát đã gần mười năm. Phần tướng quân chắc bận việc triều chính, mãi nay mới về thăm quê hương, lại ghé văn cảnh chùa thăm kẻ tu hành. Xưa ta với quan hầu đôi lúc vẫn ngồi đây đàm đạo. Cảnh cũ còn mà người xưa mất, khiến ta bùi ngùi tắc dạ.

Nguyễn Kim trầm ngâm, nói:

- Thế sự đảo điên, họ Mạc cướp ngôi nhà Lê. Cựu thần đôi người lấy cái chết báo đền ơn vua lộc nước, thế chẳng đội trời chung với lũ gian thần tặc tử. Từ ngày ấy, tôi lưu lạc đất khách quê người, sang nước Ai Lao nương nhờ vua Xạ Đẩu, chiêu binh mãi mã chờ cơ hội dựng lại nghiệp Lê. Cầm tạ hoàng thiên, tôi đã ra công tìm kiếm, lập được người con cả của vua Chiêu Tôn lên ngôi. Ngài là Lê Trang Tôn, hành dinh đặt tại Sầm Châu. Ngài phong tôi chức Thái Sư Hưng Quốc Công. Nay số quân dưới tay ước tới vài nghìn, tôi nghĩ chẳng còn bao lâu nữa đoàn quân trung hưng sẽ về lại Tây Đô, cơ nghiệp nhà Lê không thể tận được. Bọn chó lợn Mạc Đăng Dung, cha con giòng họ nhà nó sẽ không còn đất sống.

- Mừng tướng quân chức trọng quyền cao.

Sư ngừng, cúi xuống như suy nghĩ, dịu giọng:

- Rồi lại đao binh, nước Việt ta bao năm là chiến địa, núi xương sông máu, oan khiên chập chùng.....

Nguyễn Kim nói hơi gay gắt:

- Thầy đã từng là tôi nhà Lê, từng đọc sách thánh hiền tất hiểu hết nghĩa trung quân ái quốc.

Sư không trả lời thẳng, ôn tồn nói đến chúng sinh, đến khổ đau và hạnh phúc. Chiến tranh mang lại vinh quang hạnh phúc cho một người nhưng được đổi bằng đau khổ bất hạnh của hàng vạn người khác. Sư tiếp:

- Đức Thái Tổ khai sáng cơ nghiệp nhà Lê, các minh quân kế tiếp nối nghiệp tổ phụ, chăm lo cho dân giàu nước mạnh. Đó là thời hưng thịnh. Đến đời Uy Mục Đế, rồi Tương Dực, Chiêu Tôn và Cung Hoàng. Cái mầm loạn do đâu nảy sinh? Ai có trách nhiệm? Họa diệt vong là lẽ thường. Nước Việt của dân Việt, có triều đại nào tồn tại mãi. Nào Lý, Trần, Lê. Nay đến họ Mạc. Đó là cơ trời vận nước. Nếu những người thực tâm tôn phù nhà Lê, quyết lòng trung quân ái quốc, sao không nghĩ cách cứu cơ nghiệp ấy ngay khi có dấu hiệu suy vong từ thời Lê Uy Mục? Ta chỉ thấy các quyền thần tranh cướp, mưu bá đồ vương, mỗi người hùng cứ một phương, tranh dành quyền lực, xâu xé lẫn nhau. Có ai coi uy quyền hoàng đế ra gì. Đến khi những xác chết bạo quyền bị chôn vùi, sao không lãng quên, lại muốn làm cho nó hồi sinh, lại muốn nó tiếp tục tác quái nữa ư? Dân đen thấp cổ bé miệng, triều đại nào với họ cũng thế thôi. Dân chỉ mong có đấng minh quân đem lại ấm no hạnh phúc. Ta là kẻ tu hành, là con dân Việt. Tổ quốc trên hết, lẽ nào lại thờ ơ trước mệnh nước nổi trôi. Ta phải nói lên sự thật. Mấy năm nay dân vui hưởng thái bình, đêm ngủ mở cửa, cửa rơi ngoài đường không ai nhặt, gia súc buổi tối vẫn ở ngoài đồng. Tuyệt không còn trộm cướp. Đó có phải thời thịnh trị? Ai thay đổi cảnh thái hòa là xoay ngược bánh xe lịch sử.....

Nguyễn Kim cắn chặt hàm răng toan rút gươm rồi lại thôi. Kim cố nén giận, đứng phắt dậy bước ra sân chùa.

Sư cụ ngồi lặng lẽ nhìn hai bóng người phi ngựa chìm trong màn đêm. Tiếng vó ngựa vang vang rồi tắt dần...

Cuộc Tương Tàn

*Nghĩ thân phù thế mà đau
Bọt trong bể khổ bèo dẫu bến mê...*
Nguyễn Gia Thiều.

Năm Ất Ty 1545. Thái Sư Hưng Quốc Công Nguyễn Kim trên đường tiến quân ra Bắc Hà bị hàng tướng nhà Mạc Dương Chấp Nhất đánh thuốc độc chết tại Yên Mô Ninh Bình. Cái chết của ông như bậc thang đưa người con rể Trịnh Kiểm lên nắm binh quyền, chỉ huy đoàn quân trung hưng nhà Lê. Con đường hoạn lộ thênh thang chính Trịnh Kiểm cũng không ngờ. Kiểm nghĩ giản dị là nhờ ngôi mộ kết của thân mẫu, ứng vào điềm con cháu sau này đại phát.

Trịnh Kiểm người làng Sóc Sơn huyện Vĩnh Lộc Thanh Hóa. Mồ côi cha, xuất thân nghèo khổ, thuở nhỏ đi chăn trâu, lớn lên làm nghề đốn củi nuôi mẹ già. Cuộc sống tối tăm cơ hàn. Kiểm chí hiếu có khi nhịn đói nhường cơm cho mẹ. Người mẹ thêm thịt gà, Kiểm túng thế làm liều, ăn trộm gà của láng giềng cung phụng. Sau việc lộ, láng giềng căm giận lừa hóm Kiểm vào rừng, bắt người mẹ dìm chết dưới vực sâu.

Trịnh Kiểm về không thấy mẹ, ra sức tìm kiếm. Hôm sau, vực nơi người mẹ chết mới dần thành gò cao. Có cụ già thương tâm cho Kiểm hay chuyện. Lại tìm lời an ủi: Người nay tuổi ba mươi ngoài, lại gặp cảnh bi thương, xót xa quá đỗi. Ta thấy người có sức, có võ nghệ, có chí khí, há chịu sống cô cút hèn mọn? Theo ta, người nên bỏ xứ ra đi lập công danh cho vinh hiển với đời. Ta nói thật, ngôi mộ mẹ người đại kết, trong cái rủi nhiều khi có cái may. Biết đâu chính người hoặc con cháu mai sau có cơ vượng phát.

Nghe lời khuyên, Kiểm dần lòng không tìm cách trả thù. Hôm sau, Kiểm khóc lạy trước mộ mẹ rồi bỏ làng ra đi.

Trịnh Kiểm tìm đường sang Sầm Châu, xin gia nhập đoàn quân trung hưng. Kiểm tỏ ra là người khoan hòa, nói năng từ tốn, làm việc tận tụy không nề gian nguy nên được đồng đội quý mến.

Thời gian sau, chính Thái Sư Nguyễn Kim nhận ra chàng trai Trịnh Kiểm ngoài bản tính hiền hòa, lại là người có sức mạnh tài năng mưu trí. Thái Sư đem lòng yêu mến gả con gái Ngọc Bảo cho Kiểm. Kiểm được nhạc phụ dạy thêm binh thư đồ trận, phong lên hàng tướng quân.

Năm Kỷ Hợi 1539, vua Lê Trung Tôn sau sáu năm lưu vong, lòng nhớ cố hương mong trở về đất tổ. Vua bàn với Thái Sư Nguyễn Kim:

- Trẫm nhớ cố hương lòng sầu khắc khoải. Hằng mong có ngày hưng binh hạch tội lũ nghịch thần. Nay quân ta có hàng vạn khí thế bừng bừng. Ai nấy chán cảnh xứ lạ quê người, chỉ mong trở về dựng lại cơ đồ, quyết tử chiến trận đầu chiếm lại Tây Đô (Thanh Hóa). Vậy Thái Sư nghĩ sao?

Nguyễn Kim trả lời:

- Ý của bề hạ nào khác ý thần. Thần nay tuổi trời chồng chất, đã ngoài bảy chục. Ngẫm câu thơ xưa của Tướng quân

Đặng Dung “Quốc thù vị phục đầu tiên bạch. Kỷ độ long tuyền đới nguyệt ma” mà lòng chẳng khỏi ngậm ngùi. Thù nước trả chưa xong, mái tóc đã sương tuyết. Biết bao đêm mài kiếm dưới trăng? May thay trời cho tráng kiện còn lo được việc nước. Ta chỉ cần thời gian ngắn nữa để Trịnh Kiểm nghiên cứu kỹ địa hình, chọn mục tiêu tấn công. Ta ra quân trận đầu phải thắng để có nhuệ khí.

Vua nghe mừng lắm:

- Thái Sư liệu việc như thần, thiên hạ mấy ai bì kịp. Giao trọng trách cho người ấy là có mắt tinh đời. Trịnh Kiểm tài năng cẩn trọng, đáng để tin tưởng.

Hôm sau vua gọi Trịnh Kiểm vào chầu. Kiểm tâu sách lược bình nam. Vua đẹp ý hỏi:

- Tướng quân đánh trận đầu, cần khoảng bao nhiêu quân?

Trịnh Kiểm tâu:

- Quân Mạc lâu không chinh chiến, tướng mỗi binh lười. Ta bất ngờ tiến đánh không cần nhiều quân. Càng nhiều càng dễ lộ, tổ chức kèn cựa càng thêm nặng nề trì hoãn. Thần chỉ cần hơn nghìn quân, lấy một chọi năm là thủ thắng.

Vua nghe càng vững tin. Nhằm tạo triều đình thêm bề thế, vua hào phóng phong tước. Hàng chục các tướng được gia phong quận công, dĩ nhiên trong đó phải có Trịnh Kiểm và Nguyễn Uông con trai trưởng Thái Sư Nguyễn Kim. Kiểm làm Dực Quận Công, Uông làm Lạng Quận Công.

Cuối thu, Trịnh Kiểm xuất quân đánh huyện Lôi Dương. Quân Lê đại thắng. Nguyễn Kim liệu sức chưa giữ được đất, ra lệnh cho Trịnh Kiểm rút về hành dinh Sầm Châu.

Ngày rằm tháng giêng năm Canh Tý 1540, Thái Tôn Mạc Đăng Doanh mất. Con là Mạc Phúc Hải nối ngôi tức

Mạc Hiến Tôn. Nguyễn Kim lại kéo quân về đánh Nghệ An, thanh thế quân Lê ngày càng lừng lẫy.

Mùa thu năm sau, Thái Thượng Hoàng Mạc Đăng Dung qua đời. Trước khi nhắm mắt, Thượng Hoàng dặn dò con cháu sống giản dị, không được xa hoa gặng lo việc nước việc dân. Mạc Hiến Tôn quên lời dạy tổ phụ, ưa xướng ca, thích chơi gà. Thế lực nhà Mạc bắt đầu suy yếu.

Năm Quý Mão 1543, Trịnh Kiểm hộ giá vua Lê về chiếm vùng tây nam Thanh Hóa. Quân Lê thắng trận, nhiều tướng Mạc ra hàng.

Hai năm sau, Thái Sư Nguyễn Kim dù trọng tuổi vẫn quyết cầm quân bắc tiến. Mùa hạ tháng năm Nguyễn Kim bị hàng tướng nhà Mạc là Dương Chấp Nhất đánh thuốc độc chết. Vua Lê cử Trịnh Kiểm nắm binh quyền.

Do chủ tướng chết, Trịnh Kiểm thấy tiến quân không lợi hạ lệnh lui binh về Thanh Hóa, chấn chỉnh tổ chức lại lực lượng theo ý mình. Vua gia phong Kiểm làm Thái Sư Lương Quốc Công, giao toàn quyền giải quyết việc xa gần, kể cả đề nghị phong chức tước. Đam mê quyền lực, thích chiến trận, Trịnh Kiểm từ từ theo kế tầm ăn lá, tiến quân chiếm toàn vùng Thanh Hóa, nơi rộng khu vực kiểm soát vào sâu phía nam Nghệ An.

Tháng năm năm Bính Ngọ 1546. Mạc Hiến Tôn mất, con là Mạc Phúc Nguyên nối ngôi tức Mạc Tuyên Tôn.

Triều đình nhà Mạc một phen rối loạn vì nạn chia rẽ phe phái. Một phe phù Tuyên Tôn. Phe kia cho rằng vua còn quá nhỏ, nên nhường ngôi cho người em vua Thái Tôn là Hoàng Vương Mạc Chính Trung. Chính Trung lớn tuổi chứng chắc có thể đối phó với tình thế khó khăn.

Phe Chính Trung thất thế bỏ chạy sang Trung Hoa lánh nạn.

Do vua còn nhỏ, quyền hành nằm trong tay Thái Tổ Lê Bá Ly.

Năm Canh Tuất 1550, Mạc Tuyên Tôn nghe lời dèm pha của bọn cận thần tỏ ý ngờ vực Bá Ly. Không thể tin tưởng ông vua non trẻ, Thái Tổ Lê Bá Ly và nhóm thân cận như Thư Quận Công Nguyễn Thuyên đem hơn một vạn quân về hàng nhà Lê. Giòng Nguyễn Thuyên sau này lập nghiệp tại huyện Nghi Xuân Nghệ An, thi hào Nguyễn Du là đời thứ bảy.

Vua Lê Trung Tôn ủy lạo võ về các hàng tướng. Lại phong quan tước cho phục vụ dưới trướng.

Thư Quận Công Nguyễn Thuyên học rộng tài cao, đồ trạng nguyên, là bạn học của Trạng Nguyên Nguyễn Bỉnh Khiêm, tục gọi là Trạng Trình. Người đời truyền tụng Trạng Trình tài thông thiên đạt địa. Thái Sư Trịnh Kiểm vốn trọng danh tài, cho người mời Nguyễn Thuyên đến đàm đạo. Trịnh Kiểm xử đúng lễ nghi, tỏ ra trọng khách. Kiểm nói:

- Danh tiếng ông lừng lẫy ta hằng ái mộ. Cơ trời xui khiến lại có ngày văn kỳ thanh, kiến kỳ hình. Ông bỏ họ Mạc về phù Lê, hẳn có kế sách diệt lũ phản nghịch, giữ yên trăm cõi.

Nguyễn Thuyên từ tốn:

- Đa tạ Thái Sư bao dung. Phận hàng thần tài hèn đức mỏng, chỉ mong được như cánh chim kia biết chọn cây mà đậu, chọn chúa mà thờ. Tôi nay tuổi đời đã nặng, tóc pha sương tuyết. Thân già mong chỉ làm chuyện đội đá vá trời, lòng hằng kỳ vọng nơi người tuổi trẻ. Sách có chữ “hậu sinh khả úy”. Trong hàng gia tướng của tôi có người tuổi trẻ tài cao, Nguyễn Thuyên này sánh chẳng kịp. Tôi đem họ vào đây tiến cử với Thái Sư, tôn phù đại nghĩa.

Trịnh Kiểm mừng rỡ hỏi tới. Nguyễn Thuyên tiếp:

- Người tôi nói tới là một chàng trai tuổi mới ngoài hai mươi tên Lương Hữu Khánh. Khánh là con trai độc nhất của Bảng Nhãn Lương Đắc Bằng, người huyện Hoảng Hóa, Thanh Hóa.

Kiểm khen:

- Xứ Thanh quả là đất địa linh nhân kiệt. Tôi từng nghe danh Lương Tiên Sinh tài đức vẹn toàn. Thuở sinh tiền, các tiên đế nhà Lê phong ngài làm Đông Các Đại Học Sĩ. Ngài lại học được phép Thái Ất Thần Kinh, tinh thông thuật số. Tiên sinh nay đã mãn phần, cái sở học uyên bác của người chắc Hữu Khánh thừa hưởng?

- Hữu Khánh mồ côi cha khi còn trong bụng mẹ. May thay, Lương tiên sinh truyền sở học của ngài cho Nguyễn Bình Khiêm, con của Từ Thục phu nhân. Bà cũng là người giỏi khoa dịch số. Khiêm được thầy yêu, tận tâm dạy dỗ nên nắm được cái tinh hoa của môn học. Lương Hữu Khánh lúc khôn lớn bỏ quê ra Hải Dương, thụ giáo Trạng Trình.

Trịnh Kiểm vui vẻ:

- Ông thấu rõ ngọn ngành, kể chuyện lý thú. Học trò giỏi tất thầy không tầm thường. Ta chỉ tiếc mình không có cơ may gặp được Trạng Trình.

Nguyễn Thuyên kể tiếp:

- Khánh lớn lên thông minh, lại có sức mạnh. Năm Mậu Tuất 1538, Trạng Trình cho học trò đi thi thử tài với thiên hạ. Khánh đỗ khôi nguyên ba kỳ khảo hạch thi Hội. Nhưng vào Đình đối, giám khảo thấy Khánh là người Thanh Hóa nên chọn Giáp Hải người Hải Dương, đồng hương với vua nhà Mạc đỗ trạng nguyên. Khánh giận không thêm thi nữa.

Trịnh Kiểm gật gù, khen Khánh là người chí khí.

Gặp Khánh, chàng thanh niên dáng cao lớn, nói năng cương nghị chững chạc, luận bàn việc quân cơ trôi chảy.

Trịnh Kiểm mừng thầm, bỗng một lúc được luôn mấy ông trạng nguyên tiến sĩ lo gì việc lớn không thành.

Trong lúc cao hứng, Kiểm nói:

- Ta được người khác nào Lưu Bị có Khổng Minh.

Hữu Khánh cảm tạ, nói:

- Thái Sư dạy quá lời. Trên đời biết bao cao nhân, tài hèn như tôi nào dám sánh.

Trịnh Kiểm hỏi ai là người tài? Hữu Khánh không chút do dự trả lời:

- Bạn tôi là Phùng Khắc Khoan, tài năng khó ai sánh kịp, lại là người khoan hòa lễ độ, cẩn trọng siêng năng.

Thấy Trịnh Kiểm ngồi yên. Hữu Khánh đoán Thái Sư chưa hề biết gì về bạn mình, bèn tiếp:

- Khắc Khoan người làng Bùng, huyện Thạch Thất, Sơn Tây. Là em cùng mẹ khác cha với Trạng Trình.

Trịnh Kiểm thở dài:

- Làm sao ta gặp được người ấy?

Hữu Khánh nói Phùng Khắc Khoan hiện ở quán dịch. Kiểm mừng rỡ vội cho người đến mời. Trịnh Kiểm biết chắc những lời nói của Khánh về Khắc Khoan không quá đáng. Danh tiếng Trạng Trình vang dội thì người em của ông không thể tầm thường. Kiểm nghĩ thêm, Khắc Khoan phù Lê là do ý Trạng Trình, vậy họ Mạc chẳng chóng thì chầy chắc chắn bại vong. Trịnh Kiểm yên lòng chờ đợi tương lai sáng chói.

Khi Phùng Khắc Khoan đến, Trịnh Kiểm rất quý mến chàng trai đáng nể ngay phút đầu gặp gỡ.

Hôm sau, Trịnh Kiểm tâu vua Lê phong Phùng Khắc Khoan làm Ngự Doanh Ký Lục, Lương Hữu Khánh làm Thị Lang. Cả hai ở luôn trong phủ Thái Sư, được bàn luận quốc sự.

Lực lượng quân Lê giờ đã mạnh. Trên đất nước Việt thành hình cùng lúc hai triều đại gọi là Nam, Bắc Triều. Cuộc phân chia đầu tiên trong lịch sử dân tộc.

Hai bên tiếp tục giao tranh nhiều trận, phần thắng nghiêng về quân Lê. Trịnh Kiểm thường đích thân chỉ huy chiến trận, có khi kéo quân ra tận Thăng Long đánh phá, đặt quân Mạc ở thế luôn phải đề phòng.

Tháng giêng năm Bính Thìn 1556, vua Trung Tôn chết bất ngờ khi vừa tuổi hai mươi hai. Vua chưa có con nối dõi. Thái sư Trịnh Kiểm lo lắng ưu tư. Chiều chiều, Kiểm thơ thẩn ngoài hoa viên, nhá nhem tối mới về tư dinh. Đêm trằn trọc khó ngủ, thường ngồi suy tư uống rượu một mình.

Phu nhân Ngọc Bảo biết chồng phiền muộn. Bà nghĩ ông quá lo lắng vì vua mới mất, một mình phải đảm đương mọi trọng trách. Bà chỉ biết lo chăm sóc ông chu đáo hơn, lệnh kẻ hầu hạ không được to tiếng ồn ào làm ông kinh động.

Một hôm, người anh ruột của bà là Lạng Quận Công Nguyễn Uông ghé thăm. Ngọc Bảo chân thật bày tỏ. Nguyễn Uông cười nói nửa đùa nửa thật: Tại ông ấy đang tính kế làm vua.

Nào ngờ Trịnh Kiểm ở trong nghe được. Kiểm giận tím ruột, cho Uông là kẻ nham hiểm đoán trúng tim đen mình. Thực sự, Kiểm ưu tư vì chuyện ngôi vua nhưng chưa hề dám thổ lộ cùng ai.

Trịnh Kiểm biết Nguyễn Uông có ý khác từ ngày Thái Sư Nguyễn Kim mất, lẽ ra Uông là con trưởng phải thay cha nắm binh quyền mới thuận lẽ. Nào ngờ sau khi Nguyễn Kim mất, vua mến Trịnh Kiểm nên giao binh quyền. Vì tình anh em, Trịnh Kiểm luôn tỏ ra ôn hòa trọng đãi Nguyễn Uông, nhưng tuyệt không cho chỉ huy đông quân sợ Uông bội phản.

Nguyễn Uông căm lắm, thường nói bóng gió, khinh Kiềm xuất thân hèn hạ, là dân sơn cước vô học. Kiềm nghĩ lung, nếu không triệt ngay ông anh vợ, hậu quả sau khó lường.

Chỉ vài ngày sau, Lạng Quận Công Nguyễn Uông đi săn và không trở về. Người ta đồn có lẽ quận công bị hổ dữ vô khi mãi mê săn bắn một mình trong rừng sâu.

Cái chết đáng ngờ vực của Nguyễn Uông làm người em là Đoan Quận Công Nguyễn Hoàng hoang mang lo sợ, đêm ngày suy nghĩ tìm cách thoát khỏi nanh vuốt của người anh rể Trịnh Kiểm.

Là người thông minh mưu trí, Nguyễn Hoàng giả ngây giả điên, thỉnh thoảng làm như người mất trí, đánh lạc hướng theo dõi của bọn thủ hạ Trịnh Kiểm.

Phần Trịnh Kiểm, để trấn an quần thần, Kiểm cho thủ hạ đi tìm người giống họ Lê kế vị ngôi vua. Kiểm nghĩ nếu tìm không ra, Kiểm mặc nhiên kế vị. Điều này khó ai dị nghị. Kiểm rất tin tưởng ngôi mộ kết của thân mẫu, muốn hỏi thêm ý kiến của Phùng Khắc Khoan xem họ Trịnh đã đến lúc vượng phát ?

Hôm sau gặp Khắc Khoan, Kiểm nói:

- Thân mẫu ta từ trần thối thoát đã ngoài hai mươi năm. Thỉnh thoảng ta vẫn ghé mộ phần thấp hương khấn nguyện. Ta muốn người cùng đi xem qua phong thổ vùng này.

Hai người lên ngựa ra đi từ buổi bình minh. Qua khu rừng rậm là đến Sóc Sơn. Bản làng người Mường bình yên trong nắng mai, vắng vắng tiếng hót của loài sơn ca từ những đồi cọ thấp. Trịnh Kiểm kể cho Khắc Khoan nghe chuyện năm xưa, thuở hàn vi, cái chết và ngôi mộ kỳ lạ của người mẹ.

Sau khi thấp hương trước mộ, hai người phi ngựa lên ngọn đồi phủ màu sim tím. Khắc Khoan đứng trầm ngâm

trên tảng đá lớn, mắt dõi xa xăm. Trịnh Kiểm yên lặng chờ đợi, thoáng vẻ lo lắng. Khắc Khoan nói:

- Thái Sư nhìn kỹ. Kìa là ngôi mộ thái phu nhân. Ngôi mộ ở giữa được núi non sông nước bao quanh che chở, giữ cho lộc trời bền lâu. Ba phía núi non, nào là Thổ Tượng Hắc Khuyển, Đốn Sơn nối nhau như rồng lượn. Phía bên kia, sông Mã nước trong như ngọc lượn lờ giữa khoảng ruộng đồng xanh ngát. Giòng sông Bưởi từ phía đông nhập vào chẳng khác đuôi rồng đang vẫy. Theo tôi, cuộc đất này đẹp và rất lạ. Lạ ở chỗ gọi lưỡng long tranh châu cũng đúng, gọi thanh long hỷ thủy cũng hay. Cuộc đất con cháu vượng phát, quyền nghiêng thiên hạ.

Trịnh Kiểm hân hoan ra mặt, hỏi:

- Cuộc đất phát đế được chăng?

Khắc Khoan giật mình. Chàng trai rất bén nhạy, nhận ra thâm ý Trịnh Kiểm. Khoan nhanh trí đáp:

- Sở học của tôi chưa nhận ra cái cao thâm. Chỉ có anh tôi là Trạng Trình may ra mới thấy.

Chuyện tướng nói cho qua, nào ngờ Trịnh Kiểm ngầm cho người thân tín ra tận huyện Vĩnh Lại, Hải Dương hỏi ý kiến Trạng Trình.

Lúc trở về, người ấy kể lại với chủ:

- Bẩm Thái Sư, khi tôi đến Bạch Vân Am hỏi ý Trạng Trình, ngài làm thinh. Hôm sau, ngài nói với gia nhân: *Năm rồi mất mùa đói kém, nay lấy giống cũ mà gieo.* Tôi toan hỏi chuyện. Ngài bỏ ra ngoài. Chờ sáng hôm sau, thấy ngài gọi gia nhân, sai lên quét dọn chùa. Ngài bảo: *"Có công giữ chùa thờ Phật thì được ăn oản"*. Rồi ngài đi chùa, bảo tôi đứng chờ hoài công. Sự thể chỉ có thế.

Trịnh Kiểm nghe hiểu ý, hội với quần thần lập Lê Duy Bang, thanh niên hai mươi lăm tuổi người huyện Đông Sơn,

Thanh Hóa lên ngôi vua tức Lê Anh Tôn. Vua tôn Trịnh Kiểm làm Thượng Phụ, tỏ ý kính trọng như cha.

Năm Mậu Ngọ 1558, Thái sư Trịnh Kiểm gặp nhiều điều vui. Cuối xuân hưng binh đánh Sơn Nam, quân Lê cướp được nhiều thóc gạo. Mùa thu, Trịnh Kiểm tái xuất quân đánh Sơn Nam thắng lớn, tướng sĩ nhà Mạc hàng phục nhiều. Riêng phu nhân Ngọc Bảo, một hôm nhờ Phùng Khắc Khoan xem tướng cho con trai thứ mới lên bảy là Trịnh Tùng. Khắc Khoan nói: Công tử sau này dựng nên đại nghiệp, quyền uy nghiêng trời lệch đất.

Trịnh Kiểm và phu nhân mừng rỡ. Cả hai đều tin yêu và kính trọng Phùng Khắc Khoan.

Lợi dụng cơ hội người anh đang vui, Đoan Quận Công Nguyễn Hoàng nài nỉ chị xin anh rể cho mình vào trấn thủ Thuận Hóa. Nhận thấy Thuận Hóa là vùng Ô châu ác địa, thường bị người Chiêm quấy phá. Trịnh Kiểm bằng lòng cho Hoàng ra đi, một phần do nể tình người vợ. Nguyễn Hoàng cùng với một số người đồng hương huyện Tống Sơn tức tốc lên đường sợ Trịnh Kiểm đổi ý. Trong dân gian có tiếng đồn Nguyễn Hoàng vào nam do lời khuyên của Trạng Trình: *"Hoành Sơn nhất đái. Vạn đại dung thân."* Có nghĩa một dải Hoành Sơn dung thân muôn đời.

Liên tiếp nhiều năm sau, Trịnh Kiểm thường tiến quân đánh Bắc Hà. Có khi dùng thủy binh đi vòng đường biển tảo bạo tấn công ngay vào trấn Hải Dương quê hương vua Mạc. Ngược lại, danh tướng nhà Mạc Khiêm Vương Mạc Kính Điển cũng nhiều phen đem đại quân hàng chục vạn tiến đánh Nam Hà. Nhân dân sống trong điều linh sợ hãi. Nhất là dân vùng bắc Thanh Hóa và Sơn Nam phải tản cư, lủi sâu vào vùng rừng núi tránh nanh vuốt của con ác thú chiến tranh.

Cuối năm Kỷ Ty 1569, Trịnh Kiểm gần bảy chục tuổi. Nghe tin quân Mạc quấy phá nhiều nơi. Kiểm tức giận định hưng binh dù đang bệnh nặng. Vua Lê bao phen can gián, Kiểm mới thôi.

Điềm bất tường lại xảy ra tại huyện Vĩnh Lộc, Vào một đêm trăng giá buốt, có ngôi sao băng dài vài chục trượng sa xuống đất, phát tiếng nổ làm mọi người kinh hoàng. Đó là điềm nước mất tay lương đồng.

Trịnh Kiểm linh cảm mình không còn sống bao lâu nữa, gọi hai con là Trịnh Cối và Trịnh Tùng đến dạy bảo rồi trao binh quyền cho Trịnh Cối. Phong làm Thượng Tướng. Phú Lương Hầu Trịnh Tùng phụ tá cho anh.

Tháng hai năm sau, Trịnh Kiểm từ trần. Phu nhân Ngọc Bảo thực hiện di chúc của người quá cố, an táng thi hài chồng cạnh mộ phần mẫu thân để *“mẹ con sớm khuya kề cận”*. Thái Sư căn dặn mấy lần như vậy.

Trịnh Cối thay cha cầm quân nhưng không nối chí phụ thân. Cối ham mê tửu sắc, tính tàn bạo. Các tướng bất mãn. Thậm chí có người bỏ ngũ sang đầu hàng nhà Mạc. Mầm họa đã thành hình. Hầu hết cựu thần có ý phẫn Trịnh Cối lập Trịnh Tùng lên thay. Đoan Vũ Hầu Lê Cập Đệ và Vệ Dương Hầu Trịnh Bách gặp Trịnh Tùng bày tỏ kế sách. Tùng khóc nói:

- Cha tôi mất mới hai mùa trăng, mồ chưa xanh cỏ. Sao nữ phụ di chúc của người?

Trịnh Bách nói ngay:

- Việc ta phải làm tất cả chỉ vì sự nghiệp cha ông ước vọng trung hưng nhà Lê. Vì đại nghĩa phải hy sinh cốt nhục là việc đau lòng, nhưng không thể làm ngơ ngôi thờ thất bại. Lúc ấy xã tắc đã không còn mà thân ta cũng sẽ mất. Vậy ông chọn đường nào?

Tùng dịu giọng:

- Theo tôi, trước tiên nên có lời khuyên nhủ anh ấy. Nếu không ta hành động cũng chẳng muộn.

Lê Cập Đệ bác bỏ:

- Con người như Trịnh Cối thì bao nhiêu lời khuyên cũng thừa. Hắn tự cho mình giỏi nhất trên đời nên không còn gì để nói. Đến như quan Ngự Doanh Phùng Khắc Khoan đôi lần nhắc khéo hắn còn chẳng nghe hướng hồ chúng ta. Khuyên vô ích, có khi mang họa. Vậy phải hành động ngay. Chần chờ làm lộ cơ mưu.

Trịnh Tùng không biết nói gì đành nghe theo.

Ngay đêm ấy, Tùng cùng chư tướng bí mật rút quân về hành cung của vua tại Yên Trường.

Sáng sớm Trịnh Cối biết được, tức giận kéo đại quân về bao vây hành cung, buộc vua phải trao đưa em phản nghịch Trịnh Tùng. Vua Anh Tôn hết lời hòa giải khuyên nhủ nhưng chẳng ai chịu nhường ai, tiếp tục dùng lời lẽ nặng nề phỉ báng lẫn nhau.

Trịnh Tùng ra lệnh tử thủ. Cối tấn công mãi cảm thấy bất lợi, hạ lệnh rút quân về Biện Thượng để phòng quân Mạc ở phía bắc.

Tin anh em họ Trịnh bất hòa lọt ra bắc. Nhà Mạc không bỏ lỡ cơ hội. Đại quân Mạc gồm mười vạn tinh binh và bảy trăm chiến thuyền do Mạc Kính Điển chỉ huy ào ạt tấn công quân Lê. Quân Mạc mạnh thế tiến đánh sâu tận huyện Vĩnh Lộc Thanh Hóa. Trận chiến ác liệt xảy ra, suốt mười dặm đường khói lửa mịt trời. Quân Lê rút sâu vào vùng rừng núi phía nam.

Kính Điển hiểm độc bắt nhiều vợ con quân Lê đem về bắc. Cố gây cảnh gia đình phân ly hòng làm quân Lê suy giảm tinh thần chiến đấu.

Biết thế yếu khó chống cự, Trịnh Cối và thủ hạ đem cả vợ con ra hàng. Trịnh Cối được Kính Diển đổi xử tử tể, lại xin vua Mạc phong Cối làm Trung Lương Hầu.

Trịnh Tùng thấy cơ nguy, hội tướng sĩ cắt máu ăn thề đồng tâm quyết chiến. Vua Lê phong Trịnh Tùng làm Trưởng Quận Công, Tiết Chế chỉ huy toàn bộ quân lực. Tùng chia quân thành nhiều toán nhỏ đánh phục kích tiêu hao địch.

Sau thời kỳ đánh nhỏ, quân Lê bắt đầu tổ chức phản công. Đích thân vua tự làm đô tướng cầm quân ra trận, không ngại nguy khó. Tinh thần quân lính phục hồi.

Đầu mùa đông, quân Mạc hao tổn nhiều nên phải rút lui.

Vua Lê mở tiệc khao quân, thưởng công tướng sĩ. Đoan Vũ Hầu Lê Cập Đệ dũng cảm, có kế sách lập nhiều công trận được phong chức Thái Phó. Vệ Dương Hầu Trịnh Bách phong chức Thiếu Phó. Ba người em ruột của Trịnh Tùng là Trịnh Đỗ, Trịnh Đồng và Trịnh Ninh được phong Hầu Tướng.

Tháng giêng năm Nhâm Thân 1572, vua làm lễ tế tại Nam Giao. Khi đang tế lễ, lư hương vua bung rơi xuống đất. Vua cho là điềm xấu, lo lắng trần trọc. Thái Phó Đệ đã có chủ trương bèn tâu:

- Thần hằng đêm xem thiên tượng, thấy ngôi Đế Tinh bị một ngôi sao nằm kề lấn áp ngày càng lu mờ. Điềm trời đã ứng.

Vua hỏi điềm gì? Đệ tiếp:

- Điềm quyền thần khống chế vua. Thần xem Tiết Chế (chỉ Trịnh Tùng) từ khi lập đại công cư xử nói năng khác thường. Y thường khoe khoang ngôi mộ tổ đại phát quyền nghiêng thiên hạ. Dinh thự của y sang trọng hơn cả vua. Năm tròn quyền hành như không biết có vua. Chuyện Mạc Đăng Dung còn sờ sờ, bệ hạ phòng xa, phải triệt đi là vữa.

Vua bối rối. Vua biết Trịnh Tùng tuy trẻ nhưng không phải tầm thường. Tùng bình tĩnh, đa mưu, vây cánh nhiều, triệt y không dễ.

Đệ tâu:

- Thần sẽ tính kế. Cả hoàng tộc nhà Lê không lẽ thua mưu họ Trịnh. Ta phải dụng kế ngay sợ để lâu Tùng ngờ vực. Một khi hấn đề phòng ta khó ra tay.

Vài ngày sau, Cập Đệ đến bái kiến vua tâu kế hoạch. Dự tính mời Tùng xuống thuyền uống rượu thưởng trăng sau đó chìm chết, phao tin bị đắm thuyền. Vua chỉ khuyên nên cẩn thận.

Chuyện tường bí mật nào ngờ kẻ tâm phúc họ Trịnh nghe được khẩn báo cho chủ. Vua đâu ngờ Trịnh Tùng cài người gần gũi vua để dò tình hình. Thâm tâm Tùng không tin vua Anh Tôn thật bụng với mình và nghi ngại Cập Đệ từ lâu. Tùng biết Đệ ôm mộng lớn, khao khát quyền lực.

Trịnh Tùng nhận tin cả giận. Tùng muốn xuống tay ngay nhưng nghe tin quân Mạc sắp động binh nên nén giận. Tùng sẽ tương kế tựu kế đối phó.

Sáng sớm ngày rằm tháng ba, Đệ đích thân đến nhà Trịnh Tùng. Đệ nói:

- Đêm nay rằm, tôi có mỹ tửu mời Tiết Chế dạo thuyền hưởng cảnh trăng thanh gió mát, bỏ những ngày lao khổ chiến chinh.

Tùng làm vẻ vui, cảm ơn nhận lời không chút do dự.

Buổi chiều, Tùng gọi em ruột là Phúc Diển Hầu Trịnh Đỗ. Tùng nói:

- Tối nay quan Thái Phó mời anh dự tiệc trên khúc sông gần thành Tây Giai. Chú lấy một chiến thuyền và hai mươi võ sĩ tuần thám ven sông phòng bất trắc vì khúc sông rất

vắng. Khoảng giữa giờ Hợi, chú cho lính nổi trống, ghé thuyền đón anh về.

Trịnh Đồ nhận lệnh.

Trời nhá nhem tối, Đệ cho người mang kiệu đón Tùng đến chỗ hẹn. Thấy Tùng đi một mình, Đệ yên tâm. Trên thuyền ngoài hai người là hai tên lính vạm vỡ chèo thuyền. Tùng đoán Đệ sẽ dùng hai tên lính này ra tay hạ sát mình sau khi đã phục rượu say.

Trăng lên phủ trên giòng sông một màn sáng mỏng bình yên đẹp lạ thường. Trịnh Tùng say cảnh uống tràn. Nói sẽ vui chơi đến khi nghe tiếng gà gáy sáng đầu tiên mới lên bờ.

Khoảng đầu giờ Hợi, Trịnh Tùng thấm men, ha hả nói cười:

- Xưa Quan Vân Trường đơn đao phó hội. Nay Trịnh Tùng phó hội chỉ có người không...

Nghe Tùng nói thế. Đệ bồn chồn lo ngại, nâng ly cạn chén vờ như không nghe.

Bỗng có tiếng trống từ xa vọng lại. Một chiến thuyền đèn đuốc sáng rực đang tiến ra giữa giòng. Đệ sợ hãi không hiểu chuyện gì. Trịnh Tùng biết Trịnh Đồ đến đón mình nhưng lơ như không. Phút chốc, một bóng người đứng ở đầu chiến thuyền bắc loa gọi: Phúc Diễn Hầu nhận lệnh đến đón Tiết Chế về phủ có việc khẩn cấp.

Lê Cập Đệ ngơ ngác, tim đập loạn nhịp. Trịnh Tùng nói:

- Thế là ta vui không trọn, xin hẹn dịp khác.

Trịnh Tùng về phủ giận không ngủ được. Đêm trần trọc nghĩ cách trả thù. Tùng nghĩ phải giết cả vua lẫn Đệ để trừ hậu họa.

May cho Lê Cập Đệ, nam triều nhận mật tin tướng Mạc Kính Điển chuẩn bị tấn công. Tùng thấy ra tay giết tướng lúc

này không lợi. Sợ lộ cơ mưu, Tùng ra vẻ thân thiện với kẻ chủ mưu giết mình, thường cùng bàn thảo công việc, ban thưởng lụa là gấm vóc. Đệ thấy thế bớt lo lắng.

Vua Anh Tôn sau sự việc lo mất ăn mất ngủ. Vua hỏi Cập Đệ. Đệ trấn an vua nhưng bàn kế nên tìm cách thoát khỏi nanh vuốt Trịnh Tùng càng sớm càng tốt.

Cuối năm quân Mạc rút về. Việc quân tạm ổn.

Một hôm, Trịnh Tùng mời Thái Phó Đệ đến phủ dự tiệc khao quân. Tiệc tàn, Tùng mời Đệ ở lại uống trà ngay tại thư phòng.

Bên ngoài trời lạnh. Trăng tỏa yếu ớt qua làn sương mờ mờ.

Bỗng Trịnh Tùng đứng lên chỉ vào mặt Đệ đánh thếp:

- Cập Đệ, một đêm trăng mi lập mưu giết ta trên sông Mã. Nay là ngày ta rửa mối thù. Mi gây oan thì nhận nghiệp, chớ trách ta độc ác.

Đệ biến sắc vừa toan đứng dậy đã bị hai cận vệ của Tùng nhanh như chớp đè xuống, dùng giải lụa xiết cổ tới chết.

Sáng hôm sau Trịnh Tùng gặp vua. Tùng tâu:

- Tâu bệ hạ, quan Thái Phó mưu phản. Thần buộc phải hạ sát y đêm qua. Bệ hạ lệnh cho tướng tá không được hãi sợ, kẻ nào muốn gây biến loạn hoặc trả thù sẽ bị giết ba họ.

Vua thất sắc, bầm bụng làm theo ý Trịnh Tùng.

Từ đó vua sống trong lo âu trở thành bù nhìn. Trịnh Tùng nắm giữ hết quyền bính. Lợi dụng những ngày cuối năm nhà chuẩn bị đón mừng xuân mới. Vua đem bốn hoàng tử trốn vào Nghệ An. Riêng người con út, hoàng tử thứ năm Lê Duy Đàm còn kẹt lại ở huyện Thụy Nguyên.

Trịnh Tùng được tin khẩn hợp quần thần. Tùng nói:

- Nay nhà vua nghe lời dèm pha, bắt kể quốc sự bỏ đi khỏi kinh thành. Nước không thể thiếu vua. Ta nên tôn hoàng tử Duy Đàm lên ngôi để yên lòng người. Mọi việc khác hậu xét.

Quần thần cho là phải lẽ. Duy Đàm mới bảy tuổi lên ngôi tức Lê Thế Tôn. Lễ đăng quang tân vương cử hành ngay ngày đầu năm Quý Dậu 1573. Vua giao Trịnh Tùng quyền tiết chế thủy bộ chư dinh, kiêm tổng nội ngoại binh chương quân quốc trọng sự. Mọi việc triều chính được quyền xử quyết trước rồi mới trình tâu sau.

Ngày buổi trưa sau lễ tôn vương, Trịnh Tùng sai thủ hạ thân tín Dương Quận Công Nguyễn Hữu Liêu đến nhận công tác. Tùng nói:

- Ta biết Anh Tôn vào Nghệ An mưu đồ chống lại ta. Người kíp đem nghìn tinh binh vây bắt cho bằng được vua và các hoàng tử. Trên đường về buộc y tự xử, bằng không giết đi phao tin vua xấu hổ tự sát.

Hữu Liêu hoàn tất nhiệm vụ. Anh Tôn làm vua mười sáu năm. Tự sát năm bốn mươi hai tuổi.

Sau ngày giết vua, Trịnh Tùng bồn chồn lo lắng, thường tỏ ý ngờ vực những người thuộc hoàng tộc. Quan Thị Lang Phùng Khắc Khoan nhiều lần giảng giải, khuyên Tiết Chế nên nghĩ đến đại cuộc, củng cố đoàn kết mới có thể chống lại quân Mạc lo việc trung hưng. Quân Mạc bấy giờ đang ở thế mạnh do các danh tướng chỉ huy như Khiêm Vương Mạc Kính Điển, tướng Tây Đạo Quốc Công Mạc Ngọc Liễn, tướng Nam Đạo Quốc Công Nguyễn Quyện... Khiêm Vương chủ trương tấn công liên tục không cho địch nghỉ ngơi. Vùng bắc Thanh Hóa trở thành chiến địa. Trịnh Tùng cho dân di sâu vào vùng rừng núi tránh nơi giao tranh, vừa khai khẩn đất hoang trồng cây lương thực.

Mùa thu năm Giáp Tuất 1574, Trịnh Tùng lại phát giác âm mưu của chính người trong thân tộc muốn giết mình. Thái Phó Trịnh Bách tin lời thầy địa lý nói ngôi mộ phụ thân táng đúng long mạch. Bách mưu cùng Thái Phó Trịnh Vĩnh Thiệu lừa rủ Trịnh Tùng đi săn rồi tìm cách hạ sát.

Cả bọn bị tổng giam. Trịnh Tùng giao cho quần thần nghị tội. Ý Tùng muốn mượn tay kẻ khác giết Bách và Thiệu, mình khỏi mang tiếng sát hại anh em.

Vợ Bách được tin hốt hoảng, thị nghĩ chồng không thể thoát án tử. Gặp vợ Thiệu, cả hai bàn nhau cầu cứu Thái Phu Nhân Ngọc Bảo. Phu nhân tính nhân từ, chỉ có bà nói may ra lung lạc được Trịnh Tùng.

Cả hai dắt lũ con thơ đến gặp phu nhân, quỳ lạy khóc lóc xin bà rủ lòng thương xót. Phu nhân mỉm lòng hứa giúp.

Ngày buổi chiều, phu nhân đến dinh Trịnh Tùng. Nhìn khuôn mặt đăm chiêu mỗi mệ của con, bà cảm thấy ái ngại khó mở lời. Tùng nói:

- Bấy lâu con công việc đa đoan không ghé thăm mẹ, xin mẹ thứ lỗi.

Phu nhân ôn tồn:

- Con nói chi chuyện lỗi phải. Mẹ biết con đa đoan lo lắng. Gánh vác trách nhiệm thì phải vậy, cũng như cha con ngày xưa....

Bà ngập ngừng rồi hỏi:

- Mẹ nghe chuyện thằng Bách, thằng Thiệu. Đau lòng lắm. Chuyện anh em con xung đột ngày xưa vẫn như vết thương xé lòng. Nay lại xảy ra chuyện này. Đầu đuôi ra sao cho mẹ tường.

Tùng kể mọi chuyện rồi nói:

- Con không tự ý quyết định vụ việc nên giao cho quần thần nghị xét, tránh tiếng anh em thiên vị.

- Con nghĩ phải. Phu nhân nói. Mẹ chẳng bệnh vực chúng nó nhưng cũng tỏ với con đôi lời. Ta cứ lòng ngay xét công xét tội. Hai chúng nó theo cha con tự thuở hàn vi. Lập nhiều công trận. Hồi cha con từ Ai Lao kéo quân về Nghệ An, trúng kế tử bề thọ địch. Nếu không có hai đứa nó liều thân bảo vệ ắt đã mệnh vong. Hơn nữa, nay ta đang ở thế yếu, luôn phải phòng bị quân Mạc. Chưa thành công đã sát tướng là điều bất lợi. Có gì đi nữa nên nghĩ đến câu một giọt máu đào hơn ao nước lã...

Đêm hôm ấy Trịnh Tùng trần trở. Thương cũng có mà giận càng nhiều. Bọn Bách Thiệu nếu nghĩ đến tình gia tộc, sao nỡ đang tâm mưu hại mình? Trịnh Tùng lại nghĩ điều mẹ nói xét ra có lý có tình, Tùng chỉ hiểu làm theo lời mẹ tha cho cả hai, cũng là đền ơn cứu tử phụ thân, trọn bề hiếu đạo.

Bách và Thiệu được tha. Cả hai đầu trần chân đất mặc áo vải đến phủ Tiết Chế quỳ trước sân khóc lạy tạ ơn.

Sau vụ đó, chư tướng nhiều người cảm phục Tiết Chế độ lượng, tướng sĩ đồng tâm chiến đấu. Quân Lê không những ngăn chặn, lại thường tổ chức phản công hoặc đánh tập kích tiêu hao quân Mạc.

Thượng tuần tháng mười năm Canh Thìn 1580, một đêm trên bầu trời Thăng Long bỗng có sao băng, tiếng vang như sấm để lại một vệt sáng đỏ dài. Người người kinh dị. Có kẻ bàn đó là điềm bậc lương đồng mệnh vong. Vài ngày sau, Khiêm Vương Mạc Kính Điển, tiết chế các lực lượng quân sự nhà Mạc từ trần. Tướng sĩ ngậm ngùi thương tiếc cho là mất mát lớn lao. Kính Điển là con thứ của vua Thái Tôn Mạc Đăng Doanh, người thông minh tài trí, dũng cảm nhân hậu ai cũng nể phục. Vua Mạc Mạc Tôn (Mạc Hậu Hợp) phải cử Ứng Vương Mạc Đôn Nhượng, em ruột của Khiêm Vương hiện là Phụ Chính kiêm luôn việc quân.

Là người ôn hòa cẩn trọng, lại phải gánh vác nhiều việc. Ứng Vương chủ trương tạm ngừng chiến, lo dự trữ lương thực, luyện quân thêm tinh nhuệ. Chủ trương của Đôn Nhượng làm Quốc Công Nguyễn Quyện bất mãn.

Nguyễn Quyện là con trưởng của Trang Nguyên Nguyễn Thuyên, người đã bỏ Mạc về hàng nhà Lê. Sau khi Thuyên chết, các con lại trở về với nhà Mạc. Nguyễn Quyện là danh tướng, từng chỉ huy nhiều trận gây tổn thất lớn cho quân Lê. Con gái lớn của Quyện, trang quốc sắc thiên hương trở thành thứ phi của vua Mạc. Do vậy Quyện được trọng dụng phong đến hàng quốc công. Nguyễn Quyện kiêu ngạo háo thắng nên nhiều người không ưa. Một hôm Quyện tâu vua:

- Đất bắc ta nhiều năm yên ổn là nhờ kế sách của Khiêm Vương. Ngày còn sinh tiền, Khiêm Vương thường nói với tôi: “Tấn công là cách phòng thủ hữu hiệu nhất. Ta muốn yên tất không thể để địch ở yên”. Nay ngài mất. Ứng Vương làm ngược lại. Tôi e nếu để lâu, tướng mỗi binh lùi. Một khi địch tấn công ta khó bề chống đỡ.

Vua cho là phải. Truyền lệnh Ứng Vương chuẩn bị hai vạn quân nam chinh.

Mùa thu năm Tân Tỵ 1581, quân Mạc chia làm ba cánh do Mạc Đôn Nhượng, Mạc Ngọc Liễn và Nguyễn Quyện tiến vào vùng bắc Thanh Hóa. Tiết Chế Trịnh Tùng chia quân mai phục đánh quân Mạc tan tác. Chém trên sáu trăm thủ cấp, bắt sống hàng nghìn tù binh. Trịnh Tùng lệnh cấp phát lương thực, phủ dụ rồi phóng thích.

Quân Mạc thảm bại, một số quần thần dâng biểu lên vua hạch tội Quốc Công Nguyễn Quyện. Vua xem không có ý kiến gì.

Từ đó Trịnh Tùng thừa thắng, thường hạ lệnh quân Lê đánh phá vùng Sơn Nam cướp lương thực rồi rút về.

Sáu năm sau, mùa thu năm Ất Hợi 1587, đại quân do Tùng chỉ huy tiến đánh Sơn Nam. Hai đạo quân Mạc do Mạc Ngọc Liễn và Nguyễn Quyện nghênh chiến. Trịnh Tùng dùng kế chia cắt quân địch không cho tiếp cứu. Nguyễn Quyện thua trận. Ngọc Liễn buộc phải rút quân. Hàng nghìn quân Mạc tử trận. Quân Lê cướp lương thực của cải, trâu bò gia súc đem về Thanh Hóa.

Thất bại làm vua Mạc hoảng sợ. Nguy cơ quân Lê có thể tấn công Thăng Long. Vua hạ lệnh quân dân các trấn đào hào đắp thêm ba lớp lũy bao quanh kinh thành. Bên ngoài lũy trồng hàng rào tre dài vài chục dặm.

Năm Kỷ Sửu 1589, vùng Thanh Nghệ hạn hán mất mùa. Sang thu lại bị lụt, nước sông Mã cuộn cuộn dâng cao bất thường gây thiệt hại nhà cửa gia súc của dân. Nguyễn Quyện lại bàn với vua nên tiến quân. Theo Quyện, quân Lê chắc chắn sẽ đánh ra bắc cướp lương thực, nên ra tay trước. Vua thuận.

Hai vạn quân Mạc do Mạc Đôn Nhượng chỉ huy tiến vào Thanh Hóa. Quân tiến vào vùng rừng núi Tam Điệp lại bị quân Lê mai phục đánh tan, Đôn Nhượng thảm bại rút chạy về bắc.

Cuối năm Tân Mão 1591, Trịnh Tùng bắt ngờ kéo trên năm vạn quân tấn công Sơn Nam. Trên một vạn giáp binh cùng trăm thớt voi do Thái Phó Nguyễn Hữu Liêu băng rừng vượt núi trong mười ngày đến chiếm núi Mã Yên. Tại Thăng Long, vua Mạc đích thân chỉ huy trung quân cùng các danh tướng đem mười vạn quân kéo đến Sơn Nam ngăn địch.

Quân Mạc vừa tiến vào huyện Yên Sơn định dừng lại nghỉ đã bị quân Lê tràn tới đánh giáp lá cà. Địch thân Tiết Chế Trịnh Tùng mặc chiến bào đỏ cầm cờ chỉ huy, thúc trống ra lệnh tử chiến.

Hai bên giao chiến từ trưa đến xế chiều. Quân Mạc tuy đông nhưng núng thế vì địch quân quá hăng không chịu lùi bước. Chiến địa ngổn ngang xác chết giáo gươm. Tiếng kêu thét nguyên rủa. Vua Mạc ý muốn thu quân nhưng không dám hạ lệnh vì địch quân bám sát không lùi.

Trời tắt nắng, mặt trời xuống khỏi núi. Bỗng ba tiếng súng nổ vang. Toán tiên phong quân Lê trên vạn người lừa voi trận từ các khe núi ào ào tiến vào trận địa. Hàng ngũ quân Mạc bắt đầu rối loạn quăng trống dẹp cờ tháo chạy. Trên một vạn quân Mạc bị giết. Chiến trường đầm máu khói lửa mù mịt. Toán hậu quân Mạc do Nguyễn Quyện tiến vào trận không đảo ngược được tình thế. Quyện phò vua Mạc vượt sông tẩu thoát. Trịnh Tùng đắc thắng nổi trống thu quân.

Thắng trận nhưng quân Lê cũng tổn thất lớn. Hàng vạn quân vừa chết vừa bị thương. Trịnh Tùng nói với tướng sĩ: Ta sẽ nhân thế thắng tấn công Thăng Long. Nay lo thu dọn chiến địa chờ viện binh từ Thanh Hóa ra sẽ liệu.

Những ngày giáp tết năm Nhâm Thìn 1592, quân Lê được lệnh hành quân. Sáng sớm ngày ba mươi tết, lực lượng quân Lê gồm năm nghìn giáp binh và hàng trăm voi trận tấn công vào cửa bắc thành Thăng Long. Quân Lê bắn phá thiêu cháy nhà cửa. Dân chúng hoảng kinh bồng bế dắt díu chạy trốn tìm đường lánh nạn.

Hàng nghìn người chết đuối khi qua sông Hồng.

Trịnh Tùng thu quân vào xế chiều. Năm ngày đầu năm trôi qua. Dân Thăng Long không có ngày tết, sống trong lo âu nặng nề. Người ta vẫn tìm cách thoát khỏi kinh thành. Ngày mồng sáu, đại quân Lê từ bốn phía đồng loạt tấn công. Thăng Long rơi vào khói lửa, chiêm trống dậy trời. Quân hai

bên quần lấy nhau chém giết. Sầm tối, hoàng cung bị chiếm. Quân Lê tràn vào nổi lửa đốt tàn phá cung điện.

Tại cửa Cầu Dền. Quốc Công Nguyễn Quyện và hai con trai là Bảo Trung và Nghĩa Trạch ra sức chống trả cánh quân do chính Tiết Chế Trịnh Tùng đốc chiến. Quân Lê lớp lớp tràn vào như sóng vỡ. Thấy hai con tử trận, Nguyễn Quyện mở đường máu thoát thân bị bắt sống. Thị Lang Phùng Khắc Khoan là bạn Nguyễn Quyện. Khắc Khoan muốn cứu bạn, khuyên Trịnh Tùng nên thu dụng Quyện. Khắc Khoan nói: Nguyễn Quyện chí khí tài năng khó người sánh kịp. Tiết Chế nên dùng lễ thu phục, giết thêm một người chẳng ích gì.

Trịnh Tùng cho là phải. Tùng đích thân cưỡi voi, dùng lời ôn tồn phủ dụ. Nguyễn Quyện xấu hổ nói:

- Tôi là bại tướng. Tiết Chế tha không giết là may, đâu xứng cho người trọng đãi.

Muốn dò ý Quyện, Tùng hỏi:

- Ông biết rõ tình trạng quân Mạc. Nay quân Lê sức mạnh như bão, liệu Mạc còn chống được bao lâu?

Nguyễn Quyện biết quân Mạc tuy còn đông nhưng tinh thần khùng hoảng, nếu bị tấn công khó chống đỡ. Quyện cố gây nghi ngại để Trịnh Tùng không động binh. Quyện trả lời:

- Quân Mạc sau trận thua thiệt khoảng hai vạn. Lực lượng dự bị còn khoảng trên năm vạn phòng thủ Hải Dương. Đây là đất tổ của nhà Mạc nên được bảo vệ chắc. Thủy binh Mạc khá mạnh do Sơn Quận Công Bùi Văn Khuê chỉ huy. Khuê là danh tướng. Y là con rể tôi nên tôi biết rõ.

Ngừng một lát, Quyện tiếp:

- Hải Dương là vùng biển cả, nhiều kinh lắm rạch, Tiết Chế không dụng thủy binh khó bề thủ thắng.

Quyện biết quân Lê không quen thủy chiến, thường đánh hay trên bộ. Trịnh Tùng không nói gì.

Thăng Long sau chiến trận tràn ngập xác chết. Kinh thành tang tóc bị thương. Trong các chiến hào, quân hai bên gối lên nhau mà chết. Mùi hôi thối nồng nặc, ruồi nhặng bay đen. Quân Lê cực nhọc thu dọn chiến trường. Các chiến hào trở thành mồ chôn tập thể. Trịnh Tùng hạ lệnh phá nát hệ thống phòng thủ của quân Mạc. Sau đó rút quân về nam chờ theo rất nhiều báu vật cướp được trong hoàng cung nhà Mạc.

Sau khi địch quân rút, vua tôi nhà Mạc lục tục kéo về kinh thành. Thăng Long điêu tàn đổ nát. Những khu đất trống nay thành nghĩa trang chập chùng mộ chí. Khu vực hoàng thành cũng bị tàn phá nặng nề, gạch tan ngói nát. Đến những bụi hoa khóm lá cũng xơ xác tiêu điều. Vua Mạc Hậu Hợp xót xa, trách mình yếu hèn thua trận bị người tàn phá.

Từ đó vua buồn, mang nỗi đau khắc khoải của kẻ chiến bại. Vua mượn rượu giải sầu, bệ rạc bê tha chẳng thiết chi việc lo phục hồi vết thương chinh chiến phòng khi địch quân trở lại Bắc Hà.

Quần thần ngao ngán. Có kẻ bỏ đi không tha thiết chức vị vua ban. Vua lại bất kể đạo lý luân thường, vương hóa hồng nhan khi say mê nàng họ Nguyễn. Nguyễn thị là vợ Sơn Quận Công Bùi Văn Khuê, lại là em vợ vua, thứ phi Nguyễn. Chuyện như sau:

Thạch Quận Công Nguyễn Quyện có hai tiểu thư đáng trang quốc sắc thiên hương. Giới phong lưu công tử Thăng Long bao chàng rắp ranh sẵn sề, mộng được mỹ nhân nâng khăn sửa áo. Người ta thường ví hai nàng như hai giai nhân Đông Ngô thời Tam Quốc, gọi cô chị là Đại Kiều, cô em là Tiểu Kiều.

Năm Đại Kiều tròn đôi tám, vua Mạc nghe danh triệu nàng tiến cung phong làm thứ phi. Nguyễn Quyện trở thành nhạc phụ vua nên được trọng đãi phong chức quốc công.

Ít lâu sau, Tiểu Kiều về làm dâu họ Bùi đất Sơn Nam. Chồng nàng là danh tướng Bắc Hà Sơn Quận Công Bùi Văn Khuê.

Một chiều nọ, vua đang thơ thẩn trong hoa viên bỗng gặp thứ phi cùng em gái dạo bước. Vua đứng chết lặng ngẩn ngơ trước cô em vợ. Cái nhan sắc chỉ một lần gặp là người đàn ông suốt đời mộng tưởng.

Từ đó, ngày ngày vua khiến Đại Kiều gọi em vào cung. Lệnh vua ai nào dám trái.

Đại Kiều sợ hãi lo lắng. Quá nửa tuần trăng, nàng quyết định báo tin cho đại thần phụ chính là Ứng Vương Mạc Đôn Nhượng. Người chú già ngót tám mươi buồn bã gặp cháu. Đôn Nhượng nói:

- Cơ nghiệp nhà Mạc ta truyền từ đức Thái Tổ (chỉ Mạc Đăng Dung) đến cháu là năm đời. Suốt bao đời, chẳng kể đấng quân vương mà ngay hoàng tộc, người người ai cũng chung lo góp sức chung bảo vệ non sông, giữ nghiệp tổ phụ. Nước nam ta sống thái bình, dân lạc nghiệp an cư, nhà ngủ tối không cài then, trâu bò ngủ ngoài đồng, cửa rơi ngoài đường không ai nhặt. Xét như vậy khác chi thời Nghiêu Thuấn. Cháu lên ngôi báu vừa tròn hai tuổi. Bước chưa vững, nói chưa sôi. Tồn tại là nhờ ai? Bậc đế vương là mối giềng xã tắc. Vua đức độ dân mến phục. Hào kiệt tụ về phụ giúp, bốn cõi yên bình, đời đời hưởng lộc. Sắc dục là độc dược. Thử dân mê sắc lụy thân, quan lại mê sắc tàn nghiệp, vua mê sắc mất xã tắc. Mầm loạn nảy sinh do bề tôi chia rẽ kết bè tụ đảng. Cháu nghe ta chờ dẫm chân lên bước đường quốc phá gia vong. Quân ta vừa đại bại, thế địch mạnh, phải phòng tai họa từ xa. Nếu không hiểm nguy ào tới, lấy gì mà chống? Mấy lời tâm huyết, cháu nhớ để tâm.

Vua yên lặng cúi đầu. Ứng Vương về phủ.

Liên mấy ngày không thấy vua nhắc đến Tiểu Kiều. Ứng Vương mừng tưởng vua nghe lời giáo huấn.

Nhưng chỉ mười hôm sau, vua không dần lòng dè nén nổi nhớ kẻ cận bên lòng. Vua lại vời Tiểu Kiều vào cung. Vua liều lĩnh dám đánh đổi sự nghiệp lấy một nhan sắc.

Ứng Vương mật lệnh cho Sơn Quận Công đem nghìn quân bảo vệ vợ và gia quyến về đóng tại huyện Gia Viễn trấn Sơn Nam.

Vua được tin nổi giận truyền lệnh Văn Khuê hồi triều. Ba lần Khuê vi lệnh. Vua quyết định hưng binh hạch tội. Bùi Văn Khuê hoảng sợ kéo quân về nam hàng phục Trịnh Tùng.

Được Văn Khuê, Trịnh Tùng mừng rỡ phong Khuê làm Mỹ Quận Công lo việc tổ chức và huấn luyện thủy binh. Tùng nói với chư tướng: Ta chỉ ngại thủy binh Mạc. Nay được Văn Khuê thật ý trời giúp ta thắng trận, khôi phục đất nước.

Đầu tháng mười, sáu vạn quân Lê do Trịnh Tùng thống lĩnh kéo ra Sơn Nam. Quân Mạc rút chạy. Thủy binh do Khuê chỉ huy phá quân Mạc tại bến Đoan Vĩ.

Quân Lê bao vây Thăng Long. Vua tôi nhà Mạc vượt sông Hồng chạy về Hải Dương lại bị lực lượng thủy binh của Bùi Văn Khuê chặn đánh. Quân Mạc thiệt hại nặng. Tướng sĩ lũ lượt đầu hàng.

Thấy thế nguy, vua Mạc lập con là Mạc Toàn làm vua. Tự mình chỉ huy ngăn địch.

Hải Dương thất thủ. Vua Mạc và tàn quân chạy lên phía bắc. Mười ngày sau, nhà vua bị bắt tại một ngôi chùa thuộc huyện Phượng Nhãn. Trịnh Tùng hạ lệnh trói vua vào cột dựng tại bến Bồ Đề. Sau ba ngày hành tội sống, vua bị chém. Thủ cấp đem về Thanh Hóa tế các tiên vương nhà Lê.

Có người trong hoàng tộc nhà Lê thù hận, đóng hai cây đinh sắt vào mắt vua Mạc.

Ít lâu sau, tân vương Mạc Toàn cũng bị bắt và bị giết. Ứng Vương Mạc Đôn Nhượng chạy lên Cao Bằng. Vương đau buồn phát bệnh rồi chết. Người con cả của Khiêm Vương Mạc Kính Điển là Đường An Vương Mạc Kính Chỉ thu nhặt tàn quân đánh thắng quân Lê vài trận rồi cũng thất bại. Sau này Mạc Kính Cung nghe lời khuyên của Trịnh Trách chiếm cứ vùng Lạng Sơn Cao Bằng. Con cháu nhà Mạc tồn tại hơn tám mươi năm nữa mới chấm dứt.

Tiết Chế Trịnh Tùng sau khi đại thắng kéo quân về Thăng Long. Tùng cho sửa sang hoàng thành, dựng hành cung đón vua Lê Thế Tông hiện ở Tây Đô.

Tháng tư năm ấy, vua Lê lên chính điện nhận lễ chầu mừng của quần thần. Hạ chiếu đại xá thiên hạ.

Quần thần được gia phong chức tước. Riêng Trịnh Tùng chỉ nhận chức Quốc Công. Kẻ thức giả đoán Trịnh Tùng làm vậy không màng danh lợi, không nhận gia phong vì muốn vua ở vào thế không dám phong vương tước cho hoàng tộc. Trịnh Tùng muốn dành đặc quyền phong tước cho phe nhóm để củng cố thế lực, nắm trọn quyền bính.

Sáu năm sau tình hình khá ổn định. Dư đảng nhà Mạc suy yếu. Một hôm vua nói với Trịnh Tùng:

- Nay việc nước tạm ổn. Công đức Thượng Phụ uy vọng như núi cao. Thượng Phụ giữ chức quốc công thật không xứng khiến lòng trầm áy náy, lại e quần thần dị nghị điều nọ tiếng kia, rằng trầm bất công không trọng đãi bậc khai quốc công thần. Thượng Phụ làm vui lòng trầm, tự ý chọn chức vị. Trầm cứ theo đó phong chức.

Trịnh Tùng đôi phen từ chối. Cuối cùng nhận chức Đô Nguyên Súy Tổng Quốc Chính Bình An Vương.

Vua chưa vừa ý nên thêm vào hai chữ Thượng Phụ.

Tháng tám năm Canh Tý 1600, Anh Tôn lâm bệnh từ trần. Theo di chiếu, Thái Tử Lê Duy Thì kế nghiệp phụ vương. Trịnh Tùng không thích Duy Thì, cho là người u mê chậm chạp. Tùng bàn với quần thần tôn hoàng tử thứ hai là Duy Tân là người tư chất thông minh lên kế vị. Quần thần sợ uy Tùng không có ý kiến.

Lê Duy Tân mới mười hai tuổi lên ngôi tức Kính Tôn.

Sau khi đặt một cậu bé lên ngôi, Trịnh Tùng tổ chức lại bộ máy cai trị, lập phủ liêu, toàn quyền đặt quan chức, thu thuế, bắt lính. Bất chấp dư luận, Trịnh Tùng xử dụng nghi vệ đế vương. Quần thần cũng như thứ dân gọi Bình An Vương Trịnh Tùng là chúa Trịnh.

Đến đây, nước Việt lập thể chế kỳ lạ có vua có chúa. Chúa lại nắm giữ toàn quyền, có quyền thế tập kể cả việc định đoạt người làm vua. Chúa dùng xe lộng lẫy: cang xe bằng ngà, mũi sơn then, lan can chạm rồng khắc phượng, bốn vách sơn son thếp vàng. Xe do bốn lực sĩ kéo.

Chúa làm chuyện ngược ngạo, quy định luôn cả bổng lộc nhà vua. Vua chỉ được quyền thu thuế nghìn xã gọi là lộc thượng tiến, có năm nghìn lính túc vệ, bảy voi và hai mươi chiếc thuyền.

Trong khi hoàng cung vốn là cung điện cũ của nhà Mạc được sửa chữa sơ sài. Phủ chúa tọa lạc tại phía nam kinh thành trên khu vực rộng lớn kéo dài từ phường Báo Thiên đến tận phường Thịnh Quang. Vương phủ trông ra hồ Hoàn Kiếm, nguy nga tráng lệ hơn hẳn hoàng thành.

Nhằm tạo phe cánh, chúa gia phong chức tước cho thủ hạ thân tín. Các tướng Hoàng Đình Ái, Nguyễn Hữu Liêu được phong Quốc Công. Quần thần nghi hoặc chia rẽ.

Mùa hạ năm sau, chúa đem con gái Trịnh Thị Ngọc Trúc gả cho nhà vua. Kính Tôn phong vợ làm hoàng hậu. Hai trẻ thành hôn then thùng bờ ngõ, chưa biết làm chuyện vợ chồng trong đêm động phòng hoa chúc.

Phe thân nhà vua lo ngại chuyện họ Trịnh cướp ngôi. Lòng người ly tán. Đám con cháu Nguyễn Quyện là Nam Dương Hầu Nguyễn Nhiệm và Mỹ Quận Công Bùi Văn Khuê làm phản nổi dậy ở Sơn Nam muốn phục hưng sự nghiệp nhà Mạc.

Chúa họp quần thần tìm cách đánh dẹp. Doan Quốc Công Nguyễn Hoàng, cậu ruột của chúa tình nguyện. Chúa nói:

- Cậu một lòng vì nước cháu rất cảm kích. Nay cậu bảy mươi sáu, tuổi trời đã nặng. Việc chinh chiến xin để các tướng trẻ đảm nhận, cháu chẳng dám phiền.

Nguyễn Hoàng cười nói:

- Xưa Phục Ba tướng quân Mã Viện ngoài bảy mươi còn cầm quân xông trận. Cháu chê cậu chẳng bằng Mã Viện sao? Cứ để cậu thử sức, nếu thua trận xin chịu quân lệnh.

Nghe cậu quả quyết, chúa bằng lòng.

Nguyễn Hoàng thời Thái Vương Trịnh Kiểm đã xin vào trấn thủ Thuận Hóa. Sau lại hồi triều theo lệnh vua. Hoàng lập nhiều công trận được phong chức Doan Quốc Công.

Nhận lệnh, Nguyễn Hoàng đem hai vạn quân và ba trăm chiến thuyền, cùng các con là Nguyễn Phúc Nguyên, Nguyễn Phúc Trạch, Nguyễn Phúc Hiệp tiến quân theo hai đường thủy bộ đến Sơn Nam. Nhưng thay vì đi dẹp loạn, Nguyễn Hoàng kéo quân vào thẳng Thuận Hóa.

Tin Nguyễn Hoàng bỏ đi rúng động triều đình. Nhiều người xầm xì bàn tán, cho rằng Nguyễn Hoàng sợ nhà chúa mưu hại tranh quyền nên buộc phải trốn đi. Kể lại nói

Nguyễn Hoàng từ lâu có mưu đồ làm vua một cõi. Chúa tức giận muốn hưng binh chinh phạt nhưng tình hình rối rắm. Quân Mạc do Mạc Kính Cung tiến về tấn công Hải Dương. Chúa bàn với vua hạ chiếu cho phép Nguyễn Hoàng trấn thủ Thuận Hóa nhưng buộc phải nộp thuế, chịu thần phục triều đình. Đích thân chúa viết thư riêng cho Hoàng ngầm ý trách móc đe dọa.

Nhận chiếu chỉ của vua và thư Trịnh Tùng, Nguyễn Hoàng bằng lòng vì xét thế lực còn yếu.

Những năm kế tiếp thường mất mùa do thiên tai. Thóc cao gạo kém, dân lầm than khổ sao cho xiết. Lại thêm quan lại nhũng lạm hà khắc. Nhiều điềm lạ xuất hiện. Quần thần nhiều người làm tờ khải tâu lên chúa trình bày sự việc. Ngự Sử Phạm Trân sau khi đi thanh lược các trấn hồi triều. Phạm Trân trình chúa:

- Tâu chúa thượng, thần nghe trời giáng tai dị hay điềm lành là do gốc ở cái đức mà ra. Cổ nhân lấy trời mà tự xử nên thuận mệnh trời. Xét nước ta từ khi khôi phục trời đất chưa ứng, điềm lành chưa thấy mà chỉ thấy tai dị đầy đủ. Có năm trời mưa nước đen như bùn, có năm lại mưa nước như cát vàng. Đầu mùa hạ năm nay, cứ canh năm sao lạ xuất hiện ở phương đông trông như mũi giáo nhọn cắm từ trời xuống đất suốt tháng mới dứt. Vậy do đức chưa tu, chính sự có chỗ sai sót mà xảy ra thế chẳng?

Chúa chú tâm nghe ra vẻ suy nghĩ. Đô Ngự Sử Nguyễn Duy Thì nhân đó khải chúa:

- Thần nghe thánh nhân dạy: Dân là gốc của nước. Đạo trị nước cốt ở yên dân. Dân với trời cũng cùng một lẽ. Người cai trị thụ thiên mệnh thương dân như cha mẹ thương con, lo cho dân ấm no hạnh phúc. Từ ngày sự nghiệp trung hưng, thánh thượng cũng như nhà chúa ban bố chính sách cũng là

thể theo ý ấy. Mọi chuyện xảy ra ngược ngạo, theo ý thần là do kẻ thừa hành không làm hết ý bậc bề trên. Bọn này sống xa xỉ, chăm làm việc hà khắc bạo ngược. Coi một huyện khổ dân một huyện, coi một xã khổ dân một xã. Do vậy, dân trong nước con trai khổ rách áo ôm, con gái váy vá chẳng đụp. Đồ ăn thức uống ngày càng thiếu thốn bữa no bữa đói, thôn xóm điêu hiu vắng tiếng nói cười. Cảnh khổ kể sao xiết. Kính xin lượng trên xét cho dân được nhờ.

Chúa nghe vẻ bằng lòng, hứa sẽ chấn chỉnh nghiêm trị bọn tham quan ô lại. Quần thần ai nấy đều vui.

Đầu xuân năm Kỷ Mùi 1619, phủ liêu tổ chức lễ mừng chúa tròn bảy mươi. Chúa vui mừng thấy con cháu họ hàng đông đủ. Con rể của chúa, vua Kính Tôn và Hoàng Hậu tặng cha rượu quý. Mọi người dâng rượu chúc tụng chúa phúc lộc thọ trường.

Biết người con thứ Trịnh Xuân có chuyện bất hòa với người con trưởng Trịnh Tráng do tính khí nhỏ nhen ganh tị, muốn tranh ngôi thế tử kế vị. Chúa khuyên anh em con cháu hiếu hòa thuận thảo, chung vai gánh vác việc nước việc nhà, bảo vệ cơ nghiệp cùng hưởng phú quý vinh hoa.

Chúa vui miệng nói tiếp: Ta năm mươi năm chinh chiến lao nhọc. Ước mơ cuối đời chỉ xin hai chữ bình an. Vậy nên ta xưng là Bình An Vương.

Niềm vui của chúa chưa được bao lâu. Ba tháng sau, vụ biến loạn xảy ra nhấm nhứ sát chúa. Đau đớn thay, sự việc lại do chính con trai và con rể chúa chủ mưu. Chuyện như sau:

Lên ngôi vua tự thưở mười hai. Kính Tôn càng lớn càng tủi phận. Vua ham đọc sách thánh hiền, lâu thông kinh sử, thấm thía nỗi đau khi chẳng nắm trong tay thực quyền của bậc đế vương. Bổng lộc cũng do nhà chúa định đoạt. Ngay lễ

vật tế thái miếu tiên vương cũng đơn giản đạm bạc, bánh trái sơ sài, lợn gà trâu ốm. Một người lính gánh đến bốn mâm xôi. Trong khi ngày tế thái miếu chúa Trịnh, cỗ bàn ê hề sơn hào hải vị. Con lợn nhà chúa hai người lính khiêng còn thấy nặng. Mâm xôi bằng bốn lần mâm xôi nhà vua.

Những năm mất mùa đói kém, số thuế vua được quyền thu chỉ còn non nửa vì dân không chịu nộp. Vua giận quá mắng quan thu thuế. Quan tâu:

- Xin bệ hạ lượng xét. Thần thụ mệnh vua, lòng lo hoàn thành chức trách. Bệ hạ nghĩ xem tại sao dân liều không chịu nộp thuế. Thật sự chúng nó còn có gì mà nộp? Cơm không có ăn, áo chẳng có mặc. Vợ con nheo nhóc da bọc xương, dít teo bụng ỏng. Thậm chí có đứa trên mười tuổi vẫn cời chuồng nòng nọc. Bất thằng chồng thì cả nhà lăn ra khóc lóc. Thần dụng phép nước cũng chỉ dám nọc ra đánh vài roi. Đánh đau sợ nó chết lại rầy rà...

Vua nghe thở dài. Biết làm sao? Vua khôn ngoan nén hận, vua vốn sợ chúa, nhất là từ khi tìm ra manh mối cái chết của ông nội mình là vua Anh Tôn cũng do bị chúa bức tử. Vua muốn rửa hận nhưng cô thế. Quần thần ngả cả về chúa, trên đời ai đại phù suy.

Là người thông minh tinh tế, vua nhận ra tham vọng quyền lực của người anh vợ là Vạn Quận Công Trịnh Xuân. Xuân muốn kế vị ngôi chúa, muốn loại trừ người anh là Thanh Quận Công Trịnh Tráng. Người kế như đương nhiên được phong thế tử kế vị cha làm chúa tế phủ liêu. Trong các anh trai, Hoàng Hậu hợp tính Trịnh Xuân hơn cả, anh em thường gặp gỡ hàn huyên tâm sự. Giao thiệp giữa vua và Xuân càng gần gũi thêm.

Nhà vua khai thác lợi điểm. Trịnh Xuân có chức vị, chỉ huy vài nghìn quân dưới tay có thể làm chuyện lớn. Thường

những kẻ cùng ước mơ dễ gần nhau. Cuối cùng, vua và Trịnh Xuân quyết định hành động. Cả hai đồng ý kế hoạch ám sát chúa bằng súng và chất nổ trong ngày hội đua thuyền hàng năm vào tháng tư. Sau khi thành công, vua xử dụng uy quyền để vương phong Trịnh Xuân làm tiết chế nắm giữ binh quyền. Trước việc đã rồi, Trịnh Tráng cũng như quần thần đành phải bó tay.

Lễ đua thuyền ở nước ta đã có truyền thống lâu đời. Đến thời nhà Lê, ngày hội đua thuyền trở thành đại lễ. Ngay khi trở về Thăng Long, chúa Trịnh cho sửa sang cung điện phía đông sông Hồng để làm nơi vua chúa ngự xem đua thuyền. Từ quan chí dân, ngay cả các hoàng hậu phi tần công chúa cũng được tham dự ngày hội.

Từ nhiều tháng trước, các trấn huyện, có khi các xã đã chuẩn bị thuyền đua, các thủy thủ khổ công tập luyện hòng thắng giải. Do vậy hội đua bao giờ cũng hào hứng, thi đấu cam go.

Ngày hội đua thuyền năm nay, vua long thể bất an nên không dự, chỉ có chúa và quần thần.

Từ sáng sớm, dân các nơi đổ về tụ tập hai bên bờ sông. Đầu giờ thìn, một hồi chuông dài báo hiệu chúa ngự đến. Đội quân nhạc mở đầu, tiếp theo toán cầm cờ xí nghi trượng. Ba trăm lính cầm hèo sơn son đi hàng tư. Bình An Vương Trịnh Tùng đội mũ xung thiên, áo bào tía, thắt đai ngọc chêm chệ trên mình voi. Mười sáu lính cầm tàn tía quạt theo long phụng theo hầu. Đoàn hộ tống có năm nghìn lính gươm giáo tuốt trần do một toán võ tướng cỡi ngựa chỉ huy đi đầu. Sau cùng là các quan văn võ...

Giờ ty trên điện nổi trống hiệu. Quan tổng quản tuyên bố thể lệ và các trấn huyện tham dự hội đua. Lại một hồi chiêng trống. Tiếng súng lệnh khởi phát. Khoảng bốn mươi

chiếc thuyền hình con cá rẽ nước lao vun vút. Tiếng vỗ tay la ó, tiếng hô huây hô ta, tiếng trống chiêng thanh la hồi thúc... Thủy thủ mình trần đóng khố, đội khăn mầu uốn lưng chèo theo lệnh người phách nhất lái thuyền. Ngày hội tưng bừng náo nhiệt rộn rã niềm vui.

Tàn cuộc, sau khi trao giải thưởng cho thuyền thắng. Chúa theo lệ thưởng mời quần thần dự yến. Người tinh ý nhận ra chúa lộ vẻ nôn nóng bồn chồn. Chưa tan tiệc, chúa để người em ruột Quốc Công Trịnh Đồ thay mình ở lại chung vui với quần thần, chúa cáo mệt cùng đoàn tùy tùng hộ tống hồi cung. Thay vì cưỡi voi, chúa ngồi kiệu trò chuyện với Nông Quận Công Trịnh Tương, con trai thứ mười chín của chúa.

Đoàn quân về đến ngã ba phường Đông Hà. Khu vực trống trải, hai bên đường ruộng trơ gốc rạ, thôn xóm nằm sâu bên trong khuất sau rừng tre xanh. Bỗng một tiếng nổ vang bụi đất mịt mù. Những loạt đạn chất chúa bẻ gãy cây lọng che kiệu, người lính cầm lọng ngã gục đau đớn gào thét. Toán quân nhạc quăng cờ quạt trống kèn tháo chạy toán loạn.

Chúa Trịnh Tùng cũng như các võ tướng từng quen chiến trận vẫn bình tĩnh. Một con trai chúa, Quận Công Trịnh Lâm rút gươm hò hét lệnh ổn định đội ngũ. Hai quận công Trịnh Tương và Bùi Sĩ Lâm chỉ huy hàng trăm giáp binh bảo vệ kiệu chúa. Nhận rõ tình hình, định hướng được nơi phát tiếng súng, chúa lệnh Sĩ Lâm đem ba nghìn quân tiến thế gọng kìm, bằng mọi giá bắt sống thủ phạm. Chúa và Trịnh Lâm kéo quân về phủ phòng nội biến. Hoàng cung lẫn phủ liêu được canh gác cẩn mật, nội bất xuất ngoại bất nhập. Hai vạn quân tỏa khắp kinh thành canh giữ các điểm trọng yếu.

Dân Thăng Long một phen hoảng loạn cửa đóng then gài thăm dò động tĩnh.

Trong nội cung, nhà vua và Trịnh Xuân đang bồn chồn nghe ngóng. Bỗng nhận tin cấp báo chúa bình an trở về, lại ra lệnh phong tỏa hoàng cung, cả hai hốt hoảng. Trịnh Xuân tìm cách thoát ra nhưng cấm quân nhất quyết cản ngăn, nói nghiêm lệnh nhà chúa áp dụng không từ ai, kể cả nhà vua.

Ngay chiều hôm ấy, Bùi Sĩ Lâm đã bắt sống thủ phạm. Chúa ra lệnh Sĩ Lâm khẩn cấp điều tra. Buổi tối, Sĩ Lâm tâu chúa kết quả sự việc: Kẻ bắn chúa tên Văn Đốc, thuộc tướng của Vạn Quận Công Trịnh Xuân. Âm mưu sát hại chúa là do kế hoạch của nhà vua và Trịnh Xuân.

Chúa căm giận, bàng hoàng chua xót. Có lẽ nào như thế? Chúa truyền dẫn Văn Đốc đến gặp. Tội nhân quỳ mọp dưới thêm sợ hãi không dám ngẩng đầu. Chúa giận dữ vỗ án hét lớn:

- Văn Đốc, mi khai đúng mọi sự. Nếu gian dối ta giết ba họ.

Văn Đốc đập đầu xuống nền nhà khai:

- Muôn tâu chúa thượng, con thật chẳng dối gian. Chính Nội Điện (nhà vua) và ngài quận ra lệnh con đặt súng gài địa lôi tại ngã ba Đông Hà cứ nhằm kiệu chúa thượng mà bắn. Việc xong sẽ trọng thưởng, phong hầu tước vinh hiển đời đời...

Chúa gần giọng:

- Mi khai việc hệ trọng. Vậy dám đối chất cùng nhà vua và ngài quận?

Văn Đốc quả quyết dám.

Chúa chẳng còn hồ nghi, xót xa đau đớn. Ôi phụ tử ai dám bảo tình thâm. Chúa truyền canh gác nghiêm ngặt nội cung cấm vua tiếp xúc với bên ngoài. Lại sai Sĩ Lâm đem ba

nghìn cấm binh vào bắt Trịnh Xuân. Chúa dặn Lâm: Nếu nghịch tử kháng cự, người lấy đầu nó mang về.

Tỏ ra quả quyết, chúa trao Sĩ Lâm thanh báu kiếm “Phượng Huy” gia truyền. Với thanh kiếm ấy, Sĩ Lâm có quyền tiền trạm hậu tấu.

Trịnh Xuân bị bắt giải về phủ liêu. Thấy bóng cha ngồi ở công đường, Xuân quỳ đi bằng hai gối, phủ phục chịu tội.

Thấy dáng điệu nghịch tử sợ hãi hèn hạ, chúa nổi giận hét lớn, đứng dậy rút roi sắt toan đánh. Bỗng chúa thấy nghẹn cổ, chân bước lảo đảo xây xẩm ngã xuống. Đám nội thị hốt hoảng đỡ chúa vào hậu cung. Quan Thái Y săn sóc chúa, chính phi lặng lẽ đứng khóc bên giường chồng. Lát sau chúa tỉnh. Những giọt nước mắt chảy dài trên khuôn mặt xạm đen nắng gió chiến chinh. Bình An Vương Trịnh Tùng quyền uy phú quý tốt cùng vẫn chưa tìm được hai chữ bình an, vẫn chảy nước mắt.

Hôm sau, chúa hỏi Nhạc Quận Công Bùi Sĩ Lâm, cận thần được chúa tin cẩn:

- Vua như thế, con như thế nên xử ra sao?

Sĩ Lâm trả lời khẳng khái:

- Vua vô đạo thì phế, con vô đạo tùy mức trừng phạt. Thần nghĩ xét theo tội hình thì Vạn Quận Công phải thọ tử.

Chúa buồn bã:

- Ta cứ để quần thần xét nghị cho phải lẽ. Kể bề tôi chẳng giết vua. Lòng ta nhân ái chẳng nỡ xét con. Từ qua đến giờ, phu nhân ta than khóc rã rời, ý muốn xin tha tha tội lỗi nghịch tử, Hoàng Hậu mấy phen nhấn xin khẩn thiết gặp ta. Ta khước từ mà lòng đứt đoạn.

Chúa ngừng đăm chiêu lặng lẽ uống trà. Khi mặt trời lên đã cao khoảng đầu giờ thìn, chúa truyền nội thị nổi trống triệu tập quần thần.

Chuyện trong cung cấm ngõ bí mật nhưng dân kinh thành người người đều biết. Chúng dân kín đáo nhỏ to. Chuyện một đồn mười. Giới quan lại lặng lẽ chú tâm nghe ngóng chờ phản ứng của nhà chúa. Khi nghe ba hồi trống báo chầu, tất cả nhanh chóng vào triều.

Quần thần đông đủ, không khí im lặng, căng thẳng nặng nề bao trùm.

Chúa bước ra, tự tay bưng một chiếc mâm phủ vải điều. Quần thần lo lắng hồi hộp theo dõi. Chúa đứng giữa triều đường. Nội thị mở khăn điều cho quần thần thấy rõ chúa bưng mâm trầu cau. Chúa đồng dục:

- Năm Đinh Hợi (1527). Nghịch thần Mạc Đăng Dung tiến ngôi. Cơ nghiệp nhà Lê kể đã tan, không còn thiên hạ. Phụ thân tôi dày công hãn mã đưa Tiên Đế từ chốn thâm sơn cùng cốc về lập lại triều đình. Đến đời tôi thờ ba triều vua, thân trải trăm trận chinh chiến hiểm nghèo. Cùng là nhờ sức quần thần giết bọn gian hùng tàn ngược, đặt mặt trời mặt trăng đứng giữa trời, thu giang sơn về một mối dựng lại nghiệp Lê. Tôi tuổi trời ngoại thất tuần vẫn một lòng phò vua giúp nước. Nay nhà vua mưu cùng nghịch tử, nhấn tâm làm điều bạo ngược...

Nói đến đây, chúa ngừng lại sụt sùi. Nội thị có kẻ thấy vội dâng khăn. Quần thần ai nấy cảm kích. Nhạc Quận Công Bùi Sĩ Lâm tiếp tục tường trình trước quần thần mọi chuyện. Chúa muốn quần thần nghị xét.

Chúa đứng đảo mắt nhìn. Đô Ngự Sử Nguyễn Danh Thế bước ra tâu:

- Tâu chúa thượng, sự việc cụ thể không thể chối cãi tội bạo nghịch âm mưu thí chúa. Vua phạm tội tất không phải mình quân, con sát cha tất lỗi đạo nhà, điểm nhục gia phong.

Tội ác để đời không nương tay được. Thần đề nghị Hình Bộ xét đúng luật nghiêm phạt.

Hình Bộ Thượng Thư Nguyễn Thực nổi tiếng nghiêm khắc tâu:

- Tâu chúa thượng, tôi nhận trọng trách nên phải giữ phép nước. Xét theo tội trạng, nhà vua tất bị phế buộc tự xử. Trịnh Xuân tông phạm vậy cũng không thể khoan dung. Xuân phải lĩnh án tử.

Chúa đứng rầu rĩ. Sau cả khắc luận bàn, quần thần tâu chúa giải pháp tế nhị: phế vua Kính Tôn. Phạt giam và tước đoạt binh quyền của Trịnh Xuân. Chúa bằng lòng truyền bãi chầu.

Phần nhà vua, chẳng cần nghe quần thần luận bàn, vua biết trước số phận mình có khác chi cánh diều được người tung lên nay đến lúc bị kéo xuống. Cách duy nhất là tự kết liễu đời mình khỏi thẹn mặt.

Khi màn đêm buông bao trùm cảnh vật, vua lặng lẽ vào thư phòng, quỳ quay về phương nam vái lạy các tiên vương rồi thắt cổ tự vận. Năm ấy tuổi vua vừa tròn ba mươi hai.

Vua mất. Quần thần nhiều người can ngăn nhưng chúa Trịnh vẫn cho mai táng theo nghi lễ đế vương. Hoàng Hậu khóc lóc van nài:

- Tâu phụ vương, chồng con phải tội đã tự xử. Cháu Duy Kỳ là con nào tội tình gì? Xin phụ vương lập cháu lên ngôi, muôn đời sau đế vương vẫn là con cháu phụ vương. Ngôi vị Hoàng Thái Hậu là của con, dòng họ nhà ta vẫn được tiếng với đời.

Chúa thương con nên bằng lòng. Thái tử Duy Kỳ lên ngôi tức vua Lê Thần Tôn. Nhà vua mới mười ba tuổi.

Hơn năm sau, chúa truyền tha tội Trịnh Xuân, lại cho phục chức quận công nắm binh quyền. Quận Công Bùi Sĩ Lâm ngăn cản:

- Tâu chúa thượng, Trịnh Xuân tuy là con nhưng tính khí bạo ngược. Chúa thượng có dung chỉ nên tha tội. Nay lại cho phục chức, thần e dưng hổ di họa.

Chúa nói:

- Ta hết lòng vì con thì Xuân chẳng dám xử tệ.

Sĩ Lâm buồn bã lui ra. Từ đó, Sĩ Lâm cũng như các đại thần từng kết tội Trịnh Xuân tỏ ra e ngại. Xuân hiểm độc chắc tìm cách trả thù. Sự ngờ vực chia rẽ nảy sinh. Câu im lặng là vàng thành phương châm ứng xử.

Ba năm sau, mùa hè năm Quý Hợi 1623, chúa bảy mươi tư tuổi bị bệnh kiệt trầm trọng. Người khô đét như bộ xương. Chúa triệu quần thần bàn việc lập thế tử, người sẽ thay chúa giữ binh quyền một khi chúa mệnh một. Quần thần hầu như cùng nhận định: Thanh Quận Công Trịnh Tráng là con trưởng, tính tình hiếu thảo, trên dưới thuận hòa, lập nhiều công trận, tài kiêm văn võ, tuổi đời chừng chạc đã ngoại tứ tuần. Võ liệt văn công sáng trưng đời trước, mở lối đời sau, xứng đáng kế nghiệp tổ phụ...

Chúa nghe quần thần lập Trịnh Tráng làm Thế Tử.

Ngay trưa hôm sau, Trịnh Xuân bất ngờ chỉ huy năm nghìn quân gây bạo loạn. Quân phản loạn đốt phá chiếm giữ nhiều nơi. Kinh thành rối loạn khói lửa mịt mù. Địch thân Xuân kéo quân tràn vào nội phủ, lính túc vệ kinh hãi chạy tứ tán chẳng biết sự gì.

Quận Công Bùi Sĩ Lâm biết có biến vội đỡ chúa bước ra. Thấy đám lính hung hăng tràn vào, chúa cầm kim thương đứng chắn ngang. Bọn lính sợ uy chúa dừng lại không ai dám bước tới.

Sĩ Lâm phò chúa lên ngựa chạy khỏi kinh thành đến trú tại dinh Quốc Công Trịnh Đồ, em ruột chúa ở xã Hồng Mai. Kinh thành lọt vào tay Trịnh Xuân và đồng đảng. Xuân vào hoàng cung buộc Thần Tôn hạ chiếu cử Xuân tiết chế binh quyền nhưng vua cũng đã trốn khỏi kinh thành. Quân lính tự do cướp các báu vật trong cung cấm.

Tại xã Hồng Mai, Quốc Công Trịnh Đồ bàn với chúa dụng kế bắt Trịnh Xuân. Chúa quá mệt mỏi bảo Đồ tùy nghi.

Hôm sau, đích thân Trịnh Đồ mang thư chúa về kinh gặp Trịnh Xuân. Trịnh Đồ nói:

- Cha cháu hiện đang ở với chú. Người bảo chẳng còn sống bao lâu, ước muốn anh em thuận hòa. Cha cháu cũng như Trịnh Tráng thuận giao cháu quyền tiết chế, nhưng cháu phải đến gặp người cho phải đạo làm con. Sau đó người sẽ trao ấn kiếm binh phù.

Trịnh Xuân xưa nay vẫn quý mến và tin chú. Nghe chú nói thế, Xuân cả mừng hẹn Trịnh Đồ ngày mai sẽ đến gặp phụ vương.

Hôm sau, Trịnh Xuân đến gặp cha. Xuân quỳ phủ phục, mồm ngậm cỏ.

Bổng Quận Công Bùi Sĩ Lâm từ sau tấm bình phong bất ngờ bước ra. Lâm rút kiếm, lệnh võ sĩ bắt trói Trịnh Xuân. Xuân biết bị lừa nhưng không thể phản ứng, chỉ lạy cha xin tha tội. Chúa giận muốn chửi mắng nhưng sức tàn không thốt nên lời. Nội thị theo lệnh Trịnh Đồ đỡ chúa vào phòng. Trịnh Đồ nói với Sĩ Lâm:

- Chúa thượng bệnh hiểm nghèo khó qua khỏi. Ta nên giải quyết vụ Trịnh Xuân ngay đêm nay.

Lâm hỏi bằng cách nào? Đồ vẫn tất: Tha nó tội trầm, nhưng biến nó thành phế nhân. Ông tùy nghi.

Sĩ Lâm hiểu ý lời Trịnh Xuân ra sau vườn. Xuân khiếp hãi nhìn lưỡi kiếm lóe sáng trong tay Lâm. Một tiếng bụp khô khan. Xuân hét lớn ngất lịm. Chân phải Xuân đã bị lưỡi kiếm tiện ngang đùi máu chảy lênh láng. Thay vì chỉ chặt bàn chân, Bùi Sĩ Lâm cố tình cho lưỡi kiếm lên cao ngang đùi... Vạn Quận Công Trịnh Xuân chết ngay trong đêm.

Sáng sớm chúa tỉnh. Chúa hỏi Trịnh Xuân. Trịnh Đỗ không dám dấu giấu thật mọi chuyện. Chúa thở ra, nằm lặng yên. Lát sau chúa nói: Ta muốn gặp Trịnh Tráng. Hãy chuẩn bị lên đường.

Trịnh Đỗ sửa soạn võng cùng hơn trăm giáp binh hộ tống.

Xế trưa, Trịnh Đỗ phải cho dừng quân tại chùa Thanh Xuân vì chúa trở bệnh trầm trọng, mê man bất tỉnh. Đỗ đặt chúa ở hậu liêu nhà chùa tự tay thuốc men phục dịch cho anh, một mặt cho người khẩn cấp báo tin Trịnh Tráng.

Trời tối hẳn. Sư cụ cho thắp nến sáng trưng căn phòng chúa ngự. Chúa thở đứt khúc, lồng ngực phập phồng lên xuống khó khăn. Không khí trang nghiêm, im lặng đến nặng nề. Có tiếng muỗi vo ve tí tê buồn bã.

Trịnh Đỗ vừa sờ vào bàn chân chúa vội rút tay lại. Bàn chân lạnh như băng giá. Đỗ sụt sùi: Vương huynh! Vương huynh...Sao anh nở ra đi không một lời trần trối?...

Sĩ Lâm không nén được lòng cũng òa khóc.

Từ chính điện sư cụ bước vào can: Xin quý ngài lặng yên chờ chiêu hồn xong. Khóc bây giờ làm chúa thượng phiền não khó đi.

Sư hỏi nhỏ Trịnh Đỗ: Tôi có sẵn lụa trắng. Ngài cần thắt hồn bạch cho chúa thượng? Đỗ gật đầu.

Nhà sư trao vuông lụa. Trịnh Đỗ xếp vải để trên ngực chúa. Nhúm bông trắng đặt ở mũi. Lát sau nhúm bông không động đậy. Trịnh Đỗ khóc rống lên.

Bình An Vương Trịnh Tùng già từ cõi thế dưới mái chùa nghèo nàn cũ kỹ rêu phong. Nào đâu lầu son gác tía. Nào đâu áo mão xênh xang. Nào đâu thê nhi. Chúa có mười chín con trai đã trưởng thành đều có chức phận, cơ man là cháu nội ngoại. Đâu cả rồi? Chúa ra đi chỉ có duy nhất người em bên giường. Chúa ra đi trắng tay. Không biết ở cõi vĩnh hằng, chúa có tìm được hai chữ bình an mơ ước!..

Sư cụ bước ra chính điện đốt nén hương trầm niệm kinh siêu độ. Cái chết của vị chúa tể nước nam làm sư xúc động. Có phải do cơ duyên, do nghiệp chướng xui chúa lạc bước lâm chung tại đây? Cái chết có phải là sự giải thoát cuối cùng khỏi kiếp phù trầm luân lạc?

Năm mươi năm tu đạo nương bóng Phật Đài. Sư chưa dứt được thất tình. Sư chưa mảy may giác ngộ, sao có thể giải thoát khỏi vòng luân hồi tử sinh. Cái trí u mê nên tham sân si còn đó, sao hiểu ra lẽ hai chữ vô thường.

Thanh Đô Vương Trịnh Tráng nối nghiệp cha. Chúa bốn mươi bảy tuổi, thừa bản lĩnh giữ ngôi vương bá nhưng vẫn như con thiêu thân lao vào hào quang danh vọng quyền lực. Ác nghiệp từ đời cha được con tiếp tục vun lên.

Bốn năm sau, năm Đinh Mão 1627, Thanh Đô Vương tiến quân đánh Thuận Hóa, quyết tóm thù quyền lực, tiêu diệt ngay trong trứng nước giấc mộng làm vua một cõi của lãnh chúa phương nam Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên. Hai họ Trịnh Nguyễn trải qua bảy cuộc giao tranh đẫm máu, đẩy lê dân vào cảnh lầm than tang tóc trong suốt bốn mươi lăm năm dài.

Trước kia, chúa Trịnh Tùng gả con gái Ngọc Trinh cho vua Kính Tôn. Nay Trịnh Tráng cũng theo sách ấy.

Năm Giáp Ngọ, vua Thần Tôn tuổi tròn hai mươi. Một hôm chúa bàn chuyện với vua:

- Bệ hạ đã đến tuổi nên lập hoàng hậu.

Nghe chúa nói, vua trả lời hiền lành:

- Việc hôn nhân hệ trọng, bác đã dạy cháu xin vâng.

Vua theo thói quen vẫn gọi chúa là bác theo thứ bậc trong gia tộc.

Chúa yên lặng trầm ngâm. Lát sau, trang nghiêm lạnh lùng, chúa tiếp:

- Ngồi vị hoàng hậu tôn quý. Bậc mẫu nghi thiên hạ không thể để lọt vào tay người ngoài, sau này khó lường hậu quả. Những chuyện bi đát xảy ra trong nhà vẫn như vết thương xé lòng khiến ta trần trọc ngày đêm.

Chúa lại ngừng. Vua hiểu chúa muốn ám chỉ cái chết của phụ vương Kính Tôn. Vua cúi đầu hồi hộp. Chúa tiếp:

- Bệ hạ trên ngôi chí tôn phải coi xã tắc là trọng. Dù phải xả thân bảo vệ cũng không từ nan. Dù dư luận búa rìu cũng không sợ hãi. Ta đã chọn người xứng ngôi hoàng hậu. Đó là Ngọc Trúc, con gái của ta.

Vua bâng hoàng kinh hãi. Lời chúa là mệnh lệnh. Vua không thể nghe nhầm cái tên Ngọc Trúc. Vua sợ uy chúa. Phản ứng duy nhất của vua là nhắc lại hai tiếng Ngọc Trúc một cách yếu ớt.

Ngọc Trúc, con gái chúa Trịnh Tráng hiện là vợ Quận Công Lê Trụ bác họ nhà vua. Hai người ở với nhau được bốn mặt con. Lê Trụ đang bị biệt giam do chúa khép tội phản nghịch. Quyết định lập Ngọc Trúc làm hoàng hậu, chúa đương nhiên dành cho Lê Trụ án tử.

Quần thần nhiều người cản ngăn. Vua ậm ừ cho qua chuyện. Có kẻ cho vua chúa làm chuyện loạn luân bất chính, xã tắc lâm nguy nên tìm đường quy ẩn. Tiếng đời đàm tiếu cũng phai dần theo thời gian.

Năm Ất Dậu 1645, chúa tuổi gần bảy mươi quyết định lập Tây Quận Công Trịnh Tạc làm thế tử. Thêm một lần bạo loạn, anh em họ Trịnh mưu giết hại lẫn nhau. Hai người con thứ của chúa: Phù Quận Công Trịnh Lịch trấn thủ Sơn Tây và Hoa Quận Công Trịnh Sầm trấn thủ Hải Dương hợp nhau nổi loạn quyết giết Trịnh Tạc. Cuộc bạo loạn bị dập tắt.

Rút bài học Trịnh Xuân, chúa xử hai con án tử hình. Ngôi vương bá được xây trên xương máu và nước mắt của chính anh em.

Năm Đinh Dậu 1657, chúa Trịnh Tráng tám mươi mốt tuổi. Mùa xuân, chúa ngã bệnh trầm trọng. Tiết Chế Trịnh Tạc biết cha khó qua khỏi. Tạc hạ lệnh cho người em út Ninh Quốc Công Trịnh Toàn khẩn cấp đem quân vào Nghệ An, vùng đang bị áp lực nặng nề của quân Nguyễn. Thực tâm Trịnh Tạc e ngại tài năng và uy tín Trịnh Toàn, cố đẩy người em đi xa.

Tháng chín, Thanh Đô Vương Trịnh Tráng từ trần. Tây Vương Trịnh Tạc thay cha nắm binh quyền. Chúa sai con trưởng Phù Quận Công Trịnh Căn kéo đại binh vào Nghệ An. Trịnh Toàn được lệnh hồi triều. Tùy tướng Trịnh Bàn nói với chủ:

- Tôi rất nghi ngại. Chiến trường đang sôi động, thế giặc mạnh chỉ có tướng quân ngăn địch hiệu quả, lệnh triệu hồi không đúng lúc. Tôi khuyên ngài không nên hồi kinh. Tướng nơi biên cương vì lệnh là thường.

Trịnh Toàn rồi rầm nhưng nghĩ không thể cãi lệnh anh. Điều này sẽ tăng thêm ngờ vực, anh em chia rẽ. Trịnh Bàn nói tiếp:

- Chúa Thượng phái Quận Công Trịnh Căn vào Nghệ là có ý ngờ vực tướng quân. Đứng ở ngôi cao ngờ vực ai, kẻ đó được sống mới là sự lạ.

Trịnh Bàn nói hết lời, Toàn vẫn không nghe. Ngay đêm ấy, Bàn dẫn thủ hạ sang hàng quân Nguyễn. Trịnh Toàn gặp cháu(Trịnh Căn) giao binh quyền rồi về triều.

Tây Vương Trịnh Tạc kết tội em bất hiếu, thân phụ mất không về cư tang, ngầm có ý khác. Trịnh Toàn bị giam chết trong ngục thất. Sau này, chúa lại noi gương tổ phụ đem con gái thứ là Ngọc Áng gả cho vua Lê Huyền Tôn lập làm hoàng hậu.

Năm Mậu Thân 1668, có kẻ tố cáo con rể chúa Thụy Quận Công Nguyễn Đắc Trung có ý tạo phản. Chúa cho khám xét thấy nhà Đắc Trung chứa nhiều vũ khí. Cho là bằng chứng cụ thể, chúa xét Đắc Trung lập nhiều công lao nên tha tội chết, cách chức về làm thứ dân. Riêng ba người con trai của Trung, cũng là cháu ngoại chúa bị xử tử.

Quyết định của chúa làm gia tộc hoảng sợ, không ai dám cản ngăn. Những giọt nước mắt của vợ và con gái không làm lay chuyển ý định của chúa. Chúa nói với vợ con: Hãy thuộc kỹ câu nói của Tào Mạnh Đức: Thà mình phụ người còn hơn người phụ mình. Chúa lạnh lùng tiếp: Trên đời chỉ chính mình thương mình.

Chúa có lý. Giòng họ Trịnh đã từng xảy ra chuyện con mưu giết cha, anh em mưu giết lẫn nhau thì xá chi đến cháu ngoại? Chắc nhờ vậy mà mãi cuối đời chúa, anh em họ Trịnh không ai dám nghĩ chuyện tranh cướp ngôi thế tử.

Năm Tân Dậu 1682, chúa từ trần sau nhiều năm bệnh tật hành hạ. Thọ bảy mươi bảy tuổi. Định Nam Vương Trịnh Căn lên nối nghiệp.

Khác các đời trước, chúa lập ngay con trai trưởng Trịnh Vĩnh làm thế tử. Chúa nghĩ nên lập thế tử sớm, nếu trong anh em xảy ra chuyện tranh cướp, chúa sẽ nghiêm phạt, quyết không cho mầm loạn lớn dậy.

Hai năm sau, Trịnh Vĩnh chết bất ngờ. Chúa phong người em của Vĩnh là Trịnh Bách thay chức anh. Ba năm sau, Trịnh Bách theo gót anh về nơi chín suối. Chúa hai lần ngâm ngùi chôn con, tự nhủ tai họa xảy đến do ý trời.

Sau nhiều suy nghĩ họp bàn với quần thần, chúa quyết định phong cháu đích tôn, con Trịnh Vĩnh là Trịnh Bính lên ngôi thế tử. Đúng sáu năm, Trịnh Bính lặng lẽ từ già cõi đời.

Cái chết của người cháu làm chúa hoang mang. Dân gian xì xầm nhà chúa bao đời tạo nghiệp ác nay đến lúc phải trả. Con đường vinh quang có bóng dáng tử thần. Chúa cương quyết tiếp tục lập thế tử. Con Trịnh Bính là Trịnh Cương được chọn. Người ta chờ xem định mệnh khắc nghiệt có đến với người chất nộ của chúa.

Thấy Cương làm thế tử, hai con của Trịnh Bách là Trịnh Phất và Trịnh Luân tức giận do chúa bỏ cháu lập chất. Cả hai bí mật mưu phản, chủ tâm sát hại chúa và Trịnh Cương. Việc tưởng kín vẫn không qua khỏi cặp mắt tinh đời của chúa. Chúa buộc cả hai phải chết.

Năm năm sau, năm Kỷ Sửu 1709 chúa từ trần. Tuổi thọ ngoài bảy mươi. An Đô Vương Trịnh Cương nối nghiệp.

Chúa Trịnh Cương lên ngôi năm hai mươi bốn tuổi. Chúa tính nhân hậu, sùng đạo Phật trọng tăng ni. Chúa ra lệnh trùng tu chùa chiền, nhiều nhất là quê ngoại ở trấn Kinh Bắc. Chùa Phật Tích là nơi chúa thường đến lễ Phật.

Nghiệp ác bao đời xảy ra trong giòng họ làm chúa ray rút nghĩ suy. Cha con anh em mưu mô thâm độc tàn sát lẫn nhau. Chung quy cũng bởi xem cái Ta quá lớn nên coi nhẹ cái Tâm, khởi điểm dẫn đến sự giác ngộ. Ngã chấp lớn dẫn đến tai họa lớn. Hữu ngã thì luân hồi, vô ngã là Niết Bàn.

Chúa muốn lấy đức phá nghiệp, đích thân viết sách “Bảo Huấn” dạy hai con trai là Trịnh Giang và Trịnh Doanh. Lại nghĩ mưu biến loạn tranh giành quyền lực phần lớn do gia thuộc nhà chúa có quân lính riêng. Chúa buộc giải tán các đội binh ấy. Các đại thần như Nguyễn Công Hãng, Lê Anh Tuấn hết lòng phụ giúp chúa chăm lo việc nước. Chúa tôi bàn bạc cải cách có khi thâu đêm. Hàng ngũ quan lại được bổ sung những người chăm chỉ lo cho dân tình bớt cơ cực. Dân được khuyến khích khiếu nại khi gặp oan ức.

Đối với vua Lê, chúa trân trọng giữ đúng nghi lễ triều chính. Vua Dụ Tôn mến phục chúa. Hai họ Lê Trịnh giao hảo tốt đẹp.

Gần tuổi bốn mươi, chúa thường đau ốm. Những cơn nhức đầu khiến chúa choáng váng, xây xẩm. Một hôm, chúa đi lễ Phật tại chùa Phật Tích. Đang khi đàm đạo với sư cụ sau hậu liêu, chúa ngã bất tỉnh. Quận Công Trịnh Doanh vội phò chúa trở về. Giữa đường chúa mất, tuổi vừa bốn mươi. Người con trưởng Uy Nam Vương Trịnh Giang nối nghiệp.

Ngay thời Trịnh Giang còn làm thế tử, Tham Tụng Nguyễn Công Hãng được chúa cử làm bảo phó chuyên việc dạy học cho Giang đã mật tâu với chúa: Thế tử nhiều mê đắm, dễ tin người không nên giao trọng trách.

Chúa suy nghĩ rồi nói: Bỏ trưởng lập thứ là mưu họa chẳng nên làm. Cố lấy điều nhân nghĩa giáo huấn sẽ cảm hóa được.

Quả nhiên khi kế vị, chỉ sau vài năm, Uy Nam Vương Trịnh Giang bộc lộ bản chất. Chúa mê văn chương thi phú, thường mời văn quan yến tiệc xướng họa. Chúa mê âm nhạc, cho chế lễ nhạc dùng trong phủ đường, khi chúa xuất hành hoặc tuần du cũng có phường nhạc đi trước tấu nhạc tưng bừng. Triều đường mất uy nghiêm khác chi gánh hát. Chúa mê kiến trúc, hào phóng xuất tiền của xây dựng cung quán chùa chiền. Nào chùa Hồ Thiên, cung Từ Dương. Công quỹ cạn kiệt, lê dân lầm than oán trách. Chúa ăn chơi truy lạc, ngày đêm chìm đắm trong biển tình với đám cung nhân xinh đẹp do Quốc Công Hoàng Công Phụ tuyển chọn.

Công Phụ xuất thân từ hàng thái giám, giỏi xu nịnh được chúa tin yêu. Triều chính bị lũng đoạn, kẻ chính trực phản kháng bị phe Công Phụ tìm cách sát hại hoặc giam cầm táng gia bại sản. Vua Lê bị kết án hoang dâm vô đạo phải phế, cuối cùng bị buộc tự sát. Các đại thần bị bạc đãi. Chúa thù cả thầy là Nguyễn Công Hãng do biết vụ mật tấu năm xưa Công Hãng chê chúa bất xứng. Ngay người cậu ruột là Quận Công Trương Nhưng cũng bị bức tử.

Chúa bất chính, nhiều nơi nông dân nổi loạn chống chính quyền, chống áp bức bất công. Các lãnh tụ nông dân như Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, Nguyễn Danh Phương, Nguyễn Hữu Cầu... làm quân triều nhiều phen điều đứng.

Một lần khi tuần du ngoạn cảnh, chúa bị sét đánh tưởng vong mạng. Từ đó tâm thần rối loạn, thường lo sợ hốt hoảng như tai họa lúc nào cũng kề cận. Công Phụ xây cung Thượng Trì sâu dưới lòng đất để chúa ẩn thân, giao quốc sự cho người em Trịnh Doanh làm Nhiếp Chính Công.

Thái Phi và các đại thần họp mật, bàn với vua Lê tôn Trịnh Doanh lên thay anh, không thể để chúa làm xụp đổ cơ nghiệp. Mười năm qua, chúa không làm gì lợi cho đất nước.

Kết cuộc chúa Trịnh Giang bị phế. Hoàng Công Phụ bỏ trốn biệt. Minh Đô Vương Trịnh Doanh ngự trị phủ liêu, bắt tay xây dựng lại cơ đồ. Bắc Hà dần đi vào ổn định.

Hai mươi tám năm sau, năm Đinh Hợi 1767, chúa mất. Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm kế nghiệp phụ thân. Tân chúa được Quận Công Nguyễn Hoàn hết lòng dạy dỗ nhiều năm khi còn là thế tử. Trịnh Sâm thích kinh sử, bản chất thông minh nhưng tính tự cao và thâm thù chẳng ai sửa được.

Vừa nắm quyền lực, chúa nghĩ ngay đến việc trả mối hận với người anh rể: Thái Tử Lê Duy Vĩ, con vua Hiến Tôn.

Chuyện khi còn là thế tử, chúa nhận ra phong cách và tài năng của Duy Vĩ, con người khó khuất phục. Thậm chí chúa còn nghĩ Duy Vĩ khinh thị mình. Nguyễn Thái Phi, thân mẫu Tiên Dung Quận Chúa quá quý trọng chàng rể Duy Vĩ. Tự ái bị tổn thương, chúa cho Duy Vĩ là mối họa lớn đe dọa quyền lực của mình. Chúa tìm cách gán cho thái tử tội tư thông với cung nhân rồi buộc phải tự xử. Hai họ Lê Trịnh không còn hòa hiếu như thời chúa Trịnh Doanh.

Sau khi dẹp yên nội loạn. Năm Giáp Ngọ 1774, lợi dụng tình hình đang trong rối loạn, quyền thần Trương Phúc Loan thao túng cung đình chúa Nguyễn. Chúa Trịnh Sâm sai Việc Quận Công Hoàng Ngũ Phúc đem đại binh nam tiến. Quân Trịnh toàn thắng chiếm Phú Xuân rồi cả vùng Thuận Hóa. Tây Sơn Vương Nguyễn Nhạc về hàng phục nhà chúa, tình nguyện làm tiền phong tiêu diệt lực lượng chúa Nguyễn ở phương nam.

Quân Trịnh mang về bắc vô số báu vật cướp được của chúa Nguyễn tại kinh đô Phú Xuân. Chúa cho xây dựng sửa sang cung điện nguy nga tráng lệ. Chưa bao giờ lãnh thổ và uy quyền nhà chúa to lớn đến thế.

Mầm loạn trong gia tộc họ Trịnh, căn bệnh thâm căn cố đế, di truyền từ đời này đến đời nọ nay tái phát. Thụy Quận Công Trịnh Lệ, người em của chúa lại mưu giết anh đoạt ngôi vương bá. Việc bại lộ, chúa tha không giết nhưng tước đoạt binh quyền, tống giam trong ngục thất.

Chuyện anh em đã thế, chuyện lập con làm thế tử cũng lôi thôi.

Chúa lấy nguyên phi Ngọc Hoan khi còn là thế tử. Tháng chạp năm Quý Mùi 1763, Hoan sinh hoàng nam là Trịnh Tông. Tuy có con trai nhưng thế tử không vui, cho rằng Ngọc Hoan chưa phải vợ chính thức. Thế tử chẳng hề yêu Ngọc Hoan, tình cảm chúa dành cho nàng mỏng hơn giấy.

Mười hai năm sau khi lên ngôi, chúa vẫn chần chờ chưa chịu lập thế tử dù Trịnh Tông đã tròn mười tám. Quần thần dị nghị đoán chắc chúa say đắm Tuyên Phi Đặng Thị Huệ, ý muốn lập Trịnh Cán con Tuyên Phi kế tục làm chúa phủ liêu. Có người tâu chúa sự việc. Chúa nói: Tông ham võ hơn văn, thường mải mê chơi gà săn bắn cần được dạy dỗ.

Hồng Lĩnh Hầu Nguyễn Khản, thầy dậy học Trịnh Tông nghĩ điều chúa nhận xét về Tông đúng, nhưng bỏ trưởng lập thứ thì không nên. Đó là mầm họa rồi ren xã tắc. Lại nữa, Trịnh Cán quá nhỏ, hay bệnh tật, từng chạy chữa thuốc men tốn hàng vạn quan.

Trịnh Tông thấy cha xử bạc rất buồn. Cầm hận đổ trên đầu Tuyên Phi và người chú rể Huy Quận Công Hoàng Đình Bảo, nhân vật quyền thế, tay thân tín của Tuyên Phi.

Trịnh Tông bắt đầu mưu sự, cho người thân tín đi mua vũ khí. Tông đoán chắc nhiều đại thần sẽ ủng hộ mình.

Tháng chín năm Canh Tý 1780, chúa lâm trọng bệnh. Tông đoán chắc cha không qua khỏi, định cấu kết với trấn thủ các trấn Sơn Tây và Kinh Bắc làm cuộc đảo chính cung

đình đoạt ngôi vương bá. Nào ngờ chúa bình phục. Có kẻ tố cáo sự việc, chúa giận lắm nói với quần thần: Tội tên nghịch tử đáng phân thân chém đầu. Nhưng nó là con, ta tạm dung truất xuống làm con thứ, trọn đời chỉ làm bề tôi. Nó cũng không xứng tên Tông ta đặt, nay cải thành Trịnh Khải. Khải sẽ bị giam vô thời hạn tại hậu cung.

Những kẻ liên quan, người bị giam, kẻ bị giết. Trấn Thủ Sơn Tây Nguyễn Khản mất chức bị quản thúc. Cậu ruột chúa là Nguyễn Khắc Tuấn, trấn thủ Kinh Bắc phải tự sát.

Sau vụ Trịnh Khải, sức khỏe chúa suy yếu. Chúa sợ nắng gió ở lì trong cung, quần thần ít khi được gặp. Riêng Quận Huy và Tuyên Phi được thường xuyên gần gũi.

Hai năm sau, tháng chín năm Nhâm Dần 1782, chúa từ già cõi đời. Tôn Đô Vương Trịnh Cán mới năm tuổi lên kế vị. Quyền bính trong triều lúc này hoàn toàn do Quận Huy và Tuyên Phi quyết định. Trịnh Khải vẫn bị giam, kiểm chế khắc nghiệt hơn trước.

Dương Ngọc Hoan, mẹ Trịnh Khải lo lắng. Hoan sợ Tuyên Phi tìm cách hại Khải. Một mặt nhờ người nài nỉ Quận Huy nới lỏng quản chế. Mặt khác cấu kết những người thân, tìm cách mua chuộc ưu binh, xui chúng nổi loạn cướp chính quyền.

Từ thời chúa Trịnh Tùng, sau khi chiếm Thăng Long, chúa nghỉ ngại lòng dân vẫn nhớ nhà Mạc nên chọn người đồng hương Thanh Hóa thuộc ba phủ Thiệu Thiên, Hà Trung và Tĩnh Gia làm lính cận vệ, vừa bảo vệ kinh đô gọi là Lính Tam Phủ. Sau này chúa tuyển thêm lính xứ Nghệ. Những người theo vua Lê từ thuở ban đầu.

Qua nhiều đời chúa, lính Tam Phủ thiện chiến, dày công trận gọi là ưu binh. Ưu binh được trọng đãi nên kiêu căng, từng gây bạo loạn nhưng luôn trung thành với nhà chúa.

Ngọc Hoan tìm cách thuyết phục mua chuộc Nguyễn Bằng, viên biện lại đội thân binh người Nghệ An. Bằng có tài biện bác, dám nói dám làm.

Sáng ngày hai mươi bốn tháng mười, Ưu Binh hò hét tràn vào sáy phủ như sóng vỡ, thề quyết "*bấm xác thăng Quận Huy, bắt con đi Phù Đổng cho voi dầy ngựa xé*".

Quận Huy sau khi vùng kiếm giết chết vài tên Ưu binh, cuối cùng chịu chết thảm giữa bầy thú điên. Đám nội thị phò Đặng Tuyên Phi và ấu chúa Trịnh Cán thoát ra bằng cửa hậu.

Ưu binh tràn vào hậu cung. Chúng ôm Trịnh Khải đặt đại trên mâm gỗ, hò nhau khiêng ra ngoài tung hô vạn tuế mừng tân chúa. Khải bàng hoàng như sống trong mơ. Lễ đăng quang tân chúa Đoan Nam Vương Trịnh Khải kỳ dị chưa từng thấy. Ôn ào hỗn loạn. Chúa sững sờ khi nhìn thấy giữa sân phủ, thi hài Huy Quận Công Hoàng Đình Bảo bê bết máu nằm tênh hênh. Con đường vinh quang của tân chúa xây trên xác người còn tanh máu.

Một đám đông ưu binh rời sáy phủ, hò nhau kéo đi dùng gậy gộc búa rìu đập phá, nổi lửa đốt dinh cơ đồ sộ của Quận Huy nằm ngay cổng nam kinh thành.

Ngay hôm sau, chúa thiết triều phong Nguyễn Bằng chức Bằng Vũ Hầu. Ba quân ai nấy đều được phong thưởng chức tước và tiền bạc. Chúa hạ chiếu giáng Tôn Đô Vương Trịnh Cán làm Cung Quốc Công, buộc trở lại vai con thứ. Lại phế Đặng Tuyên Phi xuống hàng thứ dân. Chiếu ý mẫu thân, chúa phục chức cho chú là Thụy Quận Công Trịnh Lệ. Trịnh Lệ đang bị giam vì tội mưu phản. Quần thần có kẻ can ngăn nhưng ý chúa đã quyết.

Ưu binh được phong thưởng càng thêm kiêu hãnh. Chúng kéo nhau đi khắp nơi, nói là lòng diệt dư đảng Quận Huy và

Tuyên Phi. Ngày nào kinh thành cũng có nhà bị đốt phá cướp bóc. Muốn giết ai, chúng chỉ cần gán là thuộc đảng nghịch. Xác chết nằm giữa đường giữa chợ chẳng ai dám nhận chôn vì sợ liên lụy. Thăng Long nặng nề tang tóc. Dân chúng then gài cửa đóng không dám ra đường. Chúa chỉ biết phủ dụ, hào phóng quá mức đến độ ban thêm cho chúng “không đầu sấu”. Được quyền diên tên người mình muốn phong chức vị. Ưu binh vui mừng bớt gây loạn. Từ đây, dân gọi là bọn kiêu binh.

Cuối năm bồng xảy chuyện lạ. Tại kinh thành, một đêm trăng đang sáng bỗng tối mịt. Có tiếng nổ kinh thiên động địa kéo dài cả khắc. Người ta bảo trời cũng phần nộ lũ kiêu binh lộng hành. Có kẻ lại nói trời giận nhà chúa bất xứng.

Tháng giêng năm Giáp Thìn 1784. Nguyễn Bằng lại dẫn kiêu binh đến phủ chúa buộc chúa phải phế Duy Cẩn, lập Duy Khiêm làm thái tử. Chúa đang phân vân. Đám kiêu binh bên ngoài la như sấm dậy: Giết thằng Duy Cẩn, giết thằng Duy Cẩn.

Chúa hốt hoảng nhượng bộ. Thế là kiêu binh có công lập được cả vua lẫn chúa.

Nguyên sau khi Thái Tử Duy Vĩ bị chúa Trịnh Sâm mưu hại. Vua Hiến Tôn bối rối không biết đặt ai thay ngôi thái tử. Sau khi Trịnh Khải lên ngôi chúa, vua theo ý Thái Phi Dương Ngọc Hoan cho lập người em Duy Vĩ là Duy Cẩn làm thái tử. Ý Ngọc Hoan nếu lập Duy Khiêm con Duy Vĩ, sau này Khiêm sẽ tìm cách trả thù cha. Mối hiềm giữa vua chúa là mối nguy cho xã tắc.

Phần Nguyễn Bằng, Bằng nham hiểm muốn lập Duy Khiêm để chứng minh sức mạnh của kiêu binh, muốn là được.

Duy Khiêm được tấn phong mừng lắm. Khiêm nghĩ đây là cơ hội tốt để rửa mối hận trăm năm cho các tiên vương, vừa trả thù cha bị bức tử. Khiêm tâu với vua:

- Ba quân có công tôn phù, cháu nghĩ hoàng gia phải tỏ ra biết điều, chẳng phụ ơn người nghĩa khí.

Vua hỏi phải làm sao? Khiêm đã có chủ trương nên trả lời ngay:

- Thăng Khải đoạt cơ nghiệp do dùng tiền của mua chuộc ba quân. Nay ta mời ba quân vào cung Vạn Thọ đãi yến. Hoàng Tổ lựa lời chân thật phủ dụ, tìm cách kéo họ ngã hẳn về hoàng gia. Một khi ta có vây cánh thì họ Trịnh tất bị diệt.

Vua hiền hòa trầm tĩnh:

- Cháu là kẻ hậu sinh, chưa rõ ngọn ngành. Nhà Lê ta trung hưng, tái tạo được sơn hà là nhờ Thái Vương (Trịnh Kiểm) và Triết Vương (Trịnh Tùng). Uy quyền do vậy qui về vương phủ. Trải trên hai trăm năm, hai họ Lê Trịnh dựa vào nhau cùng tồn tại, thành cái thế bất dịch. Cháu nên hiểu thời thế, đừng liều lĩnh mang họa. Ông nghe ba quân thường cạy công xách nhiễu chúng dân. Ta dựa vào họ là chơi dao hai lưỡi, chẳng lợi cho xã tắc.

Thái tử lặng yên nhưng không bằng lòng suy nghĩ của ông.

Kiêu binh từ đấy gắn bó với hoàng gia, thường tụ tập rượu chè trong cung cấm. Phủ liêu được tin rất lo ngại.

Quốc Sư Nguyễn Khản, nay là Tham Tụng bàn với Quốc Cữu Dương Khuông, em ruột Dương Ngọc Hoan hiện làm Đô Đốc Trưởng Phủ:

- Tôi thấy cơ nguy đã rõ. Nay kiêu binh muốn tôn phù hoàng gia tước quyền phủ chúa. Để chúng đạt ý nguyện, ta chẳng còn đất mà chôn. Tôi với ông nay nắm chức trách, tôi

văn ông võ. Ta tâu chúa thượng tìm cách phản ứng. Chần chờ e không kịp hối về sau.

Cả hai tâu chúa. Chúa nói cứ tùy nghi mà làm. Dương Khuông bàn kế bề từng chiếc đũa. Khuông nói:

- Bọn kiêu binh vẫn tiếp tục tác quái sách nhiễu trong dân. Nay ta tuyển dũng sĩ, cứ tĩa từng thằng một. Khi thế mạnh sẽ thẳng tay triệt. Ta giữ phép nước, cứ công minh chính trực tất được lòng dân. Quân kia cuối cùng phải khuất phục.

Vài ngày sau, phủ liêu được tin vài chục kiêu binh lại tụ tập chèn chén trong hoàng cung. Chiêm Vũ Hầu Nguyễn Chiêm hăng hái nhận lệnh đem quân vây bắt. Khoảng ba chục kiêu binh bị bắt. Chúng vặn hỏi Nguyễn Chiêm: Chúng ta phạm tội gì mà bắt? Chiêm nghiêm khắc: Chúng bay ngang nhiên tụ tập là đủ kết tội. Cứ ra trước cửa công trả lời.

Nguyễn Khả và Dương Khuông xử án tử bảy tên, ban thưởng Nguyễn Chiêm.

Bảy kiêu binh bị xử tử công khai làm dân kinh thành hãi hãi. Có kẻ lạc quan nói kiêu binh từ nay hết dám hoành hành. Thậm chí kiêu binh đi một mình có thể bị dân lén giết chết.

Thấy cơ nguy, kiêu binh nhóm họp, quyết không để đồng bọn tiếp tục bị sát hại. Chúng quyết định trả thù. Tin đồn lan khắp Thăng Long. Kiêu binh sẽ làm cỏ phủ liêu, tàn phá kinh thành. Nhiều kẻ cẩn thận cùng gia quyến rời xa vùng nguy hiểm.

Sáng hôm sau, trời mờ sương lạnh. Kiêu binh gươm giáo tuốt trần lũ lượt kéo đến vây nhà Nguyễn Khả và Dương Khuông. Dinh cơ nguy nga của giòng họ Nguyễn chỉ trong buổi sáng bị đốt phá tan tành. Bao nhiêu bộ sách quý giá sưu tập mấy đời thành tro. Nguyễn Khả cùng gia quyến thoát chạy lên Sơn Tây. Dinh cơ Quốc Cữu Dương Khuông cũng bị

phá tan nát. Dương Khuông chạy trốn vào sủy phủ. Kiêu binh kéo tới bao vây, gào thét buộc chúa phải trao Dương Khuông và Nguyễn Chiêm cho chúng trừng trị.

Dương Ngọc Hoan thấy thế nguy, đích thân ra van nài. Kiêu binh la ó: Không nói chuyện với đàn bà. Nếu không giao hai thằng Khuông Chiêm, chúng ta quyết phá tan cung điện nhà chúa.

Ngọc Hoan thất thểu bước vào. Dương Khuông lên ra cửa hậu, Chiêm Vũ Hầu Nguyễn Chiêm đứng nín lặng. Chúa dăm chiêu rử rượi. Không khí nặng nề căng thẳng. Ngoài kia, kiêu binh vẫn la ó vang trời: Giết người đền mạng. Nợ máu trả máu.

Nguyễn Chiêm lên tiếng:

- Tâu chúa thượng, lũ lang sói bất chấp phải trái. Cung khuyết lâm nguy, Nguyễn Chiêm hưởng lộc chúa nay xả thân vì chúa.

Nói xong Chiêm hiên ngang bước ra. Chúa ghen ngào không nói nên lời.

Giết xong Nguyễn Chiêm, kiêu binh hả giận rút lui. Chúa muốn ổn định, hạ chiếu giáng Nguyễn Khả và Dương Khuông xuống hàng thứ dân.

Quốc Sư Nguyễn Khả cùng gia nhân thoát chạy lên trấn Sơn Tây, nương nhờ người em là Diên Nhạc Hầu Nguyễn Điều hiện làm Trấn Thủ. Nghe anh kể nguồn cơn, Nguyễn Điều giận lắm. Điều nói:

- Ngày huynh trưởng về triều, đệ đã lo cái nạn kiêu binh. Chúa thượng chơi dao đứt tay. Nhưng huynh yên tâm, đệ đã có kế sách. Kiêu binh gây oán thù lòng dân căm ghét. Nay ta liên kết binh các trấn, bí mật tìm cách đưa chúa thượng thoát ra ngoài, sau đó ta lập binh "Tôn Vương" về kinh trừ bọn bạo ngược.

Kế hoạch xúc tiến tốt. Thạc Quận Công Hoàng Phùng Cơ trấn thủ Sơn Nam cho con trai về kinh tìm cách đưa chúa thoát ra. Việc bại lộ, kiêu binh canh gác kỹ, chúa đành ở yên trong phủ không liên lạc được bên ngoài.

Đoàn quân “Tôn Vương” tuy không tiến về kinh thành nhưng ra tay tàn sát kiêu binh ở các trấn. Hàng ngàn kiêu binh bị giết. Thậm chí dân quân cứ nghe ai nói giọng Thanh Nghệ là giết không nương tay. Nhiều người chết oan ức. Kiêu binh hoảng sợ rút hết về kinh thành. Cái khí thế hung hăng tàn bạo cũng nguôi dần.

Cuối năm Đinh Tỵ 1785, tình hình tạm yên. Đồng bằng miền bắc lại bị nạn sâu vàng tàn phá. Lúa mạ tổn hại nặng nề. Tháng giêng năm sau, năm Bính Ngọ 1786, kinh thành và các trấn đói to. Xác chết gối lên nhau như củi. Chúa hạ lệnh trong dân ai nộp lúa thóc được phong quan chức. Dân chán nản không hưởng ứng. Chúa gắt gao buộc nhà giàu phải mở kho xuất lúa. Nhiều kẻ tiếc của mà rơi đầu.

Trời sinh điềm lạ. Trong phủ liêu, hàng ngàn quạ từ đâu bay tới đậu kín các mái nhà, cây cối kêu ù tai nhức óc. Có tiếng đồn quạ khóc cơ nghiệp vua chúa bại vong. Người khác cãi, cho là quạ mừng. Cái cơ nghiệp vua Lê chúa Trịnh đáng phải sụp đổ. Mầm bất mãn có sẵn trong dân. Đã bao năm lầm than cơ cực, dân muốn có đổi thay đem lại bình an, cơm no áo ấm. Đám quan lại, trí thức khoa bảng mũ cao áo dài quen phục tùng, cúi đầu hưởng ơn vua lộc nước, mấy ai dám dấn thân làm cuộc đổi đời cứu dân thoát cảnh tai ương.

Bấy giờ tại thành Qui Nhơn, kinh đô nhà Tây Sơn. Danh sĩ đất bắc Nguyễn Hữu Chỉnh biết rõ nội tình Bắc Hà. Chỉnh mừng rỡ quyết tâm khai thác cơ hội nghìn năm. Đất bắc khác chi căn nhà vô chủ. Con đường bại vong của họ Trịnh đếm

từng ngày. Vua Lê chỉ là cái bóng của nhà chúa. Trịnh đồ Lê tàn.

Hữu Chỉnh người huyện Chân Phúc Nghệ An. Năm mười sáu thi đỗ Hương Cống (cử nhân), nổi tiếng thông minh văn hay chữ tốt. Chỉnh hào hoa phong nhã, thường có mặt ở chốn ăn chơi thanh lịch. Dân Thăng Long quen gọi Cống Chỉnh.

Văn hay võ giỏi, Chỉnh thi võ đỗ tam trường. Thiên hạ thêm trọng nề.

Chỉnh xuất thân là gia tướng của Việp Quận Công Hoàng Ngũ Phúc. Khi Quận Việp cất quân chinh nam chiếm Phú Xuân rồi Thuận Hóa. Chỉnh được cử làm sứ giả chiêu dụ Tây Sơn Vương Nguyễn Nhạc hàng phục chúa Trịnh. Nhạc đãi Chỉnh như thượng khách. Khi Quận Việp chết, Chỉnh làm thuộc tướng cho Huy Quận Công Hoàng Đình Bảo, con nuôi Quận Việp. Quận Huy dụng binh giỏi, tướng sĩ nể phục. Chỉnh chỉ huy thủy binh lập nhiều chiến công, từng đánh tan bọn giặc bể người Tàu quấy phá vùng biển Thanh Nghệ.

Quận Huy cuối cùng chết thảm dưới tay kiêu binh. Chỉnh biết không sớm thoát thân tai họa sẽ đến. Chỉnh có ý làm phản, ngầm liên kết với các tướng cũ của Quận Huy chiếm Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, chia đôi giang sơn với chúa Trịnh.

Việc không thành. Chỉnh cùng gia quyến trốn vào Quy Nhơn phù Nguyễn Nhạc. Vua Tây Sơn được Chỉnh mừng lắm, dùng Chỉnh như quân sư.

Được trọng dụng nhưng Chỉnh vẫn buồn. Thân nam nhi chưa nên danh phận đã lưu lạc tha phương, nương nhờ dưới trướng người. Chỉnh khát vọng có ngày trở lại cố hương, xây dựng sự nghiệp thỏa chí nam nhi.

Tình hình rối loạn của Bắc Hà như ánh sáng cuối đường hầm, là con đường đưa Chính trở về quê nhà nếu biết khai thác thời cơ. Chính quyết tâm hành động.

Thực hiện từng bước. Trước tiên, Hữu Chính thuyết phục vua Tây Sơn chiếm Thuận Hóa. Nhà vua bằng lòng. Cuối tháng tư năm Bính Ngọ 1786, ba cánh quân Tây Sơn do Long Nhương Tướng Quân Nguyễn Huệ, Tả Tướng Vũ Văn Nhậm, Hữu Tướng Nguyễn Hữu Chính chỉ huy tiến đánh Phú Xuân.

Quân Tây Sơn tiến nhanh như bão, chỉ trong nửa tháng hạ thành Phú Xuân, kiểm soát toàn bộ Thuận Hóa. Ba vạn quân Trịnh bị tàn sát thảm thương. Biết Nguyễn Huệ háo thắng và tham vọng. Mười năm dụng binh, chỉ huy trăm trận chưa từng thất bại, Huệ luôn là kẻ chiến thắng. Chính thuyết phục Huệ đánh Bắc Hà.

Chính nói có lý. Phần Nguyễn Huệ chần chờ không dám vi lệnh hoàng huynh. Huệ biết vua Tây Sơn chưa hề có tham vọng chiếm miền bắc. Vua chủ trương chia đôi bờ cõi. Nhưng hình ảnh Bắc Hà giàu có và những báu vật trên hai trăm năm họ Trịnh tích lũy lại rất hấp dẫn, cứ luẩn quẩn loanh quanh trong đầu Huệ.

Vài hôm sau, Hữu Chính đánh đòn quyết định. Chính nói Bắc Hà là đất trời dành cho Tây Sơn. Nếu chậm tay sẽ bị người khác chiếm. Vả lại trong binh pháp, tướng nơi biên cương có khi phải vi lệnh. Gây thêm niềm tin, Chính lấy thủ cấp của mình bảo chứng, lại tình nguyện làm tiền phong dẫn thủy binh ra bắc đánh chiếm cứ điểm Vị Hoàng ở Sơn Nam. Vị Hoàng là nơi dự trữ lương thực của quân Trịnh. Mất Vị Hoàng, quân Trịnh sẽ tan rã.

Đến nước này không thể cưỡng lại. Nguyễn Huệ quyết định bắc tiến.

Tại kinh đô Thăng Long, Doan Nam Vương Trịnh Khải liên tiếp nhận hung tin.

Đầu tháng sáu tin Thuận Hóa mất. Chúa cũng như quần thần chưa lấy làm lo vì cho Thuận Hóa vốn là đất chúa Nguyễn. Chỉ hai tuần sau, từ nhà chúa quan lại, kể cả thứ dân như ngồi trên lửa. Nghệ An rồi Thanh Hóa lần lượt rơi vào tay giặc. Không ai ngờ quân Tây Sơn ngang nhiên phạm cõi.

Thái Đình Hầu Trịnh Tự Quyền nhận lệnh chúa, chỉ huy đại binh gồm hai mươi bảy quân cơ tiến vào Thanh Hóa ngăn địch. Quân Trịnh di chuyển chậm chạp. Tiền quân vừa đến địa phận Sơn Nam đã nghe tin kho lương Vị Hoàng thất thủ. Chúa sai Liễn Trung Hầu Đình Tích Nhưông đưa năm đội thủy binh tăng cường bị quân Nguyễn Hữu Chính đánh tan tại cửa Luộc. Thủy binh vỡ, cánh quân của Tự Quyền bỏ mặt trận tháo chạy.

Thăng Long hốt hoảng náo loạn. Dân dắt díu nhau tìm đường lánh nạn. Ngay đám quan lại nhiều kẻ cũng bỏ trốn. Chúa nghe quần thần bàn, cho di tản hoàng tộc ra ngoại thành.

Đang lúc nguy cấp, Thạc Quận Công Hoàng Phùng Cơ và tám vị công tử kéo quân về Thăng Long trợ chiến. Gặp vị lão tướng, chúa mừng rỡ như kẻ chết đuối gặp phao. Chúa hỏi:

- Quốc gia nguy biến. Khanh về kinh chắc có kế sách hay?

Quận Thạc đáp:

- Tình hình nguy ngập. Cha con thần sẽ điều quân đến Thanh Trì lập chiến tuyến ngăn giặc. Chúa thượng lấy quân năm doanh bày thế trận bảo vệ kinh thành. Cho dù giặc tấn công, ta vẫn cố thủ chờ viện binh các trấn.

Chúa y kế. Rút thanh bảo kiếm tượng trưng uy quyền nhà chúa trao cho vị lão tướng. Lại xuất năm nghìn lạng bạc khao thưởng ba quân trước khi xuất chinh. Chúa ở thế nguy, dốc vốn liếng đánh ván bài cuối.

Quận Thạc dẫn quân đi dưới nắng chói mùa hạ. Quân sĩ mệt mỏi, lưng áo đầm mồ hôi. Xế trưa, Quận Thạc cho dừng quân nghỉ lo cơm nước. Quân sĩ tụ tập chuyện trò dưới những tàng cây, đội ngũ phân tán. Tất cả đều nghĩ quân Tây Sơn muốn tiến đến Thăng Long phải mất dăm ngày. Có kẻ lại bàn địch chưa dám đánh Thăng Long.

Bỗng tiếng reo hò dậy đất. Quân Tây Sơn từ nhiều hướng tấn công, dùng Hỏa Hổ tức súng phun lửa bắn tràn. Chiến trường mù mịt lửa khói.

Quân Trịnh võ nhanh chóng tìm cách rút. Quận Thạc cưỡi voi được các con che chở cố thoát trùng vây. Sáu người con tử trận. Quận Thạc mở đường máu rút chạy. Quân Tây Sơn theo hai đường thủy bộ tiến vào Thăng Long.

Tại Thăng Long, chúa Trịnh Khải cho điểm binh từ sáng sớm. Chưa có mặt trời nhưng nóng nực oi bức lạ thường. Xế trưa, trời nổi cơn giông. Cây đại kỳ thụ ba chữ Đoan Nam Vương bằng kim tuyến như xiêu đổ. Trời đổ mưa. Mưa như trút hết nước trời. Quân sĩ vẫn bền chỗ vì trên lầu Ngũ Long Đoan Nam Vương đích thân thúc trống.

Xế chiều, có tiếng quân reo ngựa hí văng vẳng từ xa. Mọi người đoan chắc giặc đã đến gần. Chúa vừa nhận tin quân Quận Thạc tan vỡ.

Có tiếng loa vang: Chúa thượng truyền ba quân chuẩn bị lâm trận.

Đoan Nam Vương mặc chiến bào vàng, thắt lưng đỏ, đầu đội mũ đầu mâu tự tay nổi trống. Tiếng hô “Vương gia vạn tuế” vang trời. Tướng sĩ tràn khí thế quyết tâm ngăn giặc.

Thủy binh Tây Sơn do Nguyễn Hữu Chỉnh chỉ huy đến bến Tây Long, bỏ thuyền tràn lên bờ. Quân Trịnh toán nổ súng, toán dùng cung tên bắn như mưa về hướng địch. Quân Tây Sơn không lùi, từng bước chậm chạp tiến lên.

Trời nhá nhem tối. Tại cổng thành phía đông, cánh quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy lâm trận. Quân Tây Sơn dùng súng phun lửa bắn rát. Chiến trường dậy lửa lẫn tiếng la hét, tiếng rên siết, tiếng nguyện rửa. Quân Trịnh núng thế. Chúa thấy thế nguy, cưỡi voi xông trận. Quân Trịnh lên tinh thần nhưng quân Tây Sơn tiến như sóng vỡ. Lốp này ngã lốp khác lên. Quân Trịnh từng mảng tan vỡ.

Người quản tượng hét lớn: Chúa thượng mau cưỡi ngựa, kíp bỏ voi dùng ngựa. Nguy ngập rồi!

Thế cờ không thể đảo. Chúa thay áo, lên ngựa thoát chạy về hướng bắc. Thành Thăng Long thất thủ...Cơ nghiệp hai trăm năm của họ Trịnh sụp đổ chỉ trong hai tuần lễ.

Vài ngày sau, chúa đến làng Hạ Lôi huyện Tiên Lãng. Quen sống vương giả nay gặp bước gian truân, chúa rã rời mỗi mệt, cay đắng nếm cảnh bèo giạt mây trôi. Đi về đâu bây giờ khi cơ đồ đổ nát. Nghe nói tiến sĩ Lý Trần Quán hiện ở trong làng, chúa muốn tìm chỗ nương náu. Nào ngờ, người học trò của Lý Trần Quán là Nguyễn Trang lại lừa bắt chúa nộp quân Tây Sơn lĩnh thưởng.

Trên đường bị giải về Thăng Long, chúa xót xa căm hận. Bao đời tổ phụ lừng lẫy uy quyền, nay chúa hèn không nổi được nghiệp tổ, làm kẻ tội đồ nhục nhã trăm phần. Chúa dùng dao tự sát. Năm ấy chúa mới hai mươi bốn tuổi.

Tại thành Qui nhơn, Thái Đức Hoàng Đế Nguyễn Nhạc nghe tin Nguyễn Huệ tiến quân đánh Bắc Hà đã chiếm Thăng Long. Vua hốt hoảng trước tính toán liều lĩnh của

người em, vội đem hai nghìn quân khẩn cấp ra bắc buộc Nguyễn Huệ trở về.

Một tuần ở Thăng Long, Nguyễn Huệ nhận ra tình hình Bắc Hà rất phức tạp. Các thế lực chống đối còn nhiều. Người dân vẫn xem Tây Sơn như người nước ngoài xâm lược. Oán thù đổ trên đầu Nguyễn Hữu Chỉnh. Chỉnh mang tội công răn cắn gà, rước voi dây mả tổ.

Nguyễn Huệ vâng lệnh vua Tây Sơn trở về nam, nhưng quyết định để Chỉnh ở lại. Với Huệ, Chỉnh tài năng mưu lược. Một thứ ngựa bất kham khó khuất phục, một thứ hiểm họa cần diệt trừ. Nguyễn Huệ muốn mượn chính bàn tay dân bắc tiêu diệt Chỉnh.

Tháng bảy, vua Lê Hiến Tôn mất. Thái tử Duy Khiêm kế vị tức Lê Chiêu Thống.

Trung tuần tháng tám, quân Tây Sơn bất ngờ rút. Vua Chiêu Thống than thở: Họ đem quân ra cướp sạch tiền của kho tàng. Nay bỏ đi để lại cho ta một nước trống rỗng!. Tuy nói thế nhưng thâm tâm vua hàm ân Tây Sơn và Nguyễn Hữu Chỉnh. Kẻ đã giải cho vua mối thù truyền kiếp với họ Trịnh.

Vua bắt đầu gây dựng lại thế lực vương triều, mộ binh, cất đặt quan chức. Lại hạ chiếu với những người có lực lượng quân sự ở các trấn về kinh. Thạc Quận Công Hoàng Phùng Cơ ở Sơn Tây, Liễn Quận Công Đinh Tích Nhưỡng ở Hải Dương, Ngự Sử Dương Trọng Tế ở Gia Lâm. Mỗi người còn nắm quyền chỉ huy hàng vạn quân.

Có người vua không gọi nhưng lại trở về với vài nghìn quân, không phải để phù vua nhưng muốn lập lại phủ chúa, chiếm ngôi vương bá. Đó là Thụy Quận Công Trịnh Lệ, người em Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm. Trịnh Lệ từng bị kết tội mưu phản.

Quân Trịnh Lệ từ Hải Dương về đến Thăng Long lại gặp toán quân Dương Trọng Tế từ Gia Lâm kéo sang. Tế về kinh do chiếu chỉ của vua.

Trọng Tế vốn là văn quan, đỗ tiến sĩ. Trước kia có công tố cáo Trịnh Lệ mưu phản. Nay gặp lại Trịnh Lệ. Thấy Lệ khí thế hung hăng ý muốn trả thù. Tế sợ hãi xin đầu hàng chuộc lỗi xưa vì chưa từng cầm quân đánh giặc.

Ngay buổi tối, Tế phò Lệ vào phủ Tây Long nổi trống họp quần thần tôn Trịnh Lệ lên ngôi chúa. Quần thần không ai dám đến. Vua Lê cả giận hạ chiếu trách cứ. Dương Trọng Tế thị uy xé chiếu chỉ.

Vua căm tức. Quần thần chê Trịnh Lệ và Trọng Tế ngạo mạn, nhưng lại khuyên vua không nên bỏ họ Trịnh vì nhiều người còn ngả về chúa. Vua cân nhắc. Cuối cùng vua cho triệu Côn Quận Công Trịnh Bồng hiện đang ở huyện Chương Đức hồi triều. Bồng là con Uy Nam Vương Trịnh Giang. Vua vẫn khen là người phúc hậu nhân đức.

Trịnh Bồng về kinh. Đám Trịnh Lệ và Dương Trọng Tế thấy Trịnh Bồng được nhiều người ủng hộ, tự động kéo quân ra khỏi kinh thành. Vua Lê phủ dụ Bồng, phong tước quốc công, được hưởng bổng lộc nhưng không cho tham dự triều chính.

Đinh Tích Nhưỡng không bằng lòng quyết định của vua. Ý Nhưỡng muốn lập lại tất cả như cũ. Ý có sức mạnh quân lực, Nhưỡng cho hàng vạn quân đóng khắp kinh thành làm áp lực. Vua cương quyết không nhượng bộ. Tình hình căng thẳng. Đinh Tích Nhưỡng như muốn động binh. Hoàng Phùng Cơ từ Sơn Tây kéo quân về lại hòa theo Nhưỡng. Các hoàng thân và quần thần sợ biến loạn, khóc lóc nài nỉ vua mềm mỏng. Cuối cùng, vua nuốt hận phong Trịnh Bồng làm Yến Đô Vương.

Yến Đô Vương lên ngôi, bổ nhiệm Hoàng Phùng Cơ, Đinh Tích Nhưỡng làm Đô Đốc. Lại gọi Dương Trọng Tế về triều cho giữ bộ hộ. Tân chúa đã có vây cánh. Vua Lê vẫn trở lại kiếp bù nhìn như bao đời tổ phụ. Từ đó, vua sống âm thầm nhưng vẫn nuôi chí phục hận.

Ít lâu sau, Dương Trọng Tế khuyên chúa phế vua. Tế từng phản bội nhà vua nên sợ bị trả thù. Chúa nghe lời Tế, sai thủ hạ đem quân định chiếm hoàng cung. May thay Hoàng Phùng Cơ biết kịp đem quân ngăn cản. Cơ không muốn biến loạn, hơn nữa vua chưa đến nỗi gì phải bỏ.

Vua biết chuyện càng căm thêm. Nghĩ đến cùng, vua quyết định mật chỉ Nguyễn Hữu Chỉnh về kinh dẹp quyền thần, đoạt lại quyền uy. Vua nhận định chỉ có Chỉnh dám làm và làm nên chuyện.

Nguyễn Hữu Chỉnh bị anh em Tây Sơn bỏ rơi. Chỉnh căm lắm nhưng không dám tỏ ý chống đối vì biết Tây Sơn rất mạnh. Dân trấn Thanh Nghệ cũng thù Chỉnh, chỉ chờ thời cơ sát hại. Chỉnh buộc phải phòng thân, ngầm loan truyền tin Chỉnh được vua Lê phong chức Bằng Lữ Hầu. Chỉnh ra lệnh tuyển mộ lính. Ai vi lệnh bị giết tức khắc. Chẳng bao lâu, Chỉnh có binh lực mạnh.

Nhận mật chỉ vua Lê. Chỉnh mở cờ trong bụng cất quân tiến ra Thăng Long. Cơ hội nghìn vàng giúp Chỉnh trở thành nhân vật quyền lực nhất đất bắc.

Quân Chỉnh tiến nhanh, dễ dàng dẹp tan quân Trịnh. Đinh Tích Nhưỡng rút về Hải Dương. Hoàng Phùng Cơ kéo quân về trấn Sơn Tây. Chúa Trịnh hoảng kinh cử Dương Trọng Tế đem đại quân ngăn chặn. Tế kéo quân đi, nhưng thay vì ngăn địch lại bỏ chạy về Kinh Bắc. Chúa vội bỏ kinh thành vượt sông Hồng chạy trốn. Dân chúng lại một phen

kinh hoàng chạy loạn. Trong lòng mỗi người tràn ngập xót xa vì chỉ còn vài ngày nữa là tết Đinh Mùi 1787.

Biết chúa bỏ chạy. Vua Lê hạ lệnh hỏa thiêu phủ chúa. Cả một dãy trên năm mươi cung điện nguy nga nằm đối diện hồ Hoàn Kiếm thành tro bụi. Lửa cháy ngút trời mười ngày chưa dứt. Công trình hai trăm năm xây dựng tốn bao mồ hôi tiền của. Khi tàn phá chỉ mất vài ngày. Giữa cảnh điêu tàn khói lửa, đoàn quân Nguyễn Hữu Chỉnh tiến vào Thăng Long. Vua Lê cùng quần thần ra tận cửa thành đón đoàn quân chiến thắng.

Yến Đô Vương Trịnh Bồng vượt sông Hồng chạy lên Kinh Bắc. Vài chục thủ hạ theo chúa cứ rơi rụng dần. Cuối cùng, chúa đành đến Hàm Giang nương nhờ Đinh Tích Nhưỡng. Dù thâm tâm chúa chẳng ưa gì người này.

Lợi dụng danh nghĩa của chúa, Nhưỡng liên kết được với quân Sơn Nam. Hai đạo quân kết hợp được trên hai vạn. Cùng lúc ấy, Dương Trọng Tế ở Gia Lâm và Hoàng Phùng Cơ ở Sơn Tây củng cố binh lực. Tất cả hô hào tiến về kinh diệt Nguyễn Hữu Chỉnh. Chúa vui mừng. Với số quân như thế, thắng lợi nằm trong tầm tay.

Các tin đồn tới tấp bay về kinh. Vua Chiêu Thống lo sợ hỏi Chỉnh cách đối phó. Chỉnh cười:

- Bệ hạ chớ lo nghĩ nhọc lòng. Quân các trấn tuy đông nhưng ô hợp. Trọng Tế ví như loài chồn cáo phản trắc. Thần cho nó một trận là xong. Hoàng Phùng Cơ già yếu, chủ quan. Cơ ví hấn như hổ dữ, còn ta là nai tơ. Ta dùng kế dụ hấn, nếu không biết điều, hấn phải trả giá đắt. Đinh Tích Nhưỡng thô lỗ cộc cằn. Quân lệnh bất nghiêm, dân tình chẳng ưa gì. Trịnh Bồng nương cậy bọn này làm con đường đưa hấn trở lại ngôi chúa tể. Thần sẽ làm ước mơ của hấn thành bọt biển. Bệ hạ chờ xem...

Ngày hôm sau, Chinh cùng hai bộ tướng Nguyễn Như Thái và Hoàng Viết Tuyền chia ba cánh quân cùng tiến.

Trọng Tế đứng trên chiến lũy thấy quân Chinh dũng mãnh, dùng Hỏa Hổ phun lửa đỏ trời. Quân của Tế bỏ thành lũy tháo chạy. Tế luống cuống lên ngựa thoát thân. Cuối cùng bị bắt sống giải về kinh. Vua Lê truyền dẫn Tế đến Thái Miếu, đục tên trong bảng tiến sĩ rồi chém bêu đầu.

Quân Chinh tiến đánh Sơn Tây. Hoàng Phùng Cơ trở tay không kịp bị bắt sống tại trận. Chinh buộc Cơ uống thuốc độc tự sát.

Đinh Tích Như nghe tin Chinh đại thắng, lòng hoang mang lo sợ. Khi quân Chinh kéo đến tấn công, quân Như rối loạn không dám chống cự. Như vượt sông tẩu thoát. Chúa Trịnh Bồng chạy lên phía bắc lập chiến lũy tại ấp Hạ Lôi. Mấy trăm dân ấp một lòng vì chúa tử thủ chờ tiếp viện.

Quân Chinh liên tục công thành hàng chục ngày không phá nổi. Chinh tức giận sai Viết Tuyền chặn các nẻo vận lương thực. Dân quân trong ấp lâm cảnh đói khát cùng cực, mở đường máu tháo chạy. Nguyễn Như Thái tiến quân tràn vào ấp. Thái cho quân nổi lửa đốt phá. Tàn sát bất kể đàn bà trẻ con. Tiếng kêu thét xé trời.

Yến Đô Vương trước cảnh thê lương ôm mặt khóc ngất. Những giọt nước mắt của kẻ chiến bại. Chúa lên ngựa lao vào bóng đêm.

Từ đó chúa giả dạng khách thương, lang bạt hết Sơn Nam rồi Hải Dương, Kinh Bắc... Đi đâu cũng thấy hoang tàn đổ nát, tang thương chết chóc. Tiếng khóc than ai oán đuổi theo bước chân chúa. Hình ảnh thê thảm chúa chứng kiến tại ấp Hạ Lôi. Dân ấp một lòng vì chúa, dùng cả búa rìu cuốc xẻng cày bừa làm vũ khí ngăn giặc. Xác chết đủ cỡ đủ loại gối chồng lên nhau. Có bé thơ vẫn ngậm vú người mẹ đã

chết xác bê bết máu... Đêm đêm chúa không yên giấc, trong mơ vẫn nghe vắng vắng tiếng khóc oan hồn.

Tất cả vì mình. Chúa nghĩ thế. Trót sinh ra vào cửa đế vương, từ thuở thiếu thời mắc ngay căn bệnh đam mê quyền lực. Căn bệnh tám đời di truyền trong giòng họ Trịnh. Căn bệnh giết chết lòng nhân ái dùm bọc yêu thương lẽ ra phải có giữa những người chung nguồn cội, chung giòng máu. Căn bệnh đổ bao tai họa trên đầu lê dân. Ngai vàng họ Trịnh xây trên những mưu toan ác độc. Trên mồ hôi, máu nước mắt.

Hai trăm năm ác nghiệp cao ngất. Đã đến lúc phải tỉnh ngộ. Không mãi đắm chìm trong bến mê tăm tối.

Thấm thía nỗi đau của kiếp phù sinh. Thân quen nhưng lựa nay sống cảnh bèo mây trôi giạt. Lẽ ra, chúa phải tỉnh thức ngay khi còn nường thân tại chùa Chương Đức. Vị sư già bao đêm vì chúa cởi mở tắc lòng. Sư thường bảo Phật ngày xưa từ bỏ tất cả tìm đường giác ngộ. Nay chúng sinh cứ mãi đắm chìm trong bể khổ bến mê... Luẩn quẩn trong vòng luân hồi nghiệp chướng.

Dân Việt nay đã kiệt sức. Vua chúa bất lực. Vai trò lịch sử của họ Trịnh phải kết thúc, nhường vị minh quân hồi sinh sức sống cho dân tộc.

Đã qua những ngày nắng hạ. Thu lại về. Chúa lên đến Lạng Sơn, vùng rừng núi người thưa đất rộng.

Một buổi chiều khi mặt trời vừa khuất sau rặng núi phía tây. Chúa dừng chân ven suối. Lặng nghe tiếng chuông chùa từng giọt âm vang. Chúa ngồi dưới gốc cổ thụ đếm đủ một trăm linh tám tiếng.

Chúa dầm mình trong giòng suối mát. Giòng chảy khoan khoái nhẹ nhàng phủ khắp thân mình. Chúa thấy lòng nhẹ tênh, bao vương vấn bụi đời trôi theo giòng nước biếc...

Người đời sau kể rằng: Yến Đô Vương Trịnh Bồng từ đó nung nấu cửa Phật. Pháp danh Hải Đạt Thiền Sư.

Cuối năm Mậu Thân 1788. Hai mươi vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy xâm lấn nước Việt. Đoàn quân Tàu trên đường tiến quân tàn phá tất cả thôn làng vùng Lạng Sơn. Dân trốn chạy ẩn náu trong núi rừng sâu thẳm.

Sau khi quân Thanh bị vua Quang Trung đánh bại. Dân lục tục trở về làng xưa. Tất cả hoang tàn đổ nát. Ngôi chùa cùng chung số phận, chỉ còn đồng gạch vụn khói lạnh hương tàn.

Hải Đạt Thiền sư từ đó biệt tích...

Hồng Nhan

Lại mang lấy một chữ tình...
Nguyễn Du

Ông Đồ Đặng gặp vận mạt. Mười mấy năm miệt mài đèn sách, học như vạc kêu. Ba lần thi ba lần hỏng. Hồ lều chõng tủi bút nghiên. Quê ông làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, trấn Kinh Bắc vốn đất văn hiến, nhiều người đỗ đạt ông cống ông nghè.

Ba lần đầu hỏng thi, ông Đồ Đặng tủi phận hẩm hiu. Đau khổ nhất, ông đã phụ lòng người vợ sớm hôm tần tảo nuôi chồng ăn học. Bà chỉ mong có ngày chồng đỗ đạt vinh qui bái tổ áo gấm về làng. Bà được hưởng cảnh vông anh đi trước vông nàng theo sau. Ông nói với vợ:

- Cái số tôi mạt. Chắc do đức mỏng tài hèn. Một lần thi một lần ê chề. Thôi đành mẫn kiếp làm anh đồ nghèo gõ đầu trẻ.

Bà khuyến khích:

- Mới thi dăm lần sao thấy vội nản. Sách có chữ hữu chí cánh thành. Văn đức mãi nên già, khoa cử trải nhiều mới sõi. Thầy cứ tận sức, tin tưởng ở trời. Trời cao có mắt chẳng phụ công người mài miệt sách đèn.

Ông đồ chiều ý vợ tiếp tục sử kinh.

Tàn thu năm Đinh Hợi, năm thứ nhất đời chúa Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm. Ông Đồ thêm một lần lều chõng lên kinh ứng thí.

Đến kinh đô, ông trọ tại phường Giảng Võ. Khu dành cho những sĩ tử phương xa nghèo khổ, hoặc loại đồ kiết như ông.

Ngày thi, ông thức dậy từ nửa đêm chuẩn bị cơm nắm muối vừng, cùng là lọ nước ống quyển, khệ nệ mang lều vác chõng thẳng đến Ô Cầu Giấy, chốn văn trường bút chiến tranh đua cùng thiên hạ.

Kỳ đệ nhất trôi chảy. Sang kỳ đệ nhị, khi ông đang chăm chú làm văn bỗng thấy bụng đau lâm râm. Cơn đau tưởng thoáng qua nào ngờ càng lúc càng dữ dội. Ông Đồ mặt tái mét, xuất hạn dầm dề. Cơn đau xé ruột, đau như dao đâm vào bụng. Ông kêu thét đau đớn. Lính bảo vệ được lệnh quan trường cáng ông về chỗ trọ. Thôi thế là xong, thi cử đành đoạn, mộng công hầu trôi theo giòng nước.

Có thầy lang người Tàu thương ông côi cút ra tay cứu chữa. Vài ngày sau ông Đồ khỏi, tạ thầy hồi hương lòng đau như bị đòn hằn. Nghĩ không cãi được số trời, ông từ già sách đèn an bản lạc đạo.

Nỗi đau này chưa nguôi, nỗi đau khác dồn dập. Ngay xuân năm sau, bà Đồ lâm trọng bệnh từ trần. Người vợ hiền đến lúc lâm chung vẫn thương chồng xót con không nhắm được mắt. Bà ra đi bỏ lại hai con. Gái lớn Đặng Thị Huệ tuổi tròn mười một, đứa em trai Đặng Mậu Lân mới lên chín. Ông Đồ đơn độc sống cảnh gà trống nuôi con.

Cảnh nhà bần bách, tiền công dạy dấm đứa học trò chẳng đủ nuôi ba miệng người. Vài tháng sau, Huệ theo chị em trong thôn đi hái chè. Huệ làm giỏi chăm làm ngày kiếm non quan tiền. Đứa em Mậu Lân biếng nhác, thích lêu lổng đầu làng cuối xóm hơn cận kề sách vở. Học hàng tháng

chẳng nhập tâm nổi mấy câu Tam Tự Kinh. Ông Đồ mắng nhiếc. Huệ thương em thưa với cha: Em còn bé chưa học được, thầy cho con học thay. Con gái cũng cần thông chữ nghĩa.

Nghe Huệ nói ông Đồ lấy làm lạ. Ý con muốn vậy ông cũng chiều theo. Ông không ngờ Huệ học nhanh, thông minh lạ thường. Đôi lúc ông vẫn vợ nghĩ giá Huệ là con trai...

Năm mười sáu, Huệ có dáng thiếu nữ mười chín đôi mươi. Soi gương chải tóc, Huệ biết mình đẹp, thầm cảm ơn trời ban cho nhan sắc. Đi trên đường làng, tiếng hát tỏ tình chòng ghẹo của các chàng trai quần quít bước chân. *Cô kia má đỏ hồng hồng. Cô chưa lấy chồng còn đợi chờ ai?...*

Mùa xuân năm sau, Huệ hát hay hát giỏi được theo các liền chị liền em đi hát hội.

Tiên Du là quê hương của các làn điệu Quan Họ trữ tình. Các làng Quan Họ rủ nhau hát hội, trai gái gặp gỡ trao miếng trầu mở đầu canh hát. Hai bên mặc sức tự do hát câu yêu đương dầm thắm. Chỉ có câu hát đưa họ bay bổng vượt qua khuôn khổ lễ nghi thường ngày. Dưới trời xuân lành lạnh, mưa xuân lất phất. Tiếng hát vang khắp nơi trên đường quê, trên ruộng đồng nương rẫy... Hát đến khi nghe tiếng gà gáy tàn canh. Quan Họ chia tay lưu luyến, tiếc cuộc sum họp trúc mai chưa đủ vui đã chia lìa. Rồi khăn trao áo tặng. *Người ơi! Người ở đừng về...* Câu hát níu kéo nặng tình nặng nghĩa. *Quan Họ về đến hẹn lại lên.* Lời dặn dò tha thiết, âm vang ám ảnh nối kết bao thế hệ Quan Họ, như câu ước thề khao khát yêu và được yêu của những tri kỷ tri âm. Huệ bùi ngùi trong cuộc tiễn đưa, rồi như con sơn ca của chốn cỏ nội hương đồng, Huệ không cầm lòng nổi cất cao giọng hát:

Người về em vẫn khóc thầm

Đôi bên vạt áo ướt dầm như mưa...

Tháng ba, các thôn nữ xóm chè trở lại cuộc sống thường nhật. Ngày lại ngày, kẻ ra ruộng đồng người lên đồi nương. Đám tổng lý làng Phù Đồng và các cụ tiên chỉ bận rộn nghi thức đón bà chúa về thăm quê. Bà chúa họ Trần, một trong những người vợ của chúa Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm, vị chúa tể Bắc Hà.

Khi kiệu bà chúa và năm mươi ưu binh hộ tống vừa về đến cổng làng, đám tổng lý cho nổ pháo, bày sẵn hương án cùng các cụ tiên chỉ quỳ rạp hai bên đường nghênh đón. Bà chúa vui vẻ xuống kiệu phủ dụ mọi người rồi tiếp tục lên đường về nhà cụ thân sinh ở giữa làng. Các viên chức lục tục nối gót đoàn quân làm thành đám rước dài.

Đến cổng nhà, pháo tiếp tục nổ vui như lễ hội. Cụ thân sinh bà chúa tuổi trạc lục tuần, béo tốt phương phi, khăn đóng áo xanh cùng thân tộc chờ sẵn đón cô gái quý. Người con làm vẻ vang giòng họ.

Bà chúa xuống kiệu, mọi người hân hoan chúc tụng. Bà vui lắm, trọng thưởng quan viên làng một tạ lợn, tạ gạo nếp cùng trăm lít rượu nhất. Quan viên hoan hỉ nhận lộc, mừng có cuộc chè chén no say.

Đêm hôm ấy, dù mệt nhọc nhưng bà chúa trần trọc. Có lẽ do lạ giường lạ chốn. Bà ra hiên ngoài, đêm xuân trăng sáng gợi nhớ bao kỷ niệm êm đềm tuổi xuân. Bà về quê, cố vui che mắt người, dấu nỗi lòng u uẩn. Nào ai hiểu thấu niềm đau sâu kín, một sự thật bẽ bàng bà cắn răng chịu đựng suốt mười hai năm trường....

Thế Tử Trịnh Sâm được phụ vương Minh Đô Vương Trịnh Doanh cho lập phủ riêng năm tròn mười tám. Chúa phong con chức Tĩnh Quốc Công, làm Tiết Chế thủy bộ chư quân. Chức vụ dọn đường nối nghiệp chúa cai trị muôn dân.

Thế Tử học giỏi thông minh, chăm lo quốc sự. Cũng năm ấy, Thế Tử vâng ý cha cưới Dương Ngọc Hoan làm vợ. Ngọc Hoan nhan sắc trung bình nhưng lại là em Dương Quý Phi, người vợ đang được chúa sủng ái.

Đang sức trai, nếm toàn của ngon vật lạ. Thế Tử hào phóng ban ân mưa móc cho đám cung nhân đào tơ mơn mớn châu chực quanh mình. Đêm nào cũng mấy mỹ nhân ra sức hầu hạ, mong sau cuộc ái ân sẽ hoài thai, mang trong mình giòng máu vương giả nhà chúa. Tuy đam mê nữ sắc, Thế Tử xử tể nhị với Ngọc Hoan, vẫn cho nàng hưởng bổng lộc không ai sánh bằng. Thế Tử lại thích đàn nhạc, mê câu Quan Họ ý nhị lả lơi trầm bổng.

Mùa xuân năm Ngọ, Thế Tử du xuân đến Kinh Bắc dự hội làng Lim. Lúc trở về ngang núi Chè, bỗng nghe tiếng hát trầm ấm vang vang trên nương. Giọng hát hấp dẫn lạ thường níu bước chân. Thế Tử dừng ngựa, lệnh cho quân tìm người hát.

Nhìn thấy thôn nữ tuổi đôi mươi hồn nhiên mơn mớn xinh tươi, lại cảm tiếng hát tình tứ. Thế Tử lệnh cho viên tri huyện Tiên Du vời nàng tiến phủ. Cô gái ấy chính là bà Trần.

Từ đồng quê bước chân vào chốn lầu son gác tía, bà như sống trong mơ. Thế Tử thích bà như thích nuôi chim để nghe tiếng hót. Cô gái ngây thơ mười chín tuổi không ngờ mình thành mục tiêu thù hận của Ngọc Hoan. Từ ngày đưa nàng vào phủ, Thế Tử hầu như quên Ngọc Hoan. Hoan sống cảnh phòng không chiếc bóng gần năm trời đằng đẳng. Đôi lần Hoan than thở cùng Nguyễn Thái Phi, thân mẫu Thế Tử. Thái Phi chỉ an ủi vài câu chiếu lệ.

Bao năm sống trong cung cấm làm vợ chúa, bà thừa kinh nghiệm biết ghen tuông chỉ tổ nhọc lòng, có khi mang họa

vào thân. Cứ an tâm phục tùng, hoặc sinh con làm thế tử may ra mới giữ địa vị lâu dài, hưởng bổng lộc kẻ hầu người hạ... Quanh chúa nhiều gái đẹp, cô nào cũng mong chúa sủng ái, được sống phú quý trường ngọc rèm ngà. Thân gái ai mơ chi cảnh hoa tàn nhụy héo. Bọn thái giám luôn cúi nịnh bợ kiếm chức quyền thường tìm mỹ nhân làm hài lòng chúa, lại tâu chúa cách hưởng lạc thú của các đế vương Trung Hoa. Bọn ngự y dâng thuốc quý, nào hoàng đế tửu, nào nhất dạ ngũ, lục giao... Đàn ông đắm sắc mê của lạ. Nhất là ở ngôi chúa tể càng tha hồ hưởng chẳng ai dám cản. Thế Tử mê bà Trần lơ là Ngọc Hoan là chuyện thường tình cung cấm.

Suy nghĩ kỹ, Ngọc Hoan vấn kế Thái Giám Chu Xuân Hán, viên thái giám lắm mưu nhiều thủ đoạn được Thế Tử tín cẩn luôn để hầu hạ bên mình. Ngọc Hoan tặng Hán vàng bạc. Xuân Hán vui vẻ nhận. Con người ai cũng thích vàng. Nhiều năm hầu hạ nhà chúa và Thế Tử, Xuân Hán thừa hiểu cái tình Thế Tử dành cho Ngọc Hoan mỏng hơn giấy. Thế Tử có mối nối cũ. Khi đã đứt khoát thì tàn nhẫn. Hán biết Thế Tử thích bà Trần cũng chỉ giai đoạn. Bà có giọng hát hay, hát mãi nghe cũng chán. Muốn giúp Ngọc Hoan loại bỏ bà Trần không phải chuyện khó, chỉ cần tìm người đẹp khác. Khi Thế Tử có người mới là sẵn sàng quên bà Trần.

Tuy có sẵn kế hoạch, Hán ra chiều suy nghĩ. Trót nhận vàng phải tỏ ra khổ công, dễ dàng quá giảm giá trị. Xuân Hán hẹn Ngọc Hoan vài ngày tới sẽ bàn.

Mấy hôm sau, Hán nói với Ngọc Hoan:

- Trình lệnh bà, tôi đã có cách. Tốt nhất là đi độc trị độc. Tôi quen gia đình họ Trương ở trấn Hải Dương. Ông Trương có con gái đẹp, trang quốc sắc thiên hương tiếng đồn tới kinh thành, bao vương tôn công tử ngấm ghé. Có lần tôi gặp

nàng, quả danh bất hư truyền. Với nhan sắc ấy Trần thị không có gì để sánh, chắc chắn sẽ bị Thế Tử gạt bỏ.

Ngọc Hoan biết phận mình. Thâm tâm chỉ muốn loại bà Trần cho bỏ hận. Hoan yên lặng về nghĩ suy rồi nói:

- Nếu Thế Tử yêu Trương thị thì tôi vẫn thế, nào có gì thay đổi?

Xuân Hán giảng giải:

- Việc ta cần là loại bà Trần. Phần Trương thị, ta chưa để nàng tiến phủ ngay. Trước tiên, nàng phải hầu hạ lệnh bà thời gian, tập quen lễ nghi lời ăn tiếng nói, sau đó mới cho gặp Thế Tử. Vậy khi được Thế Tử sủng ái, Trương thị là phận bề tôi chẳng dám quên ơn lệnh bà.

Ngọc Hoan có vẻ hài lòng:

- Trăm sự nhờ ông. Việc thành tôi sẽ hậu thưởng.

Chu Xuân Hán xúc tiến công việc mau chóng. Gặp nàng Trương, Ngọc Hoan công nhận nàng đẹp tuyệt trần, hoa ghen thua thắm.

Ba tháng sau, Hán khoe Thế Tử tìm được mỹ nhân. Thế Tử cả mừng truyền mang Trương thị vào phủ. Gặp nàng, Thế Tử quên tất cả những khuôn mặt cũ. Với Thế Tử, người đẹp nhất trên đời giờ chỉ có nàng Trương. Bà Trần bị vùi chôn vào quên lãng. Kể cả giọng hát làm Thế Tử say đắm ngày nào...

Từ đấy bà Trần buồn, ngày lại ngày trông ngóng Thế Tử với vào hậu cung, Chờ đợi mỗi mòn, bà chán nản rong chơi đây đó.

Ngọc Hoan có công dâng mỹ nhân, thỉnh thoảng lại được Thế Tử đoái hoài. Hoan mừng khôn xiết, nhất là khi biết mình mang thai.

Ngày rằm tháng chạp năm Quý Mùi 1763, Ngọc Hoan hạ sinh bé trai khôi ngô tuấn tú. Thế Tử đặt tên con là Trịnh

Tông. Bởi không yêu mẹ nên cũng lơ là con trưởng. Thế Tử cho Tông là “*đứa con không cầu mong*”. Ngọc Hoan phiền muộn nhưng vững tin con mình sau này sẽ nối nghiệp họ Trịnh. Hoan chỉ mong có thế. Con người phải có niềm tin để vui sống.

Đúng năm sau, Lương Quốc Phủ đúng lệ làm lễ “Chu Tuế” mừng Trịnh Tông đầy năm. Cậu bé mặc áo kim ngân, đội mũ vàng thêu hình rồng bằng kim tuyến. Minh Đô Vương Trịnh Doanh trao cháu đích tôn thanh gươm, cung tên và quyển sách. Ý mong cháu sau này tài kiêm văn võ, đáng bậc minh chúa. Đến lễ “Thí Nhi”, lễ thử ước nguyện mai sau của đứa bé. Trên chiếc sập gụ bày đủ thứ đồ chơi, nào bút nghiên cung kiếm cày bừa... Lại có cả mấy cục đất ngũ sắc.

Mọi người vây quanh chăm chú nhìn cậu bé. Trịnh Tông bỏ loanh quanh nhìn ngắm chẳng cầm vật gì. Ngọc Hoan lo lắng chỉ sợ con cầm cục đất. Đó là điềm rất xấu chỉ cậu bé làm tan nát cơ nghiệp. Quả nhiên, Tông cầm cục đất đập vỡ tan. Người mẹ chết điếng. Thế Tử bỏ đi thẳng. Mọi người lặng yên...

Năm Bính Tuất 1766, nhiều điềm bất tường xảy ra. Mùa hạ, tại kinh thành có đêm sao đổi ngôi khắp trời. Ánh trắng phạm vào sao Tâm, điềm chỉ ngôi đế vương thay đổi. Tháng giêng năm sau, trấn Thanh Hóa động đất, núi lở gây chết người. Minh Đô Vương Trịnh Doanh từ trần vào cuối tháng. Thế Tử Trịnh Sâm lên kế vị xưng là Tĩnh Đô Vương. Tân chúa vẫn phong Ngọc Hoan làm Nguyên Phi, bà Trần chức Tiệp Dư.

Tuy mang danh bà chúa mà chẳng hề được chúa đoái hoài. Bà Trần cảm thấy đời mình bị vùi chôn trong cung cấm, như cánh chim trong lồng son...

Đêm đã khuya, trời lạnh lạnh, mảnh trăng tà tỏa sáng hiu hắt. Bà Trần đi nghỉ chờ sáng sẽ thăm đôi chèo mới tậu cho phụ thân cách đây vài năm.

Sáng hôm sau, quang cảnh đôi chèo đông vui hơn ngày thường. Đám tổng lý cất trống đình làm cỗ sạch lối đi. Các cô gái hái chè ăn mặc sạch sẽ tươm tất chờ xem mặt bà chúa.

Mặt trời lên cao kiêu bà chúa mới đến nơi. Bốn người lính khiêng kiệu từ từ lên đồi. Lính hộ tống cùng đám tổng lý thấp tùng theo sau. Các cô gái chăm chỉ công việc nhưng không quên liếc trộm khi kiệu đi ngang.

Đi giáp vòng, bà chúa truyền trở lại nhà. Đoàn người xuống đến chân đồi bỗng nghe tiếng hát. Giọng hát cao vút rõ mồn một:

Chị giàu chị lấy ông nghề

Chúng em khốn khó trở về lấy... vua.

Bà chúa ra dấu ngừng. Đám tổng lý ngơ ngác lo lắng. Lão lý trưởng sợ vãi đái khi bà chúa truyền muốn gặp người hát. Lão tắt tả bước, chọc giận bà chúa thì mười cái lý trưởng cũng bay. Lão lầu bầu: Lại cái thứ đi ngựa ngang bướng con nhà Đồ Đặng.

Thấy Huệ đang hái chè, vẻ như muốn hát tiếp. Lão la to:

- Cầm ngay mõm chó nhà mày lại. Bà chúa đi thăm nương, làm chẳng lo lo hát. Rồi ông cho trận nhừ tử. Ra gặp bà chúa, nhớ quỳ ngay giữa đường tạ lỗi, nói năng khuôn phép. Phạm thượng chết cả nhà nhà mày.

Huệ cãi:

- Tôi hát mà vẫn làm, có ăn cắp công đâu mà ông nhieć.

Huệ theo lý trưởng, không quỳ mà bước đến đứng khoanh tay lễ phép trước kiệu:

- Bẩm bà chúa gọi con?

Nhìn cô gái, bà Trần kinh ngạc. Cô thôn nữ hái chè làng Phù Đồng xinh như tiên giáng. Một công trình tuyệt hảo của hóa công. Rồi giọng hát. Giọng tuyệt vời cao vút nức nở bước chân buộc bà ngừng lại. Bà khi xưa nổi tiếng hát hay làm chúa mê đắm, nay bà đánh giá khó ai hát vượt nổi cô gái này, kể cả chính bà.

Trong thoáng giây, bà nghĩ ra kế hay. Cô gái này gặp chúa, chắc chắn chúa mê mết. Bà phải ra tay hành động, trả thù những kẻ toa rập dập vùi cuộc đời bà hàng chục năm ròng. Bà vui vẻ ôn tồn: Con hát hay lắm, cho con về nghỉ, chiều nay tất nắng đến gặp bà. Bà thương muốn con tiến phủ.

Nói xong bà thưởng Huệ mười quan tiền. Mọi người trầm trồ ngạc nhiên.

Huệ cúi chào bà chúa chậm rãi xuống chân đồi. Huệ như mơ, mơ một ngày sẽ như bà chúa... Bà chúa và Huệ mỗi người một niềm vui... Huệ muốn thoát cảnh nghèo khổ, thoát cuộc sống nhàm chán tối tăm ngày như mọi ngày. Cuộc sống không ngờ thoát chôn vùi tuổi xuân nhan sắc. Huệ chấp nhận thà sống một thoáng huy hoàng còn hơn cả đời chìm trong vũng sâu.

Huệ về nhà để tiền trên bàn, kể cha nghe mọi chuyện. Huệ tưởng cha mừng. Ông Đồ Đặng lại trầm ngâm buồn xa vắng. Huệ ái ngại. Ông nhìn con xót xa:

- Huệ ơi, nhà ta thanh bạch nhưng chưa thiếu áo cơm. Sao con đành đem thân làm tôi tớ nhà người?

Huệ khóc tức tưởi, niềm vui tắt ngấm:

- Bà chúa thương muốn con vào phủ, nào phải làm tôi tớ mà thấy nặng lời. Bao năm con sống với thầy với em, vất vả chăm lo mọi thứ, chẳng lẽ đời con bị chôn vùi mãi. Tài hoa

nhan sắc tàn phai, con muốn đổi thay, muốn nhà ta thoát cảnh khó...

Ông Đồ ngắt:

- Nhưng nhân tiên lợi lộc chưa thấy mà ta đã chịu cảnh phụ tử chia lìa.

- Con đi thời gian lại về. Thầy thử nghĩ, không vào hang hổ sao bắt được hổ... Trên đời không lẽ chỉ cánh đàn ông tha thiết công danh.

Ông Đồ kinh ngạc, ra con gái ông ngoài nhan sắc điểm lệ lại rất cao vọng suy nghĩ khác thường. Ông biết Huệ bướng bỉnh quả quyết nhưng có tấm lòng. Kể có lòng trời nào nở phụ. Thôi đành nhắm mắt mặc con tạo xoay vần.

Buổi chiều Huệ gặp bà chúa. Thấy Huệ khôn ngoan nói năng ra lẽ, bà chúa quý lắm. Huệ tả cảnh nhà bần bách, cha già em dại. Bà cho ngay trăm quan tiền, bảo để ông Đồ yên lòng cho Huệ ra đi.

Huệ về nhà, ông Đồ tuy yên tâm có số tiền to, nhưng lòng vẫn ngậm ngùi. Huệ trẻ người nào biết cấm cung là chốn từng vùi chôn cuộc đời bao mỹ nữ cung tần. Bao mùa xuân lệ chứa chan. Những mưu mô hiểm độc tranh ngôi vị, dành sự sủng ái của vua chúa. Thân mảy liễu bao kẻ đổ kỵ. Chuyện Lã Hậu trả thù Thích Cơ thời nhà Hán đọc lại vẫn rùng mình.

Lã Hậu vợ Hán Cao Tổ là mẹ Lưu Doanh. Thích Cơ là thiếp nhưng xinh đẹp được Cao Tổ yêu quý. Thích Cơ sinh Lưu Ý. Hai bà cùng muốn con mình nối nghiệp đế vương. Cuối cùng Lưu Doanh lên ngôi báu. Lã Hậu giờ là Hoàng Thái Hậu mặc sức trả thù. Hậu giết Lưu Ý, trả thù Thích Cơ.

Trước tiên Lã Hậu truyền chặt các ngón tay ngón chân Thích Cơ, sau đó cắt vú, khoét mắt, chọc điếc tai, uống thuốc

cho cam rồi nhốt trong cũi tiêu, gọi Thích Cơ là con lợn người. Ai thấy cũng ghê tởm sợ hãi.

Hai chị em Triệu Phi Yến, Triệu Phi Hợp được Hán Thành Đế sủng ái. Cả hai không có con, tìm mọi cách giết hài nhi của các cung tần có thai, hoặc buộc uống thuốc trụ thai...

Quan hệ vua chúa với phi tần, tìm một tình yêu khó như mò kim đáy bể. Ngày đêm hoan lạc, đêm bảy ngày ba, vui bố thí tiền của, ghét ngoảnh mặt vô tình, dao kiếm vào thân. Cấm cung là chốn vua chúa vui hưởng lạc thú.

Vua nhà Hán là Vũ Đế khi yêu A Kiều, vua thề xây nhà vàng cho nàng ở. Khi chán, vua giam nàng trong cung Trường Môn đến chết. Vua Minh Gia Tĩnh say mê Trần Thị, phong nàng làm Hoàng Hậu quỳ hôn tay mỹ nhân. Sau vua chán đánh nàng trụ thai. Trần Hoàng Hậu chết trong uất hận không nhắm được mắt...

Chuyện cấm cung còn nhiều ly kỳ rùng rợn. Trong phủ chúa Trịnh nào khác chi. Người cháu ngoại của An Đô Vương Trịnh Cương là Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều xót thương thân phận cung phi viết *Cung Oán Ngâm Khúc*. Nguyễn Hữu Chỉnh viết *Cung Nữ Thi* được đời truyền tụng. Càng nghĩ ông Đồ càng nát lòng. Con gái ông ngày mai già nhà đi vào chốn thâm cung. Thôi đành quyền họa phúc cho trời. Cả đêm ông trần trở chỉ hút thuốc lào vặt. Qua canh tư, ông Đồ mỗi một ngủ thiếp. Trước mắt ông là chốn Sơn Lăng tôn nghiêm lạnh lẽo. Một đoàn phụ nữ đội tang nổi gót bước âm thầm như những bóng ma trên con đường trải đá xanh dẫn vào cửa lăng. Ông Đồ bước lại gần, ông bỗng thất thanh kinh hoảng: Thiếu phụ đội tang đi đầu đầm đìa lệ rơi chính là Huệ con gái ông. Ông mở choàng mắt.

Huệ vẫn trần trọc chưa ngủ, nghe tiếng ông Đồ la hét mê sảng. Huệ khóc nói với cha: Thầy ơi sao không yên giấc. Thầy cố giữ sức khỏe, trông nhà trông em. Con đi rồi về. Thầy chẳng mất con đâu...

Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm nổi nghiệp phụ vương. Đã từng trải việc triều chính, chúa bắt tay ngay vào việc cải tổ củng cố quyền lực, dùng người thân tín tài năng vào chức trọng yếu. Phong thầy dạy học Nguyễn Hoàn làm Quốc Sư. Xuân Quận Công Nguyễn Nghiễm, Việp Quận Công Hoàng Ngũ Phúc đứng hàng đầu văn võ. Bậc danh sĩ như Lê Quý Đôn, Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Khản đều được trọng dụng.

Chúa quyết tâm tiêu diệt lực lượng phiến loạn đang quấy phá nhiều nơi. Tự tay phác kế hoạch đánh tan hai vạn quân phản nghịch Hoàng Văn Chất. Chúa nhân thắng thế muốn tiêu diệt lực lượng của Hoàng Thân Lê Duy Mật đang hùng cứ vùng thượng du Thanh Hóa trên ba mươi năm. Kế hoạch phải ngưng do phát giác âm mưu giành ngôi chúa của chính người em là Thụy Quận Công Trịnh Lệ. Trịnh Lệ là con Dương Thái Phi, chị Dương Ngọc Hoan. Chúa giận nhưng tha không giết, truyền tước binh quyền tống giam ngục thất. Đồng đảng của Lệ bị xử tử. Vì lẽ ấy chúa càng ghét Ngọc Hoan, chẳng ưa con mình. Chúa vẫn không quên Tông đập nát cục đất ngày đầy năm tuổi.

Sau vụ Trịnh Lệ, chúa hay ngờ vực. Mối giao hảo giữa vua Lê chúa Trịnh không còn khăng khít như dưới thời chúa Trịnh Doanh. Chúa Trịnh Doanh trọng vua Lê là người đức độ quý tướng. Chúa thường nói với quần thần: "...*Hoàng Thượng mất phượng râu rồng, ngôi vững như núi, bước đi nhanh. Lại nói năng lễ độ điềm đạm. Đất nước loạn ly cần*

cái đức của ngài." Vua Lê Hiến Tôn cảm cái ân nhà chúa đặt ngài trên ngai vàng, biết cách cư xử giữ hòa khí bền vững suốt mấy mươi năm.

Không những trọng vua, chúa quý mến Thái Tử Duy Vĩ, người thông minh nhanh nhẹn, sở học uyên bác, dung mạo uy nghi được giới sĩ phu và thần dân trọng nể. Nghĩ thế, chúa đem con gái là Tiên Dung Quận Chúa gả cho Duy Vĩ, mong chọn rể hiền.

Chúa Trịnh Sâm nghĩ khác phụ vương. Chúa cho thái độ của vua Lê chỉ là hành vi của kẻ khôn ngoan giả dối nín thở qua sông. Đám phản nghịch Lê Duy Mật chính là chú nhà vua, không ngừng quấy phá trị an đất nước. Làm sao có thể tin lòng dạ con người. Với Thái Tử Duy Vĩ. Chúa cho đây là hiểm họa, Duy Vĩ cao vọng, lại có uy tín. Mỗi hiểm khích giữa hai người đã có từ lâu khi chúa bề chiếc đũa thẻ không đội trời chung với Duy Vĩ, cho dù Vĩ là anh rể. Chúa nghĩ trước khi đánh giặc ngoài phải diệt giặc trong. Có nghĩa phải triệt Duy Vĩ trước. Chúa gọi Thái Giám Phạm Huy Đĩnh, kẻ chứng kiến chuyện bề đũa năm xưa. Chúa nói:

- Người nhớ chuyện cũ, nay là lúc ta trả mối hận Duy Vĩ. Người dụng kế bắt hãm hạ ngục ngay.

Huy Đĩnh có sẵn kế độc, vu cáo Thái Tử tư thông bất chính với cung nhân phủ chúa, kéo quân vào đông cung bắt Thái Tử hạ ngục. Hiến Tôn không cứu nổi con.

Năm sau đại quân Trịnh tấn công cứ điểm Trấn Ninh. Duy Mật cự không lại, cùng vợ con tự đốt chết. Diệt xong Duy Mật, chúa ra lệnh buộc Thái Tử thất cổ tự vận.

Hôm ấy tại kinh thành, trời đang nắng bỗng tối sập, cách vài gang không tỏ mặt người.

Tháng tư năm Giáp Ngọ 1774, chúa biết tình hình đang trong rối loạn. Quyền thần Trương Phúc Loan gây bè kết

đảng, nhân tâm ly tán. Định Vương chỉ ngồi làm vò. Chúa mừng cho đây là cơ hội bằng vàng không thể bỏ qua. Chúa cử Việc Quận Công Hoàng Ngũ Phúc làm Thống Tướng, hiệp cùng các danh tướng Hoàng Đình Bảo, Hoàng Phùng Cơ, Hoàng Đình Thế, Nguyễn Hữu Chỉnh đem trên ba vạn quân thủy bộ tiến vào Thuận Hóa. Tháng chín, quân Trịnh vượt sông Gianh tiến đến Ái Tử. Chúa thấy thế tất thắng, đích thân kéo đại quân vào Nghệ An trợ chiến, động viên tinh thần tướng sĩ.

Cuối năm, quân Trịnh chiếm Phú Xuân. Chúa vui mừng ban thưởng trọng hậu tướng sĩ. Đây là chiến công hiển hách nhất suốt hai trăm năm các tiên chúa mơ ước nhưng không ai thực hiện được. Đáng mừng hơn, quân Trịnh cướp không kể xiết vàng bạc châu báu của chúa Nguyễn và Trương Phúc Loan chuyển hết về bắc. Tỉnh Đô Vương Trịnh Sâm dẫn đoàn quân chiến thắng trở về. Thăng Lồng thành cờ xí rực rỡ, pháo nổ vang khắp chốn. Dân đổ ra đường ca hát đồng vui hơn ngày hội. Chúa vinh quang tột đỉnh.

Từ đấy, chúa thích ngắm nghía những báu vật đoạt được. Chúa quý nhất viên hồng ngọc tỏa ngũ sắc sáng ngời, lấy gắn ngay trên mào. Có cái đơn thuốc "*Quy Linh Tập*" cũng được chúa xem như báu vật. Đơn thuốc tìm thấy trong phủ Trương Phúc Loan, dùng để chế loại thuốc quý gọi là "*xuân dược*". Loại thuốc dành cho vua chúa vì có viết câu "*Thần an tăng tiến bí phương truyền*", có nghĩa phương thuốc bí truyền dâng lên vua. Một danh y bảo thuốc có từ thời Tần Thủy Hoàng. Chúa dùng thử thấy công hiệu, xung trận mãnh liệt với hàng tá cung nhân.

Thấy cung nhân nhiều kẻ hương sắc phai tàn, chúa thi ân cho về nguyên quán để tuyển người đẹp mới. Biết bao cung

nhân hàng chục năm tiến phủ chẳng hề được hưởng cái ơn mưa móc nhà chúa. Vẫn trình nguyên.

Một ngày cuối xuân, trời nhá nhem tối. Thái Giám Chu Xuân Hán đang đứng trước nội cung bỗng gặp cung nữ của bà Trần Tiệp Dư sai đến dâng chúa hoa lạ.

Thấy cung nữ nhan sắc nói năng duyên dáng, Xuân Hán thích lắm dù đã thiến cái nợ đời. Chúa đang uống rượu một mình ở hiên tây, đắm chiêu nhìn ra hoa viên chẳng chú ý khi cung nữ bước tới. Chúa hỏi:

- Dâng hoa sao đến tối?

Cung nữ nhỏ nhẹ:

- Bẩm chúa thượng, đây là loài huệ ngũ sắc hiếm có. Hoa nở về chiều, chỉ tỏa hương buổi tối. Ý lệnh bà muốn chúa hưởng trọn sắc hương.

Tiếng nói êm ái làm sao. Chúa quay lại nhìn bỗng kinh ngạc ngây dại. Tia mắt không dừng ở hoa mà ở khuôn mặt kiều diễm của người dâng hoa. Ôi sao trên đời có người đẹp đến thế. Chúa vui mừng nghĩ, trời cho ta của cải nay tặng thêm mỹ nhân. Chúa đứng dậy đỡ lấy hoa để trên bàn. Chúa nói như ra lệnh: Theo ta...

Cung nữ nối gót. Chúa chẳng màng hoa lạ hoa quý. Chúa cảm bông hoa biết nói ngay phút ban đầu.

Đêm ấy cung nữ ở bên chúa. Cô gái bỏ ngõ nồng nàn. Chúa miệt mài, ngất ngây chìm đắm trong làn hương kỳ lạ từ những vùng mềm mại thấp cao tẩm thân ngà ngọc chúa chưa từng được hưởng vị thanh thủy đào nguyên.

Sáng sớm, chúa thường thức vào canh năm tự tay pha trà độc ẩm. Sáng nay đối ẩm. Viên thái giám quá sức ngạc nhiên, chưa cô gái nào được chúa chiếu cố kỹ đến thế. Chu Xuân Hán nghiêm chỉnh khoanh tay đợi chờ mảnh hoa tiên. Mảnh giấy ghi tên cùng ngày tháng chúa "hạnh".

Với bậc đế vương, chuyện phòng the là hệ trọng cao quý, phải cẩn thận chép ghi phòng khi người nữ thụ thai giòng máu quý tộc. Xuân Hán kính cẩn nâng mảnh hoa tiên đến án thư cặm cụi ghi chép: Ngày tháng năm. Đặng Thị Huệ. Quán Phù Đồng Tiên Du Kinh Bắc. Lại thấy chúa giơ ba ngón tay Xuân Hán lấy ba tấm thẻ bằng gỗ mỏng ghi lại như trên, bỏ tất cả vào một ống lớn lưu trữ. Ba tấm thẻ có nghĩa chúa "hạnh" ba lần...

Từ ngày ấy, Đặng Thị Huệ không trở lại cung Trần Tiệp Dư. Bà Trần mừng mưu sự thành công. Còn Trương Giai Nhân đã có Huệ thay thế.

Huệ biết chúa mê tiếng hát. Huệ cất tiếng hát, vẫn câu ca ngày nào: *Chị giàu chị lấy ông nghề. Chúng em khốn khó trở về lấy... vua.* Chúa nghe mê mẩn. Giọng hát làm chim muông ngưng hót, cây cỏ vươn vai trở mình lắng nghe. Lời hát khôn khéo ý nhị chúa càng đẹp dạ. Chúa vẫn nghĩ có ngày họ Trịnh xứng đế. Chúa khen. Huệ e lệ:

- Trời sinh em dành cho chúa thượng. Chúa yêu em đừng để tình như bọt nước. Đừng chừa tan buổi chợ đã vội lìa xa...

Chúa bảo: Ta yêu khanh đến khi không còn sức để yêu. Ta sẽ tặng khanh cung vàng điện ngọc. Xây hồ cẩm thạch để khanh khoe thân ngọc... Ta gọi khanh là Tuyên Phi.

Từ đấy, trong cung cấm ai ai cũng gọi Huệ là Đặng Tuyên Phi, không dám xúc phạm gọi tên nàng Huệ. Ngoài dân gian quen gọi nàng là Bà Chúa Chè.

Sấn tiền của, chúa truyền Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều lo trang hoàng lại cung điện lộng lẫy nguy nga.

Nguyễn Gia Thiều tính trầm mặc, là cháu ngoại chúa Trịnh Cương. Ngoài tài thi văn lại giỏi kiến trúc khắc họa. Một khúc gỗ vô tri qua bàn tay Gia Thiều sẽ thành tác phẩm tuyệt vời.

Thiều ở trong phủ từ thuở lên năm. Cả hai anh em, chúa và Nguyễn Gia Thiều cùng được Quốc Sư Nguyễn Hoàn dạy dỗ. Lúc trưởng thành, Thiều chẳng màng quan chức, thích ngao du sơn thủy bầu rượu túi thơ. Người đời cảm mến tặng tay phong lưu câu thơ "*Thi tửu ngang tàng hảo trượng phu*". Chúa lại tặng thêm áo gấm.

Huệ muốn sửa sang lại hoa viên. Chúa nói:

- Việc này ta sẽ giao Hồng Lĩnh Hầu Nguyễn Khả. Khả với ta ngoài nghĩa vua tôi còn thân thiết như bạn. Ta cho hẳn là người tài hoa bậc nhất. Khả giỏi văn thi, trồng cây cảnh uốn nắn theo ý, tạo hình núi non phong cảnh hữu tình. Khả lại có ngón đàn tuyệt hảo, sáng tác làn điệu dân ca cung nhân hát, nhiều bài được truyền tụng trong dân gian.

Tuyên Phi nghe chúa nói thích thú, nao nức chờ gặp người tài hoa.

Hồng Lĩnh Hầu Nguyễn Khả lĩnh chức Tham Lĩnh Nghệ An non một năm. Khả là con trai trưởng của Xuân Quận Công Nguyễn Nghiễm, hiện là Tham Tụng, văn quan cao nhất phủ chúa.

Vốn giòng thế gia huyện Nghi Xuân Nghệ An, giòng họ nổi tiếng tài hoa khoa bảng. Em trai Nguyễn Khả là Nguyễn Du, tuổi mới mười một đã nổi tiếng hay chữ. Dân Nghi Xuân vẫn nói: Bao giờ rừng hết cây, sông hết nước họ Nguyễn mới hết quan.

Nguyễn Khả đỗ tiến sĩ, làm quan cùng triều với phụ thân. Lại được chúa tin yêu coi như bè bạn. Thuở ở kinh thành, chỉ có Nguyễn Khả là người duy nhất được tự do ra vào phủ chúa. Dinh cơ họ Nguyễn ở Thăng Long nguy nga đồ sộ, ai nhìn cũng tấm tắc ngợi khen.

Một năm làm việc ở quê nhà. Một năm buồn nản. Nguyễn Khả thu thuế, đi đến đâu cũng nghe dân than oán: Đại quan nghĩ coi, xứ này hết bão lụt rồi hạn hán. Cả vùng con lợn chẳng có, con gà cũng không. Con người thì đói, đến con chó chẳng có cứt ăn, lấy đâu nộp sưu với thuế.

Dân nói thế còn gì lý sự. Công việc tắc trở.

Nhận lệnh hồi triều sửa sang hoa viên, Khả mừng lắm. Khả nhớ kinh kỳ, nhớ tiếng đàn phách, câu ca tiếng hát, bè bạn...

Trước ngày về kinh, Nguyễn Khả ghé huyện La Sơn gặp người anh rể Nguyễn Thiệp. Thiệp là tay danh sĩ, từng là học trò Xuân Quận Công Nguyễn Nghiễm. Giỏi khoa phong thủy và âm điệu, Nguyễn Thiệp thi hội đỗ tam trường nhưng chỉ làm tri huyện thời gian rồi cáo bệnh về ở dưới chân núi Thiên Nhận đọc sách và dạy học làm vui. Dân Nghệ trọng gọi Nguyễn Thiệp là La Sơn Phu Tử.

Nguyễn Thiệp sống đơn sơ đạm bạc. Không ưa cuộc sống quá xa hoa của gia đình nhạc phụ. Có lần Thiệp làm thơ chê Nguyễn Khả chơi bởi phóng túng khét tiếng kinh đô.

Đêm hôm ấy anh em đối tửu. Trăng lên cao thấp sáng ngọn Thiên Nhận sừng sững phía đông. Nguyễn Khả nói:

- Bắc Hà loạn lạc đã yên đang hồi hưng thịnh. Nhà chúa muốn cầu hiền tài, lẽ nào anh cứ ẩn mãi ở chốn thâm sơn cùng cốc. Có tài nên thi thố giúp nước giúp dân. Để lâu sẽ tàn theo năm tháng. Khi tôi về Nghệ, cha mấy lần căn dặn nói với anh điều ấy.

Nguyễn Thiệp trầm ngâm, khẽ thở dài:

- Tôi hiểu lòng cha quý mến. Chứ chẳng thấy tôi chiều ý cha thi đỗ làm quan. Nhưng bệnh tật hành hạ đẩy tôi xa hoạn lộ. Kể sĩ thức thời, tiến vi quan không được đành thôi vi sự.

Khản biết người anh không thật lòng, bệnh của Thiệp chỉ là bệnh thời thế. Khản hỏi:

- Nay bệnh tình ra sao?

- Bất thường. Lúc lên cơn động kinh, đầu tôi như vỡ từng mảnh, mắt nổ đom đóm chỉ thấy vùng sáng hỗn loạn. Trong cơn mộng dữ, tôi thấy quanh mình toàn quỷ. Đủ thứ đủ loại, mặt đỏ mặt xanh. Rồi cơ man rần rết luẩn quẩn dưới chân. Tôi thấy cảnh binh lửa trên quê mình, đầu rơi máu chảy, ngọn cờ khăn xô, tiếng oan hồn khóc than đòi mạng... Lúc tỉnh dậy vẫn kinh hoàng. Tôi bình tâm, chỉ mong được sống không vui buồn, không nỗi đau tơi tả rách nát. Ôi cuộc sống phù du như bóng câu thoáng qua màn hình...

Đêm khuya trăng tàn. Đêm sâu thẳm. Tiếng muỗi vo ve, tiếng côn trùng than rã rời...

Nguyễn Khản vào phủ chúa từ sáng sớm. Chúa và Tuyên Phi đang uống trà ở mái tây. Thấy Khản, chúa mừng cho Khản cùng ngồi thưởng trà.

Khản lúng túng trước trang quốc sắc. Nhất là nụ cười mỹ nhân, nụ cười chắc chỉ có trích tiên Lý Bạch mới đủ chữ diễn tả. Hèn chi nhà chúa mê đắm, tiếng đồn lan cả nước.

Khản nâng ly uống cạn ngụm trà đầu tiên. Bình trà do chính Tuyên Phi pha, những ngón tay tháp bút khéo léo chuyên trà từ chén tổng sang chén quân. Hương trà thoang thoảng, hòa với hương thơm người ngọc. Khản nhắm mắt cạn chén. Chúa hỏi:

- Người biết loại trà này?

- Tâu chúa, thần hưởng nhiều danh trà. Từ hầu trà đến trăm mã. Nhưng chưa thấy loại nào có hương đặc biệt như loại chúa cho hưởng.

- Đúng thế. Chúa nói. Đây là loại đặc biệt của vua Thanh tặng tháng trước. Nó nguyên là loại hầu trà, nhưng được ướp thêm hương trinh nữ. Người Tầu gọi là Trinh Nữ trà. Trà ngon hơn là do ái khanh ta tự tay pha.

Chúa cười thích thú. Tuyên Phi má ửng hồng. Nguyễn Khản cúi đầu đa tạ. Khản trình chúa kế hoạch làm hoa viên:

- Theo thần biết hoa viên suốt thời Minh Vương không được tu sửa nhiều do ngài chú tâm ổn định đất nước, đánh dẹp bọn phản nghịch nổi dậy nhiều nơi. Trong vườn hàng trăm loại cây cảnh, nhiều kỳ hoa dị thảo nhưng xếp đặt chưa tề chỉnh. Thần nghĩ, mỗi loài thảo mộc có tiếng nói, có ý nghĩa khác nhau. Từ chậu sứ giò lan mềm mại thướt tha, đến dáng tùng bách uy nghi hùng vĩ. Cỏ hoa tươi thắm như con người giữ mãi vẻ thanh xuân. Hoa không có tuổi, cứ đúng hẹn hoa lại trở về. Hoa là tặng vật đáng hóa công hào phóng tặng người. Đất trời còn bao vẻ đẹp, nào núi rừng sông biển, muông chim ca hát. Đến cả những cái mong manh như sương buổi sớm, như mây chiều lơ lửng đầu non, đêm trăng sao mờ hội... Con người yêu vẻ đẹp phải điểm tô. Quanh hoa viên sẽ có tre. Loài cây gần bó như một phần cuộc sống dân ta. Tre làm rào làm nhà, làm cung tên vũ khí. Tre đem bóng mát ngày hè. Cha ông đã nói: Ninh khả thực vô nhục, bất khả cư vô trúc. Có nghĩa bữa ăn thà không thịt, không thể ở chỗ thiếu bóng tre. Thần sẽ tạo non bộ mang hình dạng danh lam thắng cảnh như Hạ Long, Hương Tích... Tóm lại, hoa viên là hình ảnh giang sơn gấm vóc thu gọn lại...

Tuyên Phi ngắt lời:

- Chỉ nghe quan hầu tả, ta đã hình dung hoa viên tuyệt mỹ. Ta đang nao nức chờ ngày hoàn thành sẽ có mỹ tửu thưởng người tài hoa.

Khản đa tạ cao hứng tiếp:

- Thần sẽ đặt tên chốn này là Bội Lan Đình. Bội Lan là tên khác của hoa huệ. Mùa xuân hoa nở, chúa thượng và Tuyên Phi sẽ ngồi giữa rừng huệ trắng ngào ngạt hương. Hương thơm bội lan không thể nhầm với loài hoa khác.

Chúa và Tuyên Phi cười vui, ý khen Hồng Lĩnh Hầu quá ư ý nhị.

Ngay đêm ấy, chúa tổ chức xướng hát. Tuyên Phi lần đầu nghe Nguyễn Khản đánh đàn. Tiếng đàn tuyệt vời dịu tiếng hát ca nhi cùng nhau bay bổng. Tiếng đàn chín, không tiếng tơ nét gượng. Ngón vè vuốt xiết như thác chảy. Tiếng đàn lôi cuốn, gỗ đá muốn bật tiếng hát. Tuyên Phi say đắm, đôi môi mấp máy như muốn hát theo. Chúa cao hứng ôm trống cầm chầu. Đêm vui lai láng... Nguyễn Khản ra về tiếc thắm bông hoa quý làng Phù Đồng đã có chủ.

Đầu thu, mọi việc hoàn thành. Rằm tháng tám, phủ chúa tổ chức Đêm Hoa Đăng tại ao Long Trì ở bắc cung. Hàng nghìn đèn lồng rực rỡ treo trên các cây phù dung ven ao. Tiếng đàn sáo, tiếng hát hội trắng vang khắp chốn. Đám thái giám chít khăn mặc áo như phụ nữ bày bán quả cây nem chả, có cả rượu ngon. Đám cung tần giả làm người mua, cùng nhau hát xướng rượu chè. Lúc chúa và Tuyên Phi ngự kiệu đến, mọi người vỗ tay reo hò, nhạc tấu tưng bừng...

Tuyên Phi tốt đỉnh ước vọng vẫn chưa yên lòng. Phi muốn vinh quang bền vững. Quanh Phi là sự ghen ghét, bao mưu sâu kế độc dành ngôi vị không bao giờ ngừng trong chốn thâm cung. Phi biết chúa không ưa Trịnh Tông, không muốn lập Tông làm thế tử. Đô Ngự Sử Nguyễn Thường có lần khải chúa xin lập Tông. Chúa nổi giận truyền giáng chức đuổi vào Thanh Hóa.

Nhưng trước hết Phi phải có con trai. Có con nối nghiệp chúa công danh phú quý mới bền. Các danh y được lệnh tiến

dâng những phương thuốc bí truyền làm thụ thai. Mặt khác, Tuyên Phi ăn chay, chăm đi lễ chùa cầu Phật. Phi đến chùa Tây Phương, bỏ kiệu đi bộ bước lên hai trăm bậc thang để tỏ lòng thành. Phi cầu tất cả sáu mươi hai vị Phật, từ vị bụng phê vui tính đến vị gầy gò trầm mặc. Phi không quên đến chùa Thầy, ngôi chùa danh tiếng ở Sài Sơn cầu tự.

Trời không phụ lòng thành. Năm sau Phi thụ thai. Mùa hè năm Đinh Dậu 1777, Phi hạ sinh vương tử. Chúa và Phi quá đổi mừng vui mở đại yến. Ông lang Tầu có công bốc thuốc được phong hầu. Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều nhận lệnh trùng tu mấy cảnh chùa tạ ơn chư Phật. Chúa lấy tên của mình hồi nhỏ đặt cho con là Trịnh Cán.

Trịnh Cán khôi ngô tuấn tú. Ngày Cán đầy năm chúa tổ chức lễ "Thí Nhi". Vương tử Cán cầm ngay quyển sách. Chúa thấy thế càng yêu con hơn, cho rằng Cán sau này chuộng văn chương chữ nghĩa, xứng đáng nối ngôi cao. Tuyên Phi sung sướng vô ngần đã có quý tử.

Một hôm, chúa kể cho Tuyên Phi nghe chuyện các tiên chúa dựng nghiệp. Phi chăm chú nghe lại rót mỹ tửu âu yếm mời. Phi nói:

- Em thưa chúa thượng. Rõ ràng sự nghiệp hôm nay là công lao bao đời tiên chúa. Vua Lê chỉ việc an hưởng ngôi cao, khoan tay rũ áo. Cớ sao con cháu họ không thuận mệnh trời, thường phản phúc mưu đoạt ngôi chúa. Ta lo an dân, họ lại khuấy động. Họ Lê nghịch ý trời, dù diệt vong cũng thuận lý.

Chúa trầm ngâm:

- Khanh hiểu ý ta. Từ khi nối nghiệp phụ vương, ta ngày đêm lo lắng trừ quân nghịch. Lại động binh chinh nam phạt Nguyễn, thu phục anh em Tây Sơn mở mang bờ cõi. Ta hằng nghĩ việc khanh tâu, nhưng trước khi khởi sự phải dọ

nhân tâm. Kỳ Thịnh Khoa vừa rồi, biết bao sĩ tử bày tỏ cái ý nhân tâm quy Trịnh.

Phi tiếp lời chúa:

- Sĩ phu tài cao học rộng nên thức thời. Ý của họ là ý muôn dân. Em lại nghĩ, một anh chàng đói rách cỡ bạc nợ nần lang thang đầu đường xó chợ như Lê Duy Ninh có xứng ngôi thiên tử. Cơ nghiệp nhà Lê thật sự đã mất về tay họ Mạc. Không nhờ các tiên chúa ta, họ lấy nước nào mà trị. Hai trăm năm họ thụ hưởng do ta độ lượng. Em nghĩ thế đã quá đủ...

Chúa nói:

- Ái khanh yên tâm, ta có chủ trương cả rồi.

Vài ngày sau, chúa vời quan Thị Lang Tiến Sĩ Vũ Trần Thiệu đến giao việc. Chúa nói:

- Hoàng thượng nay trọng tuổi, chẳng biết ngày nào cỗi hạc quy tiên. Thái tử Duy Vĩ cũng không còn. Ta xem giòng Lê chẳng còn ai xứng đáng nối ngôi thiên tử. Tiên sinh là bậc thức giả đức trọng tài cao tất nhận rõ lẽ thịnh suy. Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong. Ta thuận ý trời gánh vác giang sơn, cử tiên sinh làm sứ giả sang Tầu dâng biểu xin cầu phong. Tiên sinh vì ta hoàn thành chức trách muôn đời lưu danh thanh sử.

Vũ Trần Thiệu nghe chúa nói cả sợ nhưng lặng yên không dám tỏ thái độ. Chúa tiếp:

- Ta hy sinh báu vật, tiên sinh mang theo làm cống lễ. Đó là viên hồng ngọc quý giá tỏa ngũ sắc. Giữ trong người nóng lạnh không phạm được.

Tháng sau phái bộ lên đường. Vũ Trần Thiệu lòng như kim châm, ngổn ngang trăm nỗi. Thiệu mến chúa nhưng quyết không phản vua. Đến Động Đình Hồ, Trần Thiệu

quyết định đốt biểu văn, uống thuốc độc tự tử. Việc cầu phong không thành.

Phủ chúa nhận hung tin. Tuyên Phi giận lắm. Phi nói:

- Chúa thượng chọn lầm người. Bọn hủ nho lòng dạ hẹp hòi, ngứa tay nhận lộc nhà chúa nhưng chỉ biết có vua. Ngay chính bổng lộc nhà vua cũng từ tay chúa ban phát. Phụ lòng tin cẩn của chúa mà tự cho là trung thần. Xử sự chẳng đáng làm đệ tử thầy Khổng.

Chúa bảo chờ nôn nóng. Mọi việc sẽ liệu sau.

Năm Canh Tý 1780, vương tử Trịnh Tông mười tám tuổi. Theo lệ nhà chúa sẽ lập phủ riêng cho thế tử vào mùa xuân. Quần thần biết chúa không ưa Trịnh Tông, chờ xem chúa xử sự thế nào.

Hết xuân rồi hạ không thấy gì. Vương tử Tông vẫn ở nhà thầy dạy học của mình là Hân Quận Công, lấy việc chơi gà uống rượu giải sầu. Người đau khổ nôn nóng nhất là Dương Ngọc Hoan. Hoan không còn cách nào, bèn đến khẩn cầu Nguyễn Thái Phi. Hoan khóc nói:

- Thừa mẹ, sự thể mẹ đã rõ. Phần con, chúa thượng xử bạc bẽo con chẳng dám trách. Nhưng Tông là con, sao lại bất công với giọt máu của chính mình. Con biết chúa thượng say mê Đặng thị. Gọi thị là tuyên phi nhưng con vẫn là chính phi có hờ có cưới theo đúng lễ nghi. Hơn nữa Trịnh Cán còn bé dại, lại thường đau yếu. Chúa thượng chỉ vì tình mà quên cơ nghiệp. Nỡ bỏ trường lập thứ, họa từ trong nhà mà ra. Ai dám đem ngôi cao trao cho đứa trẻ? Con cúi đầu trăm lạy mẹ lên tiếng khuyên can, cứu nguy xã tắc.

Thái Phi nghe con dâu nói thuận lý. Thực tâm bà thương hại Ngọc Hoan bị bạc đãi, không ưa Thị Huệ vì Huệ được chúa quá sủng ái như bị mê hoặc. Bà khuyên Hoan yên lòng,

chờ dịp tiện bà sẽ bàn chuyện với chúa. Hoan cúi đầu tạ ơn, lòng cảm hận Quận Huy và “con đĩ Phù Đổng”.

Dân kinh thành mến Trịnh Tông. Nhiều người bắt măn chê các đại thần ước hèn, ăn hại dãi nát không ai dám lên tiếng khuyên can chúa. Dân cảm phẫn Đặng Mậu Lân, giận lây bà chị Tuyên Phi. Mậu Lân chỉ là tên du thủ du thực dựa vào uy chị làm điều càn rỡ. Lân chuyên rong chơi, tụ tập bọn côn đồ la cà khắp các trà đình tửu điểm. Bọn này có mang vũ khí, gặp ai trái ý là chúng hành hung. Thậm chí có lần Đặng Mậu Lân hiếp dâm gái nhà lành. Gia đình nạn nhân kêu oan. Các phủ bộ sợ uy bà chúa chẳng dám xét. Có kẻ tức quá đề thơ:

Bộ binh bộ hộ bộ hình

Ba bộ đồng tình bóp vú con tôi.

Có người đem sấm luận bàn, nói cơ nghiệp họ Trịnh chỉ kéo dài trên hai trăm năm, nay đến lúc suy tàn do họa xảy từ trong nhà. Cái họa bỏ trưởng lập thứ.

Có kẻ đem điềm trời luận thêm. Mấy năm nay, năm hạn hán, năm bão lụt làm mất mùa. Có năm lại nảy ra giống sâu vàng gọi là hoàng trùng phá hoại lúa. Loài sâu quái ác sinh sôi nảy nở nhanh khác thường. Sâu cắn ngang cây lúa ngậm đồng. Nông dân nuốt nước mắt tiếc của tiếc công.

Tại kinh thành, hàng vạn ăn mày nối đuôi khắp nẻo. Chúa truyền nấu cháo phát chẩn nhưng vẫn có nhiều người chết đói. Dân cùng khổ mong đổi thay. Sự đổi thay mang lại cơ may áo ấm.

Chuyện mới xảy ra tại Nghệ An, dân kể: Một hôm trời mưa như thác đổ. Có ngọn núi sụp đổ phát tiếng kêu như sấm. Trên trời bỗng xuất hiện rồng đầu vàng đuôi đen từ đỉnh núi bay lên. Rồng vút lên cao bị sét đánh cắt ngang thân mình. Đầu rồng bay về phương nam. Đuôi rồng đen bay ra

bắc rồi lao xuống biển làm nước đỏ mầu máu, cả khắc mới tan. Có kẻ bảo đó là điềm phương nam phát đế, họ Trịnh bại vong.

Cánh chị em hàng thịt cá ngoài chợ cũng sôi nổi kể chuyện cung cấm. Chị nọ chép miệng than, không biết cái hĩm con mẹ Phù Đổng có gì lạ mà chúa mê mẩn đến thế. Chị hàng thịt kể rành rẽ, nghe đồn con mẹ có thuật lạ như Hạ Cơ thuở trước. Vua nước Trần là Linh Công vì say mê nàng mà bị thảm sát. Hạ Cơ ba lần lấy chồng làm vua, bảy lần lấy đại thần. Đàn ông ngủ với nàng một lần là cứ đeo như sam. Ngoài bốn mươi vẫn như thiếu nữ, vẫn bao kẻ quỳ phục dưới chân chiêm ngưỡng dung nhan dám chết vì nàng...

Chị em cười vang thích thú được nghe chuyện lạ.

Ngày đầu tháng bảy, theo lệ Vương tử Trịnh Tông vào nội cung vấn an phụ vương. Đến cửa lính gác ngăn không cho vào. Tông giận dữ hỏi tại sao? Lính nói nghiêm lệnh chúa thượng chỉ gặp Quốc Sư và ngài Quận Huy. Tông hậm hực bỏ về lòng đầy ngờ vực. Khoảng mười ngày nay, Tông nghe phong thanh chúa trở bệnh nặng, có khi ngài đã mất nhưng Quận Huy và Tuyên Phi ém đi. Chuyện thoán đoạt ngôi báu có thể xảy ra. Đêm ấy, Tông trần trọc, uống hết lít rượu vẫn thao thức. Tông nghĩ phải kịp hành động ngăn chặn âm mưu của bọn phản nghịch.

Quận Huy tức Huy Quận Công Hoàng Đình Bảo, con rể chúa Trịnh Doanh, người đang được chúa tín cẩn cho nắm giữ quyền hành. Quận Huy là người tài năng, thi võ đỗ tạo sĩ (ngang với tiến sĩ bên văn), lập nhiều chiến công được phong Trấn Thủ Nghệ An. Dưới trướng Quận Huy có Nguyễn Hữu Chỉnh là tay mưu lược được tin yêu trọng dụng.

Sáng hôm sau, Tông đang ngồi uống trà thì bộ hạ thân tín Đàm Xuân Thụ đến gặp. Xuân Thụ chân nho sinh, là người can trường nghĩa khí nên Trịnh Tông quý lắm. Thụ nói:

- Dân gian đồn đại việc hệ trọng. Có thể chúa thượng qua đời nhưng lũ phản nghịch ém đi định làm chuyện thoán nghịch. Việc dù có hay không, ngài nên liệu trước phòng thân.

- Đành là thế nhưng phải làm gì. Ta có nên đến Kinh Bắc hoặc Sơn Tây dụng quân hai trấn về kinh dẹp nghịch thần và ác phụ?

Trịnh Tông tin tưởng hai trấn vì Trấn Thủ Kinh Bắc Nguyễn Khắc Tuân là em ruột bà nội mình là Nguyễn Thái Phi. Thái Phi yêu Tông vì bà nuôi nấng Tông từ tấm bé. Bà lại chẳng ưa gì Đặng Thị và Trịnh Cán. Trấn Thủ Sơn Tây Nguyễn Khắc là thầy dạy học cũ của Tông. Khắc tuy thân với chúa nhưng chống chuyện bỏ trống lập thứ.

Đàm Xuân Thụ suy nghĩ rồi nói:

- Theo tôi ta nên lấy lòng lính Tam Phủ bằng cách dùng tiền mua chuộc. Tôi dọ ý bọn ưu binh chẳng ưa gì Đặng thị và Quận Huy. Khi được tin đích xác chúa thượng qua đời, ta bất ngờ kéo quân vào phủ giết ngay hai kẻ đầu đảng. Mặt khác ngầm liên lạc với hai trấn, hễ có lệnh khởi sự phải đem quân về kinh ngay. Phối hợp chặt chẽ việc lớn tất thành.

Tông mừng rỡ khen kế hay. Xuân Thụ tình nguyện xúc tiến kế hoạch. Thụ biết Thái Giám Chu Xuân Hán rất giàu có, lại gần gũi thân tình với Dương Ngọc Hoan. Thụ nhờ Xuân Hán ứng trước tiền lo đại sự. Xuân Hán bằng lòng xuất tiền. Sẵn tiền, Đàm Xuân Thụ tính lên vùng Lạng Sơn mua thêm vũ khí.

Việc bại lộ. Quận Huy phát giác trình chúa. Chúa bệnh đã thuyên giảm nhưng đi lại còn khó khăn, truyền Quận Huy

bắt giữ Trịnh Tông và đồng bọn. Riêng hai trấn thủ Kinh Bắc và Sơn Tây, chúa lệnh triệu về kinh không bắt ngay sợ kinh động vì cả hai đang nắm binh quyền. Nguyễn Khắc và Nguyễn Khắc Tuân hồi triều bị quản thúc. Quan Đốc Đồng Ngô Thì Nhậm, danh sĩ chúa kính trọng được giao trách nhiệm xét xử.

Đàm Xuân Thụ khai rõ mọi sự, không chối cãi nhưng cương quyết cho việc mình làm vì đại nghĩa. Vụ án đang xét thì ngưng do Thì Nhậm về quê cư tang thân phụ. Chúa truyền Bạng Nhân Lê Quý Đôn thay thế.

Quý Đôn kiến thức uyên bác, thông minh lỗi lạc khó ai sánh kịp cảm thấy khó khăn quyết định án phạt. Vụ án đang tiến hành thì xảy ra việc Trấn Thủ Kinh Bắc Nguyễn Khắc Tuân tự sát. Cái chết gây nhiều xúc động. Nguyễn Thái Phi được tin khóc ngất. Cảnh hậu cung buồn bã nặng nề. Chính chúa cũng khổ sở. Chúa gọi Ngọc Hoan xỉ nhục thậm tệ, cho là mẹ không biết dạy dỗ con ngỗ nghịch. Ngọc Hoan sợ hãi nài van, mẹ sinh con đâu nỡ sinh lòng... Hoan thừa hiểu tính mạng đang bị đe dọa. Bao cảnh tương tàn xảy ra trong giòng họ Trịnh cũng do tranh ngôi vương bá. Hoan chỉ là con sâu cái kiến, có chết cũng không nghĩa gì.

Chúa sức yếu mệt mỏi, chửi chán rồi cho hồi cung. Ngọc Hoan lo âu tương lai quá đỗi đen tối... Chỉ sợ Thị Huệ xui chúa vài câu thì đầu mình sẽ lìa cổ, nhẹ nhất cũng nhận giải lụa hoặc một liều thuốc độc.

Ngọc Hoan đến phủ Nguyễn Thái Phi quỳ lạy khóc lóc:

- Xin mẹ cứu lấy con và cháu. Con e chúa thượng nóng giận, lại thêm Thị Huệ xúi giục ắt khó dung tình.

Thái Phi cũng khóc:

- Mẹ nào ngờ sự thể xảy ra. Thôi con đại cái mang, chúa quả mãng nhưng mẹ nghĩ chẳng nở dứt tình. Mẹ đang nghĩ cách vẹn toàn.

Ngọc Hoan tạm yên lòng.

Tháng sau, Lê Quý Đôn trình chúa bản án. Chúa thuận, truyền hợp quần thần. Chúa nói:

- Ta bất hạnh sinh nghịch tử...

Chúa ghen ngào rơi lệ. Lúc sau tiếp:

- Hiếu con không ai bằng cha. Tông tổ ra ngõ nghịch từ bé. Ta thương con, tìm thầy giỏi dạy dỗ. Những mong thầy uốn nắn nó nên người hồng nổi nghiệp lớn. Nào ngờ nó bỏ ngoài tai chữ nghĩa thánh hiền, tụ bè kết đảng cùng lũ trâu chó mưu đồ phản nghịch, tội đáng bêu đầu. Ta làm cha chẳng nở giết con, quyết định phế nó thành quý tử (con út), đổi tên thành Trịnh Khải, đời đời an phận bề tôi. Đồng bọn nó ta lệnh chém bêu đầu. Tên Chu Xuân Hán buộc tự tử. Riêng Nguyễn Khả bị tước binh quyền, quản chế tại kinh đô.

Trịnh Khải bị giam lỏng trong phủ. Trịnh Cán mới lên bốn được phong thế tử.

Sau vụ án Canh Tý, chúa suy sụp sức khỏe lẫn tinh thần. Chúa sợ nắng gió, suốt ngày trương rũ màn che. Việc hệ trọng lắm mới họp quần thần. Chỉ có Quận Huy và Tuyên Phi lúc nào cũng được phép tự do ra vào cấm cung.

Ngày đầu xuân năm Tân Sửu 1781, phủ chúa theo lệ làm lễ chúc thọ Nguyễn Thái Phi. Thân tộc nội ngoại đông đủ. Quận Huy là con rể lại đến chúc thọ Thái Phi sớm nhất. Phi vui vẻ khen rể hiền, lại xứng bề tôi lương đồng. Tuyên Phi và Ngọc Hoan gặp mặt nhau không nói năng gì. Chúa cấm không cho phép Trịnh Khải đến dự ngày vui.

Yến tiệc xong, Thái Phi nói chuyện riêng với chúa:

- Bấy lâu quốc sự đa đoan, nhiều chuyện phiền não. Mẹ biết con ưu tư bề bộn. Mẹ đàn bà không khỏi âu lo. Cầu mong con khỏe mạnh sáng suốt trị nước chấn dân giữ gìn nghiệp chúa. Mẹ già mẹ chết, nên đem cả tắc lòng bọc bạch cùng con. Với mẹ, Hoan và Huệ cùng là con dâu, Khải và Cán đứa nào cũng là cháu. Cán thông minh nhưng yếu đuối bé dại. Khải sức trai khỏe mạnh, có phần tuấn tú khôi ngô. Chẳng may nó đại đột nghe bọn xấu xa xàm tấu làm càn. Con đã trừng phạt bắt làm quý tử. Mẹ xem ý nó đã biết hối cải ăn năn. Con nên lấy xả tắc làm trọng, đo lường cặn kẽ phòng khi mệnh hệ...

Chúa ngắt lời mẹ:

- Mẹ dạy điều gì con cũng xin vâng. Nhưng chuyện này để con lo liệu. Đứa con ngõ nghịch độc ác như Khải sao trở thành minh chúa. Tiếng đời dị nghị bất phục, quần thần ly tán là mầm rối loạn bại vong. Mai sau con có mệnh hệ nào đã có Cán. Nhược bằng Cán hỏng, con sẽ đem ngôi báu trao cho Trịnh Bồng (con chúa Trịnh Giang). Bác đã nhường ngôi báu cho cha, nay con trả lại ngôi cao cho giòng bác.

Thái Phi biết ý chúa đã quyết. Từ đó không dám bàn lại chuyện nối ngôi.

Đầu năm Nhâm Dần 1782, Thế tử Trịnh Cán lại lâm bệnh, thuốc men hàng tháng không dứt. Sức khỏe chúa như tệ hơn. Quốc Sư Nguyễn Hoàn lo lắng trình chúa cho triệu danh y Lê Hữu Trác người huyện Hương Sơn trấn Nghệ An về kinh chữa bệnh. Quốc Sư nói: Người này hình dung kỳ dị, nói năng thật thà chất phác nhưng y thuật xứng danh đệ nhất. Chúa thượng nên hạ chiếu triệu y về triều.

Nhận lệnh chúa, Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác miễn cưỡng lên đường. Lãn Ông công danh chẳng màng, không ưa cảnh náo nhiệt kinh kỳ, chỉ muốn sống nơi quê

nhà, ngày ngày vào rừng hái thuốc, chữa bệnh hoặc nghiên cứu tiếp tục viết bộ “Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh”.

Lãn Ông đến Thăng Long, đích thân Quận Huy đến quán dịch đón ông vào cung.

Lần đầu tiên vào cung cấm, Lãn Ông kinh ngạc thấy cung điện nguy nga tráng lệ. Qua khu hoa viên toàn kỳ hoa dị thảo, những hòn non bộ tạo hình dị kỳ đến một căn phòng rộng thoáng rữ màn che, các cột sơn son thếp vàng. Qua khung cửa sổ hình bán nguyệt, Lãn Ông thấy đám cung nhân mặt hoa da phấn lồ nhố bên trong, vài người che miệng cười. Chắc lần đầu thấy thầy thuốc béo tốt bụng phệ quần áo xuềnh xoàng, nhất là mái tóc bạc để dài chấm vai.

Tấm màn nhung từ từ kéo ra. Lãn Ông thấy một cậu bé khoảng năm sáu tuổi đang nằm trên chiếc sập lớn phủ nệm gấm kê giữa phòng. Cậu bé nằm ngửa, trên bụng đặt tấm chăn mỏng màu vàng thêu rồng phượng. Lãn Ông biết đó là Thế Tử Cán. Trịnh Cán cười thấy Lãn Ông cúi chào. Bốn ngự y vòng tay thi lễ xong đứng lùi xa nhường chỗ cho vị danh y bắt mạch chẩn đoán.

Lãn Ông nhìn kỹ cậu bé. Bụng trưởng da xanh, hơi thở nặng mệt nhọc, viền môi sắc hôn ám. Mạch tả hữu nhận ra ngay dưới làn da, nhỏ thánh thót như giọt nước rơi từ trên mái, đôi lúc chợt ngưng. Bệnh nhân tỳ vị tâm phế đều suy. Tốt thuốc chỉ có thể cầm bệnh, khó sống thêm tuổi. Xét theo mệnh tướng, Trịnh Cán môi hở không che kín răng, khó hưởng lộc bền. Lãn Ông nén tiếng thở dài nói với Quận Huy: Tôi tìm ra căn bệnh thế tử. Bệnh cầm được.

Quận Huy nghe mừng, tin tưởng.

Sau khi kê đơn, Lãn Ông trở về quán dịch cửa đóng then gài. Theo thói quen ông đi ngủ. Có khi ngủ suốt ngày. Ông tự nhận là Lãn Ông, có nghĩa ông già lười.

Sáng hôm sau, Lãn Ông vừa xong tuần trà đã thấy Quận Huy tới đón ông vào cung. Quận Huy nói: Chúa thượng và Tuyên Phi ban thưởng thầy áo gấm và tiền bạc. Lại mời thầy vào thưởng trà. Đây là vinh dự lớn thầy được hưởng. Quận Huy ngạc nhiên thấy Lãn Ông bình thản nhận, chẳng tỏ vẻ vui mừng. Ông ngưỡng nghịu khăn đóng áo dài theo Quận Huy.

Chúa và Tuyên Phi đang ngồi trên sập ở mái tây. Lãn Ông bước vào cúi lạy. Lần đầu tiên gặp Tuyên Phi, Lãn Ông thấy nàng quá xinh đẹp. Chúa nói:

- Thuốc tiên sinh cho quả thần dược. Thế tử uống hai nước đã tỉnh đi lại chơi trong phòng. Ta mời tiên sinh dùng trà, tiện xem bệnh tình của ta sao chữa lâu không giảm.

Tuyên Phi chuyên trà vào chén Lãn Ông.

Lát sau, Lãn Ông bắt mạch xong nhìn sắc diện chúa. Ông nói:

- Bẩm chúa thượng, ngài mình gầy da khô, trán hăm hấp nóng, lưỡi nẻ, thư thông ho cơn. Vậy tất nước tiểu vàng đục, khó tiêu hóa nên thường đầy bụng ợ hơi. Mạch nhanh ấy là do tinh khô huyết kiệt. Tiễn dân gia giảm thang Bát Vị, uống hai nước tất đỡ. Điều cần nhà chúa chăm hoạt động, ở nơi thoáng khí, ăn nhiều rau quả thay chất bổ béo.

Lãn Ông trình chúa sơ lược, bởi nhiều điều người thầy lừng danh nhận ra nhưng không thể nói. Bệnh chúa căn do đam mê sắc dục, những thang thuốc mầu nhiệm gọi là xuân dược, chính nó sẽ giết hại tuổi xuân nhà chúa không biết ngày nào.

Hai ngày sau, chúa lại triệu Lãn Ông vào cung ban thưởng thêm tiền bạc lụa là. Chúa mền phục Lãn Ông, ý muốn phong quan tước, lưu ông ở lại kinh thành. Chúa vui vẻ hỏi:

- Ta uống hai nước thuốc của tiên sinh. Bệnh mười phần giảm hơn nửa, mừng rỡ bội phần bởi gặp thầy gặp thuốc. Tiên sinh danh bất hư truyền. Ta tò mò muốn biết cơ duyên nào dẫn tiên sinh tới y nghiệp?

- Bẩm chúa, thuở còn bé có lần tiện dân lâm trọng bệnh. Cha mẹ mất hết sản nghiệp chạy chữa nhưng tiền mất tật mang. May gặp lương y họ Trần người huyện Hương Sơn xứ Nghệ An hết lòng cứu chữa hàng năm mới khỏi. Cảm ân thầy, tiện dân theo thầy về Hương Sơn, chỉ mong được gần gũi sớm tối hầu hạ thầy. Thời gian ở đó, tiện dân được đọc bộ sách y gọi là *Phùng Thị Cẩm Nang* lấy làm tâm đắc. Từ đó chuyên chú y nghiệp mong đem sở học cứu người.

- Tiên sinh dự kiến mai này cõi hạc quy tiên sẽ để gì cho hậu thế?

- Tiện dân miệt mài trên hai mươi năm, đang soạn dở bộ *Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh*, góp phần bổ túc nền y học nước nam ta.

Chúa nghe càng thêm cảm mến. Chúa nói:

- Ta thường nghe đạo lý thánh hiền khuyên bậc quân tử đem tài văn võ phù vua giúp nước làm sự nghiệp lớn nhất. Tiên sinh sở học uyên thâm, sao cứ ẩn thân nơi chốn thâm sơn cùng cốc, ngày càng mai một. Làm thế e chưa phải lẽ?

- Quân tử văn hay võ giỏi, đem tài phù vua giúp nước chỉ ở công danh. Kẻ tiện dân chuyên y thuật chỉ ở đạo đức. Chúa hậu đãi ban quan chức cho tôi lưu lại triều đình khác chi bất cá ở trên cạn. Giang sơn của tôi là chốn thâm sơn cùng cốc. Bỏ công sâu tằm, tìm tòi được liệu đáng hóa công để sẵn trong cỏ cây. Chỉ mong thiên hạ vô bệnh, thầy lang an nhàn uống rượu làm thơ.

Chúa hiểu ý Lãn Ông, vẫn cố giữ danh y lưu lại kinh thành.

Hết xuân đến hạ, Lãn Ông nôn nóng hồi hương. Ngày ngày ông phải tiếp nhiều người mướn mộ thăm hỏi, thời giờ lãng phí lại thêm nhọc lòng. Lãn Ông cảm cái tình trọng đãi không nỡ phụ lòng nhà chúa.

Giữa hạ, chúa trở bệnh liệt giường. Lãn Ông chẩn bệnh, nhận rõ mạch *Ngư Trường* ngay dưới làn da. Mạch lượn như cá bơi, mình yên đuôi phe phẩy. Lãn Ông ngậm ngùi biết chúa sắp tận số. Thôi đành tận nhân lực tri thiên mệnh.

Đầu thu, Lãn Ông viết thư để lại cho Quận Huy bộc bạch tâm tình. Lãn Ông nhớ núi rừng, nhớ con sông ngọn suối, nhớ cỏ nhớ cây đành từ tạ về quê.

Quận Huy nhận thư vội hạ lệnh Trấn Thủ Nghệ An đến Hương Sơn tìm vị danh y. Quan quân nhiều lần đến nhà tìm kiếm. Người nhà chỉ nói thấy tôi vào rừng hái thuốc chẳng biết khi nào về....

Trung thu năm ấy phủ chúa không tổ chức Hội Hoa Đăng. Trung tuần tháng chín, vào một đêm trăng sáng vàng vạc. Chúa đang chiêm thiếp bỗng bật dậy hét thất thanh: *Duy Vĩ Duy Vĩ*, cố sao người dám đánh trên đầu ta...

Hét xong chúa ưỡn người, thở hắt rồi từ trần. *Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm* mất năm *Nhâm Dần 1782*, vừa tròn bốn mươi một tuổi.

Tôn Đô Vương Trịnh Cán mới năm tuổi lên nối nghiệp. Việc triều chính hoàn toàn do Quận Huy và *Tuyên Phi* quyết định. Mỗi khi thiết triều, *Tuyên Phi* ngồi ngay sau rèm nhắc nhở *Tôn Đô Vương*. Quần thần nhiều kẻ bất mãn, nhất là những người phù *Trịnh Khải*, không muốn đàn bà nhúng tay vào quốc sự.

Dân gian đàm tiếu chuyện cung cấm, về âm mưu thoán đoạt ngôi báu, về mối liên hệ bất chính giữa Quận Huy và *Tuyên Phi*.

Ngày nọ, có tên lính Tam Phủ uống quá chén đứng đái ngay giữa chợ đọc hai câu thơ:

Trăm quan có mắt như mờ

Để cho Huy Quận vào sờ chính cung.

Nhiều người cố ý cho đó là chuyện thật. Tuyên Phi xinh đẹp mơn mớn xuân tình, Quận Huy là tay võ tướng lực lưỡng. Đúng là cảnh lửa gần rơm, thịt treo miệng cọp. Hai câu thơ chẳng mấy chốc truyền khắp kinh thành.

Quận Huy nghe được giận lắm, truyền bộ hạ len lỏi vào dân, bắt được ai đọc thơ sẽ cắt lưỡi.

Tuyên Phi lo sợ biết nhiều người hướng về Trịnh Khải. Phi nghĩ phải ra tay triệt Khải ngay, để lâu tất biến loạn. Phi bàn với Quận Huy. Quận Huy chần chờ không dám quyết do sợ uy Nguyễn Thái Phi.

Phần Ngọc Hoan sau khi chúa từ trần, Hoan lo sợ tính mệnh hai mẹ con vội đến gặp Thái Phi than thở. Ngọc Hoan không quên nói về những lời đồn trong dân gian. Thái Phi nghe tỏ vẻ lo lắng, bà hứa: Ngày nào mẹ còn thì quyết giữ cơ nghiệp, không để ai hại đến con cháu.

Trước tiên bà với Tuyên Phi đến. Bà nói:

- Nay con chức trọng quyền cao, phải xem việc bảo vệ cơ nghiệp nhà chúa là trọng. Sống đúng đạo dẫu con, trên dưới thuận hòa xóa bỏ tị hiềm. Phần Khải phạm trọng tội, chúa vị tình cha con không nỡ gia hình. Nay ta cũng theo cái nhân đức của người. Lại xét xem nó hối lỗi thì nên nương tay giảm quân thức. Dù gì nó cũng là giọt máu của chúa.

Tuyên Phi lễ phép vâng dạ.

Thái Phi lại gọi Quận Huy căn dặn cận kề phải bảo vệ Khải. Bà nói Khải là phận cháu. Tuổi trẻ nông nổi sinh lầm lỗi. Còn Cán yếu đuối, lỡ mệnh hệ nào thì ngôi báu sẽ là của Khải, nhất quyết không nhường người khác.

Quận Huy cúi đầu vâng mệnh.

Ngọc Hoan chưa yên lòng. Hoan nghĩ cách tốt nhất phải bằng mọi giá tiêu diệt Quận Huy và Thị Huệ. Có thủ hạ gợi ý nên nhờ lính Tam Phủ tức bọn ưu binh. Ưu binh vốn chẳng ưa Tuyên Phi lẫn Quận Huy vì chớ hề ban thưởng cho chúng dù nắm trong tay toàn bộ quyền hành. Ngọc Hoan đẹp ý tiến hành mưu độc.

Ngọc Hoan tìm cách thân thiện với tên biện lại người Nghệ An Nguyễn Bằng. Bằng là tay biện bác liễu lĩnh, tính hảo ngọt thích ăn chơi. Hoan nói:

- Cơ nghiệp nhà chúa tồn tại trên hai trăm năm nhờ công lao dưng dĩ Tam Phủ xông pha trăm trận chẳng quản hiểm nghèo. Mấy năm qua xã tắc đảo điên do đứa ác phụ làng Phù Đổng mê hoặc chúa thượng. Nó cấu kết với Quận Huy cùng bè lũ xâm tấu khiến chúa thượng bỏ trống lập thứ. Nay chúa thượng mới băng, tử cung(quan tài) còn quân nơi sứt phủ. Ác phụ và Quận Huy ngầm tư thông ý muốn làm chuyện oán nghịch. Ta thương nước bao nhiêu, giận bọn mủ cao áo dài chừng ấy. Bao đời hưởng lộc chúa, chức trọng quyền cao. Nay sơn hà hiểm nguy cứ điềm nhiên thị tọa. Ta phận đàn bà ruột nát gan bào biết tính sao...

Ngọc Hoan ngưng nói sứt sùi. Nguyễn Bằng cả giận hét:

- Ba quân có công gây nghiệp tất không để ai phá đổ. Kẻ trượng phu hưởng lộc chúa phải đền ơn chúa, quyết sống chết với lũ phản nghịch. Nguyễn Bằng tuy thô lỗ vẫn nằm lòng câu kiến nghĩa bất vi...Lệnh bà tin tưởng ba quân dám nói dám làm, rạng ngời nghĩa cả.

Nghe Nguyễn Bằng nói hung, Ngọc Hoan cả mừng đặt ngay trên bàn túi tiền nặng. Hoan bảo: Ta có ít bổng dành ba quân lo quốc sự. Ngài chớ từ nan. Việc thành nhà chúa thưởng to, chức tước cùng bổng lộc, lưu danh thiên cổ.

Nguyễn Bằng vui vẻ nhận tiền bước đi hăng hái. Bằng nói với: Việc binh phải khẩn cấp. Để lâu sinh biến. Xin lệnh bà yên tâm.

Ngọc Hoan gật đầu đồng tình: Trăm sự cậy ba quân.

Nguyễn Bằng tụ tập ưu binh chèn chén. Nói là lộc lệnh bà cho hưởng. Bữa tiệc thịnh soạn cơ man rượu thịt. Chờ mọi người ngà ngà. Bằng đứng lên phát biểu:

- Quân ta vốn người đồng hương với vua chúa nên bấy lâu ra sức tôn phù. Nay tình thế đổi khác, Quận Huy và con dĩ làng Phù Đồng thao túng triều đình. Rõ là ta đang tôn phù chúng nó....

Bọn ưu binh đập bàn la hét: Không bao giờ chịu nhục. Quân ta chỉ việc tràn vào phủ giết sạch rồi tôn Thế Tử Trịnh Khải lên ngôi chúa là xong.

Cả bọn hăng hái uống máu ăn thề.

Kinh thành ồn ào tin ưu binh sắp nổi loạn. Tuyên Phi lo lắng bàn với Quận Huy nên giết Trịnh Khải để ưu binh không còn cơ bám víu. Quận Huy không nỡ ra tay vì trót hứa với Nguyễn Thái Phi. Ý muốn chờ xem tình thế.

Quốc Sư Nguyễn Hoàn hoảng sợ tin chắc có biến loạn vội yết kiến Thái Phi, ý Nguyễn Hoàn muốn cùng Thái Phi thuyết phục Quận Huy chấp nhận phế Trịnh Cán lập Trịnh Khải cho yên mọi bề.

Thái Phi cho triệu Quận Huy. Phi nói:

- Nay tình thế khẩn trương, ba quân muốn dụng vũ lực tôn Khải lên ngôi chúa. Mẹ nghĩ Cán nhỏ dại không làm nổi chức trách, nhượng Khải là hợp lẽ. Xưa bác đã từng nhường ngôi cho cha nên xã tắc được yên. Nay ta làm theo chẳng ai dị nghị.

Quận Huy khóc nói:

- Con nhận di mệnh chúa quyết không thể làm sai, tử vong linh người nơi chín suối. Trừ khi ấu chúa mệnh một, quần thần tùy nghi lựa người kế vị. Lại nữa, nước có kỷ cương. Quân có nghiêm lệnh. Nay ba quân tự tung tự tác làm chuyện bạo nghịch. Con thể diệt tới cùng, bằng không lấy thân này báo đền ơn chúa cho trọn đạo làm tôi.

Sáng sớm ngày hai mươi ba tháng mười, ưu binh ngang nhiên viết hịch công bố ở nhiều nơi: Hạ quyết tâm bỏ Trịnh Cán lập Trịnh Khải.

Quận Huy cho thêm binh canh gác sáy phủ. Tuyên Phi lo ngại khuyên nên điều binh các trấn tăng cường. Quận Huy bảo chưa vội.

Sáng hôm sau, ưu binh kéo đến vây sáy phủ. Chúng reo hò quyết "*băm xác thằng Quận Huy, bắt con dĩ Phù Đồng cho voi dầy ngựa xé*". Ưu binh ùn ùn kéo tới mỗi lúc một đông, chúng vượt Các Môn, tràn vào chặt ních sân.

Quận Huy lên voi chuẩn bị xung trận. Tuyên Phi trao thanh báu kiếm. Phi nói: Tướng quân cẩn trọng, đừng để bọn nghịch phạm vào thân.

Voi tiến ra trước sân dừng lại. Ưu binh thấy Quận Huy lập tức ngồi xuống. Bỗng một đám ưu binh khác từ cửa khác tiến vào như sóng vỡ. Quận Huy vùng gươm chém chết vài chục tên. Ưu binh say máu quần dưới chân voi.

Quận Huy bị một ngọn giáo phóng vào lưng, hét lớn ngã nhào xuống. Phút chốc thân xác biến thành đồng thịt bầy nhầy đầm máu. Đám nội giám thấy thế nguy bảo vệ ấu chúa và Tuyên Phi thoát chạy.

Giữa cảnh máu đổ thịt rơi, Trịnh Khải được lập làm chúa ngay hôm ấy. Khải xưng là Đoan Nam Vương.

Vài ngày sau, đám nội giám của Thái Phi tìm được ấu chúa và Tuyên Phi đem về cung. Đoan Nam Vương Trịnh

Khải lập tức hạ chiếu giáng Trịnh Cán xuống làm Cung Quốc Công, giáng Tuyên Phi xuống hàng thứ dân, truyền giam Tuyên Phi vào lãnh cung.

Dương Ngọc Hoan giờ là kẻ chiến thắng, được phong thái phi. Ngọc Hoan nói với chúa:

- Ta có được ngày nay là do công lao ba quân. Con phải đãi ngộ xứng đáng.

Chúa vâng lời mẹ, hạ chiếu phong Nguyễn Bằng làm Bằng Vũ Hầu. Rộng tay với ưu binh đến độ ban thưởng “không đầu sặc”, sặc chỉ không ghi danh để người được ban thưởng có thể ghi danh bất kỳ ai. Nhiều người bỏ tiền mua lại tờ sắc phong để có quan tước.

Ưu binh cậy công lao gây náo loạn kinh thành, kể cả việc triều chính. Dân gian gọi chúng là bọn kiêu binh. Người người chờ xem số phận của những kẻ trước kia trung thành với Bà Chúa Chè. Các phụ chính đại thần trước phù bà chúa nay trở mặt bội phản.

Nửa tháng sau, hai người con trai Quận Huy bị ngộ độc chết. Vợ quận Huy là Quỳnh Lâm Quận Chúa buồn bã cũng từ trần. Trịnh Cán lại bệnh nặng. Nhà chúa cho tìm các danh y cố chạy chữa. Cuối năm Cán mệnh vong.

Đặng Tuyên Phi trong lãnh cung bị hành hạ xỉ nhục, có khi bị bỏ đói.

Một hôm Ngọc Hoan cho cung nữ gọi Phi vào cung. Hoan bắt quỳ, Phi cứ đứng. Hoan ra lệnh cung nữ nắm tóc Phi ghì xuống, lại khắc nhổ vào mặt. Phi vẫn lặng thinh. Ngọc Hoan lồng lộn chửi bới con tiện dân hèn hạ, con đi hái chè làng Phù Đổng. Cuối cùng Tuyên Phi lên tiếng:

- Các người nay đắc thắng là do đâu? Chúa vừa băng, tử cung còn nơi sụy phủ đã vội cấu kết làm chuyện phản nghịch, đặt đũa nghịch tử lên ngôi báu. Thế mà ngày ngày

các người vẫn quỳ trước tử cung khẩn lạy khói hương chẳng chút thẹn thùng. Mai sau mặt mũi nào nhìn người chốn suốt vàng. Nhà chúa từ thời Thành Tổ Triết Vương (Trịnh Tùng) pháp lệnh nghiêm minh, trừng phạt phản nghịch bất kể hoàng thân quốc thích. Bao con cháu đã bị hành hình. Con ta kể vị do di mệnh chúa, nào tranh cướp của ai. Ta vì trọng chúa, trọng cái đức của người nên mẹ con người còn có hôm nay.

Tuyên Phi nói đến đấy, bên ngoài trời bỗng nổi giông gió. Một tia sét lóe sáng phát tiếng nổ ghê hồn đánh gãy ngang thân cổ thụ trong hoa viên. Đám cung nữ hoảng kinh. Ngọc Hoan chợt dạ truyền đem Tuyên Phi về lại lãnh cung.

Cuối năm, Quốc Sư Nguyễn Khản (Khản là thầy dạy chúa nên mới được phong quốc sư) bàn với chúa: Đặng thị dấu sao vẫn là người tiên chúa sủng ái. Nay đã bị phế thành thứ dân, ta nên để nàng ở Sơn Lãng ngày ngày hương khói hầu hạ chúa, thần nghĩ tiên chúa cũng vui lòng mà chúa thượng được mang tiếng độ lượng hiếu đạo.

Chúa thuận.

Đầu xuân năm Quý Mão 1783, Tuyên Phi ra Sơn Lãng. Phi sống đơn độc, không trò chuyện giao tiếp. Ngày ngày hương khói nơi mộ phần rồi trở về phòng. Phi buồn, thương cha cô cút nơi quê nhà, thương em bị lưu đầy biệt xứ. Ôi đời người thăm thía phù vân. Càng nghĩ càng đau.

Từ tết trung thu, đám cung nhân ngạc nhiên thấy Phi bỗng vui vẻ nói cười, nhiều khi cùng chị em chuyện vãn, có khi lại ngâm thơ. Phi thường ngâm Cung Oán Ngâm Khúc của Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều: *Trải vách quế gió vàng hiu hắt. Mảnh vũ y lạnh ngắt như đồng. Oán chi những khách tiêu phòng. Mà xui phận bạc nằm trong má đào...*

Cung nhân ngậm ngùi xót thân. Khi chúa còn thì lo cung tận tụy mong hưởng ơn mưa móc, có khi lại chẳng được chúa đoái hoài. Nay chúa chết lại phải đem thân ở Sơn Lăng hầu hạ hương khói cả cái thầy ma nhà chúa.

Khi Phi ngâm đến câu: *Lò cừ nung nấu sự đời. Bức tranh vân cẩu vẽ người tang thương...* Nhiều người sụt sùi. Có người nức nở thành tiếng. Phi an ủi: Các chị các em vui lên, chúng ta sắp được trở về với mẹ cha, với kinh thành đông vui, với lũy tre vườn ruộng. Ta lại trở về quê xưa ngày ngày lên núi hái chè hát câu Quan Họ...

Tháng chín, trước một ngày giỗ tròn năm chúa từ trần. Phi nhờ lính gác mua nhiều hoa huệ. Phi bảo ngày xưa chúa yêu huệ. Nay mua huệ cúng chúa, gọi là tạ ơn tri ngộ, đền đáp tấm lòng người đã yêu thương.

Sáng ngày giỗ, quan quản lăng bận bịu lo nghi lễ đón chúa Đoan Nam Vương, thái phi và quần thần đến hành lễ.

Khi mọi người đến đủ, quan ngạc nhiên chẳng thấy bóng dáng Tuyên Phi. Quan vội chạy đến phòng nàng.

Cửa phòng mở hé. Hương huệ tỏa ngào ngạt. Quan đẩy cửa bước vào.

Tuyên Phi nằm bất động trên chiếc sập gụ kê giữa phòng. Trên ngực và quanh mình là những cành huệ trắng. Hoa đẹp tươi thắm nhưng Bà Chúa Chè, Tuyên Phi Đặng Thị Huệ đã chết từ lúc nào...

Chim Bằng

Biển bắc có loài cá

Tên gọi là Côn

Lưng dài ngàn dặm

Cá hóa thành chim

Gọi là chim Bằng....

(Nam Hoa Kinh - Trang Tử)

Thị huyện xảy ra vào năm Nhâm Tuất 1742. Trong cung đình Bắc Hà đổi chủ. Minh Đô Vương Trịnh Doanh được các cựu thần đưa lên ngôi vị chúa tể phủ liêu, thay người anh ruột là Uy Nam Vương Trịnh Giang không đủ khả năng gìn giữ cơ nghiệp tổ phụ.

Lên ngôi chúa năm Canh Tuất 1730 khi mới hai mươi mốt tuổi. Trịnh Giang mê thơ văn, thích làm thơ cùng triều thần xướng họa, thường tổ chức bình văn giảng sách. Chúa lại thích nhạc, dùng lễ nhạc như muốn tô điểm cho đời thêm hương sắc, tỏ ra thời thịnh trị thái bình.

Không những thế, chúa còn mê kiến trúc, truyền xây đền chùa và nhiều công trình tráng lệ nguy nga như chùa Hồ Thiên, hành cung Từ Dương. Công quỹ cứ thế mà cạn. Chúa phải bày lệ mua quan bán tước. Công việc triều chính bỏ bê, chúa thích ăn chơi truy lạc hơn bàn việc nước.

Có lần, chúa bị sét đánh gần chết. Từ đấy mắc bệnh "kinh quý", tâm thần luôn hoảng hốt lo sợ. Chúa sai làm nhà hầm gọi là Thượng Trì, ở luôn bên trong không dám ra ngoài.

Cuộc sống nhân dân cơ cực lầm than. Các lãnh tụ nông dân như Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, Nguyễn Hữu Cầu ở Sơn

Nam, Hải Dương kêu gọi nhân dân nổi dậy lật đổ bạo quyền. Dân ùn ùn hưởng ứng, dùng cả gậy gộc cày bừa làm vũ khí.

Trước tình thế bị đất, Vũ Thái Phi và đám cựu thần buộc Trịnh Giang nhường ngôi cho em là Trịnh Doanh.

Sau khi nắm quyền hành. Đầu tiên Minh Đô Vương Trịnh Doanh phế Lê Ý Tôn vì nghi nhà vua có ý bội phản. Chúa chọn hoàng tử Duy Diêu lên làm vua, cho rằng hoàng tử có quý tướng, cao dày đức độ. Duy Diêu lên ngôi tức vua Lê Hiến Tôn.

Chuyện chúa nắm quyền định đoạt vận mệnh sơn hà, kể cả việc chọn người ở ngôi thiên tử xảy ra hàng hai trăm năm, nay đã thành thường tình không ai thắc mắc. Sau đó chúa chinh đồn binh bị, xử dụng các danh tướng như Hoàng Ngũ Phúc, Hoàng Phùng Cơ, Phạm Đình Trọng... dẹp yên nội loạn, xã hội dần dần ổn định.

Bấy giờ tại làng Động Hải, huyện Chân Phúc, trấn Nghệ An có nhà họ Nguyễn. Giòng họ qua ba đời giàu có nhờ thương nghiệp. Đến đời thứ tư, sự buôn bán có phần vượng phát hơn trước nhờ tài năng và sự chuyên cần của người con cả, thường được dân làng gọi là phú ông Nguyễn.

Khác với tổ phụ chỉ sống thuần túy thương nghiệp, phú ông Nguyễn lại bỏ tiền tậu hàng trăm mẫu tư điền. Ruộng chưa đến độ thẳng cánh cò bay, nhưng cò bay ngang hết đám ruộng cũng cảm thấy mệt. Ông Nguyễn bảo thế. Vẫn chưa xong, có ruộng không thể thiếu trâu. Ông cho người sang làng bên mua ngay một lúc đàn trâu hai chục con, gồm toàn loại hai xoáy, sừng tròn, cẳng chúm, trông đáng khôn, khỏe, tốt cày. Ai trông cũng thèm. Người ta tưởng phen này ông Nguyễn muốn đổi nghiệp từ thương ra nông.

Thật sự không phải thế. Chỉ vì ông Nguyễn biết lo xa, e rằng một mai xã hội bất ổn sẽ chẳng thuận cho việc buôn

bán. Chỉ có đất, đất luôn thủy chung nuôi nấng con người nếu người biết bỏ công chăm đất. Việc buôn bán giao cho những người tin cẩn làm, ông chỉ ghé mắt trông qua. Thỉnh thoảng lại đi đó đây, vui chơi thăm bè bạn.

Có lần đến làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân thăm bạn cũ, nghe bạn kể về gia thế họ Nguyễn nổi tiếng danh gia vọng tộc, giỏi chữ nghĩa văn chương, nhiều đời tiếp nối làm quan, bằng vàng bia đá. Thời nào cũng có trạng nguyên tiến sĩ, thiên hạ kính phục, chúa nể vua yêu. Người cha là Nguyễn Nghiễm, đỗ tiến sĩ, làm quan đương triều. Con trai cả của ông tên Nguyễn Khản, nhỏ tuổi nhưng đã nổi tiếng văn hay.

Ông Nguyễn nghe chột buồn. Họ Nguyễn nhà người thật xứng với chữ phú quý vinh hoa. Giòng họ Nguyễn nhà ông phú quý có thừa, nhưng vinh hoa hẩm thiếu. Lý do chính là thiếu chữ nghĩa, dốt văn chương.

Vốn có đầu óc con buôn tính toán, ông nhận ra học chữ cũng như tạo vốn trong nghề buôn. Tìm sự nghiệp trong chốn quan trường có khi kiếm nhiều lãi. Lãi cho mình, lại cho cả anh em giòng họ. Người ta vẫn nói: Một người làm quan cả họ được nhờ...

Ông trở về quê, vừa lúc bà Nguyễn hạ sinh con trai. Ông Nguyễn mừng thấy cảnh mẹ tròn con vuông. Thằng bé khôi ngô, tiếng khóc to vang cả mấy gian nhà. Do ý muốn chỉnh lại nghiệp nhà, quyết cho con ăn học, ông đặt tên thằng bé là Chính. Nguyễn Hữu Chính. Đó là mùa đông năm Nhâm Tuất 1742. Con trai sinh năm Nhâm còn gì tốt bằng.

Chính càng lớn càng khôn ngoan, đáng trông thanh tú, nói năng khôn khéo. Ai cũng khen có quý tướng.

Một lần, thầy địa lý từ phương bắc đi ngang qua làng. Nhìn thấy ngôi mộ tổ phụ họ Nguyễn chôn tại núi Côn Bằng,

thầy nói: Cuộc đất hình nghiên mực, con cháu phát về văn, lại ở cái thế như rồng đuổi hổ. Tha hồ xưng vương xưng bá...

Ông Nguyễn nghe mừng lắm. Nghĩ lời thầy nói ứng vào Chính, ông càng quý con. Ông nói với vợ: Tôi quyết cho thằng Chính ăn học, mang cờ biển tiến sĩ về dựng tại sân nhà để thiên hạ nể mặt, gia tộc ta đạt đủ bốn chữ phú quý vinh hoa. Giòng Nguyễn làng Động Hải đã không nhường ai trên thương trường sẽ tung hoành trong chốn quan trường...

Từ ngày ấy, ông Nguyễn tổ ra mển chuộng nho sĩ, thường mời các người hay chữ đến nhà tụ tập giảng văn luyện sử, luận cổ suy kim. Còn ông chỉ ngồi hầu rượu, nghe luận chữ nghĩa thánh hiền. Cũng có khi cao hứng, ông Nguyễn bàn chuyện nhân tình thế sự, nhiều người khen ông trải đời.

Thấy chủ nhân hiếu khách ân cần, lúc nào cũng trà dư tửu hậu. Đám nho sĩ ở cách xa cả huyện, cả trấn cũng không nề hà thỉnh thoảng ghé thăm. Nhà ông khách xá tấp nập. Chẳng những trọng nho, ông Nguyễn quý cả võ. Dân làng vẫn biết ông thường giao du thân tình với Việc Quận Công Hoàng Ngũ Phúc, danh tướng Bắc Hà ai cũng vị nể.

Năm Chính lên năm, ông Nguyễn chọn thầy dạy học cho con. Bà Nguyễn nói với chồng: Con còn nhỏ dại, nếu chỉ vì kiếm tí chữ nghĩa mà phải xa cha mẹ tôi không đành lòng.

Chiều ý vợ không muốn cho con đi học xa, ông Nguyễn chọn ông đồ Ngang làm người thầy đầu tiên khai tâm cho con.

Nguyên làng Động Hải đất rộng người thưa, số người nhiều chữ hiếm lắm. Làng chỉ có hai ông đồ nho. Ông thứ nhất trọng tuổi, cụ đồ Tiên tuổi ngoại thất thập. Ông Nguyễn

ngại cụ đồ gần đất xa trời, việc học của con dở dang. Ông thích đồ Ngăn.

Đồ Ngăn tuổi khoảng năm mươi lại ngang tính, thiên hạ gọi đồ Ngang, lâu ngày thành quen.

Đồ Ngang văn hay chữ tốt, tính khinh bạc, chán công danh khoa cử. Ông Nguyễn trọng đồ Ngang ngay tính. Người ngay thẳng là người tốt, thừa can đảm dám nói thật những suy nghĩ của mình. Trên đời biết bao kẻ lươn lẹo, nói một đằng làm một ngả. Mà xét cho cùng, ông đồ Ngang nào có ngang tý nào. Tỷ như có lần, đồ Ngang nói với đám hương chức: Dân vi quý. Đất nước là của dân, nào phải của vua chúa. Vua chúa hưởng phú quý, tiền của do dân góp. Bảo rằng vua chúa lo cho nước cho dân, thực sự là dân phải lo ngược lại cho vua chúa. Dân chẳng nộp sưu nộp thuế là gì...

Đại khái tính tình đồ Ngang như thế. Cũng có lần, đồ Ngang nói bạo đến nỗi có người bịt tai, có người sợ bỏ đi không dám nghe ông nói tiếp. Đồ Ngang nói: Cha mẹ sinh ra tôi, trời bắt tội cái lưng nó thẳng, không quen quỳ gối cúi đầu. Vốn không ưa trộm cướp nên không thể bon chen trong quan trường. Muốn làm quan, chắc phải học thêm khoa đống kích, làm quan không biết đống kích thì thế nào cũng có lúc rơi đầu. Có khi chết cả ba họ. Cụ Úc Trai Nguyễn Trãi, trung với vua như thế, lo cho nước như thế, cuối cùng bị tru di tam tộc. Vua cầm quyền bính, dụng quyền giết người vội vã, rồi giải oan, xót thương cả đến nắm xương tàn. Mía mai thay...

Những câu nói của đồ Ngang, đám hương chức nghe cả nhưng chỉ lặng cười. Ai lại dám đồng tình với những lời nói phạm thượng kia, mà dường như lòng kính trọng của họ với đồ Ngang không vì thế giảm bớt.

Đồ Ngang lại tốt chữ. Những câu đối, những đại tự ở đình làng do một tay ông viết. Ai thấy cũng trầm trồ. Đồ

Ngang làm làng hãnh diện, không những trong làng mà cả với nhiều làng lân cận.

Ngày nọ, ông Nguyễn sắm trọng lễ gồm mâm xôi thủ lợn, lại cả đôi gà trống thối, vò rượu nếp làng Vân rồi dẫn Chính đến nhà thầy cầu học. Ông tự nhủ đến gặp đồ Ngang nói năng phải cẩn thận, đôi khi cần kiên nhẫn. Ông tự tin vào gia thế nhà ông, chắc đồ Ngang sẽ không từ chối nhận con ông làm học trò.

Đến nhà đồ Ngang khoảng giờ thìn, mặt trời mới qua khỏi rặng tre. Đồ Ngang trong nhà liếc thấy ông Nguyễn đến dẫn theo đứa trẻ đã hiểu ý ông Nguyễn muốn gì. Ông đồ lơ như không tiếp tục bình văn. Học trò đồ Ngang khoảng trên mười đứa. Đứa nào cũng sáng sủa ngoan ngoãn.

Ông Nguyễn và Chính đứng chờ ở đầu hè. Đồ Ngang đang bình văn, giọng sang sảng rành rẽ, văn bình trôi chảy.

Bình văn xong, đồ Ngang bước ra cửa ra về ngạc nhiên: Tôi thật có lỗi không nhìn thấy làm ông mất công chờ.

Nói xong trình trọng mời ông Nguyễn vào nhà, cho học trò tạm nghỉ. Đồ Ngang pha trà ngon đãi khách, nói:

- Ông nhà có chuyện gì mà nhọc công ghé tôi, lại cả lễ vật, gì thì cũng là đồng hương, có khí hơi bày vẽ chẳng?

Ông Nguyễn từ tốn trả lời, đi ngay vào đề:

- Đồng hương thì đúng. Nhưng ông với tôi chưa có dịp nào ngồi riêng chuyện văn. Nói thế chứ danh tiếng ông đồ cả làng đều biết, nhiều làng xa cũng hay. Thôi chẳng có chi xa lạ mà phải đón rào. Tôi có thằng cháu nhỏ tên là Chính. Nguyễn Hữu Chính. Sinh năm Tuất, tuy nhỏ mà tỏ ra chuộng học. Nay muốn đến xin ông cầu học, cho cháu ít chữ, cùng là thi phú văn chương để nở mặt với đời, khỏi mang tiếng vô học bất thuật, miệng thế cười chê. Lại mang tí lễ vật, ông nhận thì lòng tôi vui, chỉ cháu cũng thỏa.

Ông Nguyễn nói xong, ông đồ chưa vội đáp, chậm rãi làm điệu thuốc Lào, chiêu hớp nước từ từ nhả khói. Đồ Ngang nói:

- Ông thương nói vậy chứ cái vốn chữ của tôi thiếu lắm, e phụ lòng ông. Tôi mở trường, trước vì chiều ý làng và các hương chức. Sau nghĩ trường lớp như lao xá. Giam lũ trẻ ở đây cũng là cách tránh cho chúng nó khỏi lêu lổng. Tôi nhận học trò, đứa nào cũng chỉ dạy trong năm năm, vì vốn chữ của tôi nó chỉ chừng ấy.

Ông Nguyễn chẳng chịu, nói:

- Ông ý khiêm nhường. Vậy xưa nay sao người ta ai cũng chuộng sự học. Ngọc bất trác bất thành khí. Nhân bất học bất tri lý. Ông đồ nhiều năm đèn sách. Văn hay chữ tốt thiên hạ mời làm thầy. Cả như tôi ai mời làm chi?

- Tôi nói thật đấy, tin hay không là ở ông. Cái sở học của tôi, có khác chi loài bò gặm cỏ, cứ thế mà nhai, nhai đi nhai lại. Phát nhàm. Tàn đời mà vẫn cùng đinh. Tôi coi chuyện học chẳng khác chi cái nghiệp gia tộc tôi phải mang, từ đời này qua đời nọ. Như ông tiền rừng bạc bể nổi tiếng cự phú, có tiền muốn chi chẳng được. Rồi con nối nghiệp cha, đời này đời nọ, đa mang chữ nghĩa chi cho nhọc thân.

Lặng yên vài giây, ông đồ tiếp:

- Ông xem tôi nào nói ngang. Thời nhà Tần, Thỉ Hoàng đốt sách chôn học trò. Chữ nghĩa là tai họa đó. Ngu si hưởng thái bình. Văn chương chữ nghĩa không những là tai họa, nó còn lươn lẹo. Ghê gớm lắm. Tôi nghe chuyện xưa có kẻ giỏi thơ. Dùng tài của mình làm thơ ca tụng tên quan chuyên bóc lột, ức hiếp dân lành. Dân đọc thơ căm lắm. Nhiều kẻ khuyên răn nhưng tên kia vẫn tiếp tục thói hư. Thậm chí ở chốn triều đình xa xôi nhà vua đọc thơ, lại tưởng tên quan hà khắc kia thanh liêm ngay chính truyền trọng thưởng. Một

đêm, kẻ làm thơ cần bút suy nghĩ cố tìm vần thơ trác tuyệt ca tụng quan trên. Hắn bắt đầu viết. Lại thay, mẩu chữ không đen mà đỏ. Hắn có dùng mực đỏ bao giờ. Hắn nhìn kỹ, đưa lên mũi ngửi. Không phải mùi mực mà là mùi máu. Mùi máu người. Ông thấy chưa, chữ với nghĩa, đáng sợ thay... Như ông vua kia hoang dân vô đạo, sử quan vẫn viết bừa là minh quân. Dễ hiểu thôi, viết sự thật thì mất đầu, thà cúi đầu uốn bút để hưởng phú quý. Hậu thế sau này chẳng biết đầu mà mò, chẳng biết đầu là sự thật. Thời nay, vua chúa quan lại toàn những người lấm chữ, mà ông thấy có phải là thời thịnh trị? Nào giặc giã trộm cướp đói khổ. Dân lầm than cơ cực... Vậy nói vua quan lo cho dân cho nước là nói ngược. Họ chỉ làm nhọc lòng dân, làm phí sức dân, đặt dân trong bùn lầy than nóng. Lúc nãy ông nói, cho con học là để nở mặt với đời. Ý ông muốn tôi dậy cháu làm quan, tôi thật không có năng lực ấy. Muốn làm quan dễ lắm. Ông dùng tiền mà mua cần chi chữ nghĩa. Hai nghìn tám trăm quan mua tri huyện, thêm sáu trăm quan là có tri phủ...

Ông Nguyễn nói:

- Ông đồ nói phải. Nhưng quan chức mua bằng tiền thì còn chi danh giá.

- Cứ làm quan tất có danh có giá. Thiên hạ sợ vãi đá. Tôi quen tay bán thịt chó. Ông cha nó bỏ tiền mua cho nó chức tri huyện. Chỉ vài năm sau, nó đục khoét dân gỡ vốn lại. Có lần gặp tôi, nó bảo: Giỏi chữ nghĩa như ông anh, sao không đi thi đỗ đạt làm quan.

Hồi ấy tôi ngu, đi lý lẽ với thằng vô học, tôi đem đạo lý thánh hiền, nào nhân nghĩa lễ trí tín, nào tam cương ngũ thường, nào phép trị dân, canh tân đời sống cho dân bớt nghèo khổ... Tôi nói gặp thời thịnh trị sẽ dùng chốn quan

trường thực hiện ước mơ kẻ sĩ. Bây giờ chưa đi thi vì còn phải trau dồi đạo đức thêm... Có tu thân mới tề gia trị quốc...

Tôi đang nói say sưa, nó cười phá lên, cười chảy nước mắt vái tôi lia lịa, nó nói: Phục ông anh, phục ông anh nhưng ông anh nói, đệ nghe đếch lộn lổ tai.

Tôi há hốc mồm, bực thẳng hồn lảo tục tưu. Nhưng chợt nghĩ giờ nó là tri huyện, lơ mơ nó cùm đầu đành im. Nó nói tiếp: Ông anh muốn dùng quan trường lo cho dân. Thật đáng quý. Nhưng dân đen nó ghê lắm, nó đếch cần ông anh. Ông anh nói, nó nghe nhưng nó lại làm theo ý nó. Dân quen nô lệ, ta cứ hà khắc. Hở tí là gông cổ nó lại, thế là yên. Tốt nhất là lo cho mình, thằng nào có thân tự lo. Thời này làm quan như ông anh, chỉ ba bảy hai mốt ngày. Làm quan là một nghề, làm quan với triều đình chính là lo cho mình. Không bao giờ có bình đẳng, có công bằng. Những chữ ấy chỉ có trong cửa miệng của bọn giả đạo đức. Bình đẳng ư? Thế là loạn to. Công bằng ư? Thử nhìn mâm cơm thì thấy. Đệ quen rượu thịt. Ăn mắm muối như dân, cơm độn ngô khoai. Đệ chẳng bao giờ ngu đi mơ cái công bằng ấy.

Nó tiếp tục lải nhải. Tôi khinh bỉ bỏ đi. Thế mà về nghĩ mãi. Có khi nó khôn mình dại cũng nên. Lại nghĩ mình không có tài làm quan, đành gở đầu trẻ sống qua ngày, quên hẳn chuyện khoa cử quan trường.

Ông Nguyễn ngồi yên. Đồ Ngang làm thêm điều thuốc từ từ nhả khói nói lảng chuyện khác:

- Tương thẳng Chính thông minh, ngoan. Để xem sau này nó học hành ra sao...

Biết ông đồ bằng lòng nhận Chính, ông Nguyễn mừng, đề nghị bày rượu thịt đánh chén.

Thù tạc đến chiều, ông Nguyễn cáo từ, hẹn chọn ngày tốt sẽ cho con đến trường. Ông đồ bảo: Cái đó tùy ông. Lại

nhấn thêm, tôi chỉ nhận dậy cho cháu trong năm năm. Năm năm thôi. Cái vốn của tôi chỉ ngần ấy, ông nhớ ghi...

Nghe ông đồ nói vậy, ông Nguyễn cười trả lời: Cái đó tùy ông.

Vài hôm sau, Chính bắt đầu đi học. Thỉnh thoảng gặp ông Nguyễn, ông đồ nói: Thằng bé học tấn tới, đầu như giống sâu đở bao nhiêu cũng chẳng vừa. Ông Nguyễn nghe mừng con học giỏi.

Năm lên tám, Chính xin cha cho học thêm võ nghệ. Ông Nguyễn đẹp dạ cất công đến huyện Hưng Nguyên mời võ sư danh tiếng họ Hồ. Họ Hồ bảo mua chân gà cứt sắt ngâm với rượu, luyện cho thằng bé mình đồng da sắt.

Ông Nguyễn về làm ngay. Chính học võ chăm như học văn.

Từ khi biết chút võ nghệ, Chính thường tụ tập đám trẻ chia phe, giả làm quân sĩ đánh nhau. Lũ trẻ tôn Chính làm tướng vì Chính khôn ngoan, nhiều mưu lược.

Đánh nhau trên bờ mả cũng chán, Chính bày lũ trẻ chặt chuối kết làm bè, thả xuống hồ đánh dưới nước.

Năm Chính lên mười, có lần trong lúc chơi trận giả, Chính hăng máu đâm bạn xuống hồ gần chết ngộp. Đồ Ngang biết gọi vào quả măng định đánh đòn.

Chính tạ lỗi cùng thầy, làm bài thơ nhan đề “Chính nghịch”. Bài thơ như sau:

*Bảo rằng Chính nghịch thật oan thay
Chính nghịch nhưng mà biết nghịch hay
Buột miệng ngâm nga thi phú nọ
Nhanh tay tô điểm nước non này
Kinh trời, động đất còn bao lúc
Diệt giặc, phò vua cũng có ngày
Thử hỏi có ai hay nghịch thế?
Tu văn luyện võ để sau đây...*

Nghe bài thơ khẩu khí lạ thường, đồ Ngang ngạc nhiên.

Thời gian cũng vừa đủ năm năm. Theo lệ thường, ông sẽ không để Chính tiếp tục học. Nhưng lần đầu tiên đồ Ngang phá lệ không nhắc gì chuyện ấy. Ông Nguyễn biết, cũng làm như không để ý, nhưng thực tâm quý trọng đồ Ngang, khen mình khéo chọn mặt gửi vàng.

Hai năm sau, một hôm đồ Ngang mời ông Nguyễn lại nhà, nói:

- Con ông học ở đây thoát đã bảy năm. Tôi hết chữ chẳng còn gì dậy nó. Nếu ông muốn cho con học tiếp, tôi sẽ giới thiệu thầy khác.

Thầy mới của Chính là Trần Công Xán, nguyên người huyện Đông Anh, Hà Đông. Mở trường học ngay làng kế cận. Đồ Xán tuổi còn trẻ nổi tiếng hay chữ. Đồ Ngang nói với ông Nguyễn: Người này trước sau cũng giạt cờ tiến sĩ. Ông Nguyễn nghe mừng rỡ.

Bốn năm sau vừa tròn mười sáu, Chính đỗ Hương Cống (cử nhân). Ai cũng khen cậu Chính tuổi trẻ tài cao.

Đồ Xán thương Chính nhưng không ưa tật tự kiêu. Thường khuyên Chính nên biết mình biết người, lại phải tâm niệm trên đời có nhiều người tài giỏi hơn mình. Chính nghe thầy khuyên vâng dạ lĩnh ý.

Chính thi đỗ, ông Nguyễn tất bếp cả làng Động Hải, truyền mở đại tiệc, cỗ bàn la liệt hàng trăm mâm.

Ông Nguyễn ngồi giữa hai ông thầy đồ Ngang và đồ Xán. Chính ngồi cạnh đồ Ngang.

Sau tràng pháo nổ dài mọi người vào tiệc. Cả làng khen cỗ ngon, nhiều. Chưa bao giờ dân làng được bữa phủ phè đến thế. Lý Trưởng Lê, ngỗm ngỗm rượu thịt hùng hổ tuyên bố: Văn chương chữ nghĩa quý lắm các cụ ạ. Ta phải phát

động ngay phong trào khuyến khích học hành, đưa chữ về làng. Ta đã có ông cống tất có ông nghề. Động Hải quyết giật cờ tiến sĩ về treo ngay đình làng. Mọi người hoan hỉ reo vui. Các cô gái làng khúc khích duyên dáng. Những tia nhìn dồn về tân khoa. Chỉnh vui ngây ngất.

Mặt trời xế bóng tiệc vẫn chưa tàn. Đồ Ngang đứng lên kiếu từ. Ông Nguyễn cảm tạ thầy, hai cha con tiễn đồ Ngang ra tận cổng.

Đồ Ngang bỗng nắm tay Chỉnh. Cầm bàn tay gầy guộc của thầy, Chỉnh cảm động. Bao nhiêu năm học, chưa bao giờ đồ Ngang biểu lộ cử chỉ thân mật với học trò. Nhìn thẳng vào mắt Chỉnh, đồ Ngang nói: Nay anh thành tài, chẳng bỏ công thầy. Rồi anh sẽ dẫn thân vào quan trường. Anh cao vọng chí khí, tự ví mình như chim bằng, đặt hiệu là Bằng Linh. Nay ta có lời nhắn nhủ. Anh từng học, kẻ làm tôi có ba điều đại kỵ: Cây có công lớn ép vua, cây có quyền lớn lấn vua, cây có tài lớn át vua. Chỉ cần phạm một đã đủ vong thân. Anh ghi nhớ.

Chỉnh khoanh tay cúi đầu nghe lời giáo huấn. Ông Nguyễn thấy thế, cũng đứng vòng tay thủ lễ.

Trong nhà có ông lão nhìn thấy, lòng cảm kích nói: Kẻ có học thì đạo đức cao. Lại có người cãi: Nhiều chữ nghĩa chắc chi đầy đức độ.

Có người cho là nói càn. Đa số chẳng để ý. Thức ăn ngon rượu nồng, dĩ thực vi tiên. Cứ ăn cái đã, mọi thứ hậu xét.

Sau ngày thi đỗ, Chỉnh chuyên tâm nghiên cứu binh thư đồ trận. Vốn thích Ngô Khởi, nhà quân sự chính trị lỗi lạc thời chiến quốc. Chỉnh thuộc nằm lòng bộ binh thư của họ Ngô. Thẻ lập chí có phen "tô điểm sơn hà". Lại nghĩ, thời loạn không gì hơn lý lẽ của đao kiếm, Chỉnh xin cha đến

chùa Tiên Tích tại thành Thăng Long học thêm nghề võ với vị cao tăng thuộc Bắc Phái Thiếu Lâm. Ông Nguyễn bằng lòng.

Thời gian ở kinh thành, do nhiều tiền của tính tình hào hiệp. Chỉnh quen biết hầu hết danh sĩ Bắc Hà. Nhiều bài văn thơ của Chỉnh như Cung Nữ Thi được đời truyền tụng. Chỉnh lại có tài soạn ca khúc phổ vào đàn sáo, thường tụ tập ca nhi hát xướng. Ai cũng khen là tay phong lưu công tử.

Hai năm sau, Chỉnh thi võ đỗ tam trường. Trở về quê nhà, Chỉnh sống như Mạnh Thường Quân, thường tụ tập khách xá, khi bình văn giảng võ, khi đàn ca hát xướng. Tiếng tăm Cống Chỉnh vang dội đến cả nơi thâm sơn cùng cốc. Chỉnh làm quen được nhiều tay cừ khôi, có tài biện thuyết.

Ngày nọ, ông Nguyễn mời đồ Ngang ghé nhà. Hai ông vui say chè chén, bạn hiền rượu ngon. Đồ Ngang nói:

- Theo tôi, danh phận thẳng Chỉnh nhà ông không tầm thường. Tôi tin nó làm quan có tư cách, nó không phải người bần tiện.

Ông Nguyễn đồng tình:

- Ông nói phải. Thứ đàn ông bần tiện chỉ là phường giá áo túi cơm. Suốt đời làm đầy tớ người.

Đến khuya đồ Ngang ra về. Trời sương lạnh, đồ Ngang về nhà đi ngủ ngay.

Ông Đồ không bao giờ thức giấc. Ông ngủ giấc ngàn thu. Ông ra đi, bước vào cõi vĩnh hằng nhẹ nhàng êm ái như mây trôi gió thoảng.

Chỉnh khóc thương, lo mọi chi phí lễ tang. Lại để tang thầy coi thầy như cha.

Năm Chỉnh hai mươi, ông Nguyễn muốn con bắt đầu gây dựng sự nghiệp. Nghĩ người có danh vọng cao, nắm binh quyền Bắc Hà không ai ngoài Việp Quận Công Hoàng Ngũ

Phúc. Chính bắt chước cách tiến thân như Ngô Khởi, Hàn Tín ngày xưa. Chọn Quận Việp làm chủ tướng.

Vốn quen biết với ông Nguyễn từ lâu, Quận Việp thu dụng Chính, tỏ ra yêu quý vì Chính làm việc siêng năng, giỏi văn chương thi phú. Trong những cuộc hành binh tiểu trừ giặc dã, Quận Việp dùng Chính bàn việc tham mưu.

Năm Giáp Ngọ 1774, lợi dụng triều đình chúa Nguyễn rối loạn. Quân Tây Sơn nổi lên chiếm thành Quy Nhơn. Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm cử Quận Việp làm Bình Nam Đại Tướng, cùng các danh tướng khác như Hoàng Phùng Cơ, Hoàng Đình Thử, Hoàng Đình Bảo... tiến chiếm Thuận Hóa.

Quân Trịnh lấy Phú Xuân, vượt đèo Hải Vân vào Quảng Nam đánh Tây sơn. Chính tình nguyện làm tiền phong kéo quân vào Quảng Ngãi. Thủ lĩnh Tây Sơn Nguyễn Nhạc sai sứ mang lễ vật sang Trịnh xin thần phục. Quận Việp cử Chính mang ấn kiếm chúa Trịnh phong cho Nguyễn Nhạc làm Tây Sơn Hiệu Trưởng. Nhạc phục tài biện thuyết của Chính. Chính quý mến tác phong giản dị của Nhạc, đồng thời nhận ra thực lực Tây Sơn. Đây là lực lượng quân sự vô cùng tinh nhuệ. Các tướng Tây Sơn đều trẻ tuổi, võ nghệ cao cường. Đặc biệt Nguyễn Huệ, tuổi mới ngoài hai mươi nhưng phong cách chỉ huy ít ai bì kịp. Quận Việp cho nhận xét của Chính là đúng.

Quân Trịnh rút về Bắc. Quận Việp lâm trọng bệnh từ trần. Trước khi chết, cho gọi cháu là Huy Quận Công Hoàng Đình Bảo, ông dặn cháu: Ta mất, nhắm các võ tướng Bắc Hà không ai xứng tay đối thủ của Tây Sơn. Vậy cháu cẩn thận, tâu với nhà chúa phòng thủ kỹ Thuận Hóa, Nghệ An. Luôn dò thám Tây Sơn, nếu họ có ý gì khác, lập tức tấn công để tranh tiên. Đừng bỏ qua tài năng của Nguyễn Hữu Chỉnh, nó lại trung thành với ta...

Về triều, Quận Huy tâu chúa mọi việc. Quan Tổng Tài Quốc Sử Quán Lê Quý Đôn cũng dâng biểu văn nói về Tây Sơn, có câu"... *thập nhị niên trường, kỳ cường mạc đương..*" nghĩa là trong mười hai năm dài không ai địch lại. Chúa Trịnh Sâm vốn tự cao cho những nhận xét trên quá đáng.

Quận Huy vốn là con rể của chúa Trịnh Doanh nên được Trịnh Sâm tin cẩn. Chúa cử Huy làm Tổng Trấn Nghệ An, thay Quận Việp.

Là người tài kiêm văn võ, biết xử dụng người tài. Chẳng bao lâu, Quận Huy xây dựng được lực lượng mạnh, giao cho Chính phụ trách thủy binh. Chính tỏ ra có tài, dẹp tan nhiều đám giặc bể. Giặc sợ gọi Chính là Ác Đế, vì Chính tự ví mình như chim bằng. Cái tình giữa Chính và Quận Huy ngày càng đậm đà.

Bấy giờ tại kinh thành bỗng dưng loan truyền câu sấm "Nhất thử trục quần dương". Nghĩa là một con lợn đuổi đàn dê. Có kẻ luận, Quận Huy tuổi lợn, vua Hiến Tôn và chúa Trịnh Sâm tuổi dê. Đây ứng vào điềm Quận Huy sẽ làm phản.

Quận Huy nghe được sợ hãi. Đoán có kẻ mưu hại, Quận Huy xin với chúa ý muốn hồi triều để tỏ lòng trung. Chúa bằng lòng.

Tại phủ liêu, chúa si mê Tuyên Phi Đặng Thị Huệ, dân thường gọi là Bà Chúa Chè. Chúa có ý muốn phế con trưởng Trịnh Tông để lập con thứ Trịnh Cán làm thế tử. Triều thần chia phe phái. Phe ủng hộ Tông, phe theo Cán.

Quận Huy cho việc Tông nối ngôi là hợp lẽ, ý muốn ủng hộ. Nhưng Tông vụng về, mẫn Huy bội phản. Quận Huy tức giận, quay sang ủng hộ Trịnh Cán. Tuyên Phi có thêm vây cánh, tỏ ra sủng ái Quận Huy.

Dân kinh thành đồn sự giao du giữa hai người vượt mức bình thường. Dân còn bảo nhà chúa hom hem, không đủ sức cung phụng bà chúa đêm ngày. Quận Huy to lớn, sức lực sung mãn hài lòng người đẹp.

Phe ủng hộ Trịnh Tông đứng đầu là Kiều Nhạc Hầu Nguyễn Khản, hiện đang làm Tổng Trấn Sơn Tây. Khản từng là thầy Tông, cho rằng bỏ trưởng lập thứ là mầm biến loạn. Phần Ngô Thì Nhậm, cũng từng là thầy Tông. Thì Nhậm nghĩ không có gì mạnh hơn mỹ nhân. Chúa say đắm Thị Huệ, lại không ưa Tông, can cũng vô ích, có khi rước họa vào thân. Nhậm nghiệm thêm, vai trò lịch sử của hai họ Lê, Trịnh không thể tồn tại lâu dài được nữa. Chỉ như cây khô, chờ ngày bị đốt. Tài thông kim cổ như Gia Cát Lượng cũng không dựng nổi nghiệp nhà Hán, huống chi là mình. Nên cứ điểm nhiên tọa thị là hay.

Có lần chúa hỏi ý Nhậm, Nhậm trả lời: Nhà chúa phúc lộc còn dài, mọi chuyện để từ từ sẽ liệu.

Mùa thu năm Canh Tý 1780, chúa bệnh nặng. Trịnh Tông đoán chắc cha không sống nổi. Tông âm mưu gọi quân các trấn về kinh thành, chờ khi chúa vừa mất, sẽ bắt mẹ con Tuyên Phi, giết chết Quận Huy để đoạt vương quyền. Nào ngờ chúa lại hồi phục. Âm mưu của Tông bại lộ. Chúa giận lắm, khóc với quần thần trót sinh nghịch tử.

Vì tình cha con chúa tha không giết Tông, chỉ bắt đổi tên thành Trịnh Khải, phế xuống làm con thứ, quản chế chặt, tuyệt đối cấm tiếp xúc với người ngoài.

Đối với Nguyễn Khản, nghĩ tình thân ngày trước, chúa cũng tha không giết, nhưng bị tước binh quyền và bị quản chế tại kinh thành.

Phe cánh Khải tan rã. Mọi quyền binh rơi vào tay Quận Huy và Thị Huệ. Quận Huy giao cho Chính chỉ huy thủy binh trấn Nghệ An.

Tháng chín năm Nhâm Dần 1782 chúa từ trần. Chúa chỉ sống được bốn mươi một năm. Thế tử Trịnh Cán mới năm tuổi lên nối ngôi xưng tước Tôn Đô Vương. Quận Huy làm phụ chính.

Dương Ngọc Hoan mẹ Trịnh Khải đến khấn cầu, khóc lóc với Quận Huy xin vị tình che chở cho con. Vốn người tình cảm, Huy ra lệnh nới lỏng quản chế Khải, cho phép gặp gỡ những người hân cận.

Lợi dụng ngay cơ may, Khải ngầm liên lạc với đám ưu binh mưu việc cướp ngôi.

Ưu binh, nguyên là đám lính vùng Nghệ An Thanh Hóa, đồng hương với vua chúa nên được ưu đãi cho canh giữ kinh thành. Sau này dân gọi chúng là kiều binh.

Bọn kiều binh bàn kế hoạch bất ngờ kéo quân vào phủ, nổi trống làm hiệu.

Do không đề phòng, Quận Huy bị giết. Mẹ con Tuyên Phi bị bắt. Trịnh Khải lên ngôi xưng là Đoan Nam Vương. Trịnh Cán làm chúa chỉ hơn một tháng.

Được đà, kiều binh gây rối loạn tại kinh thành, phá tan dinh Quận Huy, bắt giết bừa bãi. Từ quan chí dân, ai gặp chúng cũng lánh mặt.

Tại Nghệ An, Nguyễn Hữu Chỉnh nhận được hung tin. Vô cùng tiếc thương Quận Huy, Chỉnh thể diệt họ Trịnh trả thù. Một mặt lo đề phòng hiểm họa sẽ xảy ra nay mai. Chỉnh bàn với Vũ Tá Dao trấn thủ Nghệ An:

- Nay triều chính rối loạn. Mẹ con Tuyên Phi bị bắt, ngài Quận bị kiều binh giết chết dã man. Sớm muộn gì cũng đến lượt tui mình. Vậy ông có kế sách chi đối phó?

Tá Dao buồn bã trả lời:

- Lòng tôi rối như tơ, vậy ông cho biết ý.

Chỉnh bàn:

- Ông và tôi, cũng như Quận Công Hoàng Đình Thế đều thọ ân ngài Quận Huy. Nay chủ chết mà không tính kế trả thù là bất nghĩa, không biết cách phòng thân, cúi đầu chịu chết là bất trí. Kế của tôi là ta chiếm ngay Nghệ An. Ông lo bộ binh, tôi lo thủy binh. Một mặt liên lạc với Quận Thế, hiện là phó tướng Thuận Hóa, thuyết phục Thế chiếm Thuận Hóa. Thế là ta chia đôi sơn hà với họ Trịnh. Thuận Hóa, Nghệ An là đất hiểm trở. Quân Trịnh không thể tấn công dễ dàng. Đó là kế sách dựng nghiệp lớn, lưu danh sử xanh.

Nghe xong, Dao ngẩn ngại hên suy nghĩ lại.

Vài ngày sau không thấy Dao đá động gì, Chỉnh bí mật đem hết gia đình xuôi thuyền về nam, quyết định theo anh em Tây Sơn.

Phần Nguyễn Nhạc, người anh cả Tây Sơn. Sau khi hòa với Trịnh, Nhạc rảnh tay bình định phía nam, đánh tan lực lượng Nguyễn Ánh.

Năm Mậu Tuất 1778, Nhạc thực hiện ước mơ cuối cùng lên ngôi hoàng đế, xưng hiệu Thái Đức.

Chỉnh gặp vua Thái Đức kể rõ nguồn cơn. Nhà vua cảm động thu dụng Chỉnh, đãi như thượng khách.

Vua Tây Sơn vốn xuất thân dân dã nên rất trọng người học thức. Nhất là đã từng nghe danh đám danh sĩ Bắc Hà. Đối lại lòng quý mến của vua, Chỉnh bày mưu tính kế giúp vua thu phục được hết những nhóm dân tộc thiểu số người Chăm, người Thượng... Tính vua thích thụ hưởng, Chỉnh tuyển chọn gái đẹp, tập cho múa hát giúp vui hằng đêm. Vua khen Chỉnh tài hoa.

Chỉnh lợi dụng cơ hội nghiên cứu học hỏi thuật dụng binh của Nguyễn Huệ. Lại học được thêm ngón võ tuyệt vời mà Nguyễn Lữ thường huấn luyện cho lính Tây Sơn gọi là Hùng Kê Quyền. Quân lính thường gọi là bài quyền gà chọi.

Nguyễn Lữ quan sát hai con gà chọi. Một con lớn chọi với một con nhỏ nhưng đá hay hơn. Lữ nhận ra con gà nhỏ thắng nhờ những thế đánh chớp nhoáng, hiểm ác, biết di chuyển nhanh để tránh đòn, lấy nhu thắng cương, lấy yếu thắng mạnh...

Nguyễn Lữ kể cho Chỉnh nghe: Ngày còn tu đạo tại làng An Nhơn, tôi được vị đại sư Thiếu Lâm Nam Phái truyền cho bài Hổ Quyền. Nhận thấy đây là bài quyền hay nhưng không thích hợp với người mình, dáng vóc nhỏ bé, tôi rút những tinh hoa của nó, tạo ra Hùng Kê Quyền. Hùng kê gồm những đường quyền mạnh chắc, rất biến hóa. Cứ đánh quyết định có thể làm vỡ ngực địch thủ, dù trong khu vực chật hẹp. Người dụng võ phải luyện nhãn pháp, quan sát kỹ đối phương, nhanh chóng khai thác những sơ hở dù nhỏ nhất. Ra đòn chính xác tránh mất sức...

Trong ba anh em Tây Sơn, Chỉnh mến Nhạc do tính hào hiệp mưu trí. Mến Lữ vì con người hiền hòa, võ nghệ tinh thông. Với Nguyễn Huệ, Chỉnh phục tài dụng binh thần tốc, dù Huệ tuổi mới ngoài ba mươi. Nhưng Chỉnh e ngại vì biết Huệ không ưa mình. Huệ vẫn có mặc cảm cho người Bắc Hà giáo hoạt khó tin. Cũng có thể là Huệ kiêu căng sau bao trận chiến thắng quá nhanh chóng, dễ dàng? Huệ ra quân chém tướng như lấy đồ trong túi. Quân sĩ dưới tay Huệ tuyệt đối kỷ luật. Ai thấy Huệ đều sợ không dám nhìn thẳng mặt. Quân Nguyễn Ánh bao phen bị Huệ đánh tan tác, phải cầu viện đến cả người Pháp, người Xiêm La.

Trong hai năm Nhâm Dần 1782 và Quý Mão 1783, Huệ hai lần đánh tan Nguyễn Ánh. Bắn chìm đốt cháy luôn các chiến hạm Tây Phương. Ánh trôi dạt chạy trốn sang đảo Thổ Chu cầu cứu vua Xiêm đem quân trợ giúp.

Cuối năm Giáp Thìn 1784, Nguyễn Huệ lập đại chiến công, đánh tan năm vạn quân Xiêm tại Rạch Gầm và kênh Xoài Mút.

Sau chiến thắng, uy thế Tây Sơn càng vang dội.

Phần Nguyễn Hữu Chỉnh, tuy xa quê hương nhưng lòng hằng mơ có ngày về đất tổ. Chỉnh muốn dựa thế lực Tây Sơn diệt cả vua Lê lẫn chúa Trịnh, thu giang sơn về một mối. Chỉnh cho hiện trạng hai nước nam bắc phải sớm chấm dứt, vì người hai miền cùng là người nước nam, tuy giọng nói và phong tục có hơi khác biệt. Đôi lần gặp vua Thái Đức, Chỉnh dò ý nhà vua. Chỉnh biết rằng vua không bao giờ có tham vọng lấy Bắc Hà vì e ngại không thể kiểm soát và cai trị một nước quá lớn, lại luôn cho Bắc Hà là nước văn hiến, thành lập lâu đời, nhiều nhân tài nên không dễ dàng chiếm đoạt. Vua nói: Ta chỉ là người dân áo vải. Bởi không chấp nhận bọn quan lại tham ô hà khắc, áp bức dân lành nên dựng cờ khởi nghĩa. Nay mộng đã thành, lên ngôi vương bá, chỉ mong vui hưởng an nhàn cho bỏ những ngày khổ cực.

Nghe vua nói, Chỉnh lắng sang chuyện khác nhưng không bao giờ bỏ mộng trở lại quê xưa. Cơ may đến sau chiến thắng Xiêm La. Vua Tây Sơn muốn nương cơ hội đánh Phú Xuân, kinh thành từ lâu nhà vua mơ ước chiếm đoạt. Một hôm, vua hỏi Chỉnh:

- Ta biết người am tường tình thế Bắc Hà. Cho ta nghe hiện tình nước ấy.

Chỉnh muốn thuyết phục vua Tây Sơn động binh đánh họ Trịnh, bèn thưa:

- Đã bốn năm, từ khi Trịnh Khải đoạt ngôi của em, tình thế Bắc Hà rối loạn. Bọn kiêu binh ỷ có công lập chúa. Chúng tha hồ làm loạn, cướp bóc giết người vô cớ. Từ vua chúa, quan dân ai cũng căm ghét sợ hãi. Kiêu binh còn can thiệp cả việc triều chính. Khi Trịnh Khải lập Nguyễn Khản làm Tham Tụng (tể tướng), kiêu binh vốn không ưa Khản, bèn kéo đến vây nhà tìm giết. Khản sợ trốn lên Sơn Tây. Dinh thự bị kiêu binh đốt phá tan tành. Mấy năm liên tiếp mùa màng thất thu. Dân tình đói khát cơ cực. Điềm trời cũng báo sự sụp đổ của hai giòng họ Lê Trịnh. Năm Mão đền Hùng Vương bị xụp. Năm sau, có ngày nước hồ Gươm bỗng sôi sục, tôm cá chết sạch. Gần đây, hàng ngàn quạ bay vào phủ chúa kêu ầm ĩ. Có kẻ bảo quạ khóc.

Vua nghe chuyện tặc lưỡi gật gù. Chỉnh nói tiếp:

- Khi hoàng thượng dựng cờ khởi nghĩa. Tôi nghe dân gian truyền tụng câu "*Tây khởi nghĩa. Bắc ghi công*". Chắc đây là cơ hội nghìn năm để ngài ra bắc. Trời như đã dành đất ấy cho ngài, chỉ cần ngài ra tay.

Chỉnh ngưng, dò ý. Vua nói:

- Nghe đồn Trịnh Sâm sủng ái Thị Huệ, bỏ trưởng lập thứ. Y thị hản có nhan sắc. Bây giờ thân phận mỹ nhân ra sao?

Chỉnh biết vua nói lắng. Vua chỉ muốn chiếm Phú Xuân, vẫn giữ ý định không bắc tiến. Chỉnh kiên nhẫn thực hiện bước đầu, muốn Tây Sơn động binh càng sớm càng tốt. Chiếm xong Phú Xuân sẽ liệu sau. Chỉnh trả lời:

- Hoàng thượng đoán đúng. Đặng Thị Huệ chỉ là cô gái hái chè làng Phù Đổng, Kinh Bắc. Nhan sắc tuyệt trần, lại có giọng hát hay như họa mi. Sau khi Khải lên ngôi chúa. Thân mẫu của y, bà Thái Phi họ Dương có ngay cơ hội trả thù Thị Huệ. Phi truyền dẫn Huệ đến kể tội, bắt quỳ lạy. Huệ đứng

yên. Phi hỏi, Huệ không trả lời. Phi giận lắm, sai thị nữ quấn tóc giắt Huệ ngã ra đất, rồi khắc nhổ vào mặt. Dùng roi da đánh ngất lên ngất xuống. Huệ vẫn không nói nửa lời. Chẳng hề than khóc. Sau đó, Phi truyền giam Thị Huệ tại vườn sau, tiếp tục hành hạ. Riêng Trịnh Cán, chỉ thời gian ngắn phát bệnh rồi chết.

Một đêm, Phi nằm mơ thấy hồn Trịnh Sâm về quở mắng. Phi sợ hãi, cho phép Thị Huệ ở tắm miếu, ngày ngày hương khói thờ phụng vong linh nhà chúa. Đúng một năm sau, nàng tự tử chết theo chồng.

Vua nghe thương cảm;

- Đúng là hồng nhan đa truân, tôi nghe chuyện nàng, lòng bội phần cảm phục.

- Hoàng thượng nói chí phải. Chỉ tiếc cho Trịnh Sâm mộng đế chẳng thành, cơ nghiệp rồi cũng đổ sụp. Bậc đế vương phải coi lâu dài là kế sách.

Vua hỏi:

- Theo ông, ta phải làm sao thực hiện kế ấy?

Chỉnh vào vấn đề:

- Đất Thuận Hóa phía bắc có lũy Thầy, lũy Trường Dục. Phía nam lại có Hải Vân Sơn. Địa thế hiểm trở thật tốt cho thế phòng ngự. Lại là bàn đạp một khi ta muốn tiến ra bắc. Quân ta vừa phá xong Nguyễn Ánh, nên thừa cơ tạo thêm thắng lợi.

Vua nghĩ ngợi, nói:

- Cái thế hiểm trở nay nằm trong tay quân Trịnh, ta muốn chiếm là khó. Thuận Hóa lại có trên hai vạn quân trấn giữ, phòng thủ từ Hải Vân Sơn chạy dài tận sông Gianh. Thật sự tôi muốn chiếm đất này nhưng nên chờ cơ hội. Ông hiểu ý tôi, chắc có sẵn chủ trương, nắm vững địch tình?

- Trấn Thủ Thuận Hóa nay là Tào Quận Công Phạm Ngô Cầu. Cầu chỉ biết hò hét ra oai. Tính đa nghi, không dám quyết định vì chưa hề đụng trận mạc lớn. Không tự tin, thường hay cúng vái xin thần linh phù hộ. Phó Tướng Hoàng Đình Thế là người kiên cường, giỏi chỉ huy nhưng lại không hòa thuận với Cầu. Thậm chí thường tỏ ra khinh miệt. Ta chỉ cần dùng kế ly gián để đào sâu chia rẽ. Quân Trịnh tuy đông nhưng phòng thủ lơ là vì nhiều năm không chinh chiến. Ta ra quân lần này chỉ có thắng không có bại. Tôi xin lấy thủ cấp mình bảo chứng.

Vua nghe vui mừng, nói: Tôi có ông như Lưu Bị có Khổng Minh.

Ngày hôm sau, vua ra lệnh Chỉnh xúc tiến kế phản gián. Nguyễn Huệ lo chỉnh đốn binh mã. Vua phong Huệ làm Nguyễn Soái, Chỉnh làm Hữu Quân Đô Đốc, con rể của mình là Vũ Văn Nhậm làm Tả Quân Đô Đốc. Lệnh xuất quân vào cuối tháng tư năm 1786. Có nghĩa là Nguyễn Huệ chỉ có nửa tháng chuẩn bị. Nguyễn Huệ hoạch định tấn công hai mặt thủy bộ. Bộ binh bất ngờ đánh Hải Vân Sơn, nhanh chóng tiến ra Phú Xuân. Thủy binh chặn đánh quân Trịnh ngay tại sông Gianh.

Thực hiện kế hoạch, Chỉnh sai thủ hạ giả làm thầy tướng số, đến xem bói cho Phạm Ngô Cầu. Thầy bảo: Số tướng quân được hưởng đủ phúc lộc, nhưng phải cúng sao giải hạn. Lại nên đề phòng âm mưu bội phản ngay những người ở gần mình.

Cầu tin lắm, cho lập đàn tại chùa Thiên Mụ, cúng liên tiếp một tuần. Hàng nghìn quân sĩ phục dịch lao khổ.

Mặt khác, Chỉnh đích thân viết thư cho Hoàng Đình Thế. Lấy tình bạn cũ, Chỉnh khuyên Thế về hàng phục Tây Sơn. Mọi việc Chỉnh sẽ liệu sau. Lá thư lại đến tay Cầu.

Nhận thư, Cầu vừa giận vừa lo. Đoan quyết Thể bội phản. Lại cho thầy bói nói đúng.

Quân Tây Sơn bất ngờ đánh cứ điểm Hải Vân. Tướng chỉ huy tử trận. Thành Phú Xuân bị bao vây. Quân Trịnh chống trả quyết liệt suốt một ngày. Đại pháo trên thành nã xuống như mưa. Nguyễn Huệ cho quân lùi sang tả ngạn tránh pháo.

Đêm xuống, quân Trịnh đang chuẩn bị nấu cơm. Huệ ra lệnh tấn công trở lại. Quân Tây Sơn dùng đoản đao đánh xấp lá cà. Toán yểm trợ dùng súng phun lửa gọi là Hỏa Hổ bắn tràn. Hoàng Đình Thể cùng hai người con dũng cảm chiến đấu.

Đến sáng, quân Trịnh núng thế. Phạm Ngô Cầu đóng chặt cửa thành không chịu tiếp ứng. Hoàng Đình Thể tự sát. Hai người con tử trận. Ngô Cầu kéo cờ trắng, chờ theo cỗ quan tài ra cửa thành xin hàng.

Vũ Văn Nhậm xua quân tràn vào thành. Quân Tây Sơn như cọp xổng chuồng, tha hồ tàn sát. Hàng vạn lính Trịnh chết, hầu như không có ai thoát ra nổi. Nhậm nói: Ta ra tay cho người Bắc Hà sợ mặt. Chính xót lắm nhưng sợ bản tính tàn ác của Nhậm chẳng dám nói nửa lời.

Chiếm xong Phú Xuân, Huệ dễ dàng chiếm luôn Quảng Trị. Thủy binh Tây Sơn cũng hoàn thành nhiệm vụ.

Thế là chỉ trong vòng hai tuần, Tây Sơn làm chủ hoàn toàn đất Thuận Hóa. Lần đầu tiên đụng độ quân Trịnh lại thắng dễ dàng. Nguyễn Huệ và Nhậm đắc ý ra mặt. Riêng Chính, Chính mừng vì kế hoạch của mình bước đầu thành công. Chính tiến thêm bước nữa: thuyết phục Huệ kéo quân ra bắc. Nhân bữa tiệc khao quân, Chính rót rượu chúc mừng Huệ. Chính nói:

- Thượng Công cầm quân đuổi bọn Nguyễn Ánh như đàn chuột. Đánh tan năm vạn quân Xiêm mãnh giáp không còn.

Nay chỉ một trận diệt trên hai vạn quân Trịnh chiếm Phú Xuân, lấy Thuận Hóa, uy danh lừng lẫy vang dội Bắc Hà. Tôi có ly rượu mừng người anh hùng cái thế.

Huệ vui tiếp rượu uống cạn, nói:

- Ta thắng một phần nhờ ở ông. Vậy xin tiếp lại ông chung rượu này.

Tiệc vui lắm, quân sĩ ăn uống hát ca. Chính kể cho Huệ nghe hiện tình đất bắc. Lại bàn về lời sấm "*Tây khởi nghĩa, bắc thu công*". Chính nói thêm:

- Bắc Hà có bậc danh nho tên Lê Quý Đôn. Người này sở học như núi, thâm sâu như biển. Mười hai năm trước, khi theo Quận Việp chinh nam đã viết về lực lượng Tây Sơn: *Thập nhị niên trường, kỳ cường mạc đương*. Tôi nghĩ câu sấm và lời của Quý Đôn nay ứng nghiệm vì vừa đủ mười hai năm tròn.

Thấy Huệ nghe chăm chú, Chính tiếp:

- Nay thượng công nắm đủ ba yếu tố là thời, thế, cơ. Hưng binh tất bách chiến bách thắng. Bắc Hà hiện rối loạn, binh kiêu tướng mới. Nếu ta không chiếm ngay, tất cũng sẽ lọt vào tay người khác. Trời như đã đặt cái thời, cái thế vào tay thượng công. Đây là cơ hội nghìn năm có một, bỏ qua là thôi, chẳng bao giờ cơ may trở lại.

Huệ nói:

- Bắc Hà là đất văn hiến đã có từ lâu. Thời nào cũng nhiều anh hùng hào kiệt. Kìa như Hưng Đạo Đại Vương ba lần thắng Mông Cổ, Bình Định Vương Lê Lợi mười năm kháng Minh, đuổi giặc khỏi bờ cõi dựng nên cơ nghiệp nhà Lê. Đến như Thái Vương Trịnh Kiểm, tổ phụ họ Trịnh cũng là tay võ dũng. Ta vô cơ kéo quân đến, làm sao thu phục nhân tâm?

Chính trả lời:

- Đất bắc rối loạn kỷ cương. Hơn hai trăm năm nhà chúa lẫn vua người người đều biết. Đám hoàng tôn nhà Lê nhiều lần hưng binh đánh Trịnh nhưng đều thất bại. Nay thượng công lấy danh nghĩa Phù Lê Diệt Trịnh. Nếu ta làm đúng, dân Bắc Hà đã không chống mà còn ủng hộ ta.

- Còn lệnh hoàng đế. Anh ta chỉ khiến đánh Thuận Hóa. Làm sai là vi lệnh.

- Thượng công hẳn nhớ trong phép dụng binh, tướng nơi biên cương nhiều khi sai lệnh vua là lẽ thường. Huống hồ thượng công lại lập công trạng lớn.

- Nhưng nhân tài đất bắc còn nhiều. Ta nghe đất bắc có hàng trăm tiến sĩ. Nhiều nhân tài như La Sơn Phu Tử, Nguyễn Du. Lại có Ngô Thì Nhậm, tài quán thiên hạ. Võ tướng vẫn còn Hoàng Phùng Cơ, Đinh Tích Nhưỡng...

- Thượng công biết nhiều về Bắc Hà. Những người thượng công kể tôi đều rõ. La Sơn Phu Tử tuy tài năng nhưng chẳng màng danh lợi, ở ẩn dưới chân núi Thiên Nhạn dạy học. Nguyễn Du chỉ giỏi làm thơ xướng họa, đàn ca xướng hát. Riêng Ngô Thì Nhậm, tài thì có nhưng người này biệt tích ngay sau khi Trịnh Khải lên ngôi chúa. Hoàng Phùng Cơ đã già. Đinh Tích Nhưỡng chỉ huy thủy binh thì hữu danh vô thực. Chỉ cần tôi đã đủ trị hấn.

- Theo như ông nói, nhân tài đất bắc không còn ai?

Chỉnh hăng háit:

- Còn, nhân tài đất bắc chỉ còn Chỉnh...

Huệ cười:

- Đó, đó... Người đất bắc ta không ngại ai. Chỉ còn mình ông đó thôi.

Nghe Huệ nói, Chỉnh giật mình. Biết mình lỡ lời, Chỉnh nói: Tôi vì lòng ngay, lại có chút hơi men nên ngôn xuất. Thượng công thứ cho.

Huệ cũng biết mình nói quá, tìm lời an ủi. Huệ nói tiếp một câu mà Chỉnh hằng mong: Ta quyết định tiến quân ra bắc.

Chỉnh vẫn biết. Huệ là tay hào kiệt. Một lời thốt ra là vàng ngọc.

Đêm hôm ấy, Chỉnh nao nao không dỗ nổi giấc ngủ. Giấc mơ hồi hương kề cận. Chỉnh nhớ quê nhà, cái vườn rau, cái ao cá. Lũy tre và tiếng sáo diều, những câu hò, tiếng hát trên những chuyến đò dọc đò ngang, buổi trưa hè có câu hát mẹ ru nuôi dưỡng tuổi ấu thơ, rồi anh em, bè bạn. Chỉnh nhớ cha già mẹ yếu và bao người thân yêu. Ôi quê hương có xa mới thấy nhớ. Anh đi anh nhớ quê nhà. Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương...

Kế hoạch bắc tiến của Tây Sơn chia hai giai đoạn. Chỉnh chỉ huy thủy binh tiến thẳng ra Sơn Nam, chiếm kho lương thực lớn nhất Bắc Hà tại Vị Hoàng. Huệ và Nhậm chỉ huy bộ binh tiến ra Nghệ An. Sau đó hợp với quân Chỉnh tại Vị Hoàng, trực chỉ tấn công thành Thăng Long. Trên đường tiến quân, Chỉnh phụ trách luôn công tác vận động dân, nêu chính nghĩa Phù Lê Diệt Trịnh.

Quân Tây Sơn chiến thắng dễ dàng, phối hợp tại Vị Hoàng vào đầu tháng sáu.

Trong khi ấy, chúa Trịnh và quần thần quyết định chậm chạp. Khi quân Trịnh đến tiếp ứng thì Vị Hoàng đã mất. Liễn Trung Hầu Đinh Tích Nhưỡng dàn chiến thuyền tại cửa sông Luộc chặn địch. Khoảng qua canh ba, có năm chiến thuyền Tây Sơn xuất hiện. Nhưỡng tưởng chỉ có chừng ấy thuyền, ra lệnh cho quân sĩ bắn tới tấp. Thuyền Tây Sơn cuốn cờ dừng lại. Nhưỡng cho là địch có ý sợ ra lệnh bắn gắt hơn. Đâu ngờ quân Tây Sơn đặt hình nhân giả trên thuyền dụ quân Trịnh bắn hết đạn.

Mờ sáng, hậu quân Tây Sơn tràn đến như sóng vỡ, súng nổ vang trời. Hàng trăm chiến thuyền dàn hàng ngang lướt trên sông. Quân Trịnh bỏ cả vũ khí chạy trốn. Thủy binh Bắc Hà sau một trận đã tan rã.

Kinh thành Thăng Long náo loạn. Dân chúng lo di tản. Ngay đám quan lại cũng hoảng hốt tìm cách cho gia đình tìm đường lánh nạn.

Thấy thế nguy, Quận công Nguyễn Khả bàn với chúa nên dời về Sơn Tây, chuẩn bị kháng chiến lâu dài. Ý Nguyễn Khả muốn chờ lúc Quân Tây Sơn mỏi mệt, giảm khí thế mới có thể đánh lại được.

Tể Tướng Trần Công Xán, người thầy học cũ của Chính lại quyết tử thủ. Chúa nghe lời Xán, đích thân chỉ huy kế hoạch phòng thủ.

Thạc Quận Công Hoàng Phùng Cơ cùng với tám người con từ Sơn Tây kéo đại quân về tiếp ứng. Sự có mặt của vị lão tướng làm triều đình tạm yên tâm.

Quận Thạc kéo quân đến hồ Vạn Xuân, ra lệnh chuẩn bị nấu cơm vì từ sáng sớm phải di chuyển không ngừng. Thạc nghĩ chắc phải chiều tối quân Tây Sơn mới đến.

Bỗng như từ trời rơi xuống, quân Tây Sơn do Chính và Nhậm chỉ huy xuất hiện từ bốn phía hò hét tấn công. Hỏa Hổ phun lửa đỏ trời. Tên bắn như mưa. Quân Trịnh tán loạn. Quận Thạc cỡi voi cùng tám người con ra sức chống trả nhưng không ngăn nổi. Sáu người con của Thạc tử trận, chết ngay trước đầu voi.

Thấy không cách nào đương cự, hai người con còn lại bảo vệ cha, mở đường máu thoát về Sơn Tây.

Cánh quân do Nguyễn Huệ chỉ huy tiến đánh phủ chúa. Chúa Trịnh lên lầu Ngũ Long đánh trống thúc binh. Quân

Trịnh lên tinh thần quyết chiến. Đến xế trưa, quân Tây Sơn được tăng cường tấn công dữ dội hơn.

Thấy quân mình núng thế, chúa cưỡi voi xung trận. Quân Tây Sơn dùng súng phun lửa. Voi sợ bỏ chạy, quân Trịnh tan rã. Chúa xuống voi trà trộn trong đám tàn binh.

Thế là chỉ hai mươi ngày sau khi chiếm Thuận Hóa, quân Tây Sơn nay hoàn toàn làm chủ Thăng Long.

Huệ nổi trống thu quân, chỉnh đốn đội ngũ. Ra nghiêm lệnh quân không được tàn sát cướp bóc. Sau đó Huệ và Chính vào yết kiến vua Lê Hiến Tôn. Nhà vua đang ốm nặng phải có người đỡ ngồi dậy.

Thấy thái độ khiêm cung, dè dặt của hai người, vua tạm yên tâm, ngỏ lời cảm ơn vị tướng Tây Sơn tuổi trẻ tài cao tôn phù cơ nghiệp nhà Lê.

Thăng Long hôm ấy thê lương tang tóc. Xác chết ngập phố phường, không có ván, không có cả đến chiếu mà chôn. Sông Hồng nước mang màu phù sa như đỏ thêm vì máu người. Người ta khóc than, trách trời, trách người. Nhưng người bị kết tội công răn cần gà nhà, đem quân Tây Sơn về dày xéo mồ mả tổ tiên, người bị dân Bắc Hà oán ghét nhất lại là Nguyễn Hữu Chính.

Vì không am hiểu về công việc triều chính, Nguyễn Huệ giao cho Chính giải quyết mọi công việc.

Bấy giờ triều thần bỏ chạy toán loạn, Chính xin lệnh vua cho triệu tập lại. Chính cho mời cả những người Chính biết không ưa mình.

Quần thần có người về người không.

Chính lại bàn với Huệ, muốn sáng tỏ chính nghĩa tôn phù nhà Lê, Huệ nên tổ chức lễ triều yết vua, công bố cho thiên hạ rõ. Buổi lễ tổ chức vào ngày song thất (mồng bảy tháng bảy).

Hôm ấy, đám quan lại Bắc Hà lần đầu gặp Huệ. Ai cũng có vẻ e dè, có khi sợ sệt. Duy có Trần Công Xán ngang nhiên đối đáp. Nhìn Xán oai nghiêm lý lẽ sắc bén, Huệ phục lắm, bụng tâm sẽ thu phục người này.

Dịp này, vua hạ chiếu phong Huệ làm Nguyên Soái Uy Quốc Công.

Hôm sau gặp Chính, Huệ nói:

- Ta cất quân chỉ một trận đánh tan quân Trịnh. Vào Thăng Long như đi dạo. Đất bắc là của ta, muốn gì chẳng được. Cái chức nguyên soái quốc công với ta vô nghĩa. Vua Lê phong tước là có ý lung lạc ta. Hoặc đặt ta ở vào thế khó nghĩ. Chê thì ra vẻ kiêu căng. Nhận thì bảo ngu dốt.

Chính biết Huệ giận, nhanh ý bịa chuyện trả lời:

- Thượng công ra bắc lấy danh nghĩa tôn phò. Việc nhận chức tước là làm sáng tỏ chính nghĩa. Có lợi cho uy tín cá nhân. Tôi biết vua Lê, ngài là người khôn ngoan ôn hòa, quyết định việc cẩn trọng. Bốn mươi bảy năm trên ngôi vua, giữa bao nhiêu thế lực thù địch mà ngài vẫn tồn tại. Hôm trước gặp tôi, ngài nói cái công của thượng công chẳng có gì đền đáp. Nay phong chức cho thượng công, trước là tỏ lễ nghĩa, sau là làm dân Bắc Hà thêm phần ngưỡng mộ thượng công. Riêng ngài, ngài có một bảo vật muốn tặng thượng công, nhưng ngại ngần chưa dám mở lời.

Chính yên, Huệ thúc dục:

- Ta chưa rõ ý ông.

Chính tiếp:

- Vua nói: Ta nay gần đất xa trời, muốn tỏ cái tình chỉ bằng cách kết thân hai họ Lê Nguyễn. Ta có con gái yêu, muốn nương bóng thượng công, hầu hạ lược khấn. Tôi đã thấy công chúa. Thật đáng trang quốc sắc, lại thêm tài thi phú văn chương. Nàng là công chúa thứ hai mươi mốt, tuổi

vừa tròn trăng. Tên nàng là Ngọc Hân, Lê Ngọc Hân. Người Bắc Hà thường gọi nàng là Bà Chúa Tiên.

Huệ nghe có vẻ thích, nói:

- Ta ra bắc, nói là vì chính nghĩa. Lẽ nào lấy một công chúa làm chiến lợi phẩm?

-Thượng công nói thế là quá e dè. Ngài và công chúa, trai anh hùng gặp trang quốc sắc, thật quá xứng đôi. Ý nhà vua muốn vậy, nếu ta không thuận là hẹp hòi, gây nghi kỵ. Nhà vua tính tế lắm, ngài nói thêm với tôi: Thượng công hành quân xa lâu ngày, việc khuê phòng cũng có lúc cần. Đó là ngài thấy cả cái lẽ trước sau.

Huệ cả cười:

- Vua nghĩ đến ta nhiều thế ư? Thôi thì em vua Tây Sơn gặp con vua Bắc Hà. Đến Bà Chúa Chè mà Trịnh Sâm còn mê mệt, huống hồ Bà Chúa Tiên. Ta đã có vợ nam, nay lại được thêm gái bắc.

Biết Huệ bằng lòng, Chính vội vào cung Vạn Thọ tâu vua. Dĩ nhiên vua thuận.

Vua biết mình sức đã kiệt, ngày lìa trần tính trên đốt ngón tay. Vua bảo Chính lo liệu sớm.

Ba ngày sau, hôn lễ cử hành long trọng đủ mặt văn võ bá quan, hoàng thân quốc thích. Dân kinh thành xem đông như hội. Người ta bảo lễ vật tương Tây Sơn tặng vua là hai trăm lạng vàng, hai nghìn lạng bạc, cơ man lựa là gấm vóc...

Bảy ngày sau lễ cưới, Hiển Tôn băng hà. Thọ bảy mươi tuổi. Cháu nội vua, hoàng tôn Duy Kỳ, con thái tử Duy Vĩ nối ngôi hiệu Lê Chiêu Thống.

Lại nói chuyện chúa Trịnh. Sau khi thất trận tại Thăng Long, chúa cải trang lẫn lộn trong đám tàn quân tìm đường tẩu thoát.

Đến huyện Yên Lãng chúa dừng lại. Nhìn thủ hạ quanh mình chẳng còn ai đáng tin. Có người giới thiệu Lý Trần Quán, chúa cho người đến mời mưu việc khôi phục.

Lý Trần Quán người huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất 1776. Quán vốn người giản dị, hiếu thảo. Thiên hạ trọng nề.

Người ta kể rằng khi mẹ mất, Quán chịu tang mẹ, ở cạnh nhà mồ ba năm, ngày ngày ăn chay niệm Phật cầu vong linh mẹ siêu thoát. Gặp chúa Trịnh, Lý Trần Quán giao cho người học trò cũ trách nhiệm bảo vệ. Khi thấy vừa đi, người này sai người báo tin quân Tây Sơn. Quán nghe giận lắm, đến xỉ vả :

- Ta là thầy mày, tin cậy giao việc, sao bội phản?

Học trò trả lời:

- Thầy hãy tự trách mình. Thầy giao chúa cho tôi là cớ tình gieo họa cho tôi, gia đình tôi. Có khi cả họ hàng gia tộc. Quân Tây Sơn mạnh lắm. Cơ nghiệp nhà chúa đã đến lúc tiêu vong. Tôi chưa từng hưởng ơn chúa, cớ sao thầy bắt tôi phải trung thành. Tôi sợ quân Tây Sơn hơn sợ thầy. Yêu thân hơn yêu chúa. Buộc lòng phải làm như thế.

Nghe hắn nói, Quán biết không còn cách nào khác. Bèn đến gặp chúa khóc lóc tạ tội. Chúa cũng cảm động tìm lời an ủi. Trên đường đi, khi ghé vào quán ăn, chúa bất ngờ lấy cây dao đâm cổ tự sát.

Chúa chết. Tên học trò mua quan tài tẩm liệm, tiếp tục lên đường.

Nhìn xác chúa Trịnh, Nguyễn Huệ ngậm ngùi. Huệ truyền đem thi hài ra cổng thành để mọi người thấy. Sau cho

mai táng đúng lễ, chở quan tài trên kiệu rồng, chôn ngay cạnh mộ người em là Tôn Đô Vương Trịnh Cán.

Lý Trần Quán nghe tin chúa tự sát vật vã khóc than. Con người trên đời quý nhất hai chữ trung hiếu. Nay được hiếu mất trung, đâu có xứng đáng đứng trên cõi đời. Suy nghĩ như thế, Quán quyết tự xử.

Quán cho người đào huyệt, mua quan tài vải liệm. Xong đầu đẩy, vào nằm trong áo quan yêu cầu mọi người đầy nắp, lấp đất.

Mọi người đều khóc, từ chối. Quán nói: Nay ta quyết chí chết để tỏ lòng trung. Các người không giúp ta, ta có nhiều cách khác tự xử mình.

Mọi người bàn nhau. Quyết định làm theo ý Quán.

Nắp quan tài đóng lại. Những nắm đất đầu tiên ném xuống. Người ta cố ý làm chậm, chút xót thương con người sắp lìa đời vào cõi vĩnh hằng. Có kẻ khóc, có kẻ thấp hương niệm Phật cứu độ. Có kẻ quỳ xụp bên mộ vừa lay vừa khẩn vái. Qua một khắc, lớp đất chưa phủ hết mặt quan tài. Có tiếng Lý Trần Quán vọng lên, mọi người nghe sờn gai ốc: Nhờ các người nhấc vôi con cháu ta, rằng Lý Trần Quán làm xong đạo hiếu trung, đạo làm người.

Cái chết của Quán gây xúc động lớn. Người ta khen Quán nghĩa khí, oán Chính phản bội. Nguyễn Hữu Chỉnh rõ điều ấy. Nguyễn Huệ cũng thế. Huệ nghĩ đã đến lúc phải bỏ Chính. Huệ sợ con người đầy mưu lược. Huệ muốn lấy lòng dân Bắc Hà. Huệ muốn dùng chính bàn tay dân bắc giết Chính. Riêng Vũ Văn Nhậm, vốn ghét Chính từ lâu do ghen tỵ tài năng của Chính. Nhậm sẵn sàng ra tay giết Chính. Nhậm quen giết người. Chính đang ở vào thế nguy hiểm thập phần.

Vua Thái Đức Nguyễn Nhạc nhận tin thắng trận Thuận Hóa, Nguyễn Huệ đã tiến quân ra bắc. Vua giận và sợ, biết khó kiềm chế người em đầy tham vọng, dù biết mưu kế do Chính, nhưng quyết định vẫn là Huệ. Vua lại vừa nhận tin Huệ đã vào thành Thăng Long. Vua cho là Huệ đã lún sâu vào con đường đầy hiểm nghèo bất trắc. Vua quyết định thân chinh ra bắc gọi Huệ về.

Tin vua Tây Sơn ra Thăng Long chấn động dư luận. Đám triều thần nhà Lê nghĩ phen này Tây Sơn muốn cướp ngôi nhà Lê, có kẻ xui vua Lê dâng biểu xin hàng.

Khi hai vua gặp gỡ theo nghi lễ, nghe Chiêu Thống nói như vẻ muốn dâng đất, vua Thái Đức nói: Một tấc đất của Trịnh cũng không từ. Một tấc đất của nhà Lê cũng không lấy.

Chiêu Thống nghe lời bộc trực giận dữ mới tạm yên lòng. Sau đó, vua gặp riêng Huệ. Để trấn an anh, Huệ tạ tội vì lệnh. Lại đem giao cả binh phù. Vua vỗ về Huệ:

- Tướng nơi biên cương nếu thấy việc ích nước thì cứ làm. Chú dụng binh như thần, mở mang bờ cõi, đó là đại công không ai dám sánh. Nhưng ta nghĩ đất nước của người, mình xâm chiếm sao tránh khỏi oán thù. Lại không dễ thay đổi mọi sự nhanh chóng. Ta phải tính xa, đời ta giữ được, đời con thì sao? Nên ta liệu việc sớm rút quân về.

Huệ cho vua biết hiện tình đất bắc. Riêng Vũ Văn Nhậm lại bàn về Chính:

- Xin thưa cha và chú. Con thấy gần đây, thái độ của tên Chính đầy ngạo mạn. Hắn dám viết hai câu đối tại chùa Tiên Tích: *Hổ tự Tây Sơn xuất. Long tòng Đông Hải lai.* Có nghĩa hổ từ non tây ra. Rồng từ biển đông đến. Ví ta như hổ, hắn

như rồng. Hắn chỉ là kẻ trốn chạy, mượn tay ta diệt họ Trịnh cho hắn nở mày nở mặt. Cha rút quân về là phải. Không lẽ hàng vạn quân ta ăn không ngồi rồi ở đây, giúp hắn có thêm thế lực? Cha chú cho phép con tặng hắn một đao là xong.

Vua nghe Nhậm nói gạt đi:

- Người ta gặp cảnh cùng chạy đến mình xin che chở, cũng lập nhiều công trạng. Nay vì những chứng cứ chưa rõ đã vội giết đi, ấy là hẹp hòi bất nhân bất nghĩa. Ta nghe người Bắc Hà oán y. Tốt nhất ta cứ bí mật rút quân về để y ở lại. Rồi họ cứ làm thịt lẫn nhau ở đất này, càng lợi cho ta.

Huệ cũng đồng tình với vua.

Chính đoán được ý định anh em Tây Sơn. Tuy nhờ thế lực Tây Sơn rửa hận thù, Chính vẫn giận họ bội bạc. Chính tự nghĩ: Nếu không nhờ ta đưa đường chỉ lối, anh em hắn làm sao xưng hùng xưng bá ở đất bắc. Nay vừa thành công đã trở mặt. Ta tạo ra thời thế, đâu dễ chịu thua đau.

Từ đó, Chính cho người thường xuyên dò thám tình hình. Nhưng anh em Tây Sơn kín đáo, không để lộ vẻ gì đáng ngờ.

Mặt khác, Chính cho vua Lê biết dự định rút quân của Tây Sơn. Chính nói: Việc họ về nam là cơ hội tốt cho ta phục hưng đất nước. Bệ hạ lo chiêu dụng hiền tài, chỉnh đốn binh bị. Tôi sẽ trấn giữ Nghệ An. Xứ Nghệ là hàng rào chắn vững chắc một khi Tây Sơn muốn trở ra bắc.

Vua cho hợp lý.

Khoảng giữa tháng bảy. Một hôm, vua Tây Sơn cho gọi Chính hỏi việc Bắc Hà, ngỏ ý muốn nhờ một số các ông tiến sĩ vào nam, nói là lo việc học cho dân. Trong lúc vui vua nói:

- Em ta ra đây nhờ ông mà có vợ đẹp. Ta lại chẳng có gì, vậy là ông không công bằng.

Chính đáp:

- Chuyện ấy không khó, chỉ e nhà vua chê gái bắc quê mùa.

Vua nửa đùa nửa thật:

- Vậy ông thiếu ta món nợ. Ta sẽ ở lại Bắc Hà chờ lấy. Ta muốn thử gái bắc.

Vua lại bày rượu thịt. Chính biết tính vua giản dị bình dân vui vẻ dùng bữa. Đến khuya, Chính lạy tạ ra về.

Nào ngờ ngay khi Chính về, vua Tây Sơn đến từ biệt vua Lê.

Tảng sáng, quân dò thám báo tin cho Chính biết Tây Sơn đã rút hết. Chính biết đêm qua bị vua Tây Sơn lừa, vội sai thủ hạ thuê thuyền lớn, căng buồm chạy về phương nam.

Về phía quân Tây Sơn, cánh rút theo đường bộ bị các lực lượng dân quân chặn đánh tại Thanh hóa rồi Nghệ An. Nguyễn Huệ biết lòng người dân bắc không ưa Tây Sơn.

Phần Chính, thuyền bị bão thổi lạc hướng. Cả tuần sau Chính mới bắt gặp Huệ ở Nghệ An.

Thấy Chính, Huệ giận lắm nhưng làm ra vẻ bình thường, ôn tồn phủ dụ:

- Anh em ta phải rút quân khẩn cấp. Nay đất bắc chưa yên, còn bọn Hoàng Phùng Cơ, Đinh Tích Nhưỡng. Trừ ông ra không ai dẹp nổi, nên đành để ông lại.

Chính không nói gì, cho Huệ xem bài Tàn Cung Nữ oán Bái Công do Chính sáng tác. Chính ví mình như cung nữ, yêu thương chung thủy với vua nhưng vẫn bị vua phụ bạc. Đoạn mở như sau:

Thướt tóc xanh chưa nhuộm bụi hồng, thuyền ngư phủ chẳng đưa vào động bích.

Khách má đỏ thường đeo mệnh bạc, giây nguyệt ông nên dặt lại lầu son.

Vẻ vang chưa một tiếng cung nhân.

Ngao ngán nhẽ mười nguyên thất nữ.

.....

Nét mày xanh từ cái lá cũng ghen, câu khiễn hững đành chìm dòng nước chảy.

Làn môi đỏ đến con chim còn ghét, giấc thừa ân dậy nổi bóng trăng tà.

Ngẫm nhân duyên từng rơi giọt lệ thấm.

Nghĩ thế sự những đổ mồ hôi trộm...

Huệ khen áng văn hay, tặng Chính ít vàng tiền và trăm lính hộ vệ. Lại nói: Ta sẽ để Tả Quân Nhậm ở gần Nam Bố Chính. Ông có việc khẩn hãy cấp báo.

Chính cảm ơn, chỉ nhận tiền không nhận lính.

Huệ tiếp tục lên đường về Phú Xuân. Dặn Nhậm ở lại phải theo dõi sát mọi hành động của Chính. Chính và đám thủ hạ cho thuyền ra khơi.

Đám thủ hạ của Chính gồm hai chục người. Tất cả đều dân vùng Thanh Nghệ, xuất thân là những nông dân thất học nghèo khổ, phần uất bị bọn quan lại ức hiếp nên đi làm cướp biển. Những năm theo Quận Việp đi tiểu trừ giặc, Chính bắt được nhưng không giết, Chính vẫn quý người đồng hương nên thu làm thủ hạ. Cảm ân cứu tử, họ đối với Chính rất trung thành trọng nề.

Chính trốn vào nam theo Tây Sơn, họ ở lại. Khi Chính ra bắc, lại tụ tập kéo nhau phù chủ cũ, được Chính tin yêu cho là nghĩa khí. Trên thuyền còn có người anh rể Chính tên là Nguyễn Khuê. Khuê cũng là tay mưu trí, tận tụy vì em. Khuê hỏi Chính: Chú tính về đâu? Chính đáp: Về quê nhà. Khuê hỏi tại sao? Chính trả lời:

- Khắp xứ người ta oán mình, lại lập sẵn những đội quân chờ mình đến là giết. Chỉ còn quê nhà. Cha tôi vẫn còn. Dân làng trọng ông, nên không nỡ phụ mình. Ta dễ dàng thuyết

phục họ. Nguyễn Huệ tưởng trên đời chỉ có hắn là anh hùng. Thật là mục hạ vô nhân. Sở dĩ tôi chạy theo hắn, trước là thoát thân, sau là tỏ ra ta không phản hắn. Rồi anh sẽ thấy, từ hai bàn tay trắng, Chính sẽ gây lại cơ đồ.

Đám thủ hạ nghe Chính nói lấy làm phấn khởi, cất máu pha rượu, thề trung thành với chủ.

Thuyền về đến quê nhà, làng Động Hải huyện Chân Phúc. Chính bàn với Khuê:

- Danh tiếng tôi dân Thanh Nghệ còn sợ lắm. Ta chỉ cần nghìn quân tinh nhuệ là có thể khống chế hết. Vậy tôi sẽ cho người lên bờ, giả lệnh vua để tuyển mộ lính. Anh bí mật về kinh thành gặp vua, xin chiếu chỉ chính thức. Vua đang cô thế chắc chắn sẽ nhận lời.

Chính hành động ngay. Cho làm bố cáo, sai thủ hạ đi mộ người. Ra lệnh kẻ nào chống tuyển binh, giết tức khắc. Dân thấy lệnh vua nên theo Chính. Một số lính kiêu binh cũ chống lại liền bị giết. Chỉ hơn tuần lễ, Chính có trong tay đủ số quân. Lại ra sức huấn luyện họ trở thành quân chiến đấu giỏi, kỷ luật. Ông Nguyễn đổ hết tiền của mua lương thực. Ông đánh xả lảng canh bạc đời, đầu tư hết cho đứa con yêu.

Tại Thăng Long thành. Sau khi anh em Tây Sơn rút quân triều đình lại rối loạn. Căn nguyên bởi nhà vua cô thế, chưa chinh đốn được chính quyền và sự tranh dành quyền lực do các phe phái muốn phục hồi cơ nghiệp họ Trịnh. Sân khấu chính trị Bắc Hà vẫn là những khuôn mặt cũ. Các bại tướng Đinh Tích Nhưỡng, Hoàng Phùng Cơ, lại thêm kếp mới. Người này là Dương Trọng Tế, quê huyện Gia Lâm.

Tế xuất thân tiến sĩ, làm quan nhưng bị cách chức vì tội hối lộ. Khi quân Tây Sơn tấn công huyện Gia Lâm, một số người trong gia tộc họ Dương chống lại. Trọng Tế là người khoa bảng, dân tôn Tế làm thủ lãnh. Tuy sợ nhưng Tế vẫn nhận chức. Nhờ hàng vạn người theo, Tế nắm trong tay một lực lượng khá mạnh.

Thấy vua thế cô, Tế đưa Trịnh Lệ, con thứ của chúa Trịnh Doanh về kinh ép vua lập lại phủ chúa.

Từ thời chúa Trịnh Sâm, Trịnh Lệ có lần âm mưu thoán đoạt ngôi chúa. Tuy tội đáng chết, chúa vẫn vị tình gia tộc tha cho.

Vua Lê Chiêu Thống căm thù họ Trịnh, nhất quyết không chịu khuất phục. Triều thần rối rắm chẳng biết quyết định ra sao.

Quân của Đinh Tích Nhưỡng lại từ Hải Dương kéo về. Tuy chỉ có vài nghìn quân nhưng phao lên có tới ba vạn. Người ta đồn, Nhưỡng đã bắt sống Nguyễn Hữu Chính, mang về kinh hành hình. Tin đồn khác nói Chính bị Nhưỡng bắt, đã chặt hết chân tay... Tự trung, các tin đồn ngấm vào, Nhưỡng có binh lực mạnh.

Nhưỡng lại chủ trương ủng hộ Trịnh Bồng, con chúa Trịnh Giang vì cho Bồng là người ôn hòa chín chắn. Năm ấy, Bồng trên bốn mươi, đang tu trì tại một ngôi chùa thuộc huyện Thường Đức. Ý vua Lê cũng thích Bồng hơn Lệ.

Nhưỡng đánh bại quân của Tế quá dễ dàng, ép vua phong vương tước cho Bồng. Vua vẫn dằn dai. Chỉ muốn phong Bồng tước công.

Trong khi ấy từ Sơn Tây, Hoàng Phùng Cơ cũng kéo quân về. Dân kinh thành lại một phen hoảng loạn tưởng sẽ đánh nhau to, bỗng bề con cái, dắt díu nhau tìm đường lánh nạn. Cơ hội tốt cho bọn trộm cướp hoành hành.

Biết tin Cơ về, vua mừng vì tin Cơ là tôi trung. Nào ngờ, thấy thế lực phe theo chúa mạnh, Cơ lại ngã về phe chúa.

Vua giận lắm, chẳng còn cách nào đành cần rằng phong Trịnh Bồng làm Yến Đô Vương. Một mặt, vua ngầm sai người vào Nghệ An triệu Nguyễn Hữu Chỉnh về triều dẹp loạn. Vua tin chỉ có Chỉnh mới là người mạnh nhất.

Tất cả những biến cố xảy ra, mở rộng thêm thang con đường hồi kinh của Chỉnh, tạo Chỉnh trở thành nhân vật quyền lực nhất Bắc Hà.

Từ Nghệ An, Chỉnh nhận được tin Yến Đô Vương Trịnh Bồng ra lệnh cho trấn thủ Thanh Hóa Lê Trung Nghĩa và Đốc Thị Phan Huy Ích điều quân vào bắt mình. Chỉnh quyết định tăng quân số. Bèn phao tin vua Lê phong mình làm Bằng Linh Hầu, phụng mệnh tuyển quân về kinh dẹp loạn thần Đinh Tích Nhưỡng và Hoàng Phùng Cơ. Chỉ trong vài ngày, Chỉnh có trong tay hàng vạn quân. Trước giờ xuất quân, Chỉnh đùa vui nói với thủ hạ:

- Trịnh Bồng thật dốt không tự lượng sức, giá hấn cứ yên thân nơi cửa Phật chẳng tốt hơn là nghe theo lời xúi giục của lũ bại tướng thiên cận. Nay ta động binh, đồ hấn yên thân được.

Quân Chỉnh tổ chức mai phục tại huyện Quỳnh Lưu, giết chết trấn thủ Thanh Hóa, bắt sống Phan Huy Ích.

Ích vốn người Nghệ An, đỗ tiến sĩ, là tay nổi tiếng trong giới văn học. Chỉnh nghe tiếng Ích đã lâu. Gặp Ích, Chỉnh cười hỏi:

- Quan Đốc Thị sao ra nông nổi này. Ta nghe khi xuất quân, ngài làm cái trống to quyết bắt Chỉnh bỏ vào mang về kinh hành tội. Dân Bắc Hà đang mong ngài chiến thắng trở

về. Ngài vốn chữ tốt văn hay, nhớ học lại bốn chữ tri bỉ tri kỷ, biết mình biết người.

Ích ngượng cúi đầu.

Nể tình đồng hương quen biết. Ích còn là em vợ Ngô Thì Nhậm. Chỉnh vốn trọng sở học uyên bác của Nhậm nên tha không giết Phan Huy Ích, lại cho đi theo quân. Chỉnh tiến ra Thăng Long, hầu như không gặp kháng cự.

Tại Thăng Long, Nhưỡng biết thế Chỉnh mạnh, tìm cách tránh đụng độ, bèn rút quân về giữ Hải Dương. Thấy thế, Phùng Cơ cũng rút về Sơn Tây, lo phòng thủ chờ xem tình hình diễn biến.

Chúa Trịnh Bồng hoảng sợ, phong Dương Trọng Tế làm Tiết Chế chỉ huy quân đi ngăn Chỉnh.

Tế sợ lắm. Xưa nay chỉ quen khua môi múa mép, có bao giờ cầm đại quân giao chiến. Rồi chần chừ không dám xuất quân. Chúa mấy phen thúc dục. Tế kéo quân... chạy sang Kinh Bắc.

Chúa nguyện rửa Tế. Nhìn quanh, cận thần chẳng còn ai. Chúa đành dụng câu dĩ đào vi thượng. Từ ngày ấy, đôi ba phen chúa mutu dựng lại cơ đồ. Mutu sự không thành. Chán ngán kiếp phù sinh dầu bể tang thương, trở lại nương náu cửa Phật.

Cơ nghiệp họ Trịnh chấm dứt sau trên hai trăm năm phi đế phi bá, quyền nghiêng thiên hạ.

Chúa bỏ đi. Lê Chiêu Thống rửa hận bằng cách cho người phóng hỏa thiêu hủy phủ chúa. Đây là quyết định lớn nhất nhà vua làm không cần bàn bạc.

Thế là bao công trình nguy nga tráng lệ ra tro. Lửa cháy mười ngày chưa dứt.

Chỉnh vào kinh thành triều kiến vua Lê, tâu trình mọi lẽ, giải nỗi oan công răn cấm gà nhà. Vua phủ dụ. Phong chức

Bằng Trung Công. Con trai Chính là Nguyễn Hữu Du cũng được phong tước hầu. Chính thực sự trở thành chúa tể Bắc Hà. Vua Lê, vẫn mang nghiệp trăm năm, chỉ là bù nhìn như bao đời tổ phụ.

Chính tổ chức lại binh đội. Đặt tên riêng cho đạo quân của mình là đạo Vũ Thành, giao cho con là Nguyễn Hữu Du chỉ huy. Cất đặt người thân tín vào các chức vụ trọng yếu. Thành danh, Chính sai con là Du dẫn một nghìn lính về quê nhà đón ông bà nội ngoại cảnh Thăng Long.

Đoàn quân về làng Động Hải mở cờ gióng trống, có cả kiệu hoa vồng tía. Dân đổ ra xem như hội. Ai cũng khen họ Nguyễn nay thành thế gia vọng tộc. Ông Nguyễn mừng vui nói với làng: Con tôi công thành cũng nhờ sức dân làng.

Mọi người nghe thấy đều vui, cho ông là người tốt bụng. Ông bà lại không chịu dùng tiền nghi sang trọng, không chịu lên kiệu hoa, chỉ dùng vồng điếu.

Cả tuần trăng ở kinh thành. Ông bà muốn hồi hương. Ông Nguyễn nhớ quê. Nhớ vườn rau ao cá. Chính biết ý cha mẹ chán cảnh phồn hoa nên để cha mẹ về. Hôm chia tay, ông Nguyễn dặn Chính: Con nay thành danh, quyền cao chức cả. Danh vọng lớn chưa chắc đã an lành vì con trở thành cái đích thiên hạ nhắm vào. Kẻ yêu cũng lắm, kẻ thù cũng nhiều. Phải lo nhất là anh em Tây Sơn. Người phương nam xảo quyết khó lường, Nguyễn Huệ dụng binh giỏi, tướng mạnh binh hùng. Con hãy sống đức độ, chớ quá xa hoa phung phí thêm mất lòng dân. Đức năng thắng số. Mất lòng dân thì kẻ ngay cái họa.

Chính lạy tạ từ già cha già.

Ông Nguyễn về quê. Nghĩ đến câu “nhất tướng danh thành vạn cốt khô” mà lòng áy náy. Thành công của vị tướng xây trên bao xương máu, bao xác người gục ngã trên rừng

sâu núi cao, trên ruộng đồng thôn xóm. Ông Nguyễn bàn với vợ tổ chức một tuần cầu siêu cho các vong hồn siêu thoát. Đích thân ông chủ tế thay cho con. Sau lễ cầu siêu, ông cảm thấy thư thái an lành.

Tháng sau ông ngã bệnh. Thấy thuốc bảo bị thương hàn nhập lý. Chính chỉ kịp về nhìn cha lần cuối.

Về lại kinh thành, vấn đề lớn nhất phải giải quyết cấp thời: Tiền.

Chính hỏi vua. Vua nói:

- Gần như sạch. Anh em Tây Sơn vợ vét tiền của báu vật đem về nam. Thậm chí trên đường rút quân, họ còn lấy luôn chuông chùa tượng phật. Loạn lạc thế này, nhiều nơi dân không chịu nộp thuế.

- Vậy bệ hạ tính sao?

- Ta họp quần thần giải quyết.

Vua triệu quần thần bàn bạc. Chẳng ai có kế sách hay. Chính ngao ngán bỏ về phủ.

Tối hôm ấy, Chính ngồi trên lầu uống rượu một mình. Trời cuối thu, gió hơi lành lạnh. Nhìn ra hồ Tây, lớp sương phủ mờ mờ. Kinh thành vắng lặng. Chính thấy mình đơn lẻ, trống vắng như cánh cò mỗi một bay về nơi xa thăm chân trời. Biết đến bao giờ nước non bình yên, Chính thong dong rũ áo từ quan, quên cuộc phong ba nhọc nhằn bụi gió...

Đoàn Nương từ dưới nhà bước lên lầu ngồi bên Chính. Đoàn Nương người Kinh Bắc. Vùng đất nước trong gạo trắng, gái đẹp hay hát hát hay. Nàng họ Đoàn, thiên hạ quen gọi nàng là Đoàn Nương.

Nương nguyên là ca nhi nổi tiếng kinh thành, Nương duyên dáng, đẹp, có đôi mắt mơ màng tuyệt diệu như hồ thu. Nương hát hay như chim buổi sớm, lại sính thi phú. Giới tao nhân mặc khách, phong lưu công tử kinh thành không ai

không biết tiếng. Bao trang anh tài rấp ranh bắn sẻ, Nương chẳng chịu ai. Nương yêu Chính, phục Chính hào hiệp, nhận ra Chính tài nghiêng thiên hạ. Chính yêu Nương, cũng do tham sắc mến tài.

Tình yêu mới nhen nhúm. Chính lên đường vào nam theo Tây Sơn. Nương đau như có ai xát muối trong lòng, những tưởng mình suốt đời làm kẻ canh giữ khói hương nắm mồ kỷ niệm vui chôn cuộc tình đã lỡ.

Nào ngờ, bốn năm sau Chính trở lại. Ngày hội ngộ bao xiết tử mừng. Cuộc tình mới mấy mùa trăng, nồng nàn hương sắc. Đã nhiều hôm, Nương biết Chính buồn. Nương thấy nỗi cô đơn trống vắng qua ánh mắt mỗi mệ, qua nụ cười héo hắt của chồng.

Chính hiểu lòng vợ, đọc được nỗi e ngại qua ánh mắt Nương. Chính thương vợ cố trấn an nàng.

Bầu rượu dần vơi. Trăng tỏa ánh sáng xanh qua kẽ lá. Gió lạnh. Tiếng chuông chùa ngân phá vỡ đêm tĩnh lặng. Cũng đêm ấy, Chính tìm ra cách để có tiền. Chính chưa bao giờ để cảnh khó khăn phục.

Rạng ngày họp quần thần, Chính tâu vua:

- Tôi đã nghĩ hết cách. Muốn có ngay tiền phải làm theo sách Tây Sơn. Nay ta tìm cách thu các vật dụng bằng đồng, kể cả chuông chùa để đúc tiền.

Vua nghe kinh ngạc. Vua bảo: Việc hệ trọng nên hội quần thần. Tây Sơn đã lấy cạn chuông chùa, còn lại phỏng bao lắm.

Có kẻ bàn: Dân ta từ thời nhà Lý đã sùng đạo Phật, xem cúng dường Tam Bảo như những giá trị tôn quý. Nay ta xúc phạm tài sản nhà chùa. Việc sẽ gây xúc động lớn trong dân. Lòng người bất phục, nhân tâm ly tán. Nước càng thêm loạn.

Thử tưởng tượng từ đây, trên nước ta vắng hẳn tiếng chuông chùa. Rồi để nghị chỉ nên khai mỏ để đúc tiền.

Nghe xong, Trần Công Xán phản bác:

- Các ông nói nghe ra có lý. Nhưng nghĩ kỹ, vùng có hầm mỏ phía bắc bị các thổ quan chiếm cứ, dễ chi lên đó mà đào? Vắng tiếng chuông chùa dân nào có chết. Chỉ chết vì thiếu gạo. Phật từ bi cứu khổ, tiếc chi mấy cái chuông. Giá như lấy cả tượng ngài nung chảy đúc tiền, ngài đâu cố chấp? Ta lo cho dân cho nước, nào phải cho mình. Còn nói là loạn, nước ta đã loạn từ lâu. Ngay bây giờ, ban đêm có ai dám ra đường. Kinh thành vắng lặng là do trộm cướp quá nhiều. Bần cùng mà ra. Muốn dứt loạn, phải làm cho dân no cái đã. Ngay cả chúng ta gọi là trị dân, nhưng nếu không có lương bổng, thử hỏi còn mấy ai ở lại chốn triều đình?

Mọi người lặng yên. Vua ban chiếu chỉ cho thi hành.

Mấy ngày sau, tại vài ngôi chùa ở kinh thành xuất hiện hai vế câu đối kể tội Chính cướp chuông, kể tội vua Lê đốt cung điện chúa Trịnh. Chính đọc giận lắm. Chính nói với Đoàn Nương: Lại cũng mấy tên khoa bảng ngu dốt, dân làm sao có chữ để làm câu đối. Nương nghĩ xem bọn có học này, ai thua chúng khinh, ai hơn chúng ghét, suốt đời chẳng làm nên trò trống gì, nhưng nếu ai làm được chúng mạnh miệng chê bai. Với bọn này, chỉ nên dùng lưỡi gươm nói chuyện.

Đến cuối năm, việc đúc tiền tạm ổn.

Mùa xuân năm Đinh Mùi 1787 lại xảy ra chuyện vua âm mưu cùng đám cận thần đầu độc Chính. Vua lo sợ Chính cũng như từng lo sợ chúa Trịnh nên tìm cách trừ khử. Chẳng may Chính biết, Chính nghĩ: Tại sao mệnh trời lại cứ đặt vào tay những tên ngu dốt, nhẫn tâm như Lê Chiêu Thống? Đao đức nào bắt ta phải tận trung với con người như hấn? Hấn bị loạn thần áp bức, họ Trịnh lấn áp. Nếu không nhờ tay ta thì

dâu có ngày nay. Thế mà đã vội vong ân, muốn chặt đứt cả tay chân mình. Giả như có giết được ta. Còn bọn Tế, Nhường, Cơ... Hắn làm sao đối phó? Hắn còn quên một điều, thủ hạ ta còn đông, ai để hắn yên một khi ta bị giết.

Chỉnh giận, nhưng nghĩ bốn phương chưa định, còn phải để tâm lo đại sự.

Bấy giờ, Dương Trọng Tế sau khi bỏ chạy sang Kinh Bắc. Thấy tình hình không ổn, Tế rút quân về chiếm huyện Gia Lâm, đào hào đắp lũy, bố phòng nghiêm ngặt, chờ ngày khởi binh đánh kinh thành. Tế làm hịch kể tội vua Lê là bù nhìn do Tây Sơn lập nên. Chỉnh là loạn thần phản dân hại nước. Tế hô hào các trấn cùng khởi binh dẹp loạn!

Vua Lê xem tờ hịch nổi giận truyền Chỉnh đem quân hạch tội. Chỉnh tâu vua: Bọn này chẳng khác chi lũ chồn cáo đồng nội. Tôi chẳng cần đánh, chỉ cầm roi đuổi, chúng đã chạy dài.

Chỉnh ra lệnh cho hai bộ tướng là Nguyễn Như Thái và Hoàng Việt Tuyển, chia hai cánh quân đánh thẳng vào Gia Lâm.

Quân Chỉnh đánh trống phát cờ, hò hét tấn công bắn hỏa hổ phun lửa vào thành. Quân Tế hoảng sợ bỏ thành mà chạy. Tế chạy đến Hải Dương thì bị bắt.

Vua Lê mắng Tế: Mi là kẻ học trò thi đỗ, xuất thân hàng tiến sĩ mà làm chuyện phản nghịch.

Vua truyền đọc tên Trọng Tế trong bia tiến sĩ, tạ tội trước nhà Thái Học rồi mới đem chém. Chỉnh có chiến công, vua phong chức Bằng Công. Trần Công Xán khuyên Chỉnh:

- Việc nội bộ triều đình tạm ổn. Riêng Hoàng Phùng Cơ ở Sơn Tây và Đinh Tích Nhưỡng ở Hải Dương, kể ra chưa đáng ngại. Cơ đã già, là cựu thần, ta nên lấy lễ mà xử. Ta sẽ tâu vua triệu y hồi triều. Nhường là bạn người từng biết sức

nhau. Nhường chẳng dám động binh, ta tùy nghi hành xử. Cái nguy phải đối phó vẫn là Tây Sơn. Trấn thủ Nghệ An đã trốn vào Quy Nhơn theo Nguyễn Nhạc. Vũ Văn Nhậm thừa cơ chiếm giữ. Quân Tây Sơn sẽ có ngày trở lại Bắc Hà. Người liệu cách phòng thủ kéo trở tay không kịp.

Chỉnh thưa:

- Tiểu sinh cũng nghĩ như thầy. Ta cứ thế xúc tiến kế hoạch.

Chỉnh tuy nói thế cho vui lòng thầy. Kỳ thực, Chỉnh nghĩ Tây Sơn chưa có cơ gì ra bắc. Chỉnh chuyên tâm củng cố quyền lực. Bản tính dễ dãi, Chỉnh nhiều khi dung túng cho đám thân cận làm điều xằng bậy, hách dịch, coi thường quyền vua phép nước. Mầm bất mãn nảy sinh lớn dần. Chỉnh đâu biết dư luận coi đạo quân Vũ Thành của Chỉnh là thứ kiêu binh mới. Xét đoán Chỉnh là kẻ rất mực kiêu căng, xem vua chẳng ra gì vì tuyệt đối nắm giữ quyền hành.

Xúc tiến kế hoạch ổn định Bắc Hà, Chỉnh viết thư cho Hoàng Phùng Cơ, đề nghị Cơ muốn trấn giữ Sơn Tây, hoặc hồi triều, hoặc do tuổi già muốn nghỉ việc quân.

Vốn là võ tướng, coi mình là đàn anh, Cơ đọc xong thư bỗng nổi nóng vì cho Chỉnh quá ư ngạo mạn, xem thường mình. Cơ xé thư, nói với sứ giả:

- Người về nói với thằng Chỉnh, nó là loạn thần đối vua lừa người. Nó chỉ là loại bê con không sợ oai cộ. Còn ta đường đường võ tướng, không quen văn hoa che đậy. Ta chỉ muốn nói chuyện với nó bằng lưỡi gươm này.

Ngay hôm sau, Cơ viết hịch kể tội Chỉnh gửi đi các trấn hẹn ngày khởi binh. Quân các nơi tụ tập hàng vạn người, rầm rộ kéo thẳng về Thăng Long.

Được tin Cơ động binh, Chỉnh cử tướng Lê Duật làm Tiên Phong dẫn năm nghìn quân thẳng lên ngăn địch ở

huyện Đại Phùng, Hà Đông. Tự mình thống lĩnh đại binh theo sau.

Chỉnh cười nói với đám thủ hạ: Dịch tuy đông nhưng do quân các trấn, chắc chắn ô hợp, vô tổ chức vì hành binh quá nhanh, không kịp chuẩn bị. Nay ta chỉ huy, gặp địch cứ quyết tử tấn công, địch tất tan rã. Đánh cho Phùng Cơ chuyển này phải vất vả bỏ trống mà chạy, trừng phạt tay tướng già khoác lác.

Toán tiền sát của Lê Duật gặp quân Cơ ở Đại Phùng bị quân của Cơ đánh tan tác. Hậu quân của Duật lùi lại bảo tồn lực lượng vì địch quân quá đông.

Lúc ấy đã quá ngọ, trời nóng như thiêu. Cơ cho quân dừng lại nghỉ, lo cơm nước. Quân sĩ được thể tìm các bụi cây tránh nắng, hàng ngũ lộn xộn như cuộc dạo chơi cắm trại. Toán tiếp ứng do Chỉnh chỉ huy cũng vừa tới. Không bỏ lỡ thời cơ, Chỉnh ra lệnh tấn công. Quân Cơ không kịp phòng bị, chưa kịp ăn uống, nhiều toán sợ hãi bỏ chạy tán loạn. Hoàng Phùng Cơ leo lên mình voi chỉ huy, mong lật lại thế cờ. Chỉnh ra lệnh toán cung nỏ bắn như mưa. Trận chiến ác liệt. Quân hai bên giao chiến trong khu vực càng lúc càng hẹp, đạp trên xác người chồng chất.

Trời nhá nhem tối. Lão tướng Hoàng Phùng Cơ vẫn lăm lăm liệt trên mình voi, quần áo ướt sũng. Cơ cầm ngọn giáo, đâm chết vài chục quân cầm tử quán dưới chân voi. Chỉnh sợ Cơ trốn thoát, truyền lệnh toán Thiết Đột dùng hỏa hổ phun lửa. Quân Cơ núng thế. Vị lão tướng bỏ voi leo lên mình ngựa do người hầu cận nhường tiếp tục xung trận. Toán Thiết Đột dùng câu liêm móc chân ngựa. Hoàng Phùng Cơ bị bắt sống tại trận.

Trận chiến tàn, Chỉnh nổi trống thu quân. Người ngựa rã rời. Trăng non lơ lửng giữa khoảng trời mênh mông. Trăng

cao dị thường thấu chẳng nổi oan khiên thống khổ của người chết kẻ sống.

Hoàng Phùng Cơ bị giam vào cũi giải về Thăng Long.

Đến kinh thành, dân bu lại xem. Cơ nói với mọi người: Ta chẳng may thất trận bị cầm. Cha con ta đời đời tận trung, các con ta đều vị quốc vong thân. Công luận sẽ soi sáng. Nay ta thua giặc Chỉnh, nhưng rồi quân Tây Sơn sẽ giết nó. Chỉ tiếc ta không còn sống để chứng kiến. Đạo trời lồng lộng, báo ứng chẳng sai.

Chỉnh giao Cơ cho vua định tội. Quần thần nghị rằng: Cơ đáng tội chết, nhưng thuộc hàng quân công, phải xử đúng lễ.

Rạng ngày, võ sĩ dẫn Cơ ra cửa tây, giao chén độc được. Hoàng Phùng Cơ nâng chén, hướng về cung vua lạy hai lạy rồi thản nhiên uống. Chỉnh sai quân đem thi hài về an táng tại quê nhà.

Dân chúng chứng kiến thương cảm ngậm ngùi. Phần Đinh Tích Nhưỡng, sau vài lần khởi binh mong dựng lại nghiệp chúa. Thất bại, kéo quân về Hải Dương lẫn trốn. Từ đó, thanh thế Chỉnh lấy lừng thiên hạ.

Trong tiệc mừng chiến thắng, Chỉnh làm bài thơ:

*Lừng lẫy trên đời giá phượng lân
Ngang trời dọc đất chí kinh luân
Đẩy đưa tác lược đồ vương bá
Mở khép dang tay khiếp quỷ thần
Giúp lệch phò nghiêng yên chín cõi
Vớt chìm dẹp cháy cứu muôn dân
Công danh sự nghiệp đời khôn sánh
Muôn kỷ nghìn thu tướng cũng gần.*

Vua Lê nghe, ý không vui.

Tình hình tạm ổn trừ một số vùng thượng du phía bắc do các thổ quan cai trị vẫn chưa hoàn toàn thần phục triều đình.

Nhằm phô trương thanh thế, lập thêm vây cánh. Chính tâu vua cho tổ chức thi hương và hội nguyên.

Dư luận trong dân còn hoang mang vì việc quân Tây Sơn vẫn chiếm đóng Nghệ An và một phần Thanh Hóa. Dân e ngại sẽ có ngày Tây Sơn đánh Bắc Hà, giặc già khó tránh. Để an lòng dân, Chính tâu vua cho sứ giả vào Phú Xuân nói với Nguyễn Huệ xin lại đất. Vua nghĩ đây là quê hương tổ tiên nên bằng lòng.

Sau nhiều đắn đo, quần thần đề nghị Tiến sĩ Trần Công Xán dẫn sứ bộ lên đường vào nam. Sứ bộ lên đường vào cuối hạ. Trước khi lên đường, Xán dặn Chính:

- Huệ là tay thâm hiểm khó lường. Nay ta ra đi dữ nhiều lành ít. Cũng đành liều chết lo việc nước. Riêng người, phải cẩn thận bố phòng các nơi hiểm yếu, cho đóng cọc trên những con sông chính thuộc Sơn Nam. Địch dù có tấn công, ta có phòng bị.

Chính vâng ý thầy, nhưng lại nghĩ: Thầy quá lo xa, nay anh em Tây Sơn bắt hòa vì Huệ không từng phục anh, cũng không giao nộp cho anh của cải cướp được ở Bắc Hà. Anh em chuẩn bị động binh đánh nhau, lấy đâu lo chuyện ra bắc. Còn Nhậm, hẳn là con rể Nguyễn Nhạc, tránh sao khỏi sự ngờ vực của Huệ. Cho dù Nhậm có liều lĩnh tấn công, ta có cách đánh tan hắn. Cuối cùng, Chính chỉ cử tướng Lê Duật đem vài trăm quân giữ phần đất phía bắc Thanh Hóa vùng núi Tam Điệp. Lại lệnh cho Duật không được tìm cách gây sự với quân Tây Sơn. Đã thế, quen thói ăn chơi, thảnh thơi Chính vẫn tụ tập ca nhi tại phủ, đàn ca hát xướng, thỏa thích rượu chè. Các quan chẳng ai dám nói.

Tiến sĩ Nguyễn Đình Giản, người Thanh Hóa đang làm quan Ngự Sử lên tiếng trách cứ. Chính biết Giản cương trực nên rất nể, chỉ ừ hử cho qua chuyện.

Sứ bộ đến Nghệ An gặp Vũ Văn Nhậm. Nhậm không tiếc lời mật sát Chính, xúc phạm cả vua Lê. Lại lộ rõ ý định sẽ đánh Bắc Hà.

Biết Nhậm là tay lỗ mãng, Công Xán khôn ngoan chẳng nói gì nhưng cảm thấy lo ngại cho Chính, không biết Chính có làm theo điều mình dặn.

Tới Phú Xuân, Xán vào yết kiến Nguyễn Huệ trình thư vua Lê. Thư lời lẽ khiêm tốn. Đại ý nói đất Nghệ An là nền móng cho cuộc trung hưng nhà Lê. Thanh Hóa là quê hương Đức Thái Tổ Lê Lợi. Thư nhắc lời Nguyễn Nhạc hứa với vua Lê không lấy đất nhà Lê, dù chỉ một tấc.

Huệ đọc thư xong cả giận, xé thư, hét lên:

- Toàn những lời vô lý, luận điệu gian trá của đám Bắc Hà. Cái cơ đồ đất bắc một tay ta gây dựng. Vua Lê nhờ ta mà trả được mối thù họ Trịnh. Công ơn chưa đền, nay lại chứa chấp đưa phản nghịch là Nguyễn Hữu Chỉnh mưu đồ tranh cướp đất đai.

Trần Công Xán không nao núng, dong dạc trả lời:

- Vua nước tôi thảo quốc thư đến ngài, lời lẽ có chi xúc phạm. Người Bắc Hà chúng tôi vốn lấy lễ nghĩa làm trọng. Ngài lại là rể vua Lê, vua tôi phải nghĩ đến cái tình cái nghĩa. Đối với quý quốc, vua tôi lấy chữ tín nghĩa làm đầu, không quên lời hứa năm trước của đức vua quý quốc. Còn Bằng Công (chỉ Nguyễn Hữu Chỉnh), ông ta bỏ nước theo quý quốc, bao năm cút cung tận tụy, lập nhiều công lớn. Ngài rời Bắc Hà cố tình bỏ rơi, ông ta vẫn theo ngài. Rồi ngài phủ dụ, giao nhiệm vụ ở lại bình định đất bắc. Tôi xin hỏi, bình định cái gì khi ông Chỉnh trong tay không có một tên quân? Sau khi ngài về nam, nước tôi đại loạn. Bọn quyền thần mưu lập lại nhà chúa. Vua phải triệu ông Chỉnh về dẹp loạn. Từ hai bàn tay trắng, ông ta dựng lại cơ đồ, dẹp yên

bốn cõi. Vậy với ngài, ông ấy làm tròn trách nhiệm, sao ngài lại gọi đại nghịch? Với nước tôi, ông ấy là công thần. Ngài muốn đánh nước tôi, muốn giết ông Chính là quyền của ngài. Nước lớn đánh, nước nhỏ cũng có cách chống. Tôi nhận mệnh vua đến đây, chỉ một lòng lấy cái chết báo đền. Nhưng trước khi ngài giết tôi, tôi hă dạ vì nói được những lời ấy.

Nguyễn Huệ nghe tức tối, nói: Ta quyết ra bắc giết cha con tên Chính, moi gan móc ruột hắn, làm gương cho kẻ nào muốn bội phản. Lại truyền giam Xán vào ngục.

Sứ bộ khoảng hai chục người cũng bị giam lỏng ngoài công quán.

Nằm trong ngục, Xán rất lo cho Chính. Nguyễn Huệ đầy tham vọng, chắc chắn sẽ chiếm Bắc Hà. Chính chỉ là cái cơ Huệ đưa ra để lấy lòng dân bắc.

Là thầy dạy Chính trong nhiều năm, Xán biết Chính mưu lược, thích mạo hiểm, nhiều khi tự đặt mình vào hoàn cảnh hiểm nguy rồi lại vượt thoát. Đó là con người bản lĩnh tài ba. Nhưng bệnh lớn nhất của Chính là chủ quan khinh địch, lại độc đoán. Quân Bắc Hà tuy đông nhưng huấn luyện chưa giỏi, tinh thần dễ giao động, hễ nghe quân Tây Sơn là đã sợ. Dư luận dân chưa hoàn toàn ủng hộ Chính, cần thời gian dài thu phục nhân tâm. Chính chưa thể là tay đối thủ của Huệ. Lòng Xán rối rắm, phải làm sao trở về cho Chính biết sự thật, tìm cách đề phòng.

Hôm sau, Huệ gọi Trung Quân Trần văn Kỷ đến, Huệ nói: Ta tuy giận Trần Công Xán nhưng trong lòng khâm phục muốn thu dụng y. Người cố thuyết phục.

Kỷ vào ngục gặp Xán, nói:

- Tiên sinh tội chi mà để bị gông cùm khổ thân. Thượng công nói với tôi, ngài cảm phục, muốn ông ở lại Phú Xuân, ngài sẽ trọng dụng.

Xán cười:

- Thượng công mắng Chính phản nghịch, nay lại xui tôi bội phản, thế là làm sao? Tôi không quen mách khỏe sắp ngửa. Tôi là sĩ phu Bắc Hà nên phải hành xử quân tử.

Trần Văn Kỷ về trình lại sự việc. Huệ biết không thể thuyết phục được Xán. Lại nghĩ, giữ Xán không được, thả về cũng không xong. Quân cơ sẽ bại lộ. Huệ dành cho sứ bộ một bản án.

Vài hôm sau, sứ bộ nhận được một trăm lạng bạc. Huệ nói là quà của Ngọc Hân công chúa gửi tặng trước khi trở về.

Cuối cùng, sứ bộ chẳng ai về lại được đất bắc. Thuyền của họ bị Huệ cho người đánh chìm ngoài biển Đông.

Tại Thăng Long, quần thần nôn nao vì hàng tháng không thấy sứ bộ trở về. Tin mới nhận làm Chính yên tâm: Nguyễn Huệ đang vây thành Quy Nhơn. Chính mừng vì Huệ không thể rảnh tay bắc tiến. Chính không hiểu nỗi âm mưu của Huệ. Đánh Quy Nhơn, Huệ chứng tỏ cho người anh hiểu, Huệ hoàn toàn tự chủ. Một phần vùng Quảng Nam, Thuận Hóa và cả Nghệ An nay nằm trong tay Huệ. Huệ sẽ đánh Bắc Hà càng sớm càng tốt, không để Chính có thời gian củng cố quyền lực. Huệ nhận ra con người tài năng, đầy nguy hiểm của Chính. Từ tay trắng, Chính có trong tay hàng vạn quân, tiến vào Thăng Long như chỗ không người.

Khoảng cuối thu, vừa giải quyết xong xung đột với anh, Huệ bí mật cử hai danh tướng Phan Văn Lân và Ngô Văn Sở, hợp với quân Vũ Văn Nhậm đang trấn giữ Nghệ An, bất ngờ tiến quân ra bắc. Huệ dặn Sở theo dõi mọi hành vi của Nhậm, đề phòng Nhậm có thể phản bội vì y là rể của vua Tây Sơn.

Tin Tây Sơn khởi binh chấn động đất bắc. Chính vội cử Nguyễn Như Thái đem quân tiếp viện cho Lê Duật đang đóng quân gần núi Tam Điệp.

Quân Bắc Hà chưa đến được điểm hẹn đã nhận tin Duật tử trận. Quân Tây Sơn tổ chức phục kích viện binh. Nguyễn Như Thái cũng bị bắn chết.

Dân kinh thành hoảng sợ tìm nơi lánh nạn. Họ từng biết tướng Tây Sơn Vũ Văn Nhậm nổi tiếng tàn ác, thích chém giết. Số đông quan lại cùng gia đình cũng tìm đường lẩn trốn.

Chính ngoài mặt thản nhiên nhưng thực tâm lo sợ. Vội cử con là Nguyễn Hữu Du kéo quân lập phòng tuyến ở phía nam sông Thanh Quyết, trấn Sơn Nam. Chính đích thân chỉ huy tiếp ứng. Quân Chính đến Hà Đông, Chính nhìn lên trời cứ thấy đám mây đen vần vũ trên đầu, lòng lo sợ cho là điềm xấu. Bỗng thấy quân của Du tan tác chạy về, Chính càng hoảng kinh. Quân sĩ tự ý bỏ ngũ, không kềm chế nổi. Chính bàn với con, dẫn khoảng bốn trăm quân còn lại rút về Thăng Long. Vua Lê cùng hoàng tộc, một số cận thần chạy lên Kinh Bắc.

Chính khuyên Đoàn Nường tìm nơi lánh nạn, không nên dẫn thân vào chốn binh lửa. Chính hẹn ngày tái ngộ. Nường gạt lệ từ giã chồng. Hai cha con Chính với số quân còn lại vượt sông Hồng chạy lên Mục Sơn, vùng núi rừng Yên Thế.

Vũ Văn Nhậm vào Thăng Long. Nhìn cảnh cung điện trống vắng, Nhậm tức tối nói với thủ hạ: Không lẽ ta ra bắc để chiếm cái thành rồng?

Hôm sau, Nhậm truyền cho lính lục soát các nhà giàu có. Mục đích chính là cướp báu vật, ai chống lại tất rơi đầu. Lại cử tướng Nguyễn Văn Hòa đem năm nghìn quân truy kích cha con Chính.

Bị quân Tây Sơn vây kín. Toán quân của Chính lớp chết, lớp ra hàng, lớp bỏ trốn. Nguyễn Hữu Du định mở đường máu tẩu thoát, bị giết tại trận. Quanh Chính chỉ còn đúng hai mươi thủ hạ, những người một mực thủy chung quyết không bỏ chủ. Chính khuyên họ ra hàng, bảo toàn mạng sống trở về với gia đình. Người thủ hạ cao tuổi khóc nói: Chúng tôi đội ơn tướng công nhân ái, hào hiệp, giúp chúng tôi làm cuộc đổi đời. Nay chủ sa cơ, nếu bỏ chủ đầu hàng tất mang tiếng bất nhân bất nghĩa. Sống trên đời, nợ tiền bạc trả dễ, còn nợ nghĩa tình, hôm nay, tướng công để anh em chúng tôi chu toàn.

Nói xong, cả bọn bao quanh bảo vệ Chính, quyết chiến tìm đường thoát trùng vây.

Lần lượt, đám thủ hạ bị giết sạch. Tướng Tây Sơn ra lệnh bắt sống Chính, giải về Thăng Long.

Trên đường về kinh, Chính nói với Hòa: Ông với tôi vốn chẳng xa lạ, bao năm chung lưng dưới ngọn cờ Tây Sơn. Nay thượng công (chỉ Huệ) quyết gán cho tôi tội phản nghịch, xin ông nói với Tả Quân Nhậm cho tôi diện kiến, bày tỏ đôi lời.

Hòa nói với Nhậm ý Chính muốn gặp. Nhậm cương quyết nói không. Lại ra lệnh chuẩn bị pháp trường ngay trong đêm để sáng sớm xử tội Chính. Nhậm nói: Phải giết hần ngay, đồ đảng của hần còn nhiều, để lâu sinh biến.

Đêm hôm ấy, một đêm đông buồn, tĩnh lặng. Có người đã chợp mắt. Bỗng nghe tiếng loa vang: Đại Nguyên Soái Vũ truyền dân kinh thành, đầu giờ mao đến pháp trường tại cửa đông chứng kiến cuộc hành hình tên đại nghịch Nguyễn Hữu Chính.

Chính đang bị cùm trong ngục, bỗng thấy ngục quan mang đến cho mình bộ quần áo màu trắng. Chính biết mình đến ngày tận số, nói với ngục quan: Kẻ quyết giết ta là

Nguyễn Huệ. Huệ giết ta vì hấn sợ ta. Vũ Văn Nhậm chỉ là bề tôi. Rồi Nhậm cũng sẽ chết dưới tay Huệ. Chỉ ta có thể giúp Nhậm cách thoát nạn. Tiếc thay, hấn lại cố giết ta...

Sáng hôm sau trời còn mờ mờ, nhiều người áo toát nón lá đi dưới cơn mưa phùn của mùa đông đất bắc. Họ bao quanh pháp trường.

Cổng thành mở, viên tướng mặc giáp đỏ cỡi ngựa trắng dẫn đầu. Hàng nghìn lính cầm đoản đao đi sau, lặng lẽ làm thành vòng rào quanh pháp trường.

Một hồi trống chiêng. Bốn con ngựa, thứ ngựa chiến to lớn dàn hàng ngang chậm bước. Chính nằm trong cũi do tám người khiêng. Hàng trăm lính đi theo. Có kẻ tinh mắt thấy có đàn chó đứng gần cửa thành.

Người ta xì xào: Xử tử mã phanh thây. Thịt xương cho chó ăn...

Chẳng ai ngờ hình phạt dã man tưởng chỉ có trong truyện cổ, nay được Vũ Văn Nhậm đem thực hiện ở Bắc Hà...

Đoàn Nương có mặt trong đám người đến pháp trường. Nương mặc áo tang. Nàng rời bước khi kịp nhận ra chồng nằm trong cũi, không đủ can đảm ở lại chứng kiến cảnh chồng bị hành hình.

Con phố thênh thang không có bóng người. Lúc sau, Nương nghe một hồi chiêng trống vọng lại. Tiếng âm u báo hiệu phút lâm chung... Nương ứa nước mắt. Hỡi trời, trời chẳng thương hào kiệt, chẳng xót anh hùng...

Người lão bộc đợi sẵn ở cổng đưa Nương vào nhà. Căn nhà đẹp yên tĩnh nhìn ra Hồ Tây.

Bước vào nhà, Nương thấy lão lập sẵn bàn thờ, bài vị. Lão đưa nàng nén hương. Nương khóc.

Trời đã về chiều... Mưa rơi hiu hắt. Định mệnh độc ác cách chia kiếp người đôi bờ sinh tử. Câu kinh cầu vô vọng mờ trong hương khói vô thường.

Trời đã về chiều... Nương nghe rất rõ hàng trăm tiếng chuông chùa nhỏ giọt. Chính chồng nàng đã từng ra lệnh thu chuông đúc tiền, nay người mất nhưng chuông vẫn còn, vẫn thông thả ngân nga.

Kỳ diệu thay tiếng chuông sưởi ấm lòng người. Nâng đỡ kẻ yếu đuối, kẻ cô đơn đi trọn kiếp phù trầm luân lạc...

Hơn hai năm sau, mùa đông năm Kỷ Dậu 1789. Kinh đô Thăng Long như chưa hồi sinh sau trận chiến đẫm máu mùa xuân. Hàng vạn quân Thanh phơi xác, nước sông Hồng pha máu đỏ lững lờ trôi. Nhiều nơi nhà cửa hoang tàn đổ nát chưa được xây dựng lại, còn nguyên dấu tích điêu tàn sau cơn binh lửa. Căn nhà bên hồ Tây của Đoàn Nương may còn nguyên vẹn.

Một buổi chiều đông giá buốt, Nương ngồi bên bếp lửa sưởi ấm. Thời gian qua nhanh, bụi hồng trước nhà xưa thấp nhỏ nay đã cao vượt đầu người. Cơn gió lạnh ùa vào. Người lão bộc bước vào thưa với chủ: Thưa bà, có người khách lạ trẻ tuổi vừa đến gặp tôi trao tặng bà bài thơ. Khách người gầy ốm, khuôn mặt đượm vẻ khắc khổ phong trần. Khách nói: Tôi từng quen phu nhân và tướng công. Tôi làm thơ. Mỗi câu thơ là hơi thở, là nhịp tim, là nỗi cảm thông niềm đau thương mất mát của kiếp người, của cả dân tộc bất hạnh tang tóc...

Nương mở thư đọc hàng chữ đầu: *Văn tế thập loại chúng sinh.*

Nhìn nét chữ, Nương biết thi nhân là ai. Nương đọc. Thơ sao nào nề héo hắt ruột gan:

.....

Đường bạch dương bóng chiều man mác
 Ngọn đường lê lác đác mưa sa
 Lòng nào lòng chẳng thiết tha
 Cõi dương còn thế nữa là cõi âm
 Trong trường dạ tối tăm trời đất
 Xót khôn thiêng phảng phất u minh
 Thương thay thập loại chúng sinh
 Phách đơn hồn chiếc lênh đênh quê người...

.....

Giầu sang càng nặng oán thù
 Máu tươi lai láng, xương khô rã rời
 Đoàn vô tự lạc loài nheo nhóc
 Quỷ không đầu van khóc đêm mưa
 Đã hay thành bại là cơ
 Mà u hồn biết bao giờ cho tan....

Có người bạn gái năm xưa được Đoàn Nương cho
 đọc thơ, nài xin Nương ghi lại.

Từ đó, bài thơ nhanh chóng được loan truyền ở kinh
 thành rồi khắp cả đất bắc. Giới văn nhân, có người giữ nó
 trong đầu, có người viết lại lưu truyền hậu thế.

Có tay võ tướng đầu bạc, gươm kiếm mỗi mệ. Đọc một
 đoạn của bài thơ, lòng bỗng ngậm ngùi:

.....

Nào những kẻ bài binh bố trận
 Đem mình vào cướp ấn nguyên nhung
 Gió mưa sấm sét dưng dưng
 Dãi thây trăm họ làm công một người
 Khi thất thế cung rơi tên lạc
 Bãi sa trường thệt nát máu rơi
 Bơ vơ góc biển chân trời
 Nắm xương vô chủ biết vùi nơi nao?

Trời thăm thẳm mưa gào gió thét
 Khí âm huyền mờ mịt trước sau
 Ngàn cây nội cỏ rầu rầu....

Có bà cụ buổi trưa ru cháu, nhịp võng à ơi. Cả đôi hàm
 răng năm tháng làm rơi rụng, cũng cất tiếng đọc thơ. Đọc
 rằng:

.....

Kiếp phù sinh như bào như ảnh
 Có chữ rằng: Vạn cảnh giai không
 Ai ơi lấy Phật làm lòng
 Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi...

Ai cũng cho đây là áng văn trác tuyệt.

Nào có gì lạ. Thi nhân, người đã đem cả tấm lòng trang
 trải viết bài thơ đó: Tên chàng là Nguyễn Du.

Tây Sơn Đại Huynh

Hồ Phi Phúc số đề bọc điều. Những điều may luôn theo ông suốt cuộc đời.

Tự thuở lọt lòng mẹ, sinh ra trong cửa nhà giàu có khác chi hạt giống được ươm vào đất màu mỡ. Cái may kế tiếp, thân mẫu ông, bà Nguyễn Thị bàn với chồng là Hồ Phi Tiến cải họ cho con, từ họ Hồ sang họ Nguyễn để thừa hưởng gia tài đồ sộ do ông ngoại để lại. Bà vốn là đứa con duy nhất trong gia đình. Phi Phúc mang họ mẹ từ đấy.

Khi khôn lớn, ông nối nghiệp cha làm nghề buôn trầu. Cơ may lại đến. Sẵn vốn to, ông tung ra mua hàng với số lượng lớn, lãi tức càng cao. Ông trở thành phú gia có tiếng cả phủ Qui Nhơn.

Vừa giàu của lại giàu con, ông có đầy đủ cả trai lẫn gái. Quý nhất lại có con trai đầu lòng.

Tổ phụ nhà ông vốn xuất phát từ làng Thái Lão, huyện Hưng Nguyên, trấn Nghệ An. Chuyện hàng trăm năm trước, chúa Nguyễn là Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần sai các danh tướng Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Dật chỉ huy thủy bộ tấn công Bắc Hà. Quân Nguyễn tấn công chiếm luôn bảy huyện phía bắc Linh Giang. Khi rút quân về nam, lại bắt ép một số đông nông dân xứ Nghệ và các tù hàng binh Trịnh

vào nam lập nghiệp vì làng trong dư đất thiếu người. Ông nội ông Phúc là Hồ Phi Long có trong đám người ấy. Để tỏ không quên đất tổ, ông lấy tên một ngọn núi lớn trong rừng Hồng Lĩnh là Đại Nhạc đặt tên cho con. Đứa bé có tên Nguyễn Nhạc là do thế.

Hơn mười lăm năm sau, ông có thêm con trai là Nguyễn Lữ rồi Nguyễn Huệ. Hai trai cùng mang tên Lữ Sơn và Huệ Sơn. Hai ngọn núi mà dân huyện Hưng Nguyên xứ Nghệ chẳng ai không biết. Ý ông Phúc muốn những con trai ông sau này chí khí phải cao như núi. Thân trai sống hèn nào khác chi cỏ cây.

Năm Nguyễn Nhạc lên bảy, ông Phúc cho con đi học. Nhạc học chữ chẳng mấy chăm, Nhạc bảo không có gì chán bằng cả ngày lải nhải thiên trời địa đất cửu cật tồn còn tử con tôn cháu...rồi lại tiếp tục nhân chi sơ tính bản thiện, ấu bất học lão hà vi... Nhạc xin cha học thêm nghề võ. Ông Phúc bằng lòng nhưng buộc con phải học cả chữ nghĩa thánh hiền.

Qui Nhơn vốn là đất võ. Danh tiếng các đại võ sư như cha con ông Trần Kim Hùng, Trần Kim Báu, nhất là Diệp Đình Tông không những chỉ riêng trong phủ Qui Nhơn, mà còn vang dội khắp làng trong. Giới giang hồ nể mặt.

Nhạc thụ giáo với võ sư Trần Kim Báu được mười năm, trở thành đại đệ tử được bạn đồng môn kính nể vì quyền cước điêu luyện.

Cuộc sống đang êm đềm bỗng đổi thay đột ngột. Gia đình thầy gặp tai biến, hiền nội võ sư Trần Kim Báu qua đời.

Sau khi vợ mất, như muốn trốn những kỷ niệm êm đềm luôn dẫn vật gợi nhớ, ông Báu bỏ xứ ra đi. Ông vào sâu phương nam, tới phủ Diên Khánh mở trường dạy võ độ nhật. Vốn sẵn lòng yêu mến Nguyễn Nhạc, thân phụ ông Báu là

võ sư Trần Kim Hùng tiếp tục thu Nhạc làm đệ tử, lại đem hết cả những tinh hoa kiếm thuật truyền cho Nhạc.

Ba năm sau, Nhạc trở thành kiếm sĩ lừng danh, giới võ nghệ chưa ai dám một lần thách thức độ kiếm. Ông Hùng đề nghị Nhạc kết hôn với cô Trần Thị Huệ, cháu nội của ông, cũng là con gái của võ sư Báu. Nhạc nghe lòng reo vui như mở hội. Nhạc hiểu ra vì sao ông Hùng chọn mình là người để trao bí quyết kiếm thuật họ Trần.

Khi thân phụ mất, Nhạc thừa hưởng gia tài tiếp tục nối nghiệp cha đi buôn trâu. Từ đấy, thiên hạ quen gọi Nhạc là Hai Trâu. Nhờ vợ đảm đang, việc làm ăn càng thêm phát đạt. Giữ vai trò của người anh cả “quyền huynh thế phụ”, Nguyễn Nhạc gửi hai em Lữ và Huệ đến học võ với ông ngoại của mình.

Vốn người hào hiệp, Nhạc giao du rộng rãi với đủ hạng người, giới con buôn, giới võ nghệ, người giàu, kẻ hèn...ngay cả những thương khách người Hoa. Căn nhà cũ cha để lại nay thành chật, Nhạc cho làm thêm căn nhà lớn năm gian để có thêm chỗ chứa khách. Nhiều người ví Nhạc như Mạnh Thường Quân, một người tài ba, nổi tiếng hào hiệp thời Chiến Quốc bên Tàu.

Cảnh nhà lúc nào cũng nhộn nhịp vui vẻ. Có khu riêng để luyện võ, hoặc tổ chức những buổi thi đấu võ nghệ, chỗ để chơi gà, thậm chí có cả nơi chơi bài bạc vì chính Nguyễn Nhạc cũng thích trò chơi đen đỏ. Phong cách và võ nghệ của Nhạc làm mọi người quý mến. Những người trẻ trong giới võ lâm thường tôn Nhạc là Tây Sơn đại huynh.

Cuộc đời của người anh cả Tây Sơn tưởng cứ bình yên như sông Côn êm đềm. Nào ngờ có cuộc đổi thay như giòng sông chuyển mình dậy sóng. Đó là ngày Nhạc gặp gỡ Trương Văn Hiến, người khách lạ đến từ kinh đô Phú Xuân.

Hôm ấy, Nhạc tổ chức buổi biểu diễn võ thuật ngay trong sân rộng trước nhà. Dân trong phủ nô nức, đây là cơ hội ngàn năm để được xem tài xử dụng đại đao của Trần Quang Diệu, tráng sĩ nổi tiếng tay không đánh chết cạp dử dưới chân núi Thuận Ninh. Sau này Diệu kết hôn với Bùi Thị Xuân, cô gái nổi tiếng giỏi võ ở phủ. Gái Qui Nhơn yêu võ nghệ chẳng thua cánh nam nhi. Diệu là đại đệ tử của võ sư Diệp Đình Tông, vị võ sư để lại không biết bao nhiêu huyền thoại. Người ta kể rằng, sau mười năm truyền nghề cho Trần Quang Diệu, lúc ấy võ sư đã gần trăm tuổi. Một hôm võ sư ngồi tham thiền từ sáng sớm đến đúng nửa đêm, ngai tự ra quyền đánh trên đỉnh đầu tự sát. Hơn nữa, lại có cuộc tỉ thí quyền thuật của hai người em Nguyễn Nhạc là Lữ và Huệ. Hai đệ tử hàng đầu của đại võ sư Trần Kim Hùng.

Giới võ nghệ hầu như chẳng ai vắng mặt. Chủ nhân hào phóng đãi tiệc bữa ăn trưa cho tất cả những người tham dự nên số người đến càng thêm đông.

Nguyễn Nhạc tự tay thúc trống cổ vũ những cuộc tỷ thí. Nhạc để ý đến một người đàn ông dáng thanh nhã khoảng ngoài sáu mươi đến xem vào lúc quá Ngọ. Ông ta chắc chắn là người phương xa. Phong cách khách điếm đậm trầm tĩnh, Nhạc đoán ông không phải hạng tầm thường. Nhạc định tâm sau buổi diễn võ sẽ gặp ông.

Khách xưng tên Trương Văn Hiến, từ Phú Xuân vào đây tìm thăm họ hàng. Nhạc khẩn khoản lưu khách, ông Hiến bằng lòng ở lại.

Tối hôm ấy, dưới trăng thu vắng vạc. Chủ và khách đối ẩm. Vốn sành đời, chỉ qua những giây phút tiếp xúc ngắn ngủi đầu tiên, ông Hiến nhận ra bản chất hào hiệp, tính chân thật chất phác ở con người Nguyễn Nhạc. Khi cho biết ông

vốn xuất thân giáo học, lại sống một mình, không có gia đình. Nhạc thẳng thắn đề nghị:

- Tôi còn hai em ở tuổi thiếu niên là Lữ và Huệ. Khi nãy thầy đã xem chúng đấu quyền, về võ nghệ xét ra chẳng nhường ai, nhưng về chữ nghĩa thì thiếu lắm. Trước kia, ông ngoại tôi là cụ Trần lo phần dạy dỗ chúng nó cả võ lẫn văn, nhưng về võ thì trội hơn. Nay cụ cũng vừa mãn phần. Đất Qui Nhơn là đất võ, người văn học xem ra thiếu. Nếu thầy không chê tôi quê mùa, nhà cửa chật chội. Tôi xin thỉnh thầy ở lại nhà dạy các em tôi. Chính tôi cũng muốn được thầy chỉ thêm chữ nghĩa thánh hiền. Tôi biết cái vốn hiểu biết của thầy lớn lắm. Thầy sống một mình thì bốn biển là nhà. Thầy thuận tình, tôi nhớ ơn, các em tôi cũng thế. Xin cho biết tôn ý để tôi định liệu.

Giáo Hiến trầm ngâm rồi trả lời:

- Người nói phải. Có võ mà kém văn dễ trở thành cường bạo. Có văn mà thiếu võ thường dễ nhu nhược. Ta bỏ nhiều năm nghiên cứu võ thuật, sau khi xem Lữ và Huệ giao đấu, nhận ra cả hai đều là tay tinh thông nhưng vẫn chưa gọi là hoàn hảo. Huệ đi quyền chắc, thông minh. Lữ nhỏ người, yếu sức không hợp với lối đánh các đòn mạnh chắc. Trong nghề võ, lấy nhu thắng cương là sự thường. Cảm cái chân tình, ta lưu lại đất này một thời gian...

Nhạc nghe cả mừng.

Giáo Hiến nguyên là bạn thân của quan Ngoại Hữu Trương Văn Hạnh. Hạnh là người cương trực, ghét kẻ xu nịnh. Ông lại được Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát trọng nể, chọn làm thầy dạy học cho Thế tử Nguyễn Phúc Luân, người sẽ kế vị khi chúa qua đời.

Năm Ất Dậu 1765 Võ Vương mất. Quyền thần Trương Phúc Loan ý quyền tự động đổi di chiếu, đặt công tử Nguyễn

Phúc Thuần mới mười hai tuổi lên kế nghiệp hầu dễ sai khiến. Thuần lên ngôi xưng là Định Vương.

Ngoại Hữu Trương Văn Hạnh phản đối bị Loan lập kế độc giết đi. Trương văn Hiến bỏ trốn để tránh tai họa. Ông căm thù Loan, ra đi tìm người phục hận.

Biết Qui Nhơn là đất võ, ông đến xem sự tình. Ngay khi gặp anh em Tây Sơn, ông nghĩ mình có cơ may. Với đôi mắt tinh đời, Giáo Hiến nhận ra họ là những tay hào kiệt khó kiếm, những người có thể dựng nên cơ đồ, giúp ông báo thù cho bạn. Giáo Hiến để tâm đến Huệ. Huệ tướng mạo uy nghiêm kỳ vĩ, mắt sáng như sao, có giọng nói của người quyền nghiêng thiên hạ.

Ngay hôm sau, Nhạc làm thêm căn nhà ba gian phía sau vườn để Giáo Hiến dùng làm chỗ ở, vừa để dạy học.

Ở nhà Nguyễn Nhạc được ba năm, Giáo Hiến cố công hoàn chỉnh võ thuật cho Lữ và Huệ, lại dạy thêm chữ. Cả hai học giỏi. Nguyễn Lữ có ý định xin anh đi tu theo Minh Giáo. Nhạc chiều lòng em, cho rằng tu đạo cũng là điều hay. Tu là cội phúc. Riêng Huệ vẫn chăm chỉ học hành. Sẵn có ý định, Giáo Hiến dạy Huệ thêm binh thư đồ trận. Được thầy dạy binh pháp, Huệ tỏ ra thích thú, trí thông minh của Huệ làm Giáo Hiến ngạc nhiên khâm phục. Nhạc thấy binh thư hay nên cùng học với em. Thỉnh thoảng có dịp ngồi trò chuyện với Nhạc, Giáo Hiến kín đáo chưa hề thổ lộ tâm tình. Ý ông muốn tìm hiểu, đánh giá đúng người mình chọn mặt gửi vàng. Cách xét đoán chính xác nhất vẫn là phải có thời gian dài, ông cha vẫn dạy “cư cữu kiến nhân tâm”, ở lâu biết lòng người.

Một lần muốn dò chí hướng Nhạc, Giáo Hiến hỏi:

- Tài võ của người thiên hạ khó ai sánh kịp. Sao không thi võ đồ đạc làm quan?

Nhạc cười đáp:

- Dù có làm quan cũng chỉ làm tôi tớ cho người. Chi bằng cứ đi buôn trâu, đồng tiền do mình làm ra, mình làm chủ lấy mình khỏi phải quy lụy ai chẳng thích hơn sao?

Mùa hè năm ấy, Nhạc rủ người bạn thân ở ấp Tây Sơn là Võ Xuân Hoài đi Phú Xuân ngoạn cảnh kinh thành. Hoài là người giỏi văn chương, mê đọc sách nên Nhạc vị nể. Hoài thường nói với Nhạc, chỉ có cái vốn hiểu biết để trong đầu chẳng bao giờ mất, càng đem cho người lại càng giàu thêm khác hẳn của cải bạc tiền rồi cũng có lúc tận.

Lần đầu tiên đến đế đô, Nhạc choáng ngợp trước cảnh chợ búa nhộn nhịp, trên bến dưới thuyền. Bao thành quách huy hoàng tráng lệ, phố phường với những ngôi nhà tường vôi ngói đỏ mọc san sát. Rồi chùa chiền, những hàng phượng vĩ đỏ hoa ngả bóng trên giòng sông thơ mộng nước trong xanh màu ngọc, tiếng ve râm ran...

Đến đồi Hà Khê vào chùa Thiên Mụ. Nguyễn Nhạc đứng bên cái chuông đồng nặng trên ba ngàn cân, gần đó là tấm bia lớn ghi công đức chúa Nguyễn Phúc Chu trong việc chấn hưng đạo Phật. Bia dựng trên lưng con rùa chạm khắc cầu kỳ làm bằng đá cẩm thạch. Nhạc hỏi Xuân Hoài, sao gọi là chùa Thiên Mụ? Hoài giảng giải: Chùa do Tiên Chúa Nguyễn Hoàng ra lệnh xây đã trên trăm năm. Vốn là người yêu môn địa lý, chúa thường tuần du phương nam xem hình thể núi non. Một hôm, chúa đến ngọn đồi này, thấy ngọn đồi tựa hình con rồng xoay lại soi bóng trên giòng sông xinh đẹp, dân làng thưa với chúa chuyện thần kỳ ông cha kể lại, hàng đêm có bà già áo đỏ quần xanh từ trời xuống dạy rằng: Sẽ có chân chúa đặt bước đến đây để tụ khí thiêng cho bền long mạch. Nghe xong, chúa nghĩ đây là nơi trời dành cho họ

Nguyễn, ngôi vị chân chúa chẳng ai khác ngoài ông. Chúa ra lệnh xây chùa Thiên Mục tạ ơn trời đất.

Nhạc nhìn sông Dinh, con sông xuất phát từ dãy Trường Sơn hùng vĩ, hai giòng tả hữu vượt qua bao nhiêu ngọn thác, uốn lượn giữa vùng núi rừng trùng điệp mang hương thơm thảo mộc của loài sâm rừng, xương bồ từ thượng nguồn, của loài hoa thơm cùng hương đồng cỏ nội những thôn làng ven bờ như Kim Long, Vĩ Dạ, Đông Ba, Gia Hội... Giòng sông chảy chậm, uốn lượn như giải lụa mang lại cho Phú Xuân cái nên thơ trầm lắng, êm đềm như bản giao hưởng tuyệt vời của màu sắc, của âm thanh, của trời mây cây cỏ. Người kinh đô yêu giòng sông quê mình, gọi nó bằng cái tên Hương Giang mỹ miều. Đồng tình chôn kín cái tên sông Dinh vào bóng tối dĩ vãng.

Nhạc đến núi Bằng, ngọn núi thấp nổi lên như tấm bình phong. Hai bên có TảBAT và HữuBAT, hai ngọn núi nhỏ tạo thêm vẻ cân đối cho núi Bằng. Những thế hệ sau, con cháu họ Nguyễn đổi tên núi Bằng thành Ngự Bình. Phú Xuân thành đất của núi Ngự sông Hương.

Nhạc mãi mê ngắm cảnh, hết lời khen Tiên Chúa có mắt tinh đời, chọn cho con cháu một nơi phong cảnh hữu tình. Hoài lại nói, đất này tuy đẹp nhưng sông không sâu, núi không cao, con người khó nhìn sâu rộng, chẳng phải địa linh nhân kiệt.

Đêm hôm ấy giữa cảnh trời mây lồng lộng, trăng thanh gió mát, Nhạc và Hoài ngồi trong khoang một con đò lên đênh trên sông Hương hưởng thú phong lưu. Có tiếng ca trầm bổng xa vời ai oán... Khi rượu say ngà ngà, Nhạc nói với bạn: Ca chi nghe não ruột, nhà tan nước mất. Thà nói mụ chủ đò kiếm cho cô gái đẹp...

Sáng hôm sau hai người đến chợ Dinh. Bỗng nghe tiếng la hét ồn ào, mọi người vội vã tránh dạt sang hai bên đường. Một toán đông binh lính, kẻ gánh người gồng cơ man thịt thà rau quả, kẻ cầm roi nói cười la hét vờ chợ, nghênh ngang sẵn sàng đánh bất cứ ai vô tình cản lối. Hoài nhanh mắt kéo Nhạc nhảy sát lề đường, tránh ngọn roi vừa vụt tới. Hoài sợ bạn nóng giận có phản ứng không lợi nên đưa bạn vào quán ăn bên đường. Nhạc hỏi:

- Lính chi hung dữ, sao bọn hần coi dân như súc vật?

Hoài giảng giải:

- Đó là lính của Quốc Phó Trương Phúc Loan đi chợ.

- Đi chợ như đi ăn cướp. Trương Phúc Loan là thằng nào?

Hoài để ngón trỏ lên miệng nói nhỏ:

- Đừng nên hỏi nhiều. Ông về hỏi Giáo Hiến sẽ tường mọi sự.

Nhạc ngồi ăn yên lặng, ăm ức. Ra khỏi quán, Nhạc nói: Với cái thằng Quốc Phó hống hách này, chỉ cho nó một gươm là xong. Cũng tại dân ta hèn, cứ cúi đầu lặng yên nên chúng tha hồ dè đầu cưỡi cổ.

Trên đường về lại Qui Nhơn, khó quên chuyện Loan, Nhạc lại hỏi Hoài:

- Phúc Loan làm càn, sao chúa không quả phạt?

- Nói như ông thì nào ra chuyện. Định Vương chỉ là bù nhìn, quyền hành cũng như việc triều chính một tay Loan định liệu.

- Ra bây giờ hần là chúa tể đảng trong, nhưng hần dùng chước chi để thu quyền bính?

- Gian thần nhiều mưu sâu kế độc khó lường. Ngay Định Vương lên nối nghiệp cũng do Loan sắp đặt. Ông Giáo Hiến kể cho tôi nghe: Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát là cháu gọi

Loan là cậu. Chúa có người vợ yêu là Chiêu Nghi. Bà lâm trọng bệnh, các ngự y bó tay. Khi bà mất, Vũ Vương nổi giận truyền đuổi tất cả các ngự y. Từ đấy chúa rầu rĩ bỏ phế việc triều chính. Lợi dụng cơ hội, Phúc Loạn tạo điều kiện cho Ngọc Cầu gần gũi với chúa. Ngọc Cầu duyên dáng xinh đẹp, da mọng bồ quân, đôi mắt lá răm, nói năng lả lơi tình tứ. Loạn nghĩ chỉ có cô gái này mới xóa được mối sầu đang dằn vặt vị chúa háo sắc đa dâm. Chúa mê muội đắm mình trong cuộc tình loạn luân bất chấp Ngọc Cầu là vai em, là con gái Quận Công Nguyễn Phúc Điền, chú ruột của chúa. Nguyễn Phúc Thuần là kết quả của cuộc tình này. Khi Vũ Vương mất, lễ ra công tử Nguyễn Phúc Luân là người nối nghiệp. Thấy Luân thông minh sắc sảo, tuổi ngoài ba mươi khó bề thao túng, Phúc Loạn tự ý lập Thuần kế vị, bắt Luân giam vào ngục thất. Quần thần có kẻ phản đối đều bị Loạn giết đi. Luân cũng buồn bực mà chết, để lại người con trai nhỏ tuổi là Nguyễn Phúc Ánh. Từ đó Loạn một tay thao túng, mua quan bán tước, vợ vét tài sản nhà nước làm của riêng nên giàu nứt đổ đổ vách.

Nhạc ngắt lời:

- Ông xem dân ngày càng bần cùng, đói cơm thiếu áo, nhất là xứ Quảng. Bọn vua quan lo xây cung điện nguy nga, ăn chơi xa xỉ. Vậy chúng thương chi dân, chỉ lo vét đầy túi tham. Thấy cảnh này tôi bất nhẫn...

Nguyễn Nhạc về nhà đem chuyện kể với Giáo Hiến. Giáo Hiến thở lộ:

- Ta từng ở Phú Xuân, chứng kiến bao cảnh bất công áp bức. Ngoại Hữu Trương Văn Hạnh với ta là bạn thâm giao. Ông là người uy vũ bất năng khuất nên bị Loạn dùng độc kế sát hại. Sau khi ông bị giết, ta bỏ ra đi những mong kiếm

người tâm huyết như Kinh Kha thuở trước, một lưỡi gươm sang Tần quyết giết Tần Vương, rửa hận cho nước Yên.

- Nhưng Kinh Kha thất bại. Thái tử Đan dùng lầm người. Kinh Kha chỉ là tên đánh kiếm tồi, khoác lác. Theo ý tôi, giết được Trương Phúc Loạn vẫn chưa xứng danh hào kiệt. Sao không diệt luôn cái cơ đồ họ Nguyễn? Xứ Nam Hà do tổ phụ họ Nguyễn dày công vun đắp. Nay con cháu vong ân phản bội công lao tổ tiên, thế loạn tất sinh anh hùng hào kiệt. Nhạc này dầu hèn, xin nguyện xách kiếm theo phò người thế thiên hành đạo, mở kỷ nguyên thịnh trị thái bình.

Nhạc nói xong, Giáo Hiến yên lặng một lúc rồi bảo: Sao tin ở người lại không tin ở mình?

Nhạc tỏ ra chưa hiểu ý. Giáo Hiến tiếp:

- Mỗi triều đại đều trải qua khi hưng thịnh, lúc bại tàn. Do vận nước suy vi biến loạn, bao kẻ biết khai thác thời cơ tạo dựng sự nghiệp. Nào Lý Công Uẩn dựng nghiệp nhà Lý. Thủ Độ dành quyền lực cho họ Trần. Lúc Trần suy, Hồ Quý Ly nắm cơ hội lập triều đại nhà Hồ. Rồi họ Lê, họ Mạc... Sử sách dẫn ra biết bao đời đổi. Ngay cơ nghiệp họ Nguyễn xứ đang trong do Tiên Chúa dày công sáng lập. Đến đời con là Sãi Vương sáng suốt thông minh, biết trọng hiền tài nên được Đào Duy Từ đắc lực phụ giúp, tạo nên thế lực mạnh ở phương nam đủ sức đối chọi với họ Trịnh ở Bắc Hà. Đó là lúc hưng. Nay Định Vương nhỏ tuổi, gian thần Trương Phúc Loạn nắm quyền bính. Hần càng giàu thì nước càng nghèo, dân càng khổ. Oán vọng trời cao. Cái thế bại rõ như ban ngày. Cơ nghiệp họ Nguyễn sẽ sụp đổ. Nhưng ai sẽ đứng lên dựng cờ đại nghĩa? Thời thế tạo anh hùng, anh hùng tạo thời thế. Ta thấy người võ dũng nghĩa khí, thấy chuyện bất bình dám ra tay can thiệp không kể hiểm nguy. Nay dân đang trong bất bình, sao nữ điểm nhiên thị tọa? Anh em Tây Sơn

tài quán thiên hạ, sao không biết thụ mệnh trời thế thiên hành đạo?

Nhạc trọng Giáo Hiến, coi như sư phụ. Nhạc hiểu những điều ông vừa nói không phải bộc phát mà đã suy nghĩ từ lâu. Giáo Hiến thâm trầm cẩn trọng. Ông giải tỏa nỗi phân vân trong lòng Nhạc từ hai tháng nay, khi Nhạc được người khách lạ tặng báu kiếm.

Hai tháng trước, sau chuyến đi chở trâu từ Tây Sơn thượng về nhà, bà Trần Thị Huệ trao cho chồng một cái hộp niêm phong kỹ, bảo của người khách từ đằng ngoài trước khi hồi hương gửi lại chủ nhân. Nhạc mở hộp thấy có thanh kiếm còn nằm trong vỏ. Rút ra xem, lưỡi kiếm tỏa sắc xanh rờn rợn. Nhạc múa thử vài đường thấy vừa tay, chém thử thanh sắt, lưỡi kiếm ngọt như chém thân chuối. Nhạc biết đây là báu kiếm. Ngoài thanh kiếm còn một lá thư đại ý như sau:

“... Tổ phụ nhà tôi vốn người Thanh Hóa, qua nhiều đời trở nên giàu có nhờ nghề rèn dao kiếm. Đến đời cha tôi, ông bỗng bỏ nghề. Tôi hỏi, cha tôi nói: Cha không muốn tiếp tục làm cái nghề tạo phước tiện cho con người tàn sát lẫn nhau, cha không muốn sống trên xác người, trên máu xương đồng loại.

Tôi muốn hỏi thêm, chưa kịp hỏi cha đã tiếp: Cái cơ nghiệp tiền của ông cha để lại, con cứ ngồi không hưởng vài đời chưa hết. Nay cha già yếu, gần đất xa trời. Trước tiên, cha muốn con bỏ nghề, đem thanh báu kiếm cuối cùng của giòng họ, đi về phương nam tìm người hào kiệt mà tặng. Con làm xong điều này, cha toại lòng nhắm mắt.

Cha ngừng nói, trầm ngâm như tượng. Tôi định hỏi nhưng lại thôi, vì biết cha đã biết điều tôi nghĩ. Người tiếp: Bảnh nhân Lê Quý Đôn với cha là chỗ thâm giao. Có lần người nói

với cha, nước Nam ta rồi sẽ bước vào vận hội mới. Cơ nghiệp hai họ Trịnh Nguyễn sẽ suy tàn. Phương nam xuất hiện chân chúa, sông Gianh không còn là vết cắt phân chia. Cha nghĩ hiện nay, cái loạn đang nảy mầm phát triển trong cung đình Trịnh Nguyễn. Ở đằng ngoài, Chúa Trịnh chính sự bê trễ, đằng trong gian thần Trương Phúc Loan thao túng triều chính. Vậy con cấp lên đường.

Đến lúc này, tôi lên tiếng hỏi:

- Thưa cha, trời đất mệnh mông, biết tìm đâu ra chân chúa?

- Con thường nghe bốn chữ địa linh nhân kiệt. Đó vẫn là nơi chân chúa xuất hiện. Hơn nữa, cha chỉ cần con chọn người xứng danh hào kiệt đủ làm cha mãn nguyện. Còn tìm được chân chúa thì còn chi quý hơn. Hào kiệt hẳn nhiên tài cán hơn người, dám làm chuyện ngăn sông lấp biển. Nhưng tài chưa đủ, chỉ có tấm lòng mới đáng quý. Đó là ý nghĩa tuyệt vời của chữ Tâm. Con hãy ghi nhớ.

Tôi tạ cha già, mang báu kiếm vào phương nam. Đến kinh đô Phú Xuân, tôi lưu lại hơn ba tuần trăng, ngày ngày lang thang hang cùng ngõ hẻm, mong tìm người đáng mặt trao kiếm. Nghe đồn cháu nội Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát là người tài đức, hiện ở tại Tĩnh Viễn Đường, căn nhà tĩnh lặng ven sông Hương. Đây là nơi tao nhân mặc khách thường lui tới thăm viếng, đàm đạo cùng chủ nhân. Tôi lần tới nhà, biết được đôi điều về ông. Ông tên là Nguyễn Phúc Dục, tính khí ngay thẳng, chẳng sợ uy quyền. Ông ngang nhiên chống lại Trương Phúc Loan nên bị y hạ ngục. Sau bị Loan bãi chức rồi cho về hưu. Từ đó chỉ vui với thơ văn, ông giỏi cả âm nhạc, làm ra cây đàn bầu gọi là Nam cầm, gửi tâm sự vào những âm thanh nào nùng ai oán. Nhận thấy Phúc Dục không phải người có chí lớn, tôi mang báu kiếm vượt Hải Vân Sơn vào

địa phận Quảng Nam. Đến huyện Hòa Vang, tôi gặp tay tráng sĩ quyền cước tuyệt vời, lại có tài bắn cung “bách bộ xuyên dương”. Lòng mừng khắp khởi tưởng gặp trang hào kiệt, tôi theo tráng sĩ vào quán rượu bên đường. Quán đang đông khách, thấy tráng sĩ bước vào nhiều người đứng dậy niềm nở chào hỏi, có người lại mời tráng sĩ uống rượu. Trong lúc cao hứng, tráng sĩ biểu diễn võ công thâm hậu, y lấy một chiếc đĩa sành đập vỡ đôi, chỉ với nửa chiếc đĩa sành trong tay, y dùng sức mạnh chặt đứt đầu một con chó. Ai nấy thán phục. Tôi nhìn y, hai tay bê vết máu, máu bắn dính cả trên ngực áo. Y cười khoái trá, đôi mắt lộ hung quang như bắn ra những tia máu đỏ ngời. Tôi đánh giá y chỉ là kẻ vũ phu khát máu, y là võ quan đang chỉ huy toán vệ binh năm mươi người tại huyện. Sau tôi có tìm gặp thêm đôi người, nhưng chẳng có ai xứng để trao kiếm.

Tôi tiếp tục cuộc hành trình vào Qui Nhơn, vùng đất của những tay võ nghệ cao cường, hy vọng đạt ý nguyện. Nghe đồn ông Hai Trầu là người giàu có, giỏi võ nghệ lại hào hiệp. Tôi giả làm khách thương lộ độ đường xin đến trú ngụ. Đây là lần đầu tiên gặp ông, nhận ra ông tướng mạo khôi vĩ. Sau khi nghe tôi ngỏ ý, ông vui vẻ nhận lời, không hề thắc mắc. Lại dành cho tôi chỗ ở, bữa ăn ngày nào cũng cá thịt. Trong nhà ông lúc đó có vào khoảng vài chục khách. Hỏi ra họ thuộc nhiều giới. Giới võ nghệ, giới buôn bán, giới vong mạng, lại có cả những người ông chưa hề quen, tôi đoán chừng họ là những người lợi dụng lòng tốt của ông đến ăn nhờ ở đậu qua ngày. Với tôi, thành phần này chẳng có gì đáng tin cậy. Điều ngạc nhiên là ông xử sự tốt với tất cả, ai cũng kính trọng ông. Chính tôi cũng thế.

Có lần được xem ông biểu diễn Mai Hoa Kiếm Pháp, đường kiếm điều luyện làm tôi càng thêm phục. Các tay cao thủ tôn

ông làm huynh trưởng. Ông quả là người tài năng, đặc nhân tâm.

Hơn mười ngày ở nhà ông, tôi thường dạo xem phong thủy. Được biết ngôi mộ cụ thân sinh của ông táng tại núi Ngang. Đứng từ đó nhìn thấy hòn Trung Sơn tại thôn Phú Lạc trông như tháp bút. Đối diện là Hội Sơn, trên núi có hồ nước lớn, trông tựa nghiêng mực, nước hồ không bao giờ cạn. Dưới chân núi Ngang lại có hai ngọn núi nhỏ tượng hình chuông trống, dân trong thôn thường gọi tên hòn Chung, hòn Cổ. Thôn Trinh Tường có rặng núi thấp dài như lưỡi gươm gọi là hòn Kiếm. Hòn ông Đốc mang dáng cạp gối. Giòng sông Côn uốn khúc tựa giao long.

Một vùng gồm đủ bút nghiêng chung cổ kiếm, lại có hồ phục thanh long quả là thế đặc địa.

Sau khi suy nghĩ kỹ, nhận ra võ nghệ của ông không nhường ai, ông giao du đặt nặng nghĩa tình, ông nói lời ngay thẳng chân thật vì tâm ông trong sáng, tôi quyết định tặng ông báu kiếm...”

Cầm thanh kiếm, lòng Nhạc băng khuâng. Nhạc không hiểu sẽ phải làm gì trước tấm lòng của khách. Thanh kiếm không lẽ được cất kỹ làm bảo vật, hoặc dùng như một loại vũ khí tầm thường? Nay nghe Giáo Hiến nói, Nhạc hiểu được điều ông đang kỳ vọng ở anh em mình. Nhạc không sợ hãi, Nhạc dám hành động, niềm tin thần quyền như kích thích thêm trong lòng Nhạc niềm kiêu hãnh dám nhận trách nhiệm cứu người lầm than. Nhưng biết bao trăn trở, công việc sẽ bắt đầu từ đâu, vào lúc nào?

Đêm hôm ấy Nhạc khó ngủ. Khi gà gáy sáng, Nhạc thức dậy chuẩn bị lên Tây Sơn thượng gom trầu. Những câu hỏi quanh quẩn, phải bắt đầu ra sao, rồi cách tiến hành mưu đại

cuộc. Vài ngày sau trở về, thấy trò lại tâm sự. Giáo Hiến nói:

- Ý người đã quyết?

- Tôi không sống hèn như cây cỏ. Tôi từng gặp nhiều hạng người cao thấp sang hèn nên hiểu lòng dân. Nhưng thầy hẳn sẵn kế hoạch?

- Hẳn nhiên. Việc tiến hành đòi hỏi bí mật, kiên nhẫn. Dục tốc bất đạt, người luôn phải tâm niệm. Trước tiên phải chiêu mộ người, lo dự trữ lương thảo. Phải làm sao che mắt được quan quân, chờ thời cơ thuận lợi sẽ khởi sự. Cách làm kín đáo nhất, ta hãy giao cho Nguyễn Huệ công tác khẩn hoang tại Tây Sơn thượng, tuyển mộ phu trồng cây lương thực, làm sao cho bọn họ dần dần trở thành tay chân thủ hạ của ta. Phần ta sẽ đến ấp An Thái mở trường dạy học, vừa nghe ngóng tình hình, vừa tuyển mộ hào kiệt. Còn người, ta nghe phủ đang cần người làm chân Biện Lại coi việc thu thuế, tốt nhất người tạm nhận chức đó. Đây là cách ẩn thân khá an toàn để tiến hành công việc, tránh cặp mắt nghi ngờ của quan quân.

Kế hoạch xúc tiến tốt đẹp. Giáo Hiến thuyết phục hai tay hào phú là Nguyễn Thung và Huyền Kiều yểm trợ thêm lương thực nuôi nhân công trong giai đoạn đầu. Nhạc xin được chân Biện Lại. Chỉ sáu tháng, số nhân công tăng trên ngàn người, đa số nghèo khổ thiếu cơm áo. Bạn thân của Nhạc là Võ Xuân Hoài vào phụ cho Huệ, làm công tác vận động biến nhân công thành những nghĩa quân đầu tiên của lực lượng Tây Sơn. Nguyễn Lữ đang đi tu cũng trở về giúp Huệ lo việc huấn luyện quân. Các tay hào kiệt như Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng, Bùi Thị Xuân và nhiều người khác lần lượt vào Tây Sơn thượng đầu quân.

Năm Tân Mão 1771, Nam Hà lâm nạn đói. Nguyễn Nhạc một lần ra Quảng Nam chứng kiến hàng ngàn người, như những bóng ma thất thểu trên đường, họ đi tìm bất cứ thứ gì có thể ăn được rồi cuối cùng gục chết. Xác chết trẻ con cũng trở thành thực phẩm quý, người ta đói đến độ giết cả trẻ con ăn thịt không đợi đến khi chúng chết, vì nghĩ trước sau gì chúng cũng chẳng sống được, thà ăn lúc còn sống thịt ngon hơn. Nhạc nói với một người trong bọn: Hãy vào ấp Tây Sơn thượng sẽ có cơm ăn áo mặc. Thâm ý muốn chiêu mộ thêm quân cho Tây Sơn.

Người ta đồn nhau, lũ lượt kéo về phương nam tìm đất sống. Cả đoạn đường hàng trăm dặm ngập xác người, những kẻ không còn sức sống đi đến vùng mơ ước có miếng ăn. Mọi cảm phần đồn cả trên đầu Quốc Phó Trương Phúc Loan. Nhạc bàn với Giáo Hiến cho rằng thời cơ đã tới. Giáo Hiến nói phải.

Vụ thuế năm ấy, Nhạc gom hết tiền bạc, lúa gạo chuyển thẳng vào chiến khu.

Nguyễn Nhạc bỏ đi hàng tháng, người chỉ huy là Đốc Trưng Đằng mới phát giác. Đằng hoảng sợ báo cáo Tuần Phủ Qui Nhơn Nguyễn Khắc Tuyên: "*Tên Biện Lại Nguyễn Nhạc lấy tiền thu thuế đánh bạc thua hết đã bỏ trốn.*"

Nguyễn Nhạc vào Tây Sơn thượng bắt tay ngay vào việc hoàn chỉnh lực lượng chuẩn bị khởi nghĩa. Công việc rồi cũng bại lộ.

Mùa xuân năm Nhâm Thìn 1772, Tuần Phủ Qui Nhơn ra lệnh Tri Huyện Tuy Viễn tiến quân dẹp bọn giặc cướp Nguyễn Nhạc. Viên Tri Huyện đem vài trăm quân lên đường. Quân Nguyễn vừa đến chân đèo An Khê đã bị Trần Quang Diệu mai phục đánh tan tác tìm đường tháo chạy.

Sau chiến thắng đầu tiên, thanh thế Tây Sơn lớn như thổi. Nguyễn Nhạc công khai tổ chức những toán quân nhỏ hàng đêm tấn công các làng mạc lân cận. Quân Tây Sơn lấy của người giàu chia cho người nghèo, tiểu trừ bọn tham quan. Đám dân nghèo mến mộ theo Tây Sơn ngày càng đông, ước tính hàng vạn người. Tuần Phủ Tuyên cấp báo về kinh xin quân cứu viện. Trương Phúc Loan nhận tin giận lắm. Loan nói: Chỉ một tên Biện Lại thua bạc biển thủ công quỹ trốn đi làm loạn mà dẹp không yên lại còn đòi cứu viện.

Phúc Loan làm ngơ không lưu tâm. Coi Tây Sơn chỉ là đám giặc cướp tầm thường. Tuần Phủ Tuyên sợ hãi. Từ đó không dám tâu trình gì nữa dù trong lòng ngày càng lo sợ. Biết thế, Nguyễn Nhạc yên tâm xúc tiến chỉnh quân chuẩn bị đại cuộc ...

Những chuyện thần bí liên quan đến thủ lĩnh Tây Sơn Nguyễn Nhạc lan truyền trong dân gian, từ Qui Nhơn ra tận xứ Quảng. Có người xác quyết tận mắt nhìn thấy câu “*Tây Sơn Nguyễn Nhạc vì vương*” được khắc rõ trên những thân cổ thụ sâu trong vùng rừng núi. Người lại bảo có chứng kiến cảnh Nguyễn Nhạc nhận sắc mệnh, ấn kiếm của Ngọc Hoàng làm vua nước Nam. Dưới mắt người dân, quân Tây Sơn không phải là bọn trộm cướp tầm thường mà là những người thay trời hành đạo, cứu dân thoát cảnh lầm than cơ cực.

Không những người Kinh mà các sắc dân người Chăm, người Thượng cũng thần phục Tây Sơn. Từ trưởng Banard gọi Nhạc là “*vua Trời*”, ngưỡng mộ gả cho Nhạc cô con gái duy nhất. Quân Tây Sơn gọi bà là Cô Hầu.

Cô Hầu đảm đang giúp chồng đốc lực trong việc phá nường đốt rẫy. Vùng đồng lúa mênh mông do bà cai quản được dân đặt tên “*Đồng Cô Hầu*”. Nữ chúa Chiêm Thành là Thị Hỏa kéo quân đóng tại huyện Thạch Thành yểm trợ cho quân Tây Sơn.

Nhận ra Tây Sơn trung, vùng sơn cước từ chân đèo An Khê kéo về phía đông Hữu, Tả Giang là vùng hiểm trở, có cái thế “*bách nhị sơn hà*”, có nghĩa hai người dựa thế núi có thể chống lại trăm người. Phía nam có ngọn núi cao cây cối rậm rạp địa thế hung hiểm. Nhạc quyết định dời bản doanh về vùng này trấn giữ ngọn núi. Về sau dân gọi là “*Núi Ông Nhạc*”. Nguyễn Huệ trấn ngọn núi phía bắc để yểm trợ khi nguy cấp. Để tiện việc điều binh, Nhạc dùng tiếng trống.

Nguyên có lần được nghe người họ Nguyễn thuộc thôn Kiên Mỹ đánh trống. Nguyễn Nhạc thích lắm, cho là kỳ tài. Người này đánh trống như đi quyền, tập trung hết thần khí vào giàn trống gồm mười hai cái to nhỏ đặt tên theo các con giáp. Mỗi điệu trống đều có tên riêng. Trống xuất quân hào hùng, điệu hãm thành dồn dập, thôi thúc vang rền như đàn lữ tiếng quân reo ngựa hí, điệu khải hoàn tưng bừng, vui tươi náo nức lòng người.

Nguyễn Nhạc nghe tiếng trống thấy lòng rạo rực, như đang chiến đấu giữa sa trường với hàng hàng lớp lớp tướng sĩ.

Mùa đông năm ấy trời lạnh hơn mọi năm. Ban đêm quân sĩ tụ tập sưởi ấm quanh những đống lửa chuyện trò. Cái lạnh giá, cái cô liêu của núi rừng u tịch thường gợi lòng người bao nỗi nhớ, nhất là những kẻ tha hương vẫn hằng mong có ngày về cố quận. Võ Xuân Hoài bàn với Nguyễn Nhạc:

- Qua mùa đông, ông nên khởi binh là vừa. Tôi nghĩ quân đông, khí thế đang lên, để lâu không lợi. Nhất là lương thực, miệng ăn núi lở.

Nhạc trả lời:

- Tôi cũng nghĩ như ông. Theo ông, ta nên lấy danh nghĩa nào? Sẽ đánh đâu trước?

- Nay lòng người hướng về ta chưa nhiều, chỉ mới từ Qui Nhơn ra đến Quảng. Muốn thu phục đa số, ta nên lấy danh nghĩa tôn phò Hoàng Tôn Nguyễn Phúc Dương, diệt Trương Phúc Loan. Nhân dân oán ghét Định Vương mà chỉ mến mộ Hoàng Tôn Dương, triều thần cũng thế, ta nên lợi dụng tiếng tăm của y. Chuyện khác không kém quan trọng. Ta phải tổ chức lực lượng quy củ. Ý tôi muốn nói ông phải xưng tước hiệu cho chính danh, đồng thời phong chức tước, có văn quan, có võ quan, đặt người vào đúng vị trí để họ có trách nhiệm, dễ dàng điều binh, quân lệnh nghiêm minh, có công thưởng, có tội phạt. Ta phải đặt nặng vấn đề vì một số đông võ tướng và quân sĩ của ta xuất thân từ giới lục lâm thảo khấu, quen khuấy nước chọc trời.

Nhạc suy nghĩ cho là phải. Nhạc nói:

- Đặt chức tước là cần, nhưng phải giản dị. Ta không cần bắt chước ông vua ông chúa nào. Lúc nào tôi cũng coi mọi người như anh em một nhà đồng lao cộng khổ.

Mùa xuân năm Quý Tỵ 1773, Nguyễn Nhạc tự xưng là Tây Sơn Vương, phong Nguyễn Lữ làm Tán Tương Quân Vụ lo lương thảo. Nguyễn Huệ làm Đại Tổng Quản chỉ huy doanh trại. Võ Xuân Hoài làm Hiệp Biện Đại Học Sĩ, Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân.... được phong đô đốc. Số còn lại được phong đề đốc...Nhóm chỉ huy gồm mười tám người cả văn lẫn võ, có cả các nữ tướng họp thành “ Tây Sơn Thập

Bát Cơ Thạch” là những người nòng cốt của lực lượng Tây Sơn lúc ban đầu.

Việc huấn luyện quân sĩ, Tây Sơn Vương dùng bài Hùng Kê Quyền do Nguyễn Lữ dày công nghiên cứu sáng tạo ra.

Nguyễn Lữ thích xem chọi gà. Lữ thấy một con gà con đá thắng con gà có sức vóc lớn hơn, nghĩ ra thế võ lấy yếu thắng mạnh, lấy nhu thắng cương...Cũng từ con gà lớn, Lữ tạo những thế đánh công phá. Do vậy, Hùng Kê Quyền có những miếng luôn lách tránh đòn, những cú đánh chắc, hung hiểm kết thúc vô cùng lợi hại.

Có lần, một thiền sư cũng là đại võ sư từ Phúc Kiến đến Qui Nhơn thách đấu với Lữ. Thiền sư ngạo mạn nói: Đến như cạp beo còn chưa dám xưng hùng, huống nữa là kê...

Trận đấu giữa thiền sư và Nguyễn Lữ kéo dài đến gần một khắc. Lữ dùng đòn hiểm đánh trọng thương đại võ sư nam phái Thiếu Lâm làm giới giang hồ nể mặt.

Mùa thu năm ấy, đại quân Tây Sơn khởi binh. Đạo quân thứ nhất do Tây Sơn Vương đích thân chỉ huy tiến đánh huyện Tuy Viễn. Chỉ trong buổi sáng quân Tây Sơn chiếm xong huyện. Dân chúng vui mừng mang thực phẩm khao quân. Hai đầu lãnh thảo khấu vùng núi An Tượng là Nhưng Huy và Tư Linh xin về hàng phục.

Đạo quân thứ hai do Đô Đốc Trần Quang Diệu và Phó Đô Đốc Võ Văn Dũng chỉ huy chiếm hai huyện Bồng Sơn và Phù Ly dễ dàng, không bị thiệt hại nào vì quân Nguyễn nghe quân Tây Sơn kéo đến đã bỏ chạy. Tây Sơn Vương tăng cường cho Diệu thêm quân lương, cử Nguyễn Lữ theo trợ chiến, ra lệnh nam tiến chiếm cứ Phú Yên, Diên Khánh rồi Bình Thuận.

Phần Nguyễn Nhạc trực tiếp chỉ huy tấn công bao vây Qui Nhơn. Muốn thử sức toán quân mới hàng phục, Tây Sơn

Vương ra lệnh Nhưng Huy và Tư Linh làm tiền phong chỉ huy công thành.

Thành Qui Nhơn tức thành Đồ Bàn, vốn là kinh đô Chiêm Thành cũ. Thành xây bằng đá tổ ong rất kiên cố nằm trên vùng đất cao có hào bao bọc. Tuần Phủ Nguyễn Khắc Tuyên đóng cửa thành cố thủ không dám giao chiến. Quân Tây Sơn công thành, quân Nguyễn bắn cung tên, ném đá...

Sau ba ngày không hạ nổi thành, Nhạc nói với Nguyễn Thung: Công thành là hạ kế, tôi ra lệnh đánh là muốn thử sức bọn lính mới. Ta hãy tạm lui binh ém quân vào rừng, tôi đã có kế lấy Qui Nhơn.

Nói xong ra lệnh lui binh.

Thấy Tây Sơn rút binh, Tuần Phủ Tuyên chưa lường giá được tình hình. Tuyên đoán Tây Sơn không đánh được thành nên rút lui về căn cứ.

Vài ngày sau, tin đồn lan khắp: Nguyễn Nhạc đã bị quân Nguyễn phục kích bắt sống khi rút lui. Đây là sự thật. Ngay chiều hôm đó, khi trời mờ tối, người ta thấy Nguyễn Nhạc bị trói nằm trong cũi do đám quân sĩ hộ tống đưa vào thành. Dân chúng đổ xô ra xem chật ních đường phố. Có người cảm thương anh hùng mất vận, hùm thiêng sa cơ.

Cửa thành mở rộng. Tuần Phủ Tuyên đứng trên thành hoan hỉ đã bắt được tên tội phạm nguy hiểm, gỡ mối lo canh cánh bên lòng.

Bỗng tiếng pháo nổ vang, quân Tây Sơn trà trộn trong dân reo hò tiến vào thành như thác lũ. Nguyễn Nhạc ra khỏi cũi cười bạch mã chỉ huy cuộc tấn công chiếm thành.

Biết mình trúng kế, Tuần Phủ Tuyên lên ngựa đào thoát.

Lá cờ mang chữ Tây Sơn Vương phất phới tung bay. Qui Nhơn thất thủ. Dân hoan hỉ khi Tây Sơn Vương ra lệnh bãi bỏ nhiều thứ thuế, lại giảm một nửa thuế điền thổ.

Dành vài ngày ổn định tình hình, quân Tây Sơn tiến đánh Quảng Ngãi, dừng quân tại bờ nam sông Trà Khúc. Bọn cướp biển người Quảng Đông thường quấy phá vùng Quảng Nam nay kéo về hàng phục Tây Sơn. Hai thủ lĩnh Tập Đình, Lý Tài được nhận chức tiền phong.

Đám quân người Tàu gồm những người lực lưỡng, khi xung trận thường uống rượu, mình trần, đầu quấn khăn đỏ, cổ đeo bùa, xử dụng khiên và đại đao, chiến đấu hung hãn.

Có thêm quân, Tây Sơn Vương xua quân chiếm Quảng Ngãi. Toán năm ngàn quân Nguyễn cứu viện do Tiết Chế Tôn Thất Hương chỉ huy bị phục binh Tây Sơn phá vỡ tại núi Bích Khê. Tiết Chế Hương và bộ chỉ huy bị Tập Đình Lý Tài giết chết.

Tây Sơn chiếm xong Quảng Nam, một mặt chuyển hết cửa cải lấy được về Qui Nhơn, mặt khác cho phòng thủ các nơi hiểm yếu. Nhạc nói với tướng sĩ: Ta chiếm xứ Quảng, triều đình Phú Xuân bị nghẹt cổ họng vì tắc đường chuyển lương thực, thế nào cũng tìm cách chiếm lại. Phải thắng trận này mới có cơ bắt được Trương Phúc Loan.

Tin Quảng Nam thất thủ làm Phú Xuân kinh hoàng. Nhiều võ tướng hối lộ để khỏi ra trận. Định Vương bối rối không biết chỉ định ai cầm quân đối địch. Sau cùng, Trương Phúc Loan cử Quận Công Tôn Thất Thăng đem một vạn quân vào Quảng Nam.

Nghe tin Thăng chỉ huy, Nguyễn Nhạc cười ngất nói với Nguyễn Thung:

- Vận Nguyễn mặt mới đề cử tên này cầm quân. Thăng là tay chân thân tín của Loan, cháu nội Quốc Chúa Nguyễn Phúc Chu. Thăng bắt tài hèn hạ. Hấn đến đây, nếu qui hàng ta tha, bằng kháng cự chỉ cần một trận thì Thất Thăng sẽ kêu thất thanh tức khắc.

Thung nghe cả cười. Hai người bày rượu uống đến khuya mới nghỉ.

Mùa xuân năm Giáp Ngọ 1774, Nhạc nhận tin Tôn Thất Thăng dẫn quân đi chinh phạt nhưng dọc đường bỏ trốn mất. Định Vương cử Tiết Chế Nguyễn Cửu Thống thay thế đem quân tiếp tục vượt Hải Vân Sơn vào Quảng Nam. Nguyễn Nhạc nhử quân Nguyễn vào sâu đến Phố Hội mới tổ chức phản công cả hai mặt thủy bộ. Quân Nguyễn bị phá vỡ hoàn toàn, Tiết Chế Thống dẫn khoảng ngàn tàn quân tháo chạy thoát ra khơi về lại Phú Xuân.

Trong cơn bối rối, vận may lại đến như liều thuốc bổ giúp Phú Xuân vững lại tinh thần. Định Vương vừa nhận tin chiến thắng từ mặt trận phía nam. Kinh Quận Công Tống Phúc Hợp chỉ huy quân Nguyễn đã chiếm lại Bình Thuận, Diên Khánh buộc Tây Sơn rơi vào thế phòng thủ. Có tin đoàn thuyền chuyển lương thực của Mạc Thiên Tứ từ Hà Tiên sắp về đến kinh thành càng làm chúa tôi nhà Nguyễn vững dạ. Phú Xuân đang thiếu lương trầm trọng.

Quân dò thám Tây Sơn nhận tin báo cáo với chủ tướng. Nhạc vội ra lệnh Nguyễn Lữ đem chiến thuyền đợi sẵn ngoài khơi Qui Nhơn. Quân Nguyễn không phòng bị để mất hàng trăm thuyền lương vào tay địch.

Ở vào thế không còn chần chờ được. Cuối tháng bảy, Định Vương thân chinh dẫn quân tái chiếm Quảng Nam. Quân Nguyễn vào đến Tư Dung, Định Vương phải gấp rút trở lại kinh thành vì nhận tin đại quân Trịnh do Việp Quận Công Hoàng Ngũ Phúc đang trên đường nam tiến. Du Quận Công Nguyễn Cửu Dật thay Định Vương nắm quyền quyền chỉ huy.

Thấy thế quân Tây Sơn rất mạnh, Dật khôn ngoan không dàn trận lớn, chia quân thành nhiều toán nhỏ, tổ chức đột

kích bất ngờ đẩy quân Tây Sơn vào thế bị động. Toán quân người Tàu của Tập Đình và Lý Tài thua trận liên tiếp. Giữa mùa đông, quân Tây Sơn bị đẩy lùi khỏi Quảng Nam, Nguyễn Nhạc cho rút quân lập phòng tuyến tại Châu Ổ, Quảng Ngãi.

Tại Bắc Hà, Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm được báo cáo đầy đủ về tình hình Nam Hà. Vốn giàu tham vọng, chúa hoan hỉ triệu tập quần thần hội nghị. Chúa nói:

- Cuộc chiến giữa ta và họ Nguyễn ngừng cho đến nay tính đã trăm năm. Chẳng phải các tiên chúa hủy hẳn cuộc chinh phạt Nam Hà, nhưng vì nghĩ chưa có lợi nên không động binh. Nay Phú Xuân rối loạn, quyền thần Trương Phúc Loan gian tham tàn ác, Nguyễn Phúc Thuần nhu nhược phó mặc việc triều chính cho Loan. Lê dân căm phẫn vì mất mùa đói khổ. Bọn giặc cướp Tây Sơn thừa cơ dấy loạn đang tiến quân ra Quảng Nam. Đây là cơ hội nghìn năm để ta động binh diệt Nguyễn, lấy danh nghĩa diệt loạn thần.

Quần thần cho là phải. Chúa phong Việp Quận Công Hoàng Ngũ Phúc làm Bình Nam Đại Tướng, các võ tướng danh tiếng Bắc Hà như Hoàng Đình Bảo, Hoàng Phùng Cơ, Hoàng Đình Thế, Nguyễn Hữu Chỉnh có mặt trong đoàn quân chinh phạt.

Tháng chín năm Giáp Ngọ 1774, quân Trịnh vượt sông Gianh. Bắc quân dễ dàng chiếm các lũy Trường Dục, lũy Thầy tiến vào Ái Tử. Quân Nguyễn hầu như chỉ đầu hàng hoặc bỏ chạy. Hoàng Ngũ Phúc sai Nguyễn Hữu Chỉnh phổ biến bài hịch kể tội Quốc Phó Loan:

"...Tả Tướng Trương Phúc Loan là người tiểu khí tà tâm, chuyên dùng kẻ gian nịnh hãm hại người trung lương, ly cật

gián thân, giết kẻ này lập kẻ khác. Hắn chẳng khác giống sài lang, thích điều cay việc độc, lấy thuế dân nặng như hút máu mủ, bớt lương lính như nhổ răng nhổ móng, cách cai trị nguy cấp như lửa cháy lông mày, các hình phạt thêm độc như chọc thủng con người. Lòng dân hận oán ngút trời khiến quân Tây Sơn kết tụ bọn gian manh làm đồ đảng, đông như ong kiến, lùng chạy khắp chốn như sói beo, chiếm cứ Quảng Nam.

Vậy muốn cho dân sống lại. Ta vâng mệnh chúa Tĩnh Đô Vương cất quân dẹp loạn tặc, khử cường thần, duy trì việc tế tự Tiên Vương. Vì nghĩa cứu nguy tuyệt không có ý thừa lúc gian nan mà lợi dụng."

Cuối tháng mười, Phúc cho người mang tối hậu thư vào Phú Xuân buộc Định Vương đầu hàng và giao nộp Trương Phúc Loan.

Nhận thư, Định Vương khiếp hãi ý muốn đầu hàng để bảo toàn mạng sống. Chúa cùng các hoàng thân và một số thân tín mật nghị. Chúa nói:

- Nay quân Trịnh đã vào Ái Tử, thế mạnh như vỡ đê. Ta chống nó chẳng khác lấy trứng chọi đá. Ta lại nghe tin đích thân Trịnh Sâm cầm quân chuẩn bị vào nam tiếp ứng. Ý ta muốn hàng Trịnh để giữ lấy cơ đồ rồi sau sẽ liệu cách ứng phó.

Các Hoàng Thân Tôn Thất Thiệp, Tôn Thất Chất, Tôn Thất Dinh phản đối quyết liệt. Thiệp nói:

- Ý đồ chính của họ Trịnh là chiếm Nam Hà. Nay ta làm theo ý nó chẳng khác chỉ cho chân vào bẫy, đưa đầu cho chém, tự động mở cửa rước sói vào nhà, lúc chết còn mất nào nhìn tiên chúa nơi chín suối. Thiệp này hèn xin quyết một trận tử chiến, dầu nát thân cũng ngậm cười.

Hai tướng Võ Di Nguy, Đỗ Thành Nhân thể quyết bảo vệ chúa đến giọt máu cuối cùng. Tôn Thất Chất bàn:

- Phúc Loan chính là đầu mối loạn, đây là cơ hội tốt ta nhờ tay Trịnh diệt nó. Vậy ta lập mưu bắt nó giao cho Trịnh, lại tặng thêm vàng bạc, coi như thỏa mãn yêu sách. Nếu Trịnh quyết đánh, ta chống. Giang san họ Nguyễn vẫn còn từ Phú Yên trở vào nam, vùng này đất đai mầu mỡ trù phú, dân còn hàm ân tổ tiên ta mở đất gây dựng cho họ. Dầu ta bỏ mất Phú Xuân, Trịnh sẽ phải đối đầu với Tây Sơn. Hai cọng tranh nhau, ta ở phía nam tọa sơn quan hổ đấu, chờ cơ hội tào động lại cơ đồ.

Mọi người cho là diệu kế.

Cuối cùng Trương Phúc Loan bị bắt giải sang Trịnh. Định Vương còn tặng quân Trịnh bảy trăm lượng vàng và nhiều phẩm vật khác, yêu cầu Trịnh lui binh.

Hoàng Ngũ Phúc nhận tặng vật xong trả lời sứ giả: Tuy đã bắt được Loan nhưng Tây Sơn chưa diệt. Ta sẽ tiến vào Phú Xuân hợp với quân Nguyễn chinh phạt Tây Sơn.

Quân Trịnh tiếp tục tiến. Tướng Nguyễn Tôn Thất Thiệp đem năm trăm quân và hai mươi thớt voi chặn tại phá Tam Giang. Quân Nguyễn đại bại. Ngày hai mươi bảy tháng chạp năm Giáp Ngọ 1774, tướng tiên phong Trịnh là Hoàng Phùng Cơ đem đại binh vào Phú Xuân. Chúa tôi nhà Nguyễn dùng đường biển thoát chạy vào Cửa Hàn, Quảng Nam. Ngồi trong thuyền, Định Vương than vắn than dài, có khi rơi lệ. Ở đầu thuyền, thiếu niên khoảng mười bốn, mười lăm ngồi yên như tượng, nét căm hận lóe trong ánh mắt. Đó là Nguyễn Phúc Ánh, cháu nội Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát, con trai Nguyễn Phúc Luân, người bị Phúc Loan ám hại đã bỏ mình.

Tại Quảng Ngãi, quân Nguyễn hoang mang vì nghe tin quân Trịnh đang tiến đánh Phú Xuân. Lợi dụng cơ hội, Tây Sơn tổ chức phản công. Hai tướng Tập Đình Lý Tài theo đường thủy tiến ra cửa Hàn, Nguyễn Nhạc chỉ huy bộ binh.

Quân Nguyễn lùi dần. Nguyễn Cửu Dật kéo quân về cửa Hàn gặp Định Vương. Tình hình nguy ngập. Định Vương theo đề nghị của quần thần chính thức phong Hoàng tôn Nguyễn Phúc Dương làm Đông Cung, truyền ở lại Quảng Nam đối địch. Chúa và một số cận thần xuống thuyền chạy vào Gia Định.

Nghe tin Đông Cung Dương ở lại, Nguyễn Nhạc mừng lắm. Nhạc đã nghĩ ra kế lợi dụng danh nghĩa Đông Cung như lá bài chiến lược quan trọng trong sự nghiệp của mình. Nhạc ra lệnh hai tướng Tàu vây chặt các đường rút quân của địch. Cuối cùng Đông Cung bị bắt. Nhạc sai thủ hạ bí mật đem Đông Cung về giam lỏng tại Qui Nhơn.

Phần quân Trịnh sau khi chiếm Phú Xuân, Hoàng Ngũ Phúc chiêu an dân chúng nhưng không quên chuyên chở hết tài sản đoạt được của chúa Nguyễn ra bắc. Phúc nhận lệnh chúa Trịnh chuẩn bị tiến chiếm Quảng Nam. Quân Tây Sơn ở thế chuẩn bị đối đầu. Nhạc bàn với Nguyễn Thung:

- Thế quân Trịnh vừa đông lại mạnh. Ngũ Phúc là danh tướng. Dưới tay hắn còn bọn Bảo, Cơ không phải tầm thường. Tôi lại nghe Trung quân có Nguyễn Hữu Chỉnh là tay mưu lược. Trịnh vào Phú Xuân dễ dàng như trở tay. Theo ông, ta nên đối phó cách nào?

- Bắc Hà lương thảo không dồi dào, Quảng Nam chẳng khá gì hơn. Theo tôi cứ để địch vào, ta giữ các nơi hiểm yếu, tránh tác chiến, lại tìm cách thu trước lương thực không cho địch chiếm, dùng khinh binh cắt đường vận lương. Tôi tin quân Trịnh không dám ở lâu, sẽ tìm cách rút.

- Tôi cũng nghĩ như ông, nhưng bước đầu nên đánh một trận để thử sức quân địch. Sau đó ta rút nhưng cho bọn Lý Tài luôn ẩn nấp quấy phá gây cho địch hoang mang sợ hãi. Chủ đích của tôi vẫn là hòa Trịnh diệt Nguyễn. Ta tìm cách

giao hảo, nếu Trịnh rút quân thì tốt, bằng không ta sẵn sàng có cách đánh tan địch.

Nhạc ra lệnh Tập Đình làm tiên phong dẫn quân ngăn địch tại cửa Hàn. Nhạc nói:

- Người ra quân trận đầu phải đánh lấy thắng cướp tinh thần quân địch. Không làm được là phạm quân lệnh.

Nguyên đám quân Tập Đình quen thói vô kỷ luật, hay sách nhiễu làm mất lòng dân. Nhạc muốn nhân cơ hội này trừ khử.

Toán tiên phong Trịnh do Hoàng Phùng Cơ chỉ huy tiến vào cửa Hàn gặp quân Tập Đình. Quân Tập Đình đổ ra đánh rất hăng. Lần đầu tiên gặp đội quân kỳ lạ, mình trần, quần khăn đỏ, đeo bùa ngãi...quân Trịnh nao núng. May viện binh kịp đến làm gọng kìm tiến đánh, quân Tập Đình rút chạy ra biển. Tập Đình xuống thuyền chạy về Quảng Đông. Nguyễn Nhạc theo đúng kế hoạch từ từ rút quân về Châu Ổ, Quảng Ngãi lập phòng tuyến. Quân Trịnh tiến chậm vì bị toán quân Lý Tài bám sát quấy phá. Đến Quảng Ngãi, Hoàng Ngũ Phúc ra lệnh dừng quân. Quân Tây Sơn mở cờ gióng trống, dàn thế trận giữ các cao điểm như sẵn sàng nghênh chiến. Ngũ Phúc hỏi Nguyễn Hữu Chỉnh:

- Theo người, Nguyễn Nhạc tính kế gì?

Chỉnh đáp:

- Nhạc rút khỏi Quảng Nam là ý muốn dụ quân ta vào sâu, sau đó tìm cách cắt đường chuyển lương thực buộc ta rút quân. Theo tiểu tướng, hắn mới cầm quân nên cẩn thận, vẫn sợ thế mạnh của quân ta. Hơn nữa, quân Nguyễn ở phía nam vẫn bảo toàn lực lượng sẵn sàng tấn công Qui Nhơn, ý Nguyễn Nhạc muốn hòa hơn chiến.

- Nếu ta quyết chiến?

- Ta đánh buộc hẳn phải kháng cự. Nhạc là tay đa mưu túc kế, Thượng Công thấy hẳn dùng kế chiếm Qui Nhơn dễ dàng. Dưới tay hẳn hiện có trên hai vạn quân, thủ hạ nhiều tay võ nghệ cao cường. Ta đánh sẽ ở vào thế bất lợi vì phải giao tranh trên đất địch, dân vùng này lại ủng hộ hẳn. Chi bằng ta làm nghi binh, giả như sắp tấn công, lại loan tin quân tiếp viện đang từ Bắc Hà tiến vào dò xem phản ứng hẳn thế nào.

Ngũ Phúc cho là phải, ra lệnh bố phòng cẩn mật, chỉnh đốn đội ngũ.

Bấy giờ trời nắng gắt. Những cơn gió tây thổi mang theo cả cái nóng oi bức của núi rừng Nam Lào. Quân Trịnh bắt đầu nhiễm bệnh thời khí. Xuân Quận Công Nguyễn Nghiễm bệnh nặng phải chuyển gấp về bắc đã từ trần trên đường ra Phú Xuân.

Tại mặt trận phía nam, Tiết Chế Tổng Phúc Hợp tập trung một vạn quân đánh chiếm Phú Yên. Nhạc lo sợ mật lệnh cho Nguyễn Huệ đem quân đoàn trên vạn người từ hậu cứ Tây Sơn thượng xuống giữ thành Qui Nhơn. Trước tình hình cấp bách, Nhạc cử Học Sĩ Phan Văn Tuế mang lễ vật và thư sang gặp Việp Quận Công Hoàng Ngũ Phúc xin cầu hòa. Trong thư, Nhạc nói mình chỉ là người dân áo vải, vì bị ức hiếp buộc phải tìm đường sống bằng cách khởi nghĩa diệt loạn thần Trương Phúc Loan, thâm tâm vẫn muốn tôn phù nhà Lê. Nhạc tình nguyện làm bề tôi vua Lê ra sức diệt họ Nguyễn.

Hoàng Ngũ Phúc tiếp sứ giả Tây Sơn tử tế. Tuy thâm tâm muốn hòa, thu dụng Tây Sơn để thêm vây cánh đánh Nguyễn nhưng Phúc giữ thể diện, hẹn sứ giả tháng sau sẽ trả lời vì còn chờ lệnh Bắc Hà.

Nguyễn Nhạc trở về Qui Nhơn gặp Huệ. Huệ nói:

- Từ ngày khởi nghĩa, anh giao đệ nhiệm vụ giữ hậu cứ. Đành rằng đó là việc trọng yếu nhưng đệ nghĩ, bao năm rèn luyện võ nghệ, nghiên cứu binh thư đồ trận, nay cứ ở mãi đất này thì sức cũng mỏi, trí cũng cùn. Nay quân Nguyễn đã chiếm Phú Yên, anh cho đệ cầm quân chỉ huy giết giặc lập công. Làm được điều đó thì tướng sĩ cũng kính phục, lại chia sẻ với anh trách nhiệm ngoài chiến trường đồng lao cộng khổ. Đó là ước vọng của đệ.

Nhạc vỗ về:

- Tôi vẫn biết tài chú. Nhưng trước khi giao trọng trách, tôi phải tạo cho chú những thuận lợi, sau đó chú xuất quân mới nắm chắc phần thắng.

Thi hành kế hoạch, một mặt Nhạc bắn tin cho Tổng Phúc Hợp biết Đông Cung Dương hiện ở trong thành Qui Nhơn, một mặt Nhạc nói với Đông Cung:

- Mục đích anh em chúng tôi chỉ là diệt loạn thần và tôn phù Đông Cung vì nghĩ Định Vương nhu nhược, thiếu quyết đoán, không xứng ngôi vương. Nay quân Trịnh đã tiến đến Quảng Ngãi. Định Vương trốn chạy. Xin Đông Cung cho gọi Tổng Phúc Hợp về Qui Nhơn để chúng tôi cùng hợp sức cho rõ cái nghĩa tôn phù, trấn an dân chúng.

Đông Cung hiểu rõ thân phận mình chỉ là tên tù giam lỏng, làm vẻ vui nhận lời.

Nhạc biên thư cho Hợp nói rõ ý định của Đông Cung. Hợp nhận thư lòng rối rắm, không biết xử trí ra sao vì Đông Cung hiện trong tay Nhạc, nếu động binh sẽ nguy hiểm đến tính mạng Đông Cung. Cuối cùng, Hợp hẹn sẽ cho người ra Qui Nhơn thương nghị.

Để củng cố lòng tin của Hợp, Nhạc gả con gái của mình là Thọ Hương cho Đông Cung. Nhạc nói: Đông Cung ở một

mình cũng buồn. Nếu ngài không chê phận hèn, con gái tôi là Thọ Hương sẽ tình nguyện nâng khăn sửa túi hầu hạ ngài.

Mọi việc xong, Nhạc ra lệnh Nguyễn Huệ tấn công tái chiếm Phú Yên.

Bị đánh bất ngờ, Tống Phúc Hợp không kịp trở tay rút quân tháo chạy. Quân Tây Sơn hoàn toàn kiểm soát Phú Yên. Nhạc hỏi Trần Quang Diệu:

- Huệ dụng binh ra sao?

Diệu trả lời:

- Huệ dụng binh thần tốc, bí mật, kỷ luật nghiêm minh, dùng người đúng chỗ. Người thấp cầm giáo mác, cao cầm cung nỏ, mạnh cầm cờ xí, tiến thối nhất nhất, không do dự chần chừ. Huệ dùng cảm dẫn đầu xung trận nên tướng sĩ một lòng quyết thắng.

Nguyễn Nhạc nghe cả mừng, yên tâm lên đường ra Quảng Ngãi tiếp tục thương nghị với Trịnh.

Vừa đúng hẹn, Ngũ Phúc sai Nguyễn Hữu Chỉnh sang thương nghị với Nhạc. Gặp Chỉnh, Nhạc đơn đả:

- Nghe danh ông đã lâu nay có cơ gặp gỡ. Ông làm quân sư lại đỗ đến hương cống, sở học cao hơn các Đại Học Sĩ của tôi.

Chỉnh cười:

- Chữ nghĩa vốn quý nhưng chỉ là những điều cổ nhân truyền dạy. Xưa nay, bậc hào kiệt trên đời lập nên sự nghiệp không nhất thiết là người học rộng. Ví như Đinh Bộ Lĩnh khai sáng cơ nghiệp nhà Đinh chỉ là đứa trẻ chăn trâu, giồng họ Trần vốn dân chài lưới, như vua Lê Lợi chỉ là nông dân đất Thanh Hóa...

Nhạc nghe lấy làm vui, bày tiệc khoản đãi. Các tướng Tây Sơn cũng cùng dự tiệc. Chỉnh tỏ ra mến tính hào sảng của Nhạc.

Tiệc tan, Nhạc mời Chỉnh đi xem doanh trại, cách bố trí đội ngũ. Mục đích Nhạc muốn phô trương thanh thế. Chỉnh nhận ra Tây Sơn là lực lượng mạnh không phải tầm thường. Nhạc nói:

- Ông về thưa với Việp Quận Công, Nguyễn Nhạc hằng kính trọng ngài. Nay em tôi là Nguyễn Huệ cũng vừa chiếm xong Phú Yên, tôi xin dâng ba vùng Quảng Ngãi, Qui Nhơn, Phú Yên cho nhà Lê. Chỉ xin làm người lính tiền phong diệt Nguyễn.

Chỉnh trở về trình lại với Hoàng Ngũ Phúc. Chỉnh cũng không quên nói những nhận xét về Tây Sơn. Mấy hôm sau, Phúc sai Chỉnh đem ấn kiếm, sắc phong Nguyễn Nhạc làm Tráng Tiết Tướng Quân, Tây Sơn Hiệu Trưởng. Lại phong Nguyễn Huệ làm Tiền Phong Tướng Quân vì có công chiếm Phú Yên. Phúc lại dùng lời lẽ mềm mỏng phủ dụ Nguyễn Nhạc.

Mọi việc xong, quân Trịnh chuẩn bị rút về Phú Xuân.

Lợi dụng lúc Trịnh rút, đám tôn thất nhà Nguyễn lại đem quân quấy phá Quảng Nam. Phúc ra lệnh cho Huệ đánh dẹp. Chẳng bao lâu, Nguyễn Huệ kiểm soát được luôn Quảng Nam. Quân Trịnh chỉ còn giữ Thuận Hóa, từ Hải Vân Sơn trở ra bắc.

Trở lại Phú Xuân, Hoàng Ngũ Phúc tổ chức cách cai trị như Bắc Hà, lại dâng biểu tâu chúa Trịnh cẩn thận đề phòng Tây Sơn vì bọn này chỉ trá hàng. Ít lâu sau, Phúc bị bệnh rồi mất. Chúa Trịnh Sâm thương tiếc nói với quần thần: Việp Quận Công quả là bậc đại công thần, rường cột xã tắc, đến chết còn lo cho vận mệnh nước non.

Chúa truyền mang thi hài về mai táng tại quê nhà thuộc Kinh Bắc, lại truyền Ngô Thì Nhậm đọc diếu văn. Nhậm viết hai câu rất cảm động, mọi người đọc phải ngậm ngùi:

*Đông Hải mênh mông, nắm xương gửi quê người, dồn dập
lên đèn sóng gió.*

*Hoành Sơn hiu quạnh, mảnh hồn vương đất khách, héo
hôn thảm đạm cỏ hoa.*

Phía bắc đã yên, Nguyễn Nhạc tăng cường lực lượng thủy bộ lên đến trên mười hai vạn lính. Mở các cơ xưởng đúc súng theo cách của người Tây Phương, làm thêm các chiến thuyền lớn, mỗi chiếc trang bị nhiều súng đại bác có tầm bắn xa, công phá mạnh.

Tháng năm năm Bính Thân 1776, Nhạc ra lệnh Nguyễn Lữ chỉ huy thủy binh, danh tướng Tây Sơn Đô Đốc Phan Văn Lân làm phụ tá vào đánh Gia Định vì biết Định Vương đang đóng quân ở thành Sài Côn.

Lữ chiếm được Sài Côn đuổi Định Vương chạy xuống miền tây nam. Quân Tây Sơn tiếp tục truy kích. Định Vương phải nhờ các giáo sĩ Tây Phương mới thoát khỏi bị bắt.

Tuy thua trận nhưng lực lượng Nguyễn lại tập trung lại được. Các tướng Nguyễn là Đỗ Thành Nhân, Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt... tổ chức phản công đẩy lùi Tây Sơn. Thấy khó giữ Gia Định, Nguyễn Lữ dùng hai trăm chiến thuyền chở đầy lúa gạo cướp được rút binh về Qui Nhơn.

Mùa thu năm ấy, Đông Cung Dương lập mưu trốn thoát vào Gia Định. Nhạc chẳng mấy quan tâm vì lá bài Đông Cung đã cháy. Bọn Lý Tài đang trấn đóng Phú Yên cũng làm phản chạy vào nam theo chúa Nguyễn. Nhạc tự trách mình không biết người bằng Trần Quang Diệu. Diệu vẫn thường khuyên Nhạc không nên giao trọng trách cho Lý Tài vì biết Tài sẽ phản bội.

Đông Cung đi bỏ Thọ Hương ở lại. Trong hàng thủ hạ của Nhạc có Vũ Văn Nhậm. Nhậm vốn người Quảng Nam, làm võ quan tại huyện phạm tội giết người trốn theo Tây Sơn. Nhậm là tay võ nghệ giỏi, tài bắn cung vô địch, lại sống một mình. Nhạc gả Thọ Hương cho Nhậm. Nhạc nói với Nhậm: Trước ta đã gả Thọ Hương cho Đông Cung. Nhưng hấn ngu muội không biết thưởng thức đàn bà. Hương vẫn còn con gái, vẫn mới nguyên không phải của thừa. Nay ta mến tài ngươi nên nhận làm rể.

Nhậm bái tạ chủ tướng. Người con gái thứ của Nhạc là vợ Trương Văn Đa, con trai Giáo Hiến. Đa là người có tài kiêm văn võ được Nhạc quý mến.

Lý Tài vào Gia Định hợp với quân Tổng Phúc Hộ thành lực lượng lớn. Hợp chết, Tài nắm binh quyền nhưng đối chọi kịch liệt với Đỗ Thành Nhân. Quân Tài mạnh, Nhân chống không lại. Tài muốn tôn phù Đông Cung. Cuối cùng, Định Vương nhượng bộ giải hòa. Đông Cung Dương trở thành Tân Chính Vương, Định Vương lên làm Thái Thượng Vương.

Muốn dò xét Bắc Hà, mùa xuân năm Đinh Dậu 1777, Nguyễn Nhạc cử Võ Xuân Hoài ra Thăng Long dâng biểu xin vua Lê cho trấn thủ luôn Quảng Nam. Nhạc nói với Hoài:

- Công việc của ông chuyến này hệ trọng, xin chúc tước chỉ là phụ. Cái chính ông xem tình hình Bắc Hà xem họ có đủ mạnh đánh ta.

Nhận sổ của Nguyễn Nhạc, chúa Trịnh bàn với vua Lê Hiến Tôn cử Phan Huy Ích làm sứ thần vào nam phong Nhạc làm Trấn Thủ Quảng Nam tước Cung Quận Công. Hoài nói với Nhạc:

- Một tháng ở Bắc Hà, tôi biết rõ một số tình hình. Việc triều chính hoàn toàn do nhà chúa quyết định, vua Lê chỉ làm vùi. Triều thần chia rẽ vì một phe phò Trịnh Tông là con

trao trưởng nhà chúa, một phe ngã theo Đặng Thị Huệ muốn phế Tông lập Trịnh Cán là con của Thị Huệ. Lính Trịnh lâu ngày không chinh chiến bê trễ huấn luyện. Bên ngoài dân chúng ta thán vì mấy năm mất mùa, có nơi bị đói. Việc Bắc Hà nhanh chóng chấp thuận đề nghị của ta càng chứng tỏ thế lực của họ không đủ mạnh để ta lo ngại.

Nguyễn Nhạc tin tưởng lời nói của Võ Xuân Hoài, cho gọi hai em đến bàn việc. Nhạc nói:

- Mặt bắc kể như tạm yên, ta lo phía nam. Tôi nghe quân Nguyễn đã tập trung khá đông tại Gia Định, lại có sự chia rẽ trầm trọng giữa Lý Tài và Đỗ Thành Nhân. Đây là cơ hội tốt để ta thanh toán quân Nguyễn.

Nguyễn Huệ nói:

- Muốn nắm chắc phần thắng, ta mở nhiều mặt trận không cho quân Nguyễn tiếp cứu nhau. Để nắm thủy binh đánh thẳng vào Sài Côn diệt Lý Tài, sau đó sẽ đánh Đỗ Thành Nhân hiện đóng bản doanh tại Trấn Biên (Biên Hòa). Anh Tư (Lữ) sẽ đánh Diên Khánh và Bình Thuận.

Nguyễn Nhạc khen hay.

Cuối xuân, Nhạc cử Huệ thống lĩnh thủy binh, Trương Văn Đa làm Trung quân tiến vào nam. Lại cử Nguyễn Lữ, Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân đánh Diên Khánh và Bình Thuận.

Thủy binh Tây Sơn hạ thành Sài Côn. Lý Tài thất trận lui quân bị phục binh của Đỗ Thành Nhân giết chết. Cuối cùng, quân Nguyễn ở Trấn Biên cũng tan rã. Thái Thượng Vương rút chạy về Long Xuyên. Tây Sơn truy nã bắt sống Vương và Nguyễn Phúc Đồng, em ruột của Đồng là Nguyễn Phúc Ánh chạy thoát xuống vùng Cà Mau.

Tân Chính Vương sau khi thất trận tại Sài Côn bỏ chạy về Định Tường. Dần dần, các tướng Nguyễn bị Tây Sơn truy

kích tử trận khá nhiều. Tiết Chế Tổng Phúc Hòa tự sát. Trước tình thế bi đát, Tân Chính Vương nói với tướng sĩ: Thế giặc mạnh, ta không còn sức chống cự. Chi bằng chịu đầu hàng để cứu mạng quân dân. Vương cùng mười tám tướng ra đầu hàng. Trương Văn Đa đối xử tử tế, đem tất cả về Sài Côn.

Khoảng tháng chín, Nguyễn Huệ ra lệnh hạ sát cả hai vương và Phúc Đồng. Văn Đa được tin có ý trách. Đa nói với Huệ:

- Đông Cung Dương (tức Tân Chính Vương) đầu sao vẫn là rể nhà ta, lại tin ta mà hàng phục, cơ sao sát hại. Ta làm thế sau này khó thu phục kẻ khác.

Nguyễn Huệ nghiêm nghị trả lời:

- Làm cỏ chớ quên nhổ rễ. Làm việc lớn mà cứ bận tâm điều nhân nghĩa nhỏ nhen thì sẽ nuốt hận cay đắng suốt đời.

Văn Đa lặng yên.

Cánh quân Nguyễn Lữ cũng đạt chiến thắng. Quân Tây Sơn trở lại Qui Nhơn vào giữa mùa thu, để Trương Văn Đa ở lại trấn giữ Gia Định.

Chiến thắng làm Nguyễn Nhạc tự mãn. Nhạc nói với Hoài:

- Bọn Nguyễn kể như bị tận diệt, nay ta có thể yên tâm gối đầu cao mà ngủ. Mọi dự tính của ta thành công, ngang nhiên xưng hùng một cõi.

Thâm tâm Nguyễn Nhạc muốn xưng đế. Một hôm, Nhạc lại hỏi Xuân Hoài:

- Vua Lê Lợi thuở xưa, chỉ một lưỡi gươm diệt giặc dựng nước?

Hoài nói phải.

- Như Hán Cao Tổ cũng ba thước gươm mà dựng nghiệp?

Hoài đồng tình. Nhạc tiếp:

- Như đất Nam Hà, chúa Nguyễn nhu nhược, Phúc Loan ác nghiệt, dân ta thán nhưng chỉ biết cúi đầu chấp nhận thân phận yếu hèn. Nhạc chỉ là dân áo vải dám đứng lên đương đầu trừ gian diệt bạo cứu dân. Vậy Nguyễn Nhạc xứng để được chẳng?

Hoài trả lời:

- Ông can đảm thụ mệnh trời thế thiên hành đạo. Nay thay trời trị dân cũng là hợp lẽ.

Nguyễn Nhạc vui vẻ, truyền xúc tiến nhanh việc sửa sang lại thành Qui Nhơn cho xứng với qui mô quốc gia, xây đàn Nam Giao phía nam, lại sai Hoài nghiên cứu cách tổ chức triều chính và lễ nghi theo nghi vệ thiên tử.

Thường buổi tối, Nhạc cùng Hoài đối ẩm. Nhạc muốn Hoài kể cho nghe chuyện cung đình vua chúa, Nhạc bảo: Hỏi cho biết cách làm vua kẻ mang tiếng thiên hạ chê cười.

Nhân có tên thái giám phục vụ trong cung cấm vua Thanh Càn Long, vì bị tội trốn sang làm nghề buôn ở Qui Nhơn, Nguyễn Nhạc gọi vào hỏi chuyện. Nhạc hỏi:

- Thái giám là chức chi?

Viên thái giám cung kính trả lời:

- Bẩm đại quan, thái giám là những người hầu cận, phục dịch trong cung. Họ đều bị thiến dịch hoàn, không làm được việc tình ái. Đó là loại người “lục căn không toàn vẹn”, mặt mũi nhẵn nhụi không râu, yết hầu không nổi lên, nói tiếng như đàn bà ...cứ cung hầu hạ vua, lại không gây phiền phức cho các cung nữ.

Nhạc cười:

- Thì ra thái giám chẳng phải ông lẫn bà. Vậy trong cung có mấy thái giám?

- Trong cung Hoàng Đế nước tôi là Càn Long, số thái giám ước tới trên hai ngàn...

- Vậy Càn Long hẳn nhiều vợ?

- Không kể xiết, những bà vợ chính đều có chức vị. Nào là Hoàng hậu, Quý phi, Tần phi, Trang phi, Cẩn phi, Trân phi... Rồi cơ man cung nữ. Tôi đoán hàng ngàn.

Nhạc nghe lắc đầu. Thái giám tiếp:

- Như thế còn ít, cuối thời nhà Minh, vua có tới chín ngàn cung nữ phục dịch.

- Đông gái quá chơi sao xiết. Xa hoa phung phí quá độ chỉ làm khổ dân, quá lo ăn chơi trác táng sao đủ sáng suốt trị nước. Người đời thường nói, sướng con cu mù con mắt là vậy. Ta lại nghe, mỗi bữa ăn của vua thì nào sơn hào hải vị đến vài chục món. Tiễn một bữa ăn của vua bằng nhà dân ăn hàng năm trời...

Mùa xuân năm Mậu Tuất 1778, Nguyễn Nhạc chọn ngày lành lên ngôi báu, tế cáo trời đất tại đàn Nam Giao. Nhà vua thấp nhang khấn:

“Nguyễn Nhạc chỉ là người dân áo vải đất Tây Sơn, gặp buổi chính sự nhiễu nhương, quyền thần loạn nước, sinh linh đồ thán. Nhạc thụ mệnh trời ba thước gươm dẹp loạn an dân. Nay thần dân nài ép lên ngôi vương trị vì trăm họ. Xin trời đất chứng giám, giáng phúc cho nhà nước hưng thịnh trường tồn.”

Vua đặt niên hiệu Thái Đức, đổi tên thành Qui Nhơn thành Hoàng Đế thành, lại giảm một nửa tiền các loại thuế, cho phép dân vui chơi thỏa thích mười ngày.

Vua phong mẹ làm Thái Hậu, vợ cả làm Hoàng Hậu, bà vợ thứ là Cô Hầu người Banard làm Thứ Phi. Phong Nguyễn Lữ làm Tiết Chế. Nguyễn Huệ Long Nhương Tướng Quân. Các tướng đều được phong chức. Hàng văn quan phong Võ

Xuân Hoài làm Trung Thư Lệnh, chức vụ coi như Tể Tướng trong triều. Vua ban thưởng cho cả dân thường, những người có công với quân Tây Sơn. Truyền lập đàn tế những người hy sinh vì đại cuộc.

Vua giữ thân tình với các quan. Thường mời bạn bè vào cung yến ẩm xem tuồng hát. Ai cũng khen vua chân tình. Riêng Giáo Hiến, vua mời thầy vào cung. Vua nói:

- Công danh sự nghiệp nay có được chính nhờ ở thầy. Nhạc coi mình phận dưới, không dám phong chức bề trên. Vậy thầy muốn gì, Nhạc xin chiều ý.

Giáo Hiến cười:

- Làm việc nghĩa quản chi chức tước lợi lộc. Nay đã xưng đế hiệu, ta mong người lo an dân trị nước. Đó là ý nguyện của ta.

Vua biết ý Giáo Hiến nên không nài ép.

Vài tháng sau Giáo Hiến từ trần. Vua truyền mai táng trọng thể.

Thời gian qua. Men say quyền lực ru vua trong giấc ngủ êm ái cung đình. Khi cuộc cờ, khi chén rượu và những cuộc chơi... Vua nghĩ không còn ai đủ sức dành quyền lực trong tay mình khi họ Nguyễn đã bị tận diệt.

Vua lầm, họ Nguyễn chưa tận vì còn người thanh niên mười bảy tuổi tên Nguyễn Phúc Ánh. Nhờ Giám Mục người Pháp tên Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine) che chở, Ánh trốn thoát cuộc truy lùng của Tây Sơn, hiện ở một vùng gần kinh đô Vọng Các của vương quốc Xiêm La.

Tại miền nam, sau khi quân Nguyễn Huệ trở về Qui Nhơn, nhóm tàn quân Nguyễn do Đỗ Thành Nhân chỉ huy lại tụ tập lại được.

Ít lâu sau, quân Nguyễn chiếm Long Hồ (Vĩnh Long). Thừa thắng, Nhân kéo quân tấn công chiếm Gia Định. Các

tướng khác như Dương Công Trừng, Châu Văn Tiếp kéo quân về tăng cường. Đỗ Thành Nhân chiếm luôn vùng Trấn Biên, lại cho người sang Xiêm đón Nguyễn Phúc Ánh về Gia Định, tôn Ánh làm Nguyễn Sứy Nhiếp Chính Vương.

Qui Nhơn được tin mất Gia Định. Nguyễn Huệ bàn với vua cho mình vào đánh dẹp. Vua Tây Sơn nói: “ Dao phay không dùng cắt cổ gà. Nay ta mới xưng đế nên cho quân nghỉ ngơi. Bọn Nguyễn Ánh ta cứ vỗ béo, chừng ấy chú xuất quân làm thịt cũng chẳng muộn”. Huệ nghe bất mãn nhưng không biết nói sao.

Tại Gia Định, Nguyễn Ánh phong Đỗ Thành Nhân làm Phụ Chính Thượng Tướng Quân. Nhân nói với Ánh: “Tây Sơn chưa động binh là thời cơ tốt cho ta phát triển lực lượng”. Ánh ra lệnh cho Nhân toàn quyền hành động.

Hai năm sau, đầu năm Tân Sửu 1781, Nguyễn đã có trên ba vạn quân thủy bộ, gần năm trăm chiến thuyền đủ loại. Được sự trợ giúp tích cực của Giám Mục Bá Đa Lộc, thủy quân Nguyễn có thêm nhiều chiến thuyền kiểu Âu Châu do thuyền trưởng người Pháp là Mạn Hòe (Manuel) chỉ huy.

Trong khi quân Nguyễn phát triển nhanh chóng, vua Tây Sơn vẫn bình thản. Nhà vua tỏ ra coi thường quân địch.

Cuối xuân, tướng Nguyễn là Đỗ Bang về qui hàng Tây Sơn. Vua hỏi:

- Tại sao về hàng?

Đỗ Bang trả lời:

- Chủ tôi là Thượng Tướng Đỗ Thành Nhân dày công hăn mã xây dựng lực lượng quân sự. Nhưng Nguyễn Ánh vong ân dùng độc kế hạ sát. Tôi theo đức vua để báo thù cho chủ.

Vua biết Bang nói thật, cười nói với Nguyễn Huệ: Ta có thể động binh được vì nội tình địch chia rẽ. Đỗ Thành Nhân là danh tướng, nay hấn chết, quân Nguyễn cũng chỉ như đàn chuột. Đỗ Bang cho vua biết về lực lượng quân Nguyễn. Vua hỏi:

- Nguyễn Ánh là người thế nào?

Bang trả lời:

- Ánh là con Nguyễn Phúc Luân. Khi Võ Vương mất, lẽ ra Luân kế nghiệp nhà chúa nhưng bị Trương Phúc Loan phế đi để lập Định Vương Thuận. Luân bị Loan hạ ngục, sau lo buồn mà chết. Trưởng thành và chịu đựng nhiều đau đớn nghịch cảnh, giòng họ bị tướng quân Nguyễn Huệ tiêu diệt. Kinh nghiệm xương máu biến Ánh thành con người cương quyết, tham lam, ích kỷ và tàn nhẫn.

- Chủ người chết cũng chỉ vì thế?

- Đức vua dạy phải. Chủ tôi ơ hờ không nhìn ra mưu thâm của Ánh, hấn rất sợ một khi quyền bính nằm trong tay chủ tôi, hoặc bất cứ ai. Hấn lừa gọi người vào bàn việc, sai bọn thủ hạ mai phục giết chết.

- Sau khi chủ người bị sát hại, nội tình Nguyễn ra sao?

- Đám thuộc hạ cũ của chủ tôi bỏ đi. Có người như Võ Nhân kéo quân về đánh Nguyễn Ánh. Nếu đức vua động binh chắc sẽ có người làm nội ứng.

Vua ra lệnh Huệ chuẩn bị hai trăm chiến thuyền và trên vạn quân. Lại nghe quân Nguyễn do Châu Văn Tiếp và Dương Công Trừng đã đánh Bình Thuận, Diên Khánh. Vua hạ lệnh vợ chồng Trần Quang Diệu, Ngô Văn Sở gấp rút tiến quân chặn đánh.

Vài ngày sau, đích thân vua và Nguyễn Huệ chỉ huy thủy binh vào thẳng Gia Định.

Nguyễn Ánh dàn toàn bộ thủy binh đón đánh Tây Sơn tại cửa Cần Giuộc. Trong khi đang giao tranh dữ dội, đội ngũ quân Nguyễn bỗng rối loạn vì đám thuộc tướng của Đỗ Thành Nhân làm phản đốt chiến thuyền Nguyễn. Không bỏ lỡ dịp may, Nguyễn Huệ đứng trên thuyền ra lệnh đánh gắt. Vua Tây Sơn thúc trống cổ cổ. Quân Tây Sơn đánh chìm thuyền Mạn Hòe. Thuyền trưởng người Pháp chết theo tàu. Nguyễn Ánh rút chạy về Thất Kỳ Giang bị Huệ đuổi theo đánh tan tác. Cuối cùng, Ánh theo tàn quân thoát chạy ra đảo Phú Quốc.

Toàn thắng, vua Tây Sơn và đại quân trở về Qui Nhơn.

Chỉ một tháng sau. Các tướng Nguyễn là Dương Công Trừng, Châu Văn Tiếp lại tụ tập quân tấn công chiếm thành Gia Định. Châu Văn Tiếp đích thân ra Phú Quốc đón Nguyễn Ánh trở về. Giám Mục Bá Đa Lộc và một số giáo sĩ khác được tin cũng về lại Gia Định. Quân Nguyễn tăng nhanh. Nguyễn Ánh sai sứ thần sang Xiêm La cầu viện.

Tháng hai năm Quý Mão 1782, vua Tây Sơn lại cử Nguyễn Huệ chinh nam. Vua nói với Huệ: Chú lại phải ra quân. Lần này quyết bắt cho bằng được Nguyễn Ánh. Tôi sẽ cho Trương Văn Đa chặn các đường sông biển hiểm yếu. Nguyễn Ánh chỉ có cánh mới thoát được.

Đại quân Tây Sơn vào Gia Định thắng như chẻ tre. Quân Nguyễn cứ nghe tên Nguyễn Huệ là hồn xiêu phách lạc chỉ lo kiếm đường tẩu thoát.

Nguyễn Ánh chạy ra vùng biển Phú Quốc. Trương Văn Đa đuổi theo rất gấp. Bấy giờ tướng Nguyễn là Lê Phúc Diễn liều mình cứu chúa. Diễn mặc quần áo giống Nguyễn Ánh kéo ra nghênh địch. Quân Tây Sơn bị lừa nên Ánh thoát chạy sang đảo Cổ Long. Trương Văn Đa phát hiện mưu của địch kéo quân sang Cổ Long quyết bắt Ánh. Trời nổi

giông bão bất ngờ, Đa buộc phải rút quân về Hà Tiên. Nguyễn Ánh lại một lần thoát chết trong đường tơ kẽ tóc. Từ đó, Ánh quanh quẩn trốn tại các đảo nhỏ.

Mùa xuân năm Giáp Thìn 1784, nghe tin Châu Văn Tiếp đang ở Xiêm La, Nguyễn Ánh tìm đường sang Xiêm, nài nỉ vua Xiêm cho viện binh trở về đánh Tây Sơn. Vua Xiêm La nuôi tham vọng muốn bành trướng lãnh thổ sang Chân Lạp bèn nhận lời.

Tháng sáu năm đó, hai vạn thủy binh và ba vạn bộ binh Xiêm do các tướng Chiêu Sương, Chiêu Tăng chỉ huy lên đường. Phía quân Nguyễn, Nguyễn Ánh phong Châu Văn Tiếp làm Bình Tây Đại Nguyên Soái thống lĩnh quân đội theo quân Xiêm về nước.

Liên quân đánh lùi quân Tây Sơn tại nhiều nơi. Đến Vĩnh Long, quân Tây Sơn lập phòng tuyến ngăn địch. Châu Văn Tiếp bị Trương Văn Đa giết tại trận. Tuy giết được Tiếp nhưng Đa phải lùi về giữ Mỹ Tho vì thế địch rất mạnh. Văn Đa cố tử thủ, tránh giao tranh lớn chờ viện binh Qui Nhơn.

Thắng được vài trận nhỏ, quân Xiêm La tỏ ra hống hách coi thường quân Nguyễn cũng như Tây Sơn. Nguyễn Ánh biết nhưng không dám can thiệp, thậm chí làm ngơ trước cả cảnh quân Xiêm cướp bóc, hãm hiếp dân.

Cuối năm 1784, hai vạn thủy bộ binh Tây Sơn cùng hai trăm chiến thuyền lên đường vào nam. Vua Tây Sơn cử các tướng Võ Văn Dũng, Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân cùng đi với Huệ. Danh sĩ Bắc Hà Nguyễn Hữu Chỉnh, người vào nương nhờ vua từ năm 1782 ý muốn theo quân. Chỉnh nói với vua:

- Tôi nương nhờ hoàng thượng đã gần hai năm. Hoàng thượng xem tôi như thượng khách, tiếp đãi ân cần dù biết tôi

chỉ là người lánh nạn. Nay nhân dịp nam chinh, xin cho tôi theo lập chút công đáp đền ơn hậu đãi.

Vua trả lời:

- Ý tôi không muốn ông lao nhọc cầm quân ra trận, e thiên hạ dị nghị muốn lợi dụng ông trong cơn hoạn nạn. Nhưng nếu ông muốn, tôi chỉ nhờ ông làm một việc là xem xét dân tình. Tại sao quân Nguyễn nhiều phen tan tác mà chúng vẫn tụ lại được để chống ta. Sao dân lại ủng hộ chúng?

Chỉnh lĩnh ý. Vua lại gọi Huệ dặn dò:

- Chú ra quân, tôi tin chú chiến thắng. Nhưng chiến thắng đừng phải trả giá quá cao. Theo tôi, bọn Xiêm La là lũ mọi rợ không thạo chinh chiến. Chú dùng mưu mà hạ chúng là thượng kế.

Tháng chạp, quân Tây Sơn vào thẳng Mỹ Tho. Nguyễn Huệ một mặt cho thăm dò địa thế. Đây là vùng hiểm trở, sông ngòi chằng chịt thuận lợi cho việc tổ chức phục binh. Huệ chọn được khoảng sông nằm giữa Rạch Gầm và Rạch Xoài Mút. Nơi đây có thể dùng bộ binh yểm trợ cho thủy binh. Mặt khác, Huệ biết quân Xiêm khinh địch, bèn cho sứ giả sang nhún nhường xin hòa hiếu. Sứ Tây Sơn gặp Chủ soái Chiêu Tăng. Sứ giả nói:

- Chủ tôi là Long Nhương Tướng Quân Nguyễn Huệ phái tôi đến trình bày các điều với ngài. Tây Sơn và Nguyễn xung đột dành quyền cai quản đất nước, thế không thể đứng chung. Nay nước ngài và nước tôi cách xa ngàn dặm, trâu bò chẳng đánh hơi được nhau, ngài cần chi phải nhọc nhằn chinh chiến. Vậy việc chúa Nguyễn, ngài để chúng tôi tự giải quyết với nhau, ngài đừng động binh giúp họ. Thành sự rồi, hai nước sẽ hòa hiếu. Nước tôi sẽ hàng năm cống lễ

nước ngoài. Ngài chấp nhận, chủ tôi vô vàn cảm tạ, thực hiện lời cam kết.

Chiếu Tăng nghe nói thích chí, nói với Phó soái Chiếu Sương:

- Ta nghe Huệ dùng binh thần tốc, kẻ địch sợ hãi, nghe tên hấn là bủn rủn tay chân. Nay ta mới đến hấn đã sợ uy muốn hòa. Ra hấn tài hèn chỉ giỏi khoa trương. Đây là cơ hội chúng ta lập công lớn.

Chiếu Sương nghe cũng đồng tình.

Đêm mồng chín tháng chạp năm Giáp Thìn 1785, đoàn chiến thuyền do Võ Văn Dũng chỉ huy đến trại quân Xiêm khiêu chiến. Quân Tây Sơn đốt pháo reo hò tấn công. Chiếu Tăng nổi giận dàn thủy binh và chiến thuyền xung trận. Quân Tây Sơn giả thua lùi dần. Quân Xiêm đuổi theo đến đầu sông Mỹ Tho gặp Soái thuyền Tây Sơn, Nguyễn Huệ mặc giáp đỏ đứng trên mũi thuyền đánh trống thúc binh.

Thấy Huệ, Chiếu Tăng ra lệnh tiến nhanh quyết giết bằng được chủ tướng Tây Sơn. Quân Tây Sơn chạy tản mác vào các rạch nhỏ dụ địch. Quân Xiêm tưởng thắng cứ tràn nhanh vào. Quá nửa đêm, quân Xiêm hoàn toàn lọt vào vùng mai phục. Chiến thuyền Tây Sơn từ nhiều phía đổ ra đánh rát, trên bờ đại pháo nã như mưa. Quân Xiêm chết như rạ tháo chạy ngược lại tìm sinh lộ. Hai tướng Xiêm xuống thuyền nhỏ bỏ quân tẩu thoát.

Trời rạng sáng, trận chiến tàn. Bộ binh Tây Sơn cũng toàn thắng. Tư lệnh bộ binh là Lục Côn bị Bùi Thị Xuân chém tại trận. Năm vạn quân Xiêm nay chỉ còn vài ngàn chạy trốn về nước. Quân Nguyễn Ánh cũng tan rã. Ánh lẫn trốn ở các đảo, cuối cùng lại sang Xiêm. Nguyễn Huệ nói với Nguyễn Hữu Chỉnh: Nguyễn Ánh là phường táng tận lương tâm, rước voi cỡi rắn. Hấn dám đem cả vận mệnh

dân tộc làm vốn trong canh bài dành ngôi vương bá. Sẵn sàng xây vinh quang trên điểm nhục. Hấn là hiểm họa, tôi chỉ tiếc chưa giết được hấn.

Cuộc nam chinh thành công. Nguyễn Huệ trở về Qui Nhơn để Trương Văn Đa ở lại giữ Gia Định.

Nguyễn Hữu Chỉnh người Nghệ An. Từ thuở nhỏ nổi tiếng thông minh, giỏi thơ nôm. Năm mười sáu Chỉnh đỗ hương cống nên người đời thường gọi Cống Chỉnh. Là người có chí lớn, Chỉnh ham luyện võ trở thành tay võ nghệ có hạng. Sau này, Chỉnh làm thuộc hạ của Hoàng Ngũ Phúc được Phúc tin yêu. Tại kinh thành Thăng Long, Chỉnh nổi tiếng phong lưu công tử, thường có mặt ở những nơi ăn chơi tửu quán trà đình, làm thơ xướng họa trong đám tài tử văn nhân. Vốn tính hào hiệp, Chỉnh có đông bạn hữu. Khi Việc Quận Công mất, Chỉnh làm dưới trướng Huy Quận Công Hoàng Đình Bảo. Chỉnh có tài chỉ huy thủy binh, chuyên đánh dẹp bọn giặc biển ngoài khơi Đông Hải. Giặc nghe tiếng Chỉnh sợ lắm. Chỉnh tự ví mình như chim bằng, vỗ cánh bay vút chín tầng mây.

Cuộc biến loạn trong cung đình Bắc Hà xảy ra sau khi Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm qua đời. Trịnh Cán, con trai Bà Chúa Chè nổi nghiệp chúa tức Tôn Đô Vương. Huy Quận nắm giữ quyền binh trọng dụng Nguyễn Hữu Chỉnh.

Chỉ tháng sau, con trai cả chúa Trịnh là Trịnh Khải cấu kết với bọn ưu binh lật đổ Trịnh Cán, giết chết Huy Quận. Khải xưng là Đoan Nam Vương.

Chỉnh nghe tin sợ hãi muốn làm phản nhưng không thành. Cuối năm Nhâm Dần 1782, Chỉnh trốn vào nam nương nhờ vua Tây Sơn.

Gặp lại Chỉnh, vua mừng dãi như quý khách, thường cùng Chỉnh bàn luận chính sự ý hợp tâm đầu. Chỉnh lại giúp vua tổ chức việc cai trị thêm qui củ.

Tuy được ưu đãi, lòng Chỉnh vẫn khắc khoải nỗi đau của kẻ sa cơ. Chỉnh hằng mong ngày trở về cố quận. Chỉnh muốn dựa thế lực Tây Sơn diệt họ Trịnh. Chỉnh sẽ thuyết phục Tây Sơn bắc tiến, Chỉnh lại trở về trong vinh quang của kẻ chiến thắng. Những lúc rảnh, Chỉnh để tâm nghiên cứu binh thư. Chỉnh thân Nguyễn Lữ, thường nhờ Lữ truyền thêm nghề võ. Từ Gia Định về, Chỉnh nói với vua:

- Vùng Gia Định và phía tây nam là đất cũ của Chân Lạp. Thành phần dân gồm đủ hạng. Người ta, người Tàu, người Chiêm, người Chân Lạp... việc học chưa mở mang, dân trí thấp kém nhưng đất đai mênh mông mầu mỡ, thóc gạo dư thừa, tôm cá đầy như đĩa trong rạch, dân sống sung túc. Vì xa Phú Xuân nên không bị họa quyền thần. Với họ, Nguyễn làm chúa cũng được, Tây Sơn làm vua cũng xong. Ai mạnh họ theo, ai thua cũng kệ. Muốn giữ đất ấy, ta phải lấy dân làm đầu, tìm cách thu phục họ để họ trung thành.

Vua nghe cho là phải, truyền con rể là Trương Văn Đa mở chiến dịch vận động thu phục nhân tâm. Lại sai các Học Sĩ Triệu Đình Tiệp, Cao Đắc Tự vào Gia Định giúp Văn Đa.

Vua lại hỏi Chỉnh:

- Ông xem em tôi hành binh ra sao?

Chỉnh đáp:

- Ông Huệ dụng binh thần tốc, bí mật khiến địch không kịp trở tay. Thật quả danh tướng xưa nay ít ai bì.

Vua lại hỏi:

- Tài của Huệ có so được với các danh tướng Bắc Hà như Hoàng Phùng Cơ, Hoàng Đình Thế?

Vốn có dụng ý, Chỉnh trả lời:

- Cơ như con ngựa già sống bằng hào quang quá khứ. Thế vũ dũng nhưng thiếu đảm lược. Các danh tướng Bắc Hà không ai sánh với ông Huệ được.

Vua cười:

- Ông quá yêu mà nói thế chẳng?

Chỉnh nói đùa: Lòng tôi là bánh sẽ bẻ cho hoàng thượng xem.

Cả hai cười xòa.

Mùa xuân năm Bính Ngọ 1786, nhân buổi chiều xuân ngồi uống rượu với vua trong hoa viên hoàng cung. Thấy vua vui, Chỉnh dọ ý:

- Tên gia nhân vừa từ Nghệ An vào cho tôi biết rõ nội tình Bắc Hà. Uy quyền vua chúa nay không còn, bọn kiêu binh làm loạn. Hoàng thượng muốn tính kế lâu dài phải lợi dụng thời cơ chiếm lấy Thuận Hóa. Vùng này địa thế hiểm trở, lại có các lũy Thầy, lũy Trường Dục kiên cố, nhờ vậy mà Nguyễn chống được Trịnh.

Vua hỏi tình hình Phú Xuân, Chỉnh đáp:

- Trấn thủ Phú Xuân là Phạm Ngô Cầu. Y là người thượng đội hạ đạp, chẳng tài cán gì, chỉ quen hò hét ra uy. Phó Tướng Hoàng Đình Thế là tay vũ dũng, khảng khái nên Cầu ghét thậm tệ, còn Thế thì khinh Cầu. Nếu đánh Phú Xuân, Chỉnh hiển kế phản gián, cam đoan chiến thắng. Việc quân như cứu hỏa, hoàng thượng quyết định nhanh kéo lỗ thời cơ.

Thực tâm vua muốn chiếm Phú Xuân từ lâu nhưng chưa có dịp. Nghe Chỉnh bàn, vua đã quyết nhưng làm vẻ do dự. Chỉnh cố thuyết dăm ba bận mới xong. Vua giao Nguyễn Huệ và Chỉnh toàn quyền tính kế hoạch.

Tháng tư xuất quân, Huệ tổng chỉ huy vượt Hải Vân Sơn theo đường bộ, Vũ Văn Nhậm chỉ huy đạo quân thứ hai theo đường thủy, hẹn cùng phối hợp với Huệ tấn công thành Phú Xuân. Chính chỉ huy chiến thuyền đánh từ phía sông Gianh vào nam, không cho quân Trịnh tiếp ứng. Trước khi động binh, Chính đã làm xong kế ly gián Phạm Ngô Cầu và Hoàng Đình Thế. Cầu ngờ Thế sẽ làm phản theo Tây Sơn nên thay vì phòng địch, Cầu lại phòng ngay phó tướng của mình. Thế bại vong đã rõ.

Quân Tây Sơn công thành, dùng Hỏa Hổ (súng phun lửa) bắn tràn vào quân Trịnh đẩy đàn voi trận phải lùi. Hoàng Đình Thế chỉ huy quân kháng cự mãnh liệt bẻ gãy nhiều đợt xung phong. Chờ đến khuya, lợi dụng nước lên, Huệ cho chiến thuyền vào sông Hương nã đại bác công thành. Quân Trịnh thiệt hại nặng, Cầu đóng cửa thành không tiếp cứu. Đợt tấn công cuối thành công, Cầu kéo cờ trắng xin hàng. Hoàng Đình Thế quyết không hàng, dùng kiếm tự vận.

Quân Vũ Văn Nhậm tràn vào thành mặc sức tàn sát. Phú Xuân tắm máu. Giòng Hương giang trong xanh nay đỏ như phù sa. Khoảng hai vạn quân Trịnh bỏ xác tại trận, chỉ một số rất ít thoát được. Văn Nhậm chiến bào nhuốm máu nói với tướng sĩ: Phải giết như thế cho bọn Trịnh vỡ mặt kinh hồn.

Chính thấy Nhậm hiếu sát nên gờm mặt. Có giáo sĩ người Phú Lang Sa (Pháp) tên La Bartette lúc ấy ở Phú Xuân. Sau này tả lại như sau: "... Tất cả những người trong thành Phú Xuân, cả quan lớn, cả binh sĩ không có người nào thoát được. Người ta giết nhau một cách rùng rợn không thể tả xiết..."

Thật ra, giáo sĩ viết chưa đúng hẳn. Sử nhà Nguyễn sau này ghi rằng: "*Hai vạn quân Trịnh bị tàn sát sạch, chỉ có một số ít sống sót chạy về Dinh Cát báo tin bại trận.*"

Chiến thắng. Huệ khao quân. Trong tiệc vui, Chính nói lời xưng tụng lấy lòng Huệ. Chính kể tình hình Bắc Hà, cuối cùng Chính nói: Đây là cơ hội ngàn năm trời dành cho Thượng công. Nếu ông không lấy Bắc Hà, người khác sẽ lấy, lúc ấy hối không kịp. Trang sử đã mở sẵn chờ ghi chiến công lừng lẫy của Thượng công. Người đầu tiên xóa sạch lần ranh phân chia đất nước. Chính xin lấy thủ cấp mình bảo đảm lời nói.

Chính khôn ngoan khơi dậy tham vọng của Huệ, gây cho Huệ niềm tin. Huệ chỉ huy chưa hề chiến bại. Qua trận đánh Phú Xuân, Huệ cũng đánh giá được sức mạnh của quân Trịnh. Nỗi lo ngại mất dần. Huệ quyết định bắc tiến, sai Chính dâng sớ về vua Tây Sơn. Chính viết: "... *Lũ thần vâng mệnh đem binh ra đi, nhờ oai trời thiêng liêng, Thuận Hóa đã yên, thiên hạ rung động. Nay ở Bắc Hà quân kiêu tướng lười, thế có thể chiếm. Thần xin theo lễ tiện nghi, cử Hữu Quân Nguyễn Hữu Chỉnh đem tiền bộ thủy binh đi trước thẳng tới Sơn Nam. Thần đang thu thập nhân dân các xứ ven biển, chọn binh tráng, hẹn trong ít ngày sẽ dẹp yên Bắc Hà.*"

Theo đúng kế hoạch, khoảng đầu tháng sáu, Chính chỉ huy hơn một vạn thủy binh và bốn trăm chiến thuyền ra bắc. Chính chia quân làm hai. Cánh thứ nhất tấn công các đồn quân Trịnh từ Nghệ An, Thanh Hóa và các nơi khác dọn đường cho đại quân Nguyễn Huệ. Cánh thứ hai do Chính chỉ huy ra thẳng Sơn Nam, chiếm kho lương Vị Hoàng.

Sơn Nam thất thủ. Kinh Đô Thăng Long rung động. Chính ngầm cho người liên lạc trấn an vua Lê Hiến Tôn, phổ biến hịch "*Phù Lê diệt Trịnh*". Bài hịch kể tội Trịnh Khải

coi thường phép vua luật nước, làm việc soán nghịch bất tuân di chiếu phụ vương, bất lực để kiêu binh làm loạn nước, dân lầm than khổ cực.

Đại quân do Huệ chỉ huy đánh tan thủy binh Trịnh tại Sơn Nam Thượng. Tại Thăng Long, quan lại dân chúng chôn đầu của cải, đốt diu gia đình tìm đường lánh nạn vì cuộc tàn sát của quân Tây Sơn tại Phú Xuân gây nỗi kinh hoàng. Dân bắc nguyền rủa Nguyễn Hữu Chỉnh, kẻ công răn cắn gà. Mọi tội ác đổ trên đầu Chỉnh. Tội ác phải trả bằng máu.

Quân Tây Sơn tiến đến Thăng Long. Hoàng Phùng Cơ kéo lực lượng về bảo vệ kinh thành cũng bị đánh tan tác. Đoàn Nam Vương Trịnh Khải đích thân chỉ huy chống cự nhưng quân Trịnh mất tinh thần, chỉ tính kế thoát thân. Cuối cùng, chúa bỏ kinh thành chạy về hướng bắc. Đến làng Hạ Lôi, chúa bị Nguyễn Trang bắt nộp Tây Sơn. Chúa đâm cổ tự sát. Thi hài đem về Thăng Long. Nguyễn Huệ cho chôn cất tử tế theo vương lễ.

Chiếm xong kinh thành, Huệ nghiêm lệnh binh sĩ không được sách nhiễu, cướp bóc của dân. Huệ bái yết vua Lê theo đúng lễ nghi cho vua yên tâm. Huệ nhún nhường:

- Tôi là dân áo vải, vì thời thế mà dấy lên. Tuy ở cõi xa nhưng hằng kính mến thánh đức. Vì họ Trịnh vô đạo, tôi mượn uy trời đẹp được cũng nhờ oai đức nhà Lê. Nay được diện kiến bề rồng, lòng này thỏa mãn.

Vua ủy lạo:

- Chỉ tướng quân mới tạo được chiến thắng, quả nhân nào tài cán gì.

Huệ lại nói:

-Tôi một dạ tôn phò, kể chi công lợi. Đó là ý trời muốn dựng một cõi thống nhất, bề hạ thụ mệnh cầm cân nảy mực khiến trong ngoài êm ấm, phận tôi cũng được nhờ.

Theo lời bàn của Chỉnh, Huệ xin vua thiết lễ đại triều tại điện Kính Thiên. Tướng Tây Sơn đệ trình vua sổ bộ quân dân. Vua vui vẻ nhận, phong Huệ tước Đại Nguyên Sứ Uy Quốc Công.

Huệ về phủ hạm hực nói với Chỉnh:

- Ta cất quân, chỉ một trận đánh tan quân Trịnh. Vào Thăng Long như đi dạo. Đất bắc là của ta, muốn gì chẳng được. Cái chức nguyên sứ, quốc công với ta vô nghĩa. Vua Lê phong tước là có ý lung lạc ta. Hoặc đặt ta ở vào thế khó nghĩ. Chê thì ra vẻ kiêu căng. Nhận thì bảo ngu dốt.

Chỉnh biết Huệ giận, nhanh ý trả lời:

- Thượng công ra bắc lấy danh nghĩa tôn phò. Việc nhận chức là làm sáng tỏ chính nghĩa. Có lợi cho uy tín cá nhân.

Chỉnh gặp vua Lê đề nghị gả Ngọc Hân công chúa cho Huệ để tỏ thân tình hòa hiếu. Vua thuận.

Thắng trận lại được giai nhân, Nguyễn Huệ đắc ý.

Vài ngày sau vua mất. Hoàng tôn Duy Kỳ lên ngôi tức Lê Chiêu Thống.

Tại Qui Nhơn, vua Tây Sơn nhận tin Huệ tiến quân ra bắc. Vua vừa giận vừa sợ, vội sai Tế Tướng Võ Xuân Hoài mang chiếu chỉ thượng khẩn ra Phú Xuân gọi Huệ về.

Hoài đến Phú Xuân thì Huệ đã ra đi đành trở lại Qui Nhơn. Vua kịp nhận ra tham vọng của người em, cho rằng Huệ ra bắc càng lún thêm vào bất trắc. Vua đem năm trăm quân tinh nhuệ và một trăm voi trận lên đường. Đến Phú Xuân, vua lấy thêm hai ngàn binh thẳng tiến ra Thăng Long. Tại Nghệ An, có đám dân đến chúc tụng vua, lại dâng thực phẩm, cá tươi rượu nồng. Vua vui vẻ cảm ơn nhưng không nhận lễ vật. Ngay đêm đó, có đám dân khoảng vài trăm

người bất ngờ tấn công quân Tây Sơn. Tên bắn như mưa, vài chục lính vua tử trận. Vua nổi giận ra lệnh quân tiến theo hình chữ nhất phản công. Vua múa kiếm xung trận, vài chục người rơi đầu dưới lưỡi kiếm. Đám dân rút chạy vào rừng. Vua thu quân, tạm chôn lính tử trận rồi tiếp tục lên đường. Vua biết lòng dân Bắc Hà oán ghét Tây Sơn nên cẩn thận đề phòng.

Tin vua Tây Sơn ra bắc làm rung động Bắc Hà. Tại triều đình, vua Lê và đám quần thần bối rối không biết xử trí ra sao. Có kẻ khuyên vua Lê ra hàng, kẻ đề nghị cất đất dâng nạp. Vua hỏi Huệ. Huệ bảo chờ vua anh ra sẽ tính.

Huệ dẫn Hữu Quân Chính, Tả Quân Nhậm ra tận ngoài thành đón vua. Lê Chiêu Thống và quần thần tập trung ở cửa nam đón khách. Các tụng quan quỳ hai bên đường.

Vừa thấy bóng con ngựa trắng do vua Tây Sơn cưỡi xuất hiện, Nguyễn Huệ quỳ giữa đường cúi đầu tạ tội.

Thấy em, vua xúc động xuống ngựa. Cầm tay Huệ, vua nói:

- Mừng chú lập đại công. Tướng nơi biên cương làm theo ý mình là chuyện thường. Huống chi chú làm chuyện đích đáng. Tôi ra bắc là muốn cùng chú lo công việc.

Vua không tiếc lời ngợi khen Chính và Nhậm. Trông thấy đám người lố nhố phía xa, vua hỏi. Huệ nói đó là vua Lê và quần thần ra đón. Vua nói với Chính: Ông ra bảo họ về, mai tôi tiếp kiến.

Đêm hôm đó, vua tôi Tây Sơn vui vẻ yến tiệc. Chính cho gọi các ca nhi Thăng Long đến đàn hát. Vua Tây Sơn khen gái Bắc Hà tuyệt đẹp. Mừng Huệ có thêm vợ, Ngọc Hân tuyệt sắc giai nhân. Vua vui đùa nói với Chính: Ông kiếm cho tôi cô gái bắc. Tôi ưa gái Bắc Hà.

Hôm sau, Huệ tâu vua mọi việc. Từ đó, mọi mệnh lệnh do vua. Vua nói với Huệ:

- Chú cho chuyển hết tài sản nhà chúa lên các chiến thuyền.

Huệ trả lời:

- Mọi việc đệ đã liệu xong.

Vua vui lắm, nói:

- Chú liệu việc thật tài. Ta còn hàng trăm thớt voi để tải đồ. Chú lấy thêm đàn voi trận của chúa Trịnh, cả ngựa cang tốt. Rút quân, ta gom thêm các vật đúc bằng đồng về đúc tiền. Bắc Hà là đất giàu còn nhiều của.

Hôm sau, vừa hừng đông, Chiêu Thống và các cận thần đã sang chào vua Tây Sơn. Vua Lê nói:

- Nhà Lê bao năm bị họ Trịnh ngỗ nghịch lấn áp. Anh em đức vua vì nghĩa cả nhọc công bắc phạt trừ khử loạn thần, lòng tôi vô cùng cảm kích. Các tiên vương nơi chín suối ngậm cười. Nay tôi xin dâng lễ vật, một số đất đai, đức vua coi đó là lễ mọn bày tỏ lòng thành.

Vua Tây Sơn vỗ về trấn an Chiêu Thống. Vua nói:

- Nếu đất họ Trịnh một tấc không từ. Còn của nhà Lê một tấc cũng không lấy. Tôi chỉ mong vua trị nước an dân, giữ hòa hiếu giữa hai nước.

Vua Lê còn ngờ ý xin quân Tây Sơn ở lại thêm một thời gian để bình định yên các nơi. Vua Tây Sơn nghe xong cười huề hòa.

Thời gian ở Thăng Long, vua nhận ra mối bất hòa trầm trọng giữa Chính và Nhậm. Vua biết Nhậm là người tiểu tâm, Nhậm ghen tức với Chính, cho Chính khinh thường mình. Về Nguyễn Huệ, vua nhìn ra tham vọng của người em. Vua biết Huệ muốn triệt Chính nhưng chưa có cơ xuống tay. Qua cuộc hành quân bắc phạt, Huệ nhận ra con người tài

năng ở Chỉnh. Vua biết tính Huệ kiều ngạo, ai tỏ ra hơn tài Huệ kể như tự sát!

Vốn tinh tế, Chỉnh hiểu Huệ và Nhậm không ưa mình. Chỉnh xử sự tế nhị tránh đào sâu bất hòa. Để tránh sự nhòm ngó của Nhậm, Chỉnh và thủ hạ đến ở tại chùa Tiên Tích. Mối lo khác khi Chỉnh nhận ra dân Bắc Hà căm thù mình, coi Chỉnh là phản quốc, là công răn cắn gà. Chỉnh biết chắc vua Tây Sơn sẽ ra lệnh rút về nam nên cho thủ hạ theo dõi sát tình hình bên trại Tây Sơn. Chỉnh phải về lại Nam Hà. Chỉnh không thể tìm chốn dung thân trên chính quê hương mình.

Chỉnh đoán đúng. Vua Tây Sơn bàn việc rút binh. Nguyễn Huệ đem chuyện Chỉnh ra bàn. Huệ nói:

- Nay lòng dân oán Chỉnh. Ta nên bỏ hấn ở lại.

Vua nói:

- Chỉnh theo ta lập nhiều công trận. Lại chưa bao giờ có ý phản, ta nỡ nào bỏ hấn.

Huệ không thuận:

- Làm việc lớn không để ý nhân nghĩa nhỏ. Giữa việc tranh nhân tâm và Chỉnh, anh chọn ai?

Tả Tướng Vũ Văn Nhậm muốn giết Chỉnh ngay, để lâu sinh biến. Lại có ý khuyên vua nên chiếm Bắc Hà.

Vua bác ý Nhậm, ra lệnh Huệ bí mật xúc tiến việc rút quân, tìm cách lừa Chỉnh ở lại. Vào một đêm thu, quân Tây Sơn rút khỏi Thăng Long. Mãi đến sáng Chỉnh mới biết. Chỉnh hoảng hốt cùng thủ hạ thuê thuyền đuổi theo. Bọn lái đò nhận ra Chỉnh, đã không cho thuê lại hò nhau dùng gậy gộc vây đánh. Chỉnh nổi giận đàn áp, cướp thuyền xuôi nam. Thuyền ra khơi bị gió lớn thổi dạt. Hai tuần sau mới bắt kịp chiến thuyền Tây Sơn ở cửa Hội Thống, Nghệ An.

Thấy Chỉnh, Huệ giận lắm nhưng làm vẻ ôn tồn. Huệ nói:

- Chúng tôi rút quân gấp nên chưa kịp nói gì với ông. Ý đức vua muốn để ông ở lại vì chỉ có ông mới trị được bọn Hoàng Phùng Cơ, Đinh Tích Nhưỡng.

Nói xong ra lệnh cấp cho Chỉnh một ngàn quân, ít vàng và tiền. Chỉnh chỉ nhận tiền và vàng, từ biệt anh em Tây Sơn cho thuyền ra khơi. Ý Chỉnh chỉ muốn chứng tỏ cho Tây Sơn biết Chỉnh không có ý phản nên chạy theo. Nay cơ sự đã thế, Chỉnh giận trong lòng, tự nhủ: Huệ sợ mình nên muốn tìm cách hãm hại. Mình cũng là tay hào kiệt để gì sợ hấn. Chỉnh quyết tâm dựng lại cơ đồ.

Sau khi Chỉnh ra đi, Huệ bàn với vua:

- Nghệ An là đất tổ của giòng họ mình, lại như hàng rào chắn bắc quân một khi xảy ra chiến trận. Vậy ta nên chiếm lấy.

Vua ngăn ngừa:

- Ta có hứa với vua Lê không nhận đất. Nay nuốt lời coi sao được?

Huệ nói:

- Đệ đã tính kỹ mới dám nói. Việc giữ Nghệ An, ta cứ làm như tạm đóng quân để bảo vệ giặc cướp. Vua Lê đã ngờ ý nhờ ta ở lại Thăng Long giúp hấn. Nay thay vì ở Thăng Long, ta ở Nghệ An kể cũng hợp lý.

Vua thuận. Ra lệnh cho Nguyễn Văn Duệ trấn giữ Nghệ An. Lại cử Nhậm đóng quân ở Động Hải xem chừng hành động của Chỉnh. Nhậm phải cấp báo cho Huệ biết ngay một khi thấy Chỉnh có ý khác.

Vài hôm sau, quân Tây Sơn rút về Phú Xuân. Dùng hàng trăm thớt voi chở đồ đồng, hầu hết là chuông chùa và tượng Phật. Về đến Phú Xuân, Huệ nói với vua:

- Anh cứ về Qui Nhơn trước, đệ ổn định công việc xong sẽ về.

Vua dặn:

- Chú phải chuyển luôn hết các thứ lấy được.

Huệ nói xin vâng.

Về lại Qui Nhơn, vua mở đại tiệc mừng chiến thắng. Tiệc vui, không biết bao nhiêu rượu thịt. Vua có quá nhiều tài sản còn ở Phú Xuân sẽ được chuyển về nay mai. Lại nghĩ công lao các em đồng lao cộng khổ nay nên chung hưởng vinh hoa phú quý. Vua xưng là Trung Ương Hoàng Đế, sắc phong Nguyễn Lữ làm Đông Định Vương trấn giữ từ Bình Thuận vào nam. Nguyễn Huệ làm Bắc Bình Vương trấn giữ từ Quảng Nam ra bắc. Dĩ nhiên, uy quyền của Huệ khổng lồ chế luôn Bắc Hà. Anh em Tây Sơn chia ba giang san.

Vua gọi Huệ về kinh, Huệ lấy cơ chưa ổn định nên chưa thể về. Vài lần nữa, vua ra lệnh triệu. Huệ tìm cách thoái thác. Vua giận. Biết em tham vọng, không muốn bị ai bị chi phối quyền lực, muốn chiếm đoạt hết số báu vật cướp được từ Bắc Hà. Vua nghĩ lung, nếu không ra uy thì còn chi phép vua luật nước, nếu trừng phạt còn chi tình anh em cốt nhục, đó là chưa kể tài dụng binh của Nguyễn Huệ. Hơn nữa, vì tin em, vua cho các võ tướng theo Huệ đánh Thuận Hóa. Tất cả các võ tướng nay dưới tay Huệ, làm sao họ có thể cưỡng lệnh một khi Huệ muốn xử dụng họ? Vua nhún nhường lần chót, cử Tể Tướng Võ Xuân Hoài ra Phú Xuân triệu Huệ về.

Hoài gặp Huệ chuyển ý vua trách móc. Huệ giận dữ trả lời:

- Ông về nói với đức vua. Đánh chiếm Bắc Hà là công lao của tôi, nào phải của ông ấy. Đất bắc tiền của còn nhiều, ông ấy có giỏi thì ra mà lấy. Còn phần lấy được là của tôi, tôi có quyền giữ.

Võ Xuân Hoài phân trần mọi lẽ thiệt hơn nhưng Huệ cương quyết khước từ. Biết không thể thuyết phục được Huệ,

Hoài buồn bực trở về Qui Nhơn cho vua biết mọi việc, kể cả chuyện Nguyễn Huệ tự ý phong tước, ban thưởng tướng sĩ không cần lệnh vua. Vua nghe giận lắm, hiểu lòng người em tham vọng quên tình cốt nhục. Vua ra lệnh chuẩn bị hưng binh trừng phạt. Triều thần biết tính vua, cho rằng vua chỉ nóng giận chốc lát rồi nguôi, chưa nỡ dứt tình huynh đệ.

Tại Phú Xuân, Nguyễn Huệ lợi dụng cơ hội ra lệnh tuyển binh từ Phú Xuân ra sông Gianh. Thanh niên tuổi từ mười sáu đến bốn mươi lăm buộc phải tòng quân. Số quân của Huệ nay tới sáu vạn người. Nguyễn Huệ trọng đãi nhân tài, phong Trần Văn Kỷ làm Quân Sư tước Trung Thư Lệnh.

Trần Văn Kỷ nguyên người gốc Bắc Hà sau dời vào huyện Phong Điền Thừa Thiên. Đỗ Giải Nguyên khoa thi hương năm Đinh Dậu 1777. Huệ nghe tiếng Kỷ bèn mời hỏi han việc an dân trị nước, thời loạn thời bình. Kỷ tỏ ra thông suốt khiến Huệ cảm phục, trọng đãi hết mức. Huệ thường nói với bộ hạ: Ta được Kỷ khác nào Tể Hoàn Công có Quản Di Ngô, lo chi việc lớn chẳng thành.

Phải chăng việc lớn mà Huệ đang mưu đồ là ngôi Hoàng Đế? Sau này, cũng chính Kỷ giới thiệu với Huệ các danh tài Bắc Hà như La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiệp, Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích.

Nguyễn Huệ quyết hạ thành Qui Nhơn, kế hoạch hành quân tối mật chỉ có người em vợ là Bùi Đắc Tuyên và Trần Văn Kỷ biết.

Mùa hạ năm Đinh Mùi 1787, Huệ bất ngờ kéo đại quân vây thành Qui Nhơn, để Tuyên ở lại giữ Phú Xuân. Thành Qui Nhơn rung động, dân nhốn nháo chẳng hiểu chuyện gì.

Bị vây bất ngờ, vua Tây Sơn truyền đóng cửa thành cố thủ. Vua đau lòng không ngờ Huệ nỡ xóa tình cốt nhục.

Quan quân trong thành hoang mang, không lẽ gà nhà bôi mặt đá nhau?

Quân lính của Huệ toàn tâm binh, nhất nhất tuân lệnh chủ tướng tấn công quyết liệt. Quân trong thành buộc phải đánh trả, quăng gỗ đá, xử dụng cung nỏ ngăn địch. Quân Huệ không làm gì nổi vì thành quá kiên cố.

Tại Gia Định, Đông Định Vương Nguyễn Lữ được tin Huệ vây khốn Qui Nhơn. Lữ khóc nói với Thái Bảo Phạm Văn Tham: Ôi Ba Thơm (tức Nguyễn Huệ), sao chú ấy ngộ nghịch làm vậy. Tôi là kẻ tu hành, xem sự thế phù vân chẳng muốn vướng nợ. Cũng vì tình ruột thịt phải giúp anh em, xông pha nơi hòn tên mũi đạn, sát hại sinh linh mà lòng đau như xé. Cái chức tướng, bổng lộc vua anh ban cho tôi thật chẳng màng. Lòng chỉ ước mong bốn phương bình định, thiên hạ thái bình, tôi lại rũ áo từ quan, trở về cuộc đời tu trì cho cõi tâm thanh tịnh. Nếu chỉ vì hai chữ danh lợi mà anh em xâu xé, đành đoạn dứt nghĩa tình thì thà đừng có còn hơn.

Ngay hôm sau, Nguyễn Lữ ra lệnh bộ tướng Đặng Văn Trấn đem năm ngàn quân khẩn cấp về cứu viện Qui Nhơn. Lữ dặn Trấn: Ông cầm quân ra đi mục đích chính không phải giao tranh mà chỉ mong anh em hòa giải, Bắc Bình Vương rút về Phú Xuân, anh em chung lưng gánh vác giang san, vỗ yên trăm họ. Khi ra đến Phú Yên, ông cho dừng quân, tìm cách chuyển thư của tôi cho đức vua và Bắc Bình Vương. Ông chớ làm sai lời dặn.

Trấn bái mạng lên đường. Đến Phú Yên, Trấn làm theo lệnh Nguyễn Lữ, cử người gặp Huệ nhưng Huệ không trả lời. Trấn không biết làm sao đành án binh chờ.

Tấn công mãi không hạ được thành, Nguyễn Huệ nôn nóng lo sợ các tướng ở Phú Xuân kéo quân về tiếp ứng cứu vua. Huệ lo sợ nhất là vợ chồng Trần Quang Diệu Bùi Thị

Xuân là những người rất thân với vua, chưa kể Vũ Văn Nhậm còn nắm hàng vạn quân ở Nghệ An.

Huệ đánh chiếm núi Long Cốt, dùng súng đại bác bắn tới tấp vào thành. Lại ra nghiêm lệnh công thành ngày đêm, kẻ nào lùi bước sẽ bị người sau giết chết.

Quân trong thành núng thối. Vua Tây Sơn thấy thất bại sẽ xảy ra sớm chiều. Vua đứng trên vọng lâu lược trận, thấy phía xa Nguyễn Huệ mặc giáp đỏ đang hò hét chỉ huy. Vua lấy mảnh giấy viết vài chữ buộc vào mũi tên bắn ngay đầu ngựa người em. Huệ lượm tên. Mảnh giấy ghi hàng chữ: "*Bì ca cốt nhục, đệ tâm hà nhân.*" Có nghĩa là: Nổi da xáo thịt, lòng em sao nở? Đọc xong, Huệ cầm tờ thư định vò nát liệng đi. Rồi như ngẩn ngại, cuối cùng Huệ gấp bỏ trong áo giáp.

Trời tối dần, Huệ ra lệnh Trung Quân Trần Văn Kỷ đánh trống thu quân. Chiến trường không còn tiếng súng nổ, tiếng reo hò, chỉ nghe văng vẳng tiếng rên la kêu khóc của thương binh la liệt dưới chân thành. Huệ ngược mắt nhìn trên vọng lâu thấy mờ mờ dáng người anh, vua Tây Sơn đứng bất động.

Bữa cơm tối hôm ấy, Huệ cùng ngồi ăn với Kỷ. Hai người cùng yên lặng. Huệ uể oải như muốn bữa ăn chóng qua. Bỗng Huệ cắn phải lưỡi, bảo Kỷ vịnh thơ. Trần Văn Kỷ không nghĩ, ngâm rằng:

Ngã ký sinh tiền, nhĩ hậu sinh

Nhĩ ưng vi đệ, ngã vi huynh

Lý ưng cộng hưởng trần cam vị

Hà nhẫn tương vong cốt nhục tình?

Bài thơ có nghĩa: Ta sinh ra trước mới tới chú. Vậy ta là anh, chú là em. Lẽ ra cùng chung hưởng ngon ngọt. Nỡ nào vong tình cốt nhục? Huệ nghe xong không nói gì. Buông đĩa, Huệ nói một bước vào phòng trong, Kỷ còn một mình.

Sáng hôm sau, quan quân trong thành Qui Nhơn dậy sớm chuẩn bị cho ngày giao tranh mới. Lạ thay, nhìn ra ngoài thành thấy vắng lặng. Không bóng người lẫn bóng cờ. Quân của Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đã rút đi hết tự bao giờ!

Kể từ ngày đó, vua Thái Đức không còn vui vẻ linh hoạt như xưa, trầm ngâm ít nói. Vua uống rượu nhiều hơn. Có ngờ đâu trong men say chiến thắng vẫn lẫn vị cay đắng. Vua ngồi trên tuyệt đỉnh vinh quang lại mang nỗi đau vật vã trăm năm! Cái giá phải trả cho sự thành công chẳng rẻ chút nào.

Tại Gia Định, chuyện bất hòa trong anh em khiến Đông Định Vương Nguyễn Lữ buồn phiền rồi sinh bệnh. Những cơn nóng lạnh, nhức đầu hoa mắt xảy đến không ngớt, thuốc men nhiều nhưng mức thuyên giảm chẳng là bao. Lữ để Thái Bảo Phạm Văn Tham trấn giữ Gia Định rồi về Lạng Phụ nghỉ ngơi tịnh dưỡng.

Người biết triệt để khai thác cơ hội không ai ngoài đối thủ nguy hiểm nhất của Tây Sơn là Nguyễn Phúc Ánh.

Bấy giờ Ánh đang sống nương nhờ vua Xiêm La tại một làng nhỏ gần Vọng Các. Bỗng có sứ giả người Bồ Đào Nha đến gặp cho biết 56 chiến thuyền sẵn sàng cập bến tăng cường quân Nguyễn. Ánh mừng rỡ cùng đám bộ hạ đưa đoàn thuyền về vùng đảo Phú Quốc.

Tháng bảy, Lãn Bình Tây Sơn tại Long Xuyên Nguyễn Văn Trương chịu về hàng phục Ánh cùng với 15 chiến thuyền và ba trăm binh sĩ. Ánh chiêu mộ thêm được vài ngàn quân mở cuộc tấn công chiếm Cần Thơ. Quân Tây Sơn ở thế bị động không mở cuộc phản công. Một số tướng Tây Sơn đem quân và chiến thuyền về qui hàng. Tháng sau, Ánh tấn công thành Gia Định, dùng kế ly gián Thái Bảo Tham và Nguyễn Lữ. Lữ đang bệnh nặng ra lệnh thủ hạ đưa mình về

Qui Nhơn. Quân Tây Sơn vẫn giữ được Gia Định nhưng mất quyền kiểm soát hầu hết miền tây nam.

Nguyễn Lữ về Qui Nhơn bệnh ngày càng trầm trọng. Các danh y bó tay. Lữ mê man mấy ngày liền. Khoảng canh ba, một đêm trăng thu vắng vặc, Lữ bỗng tỉnh dậy. Nhìn thấy vua vẫn đứng bên giường, Đông Định Vương nắm tay anh thở hắt ra rồi từ trần. Vua Tây Sơn đeo thêm nỗi buồn nặng trĩu.

Những biến cố xảy ra tại triều đình Tây Sơn và Bắc Hà giúp Nguyễn Ánh thêm yên tâm củng cố lực lượng. Ánh nghĩ rồi đây, Nguyễn Huệ sẽ phải dồn mọi nỗ lực đối phó với mặt bắc. Với Ánh, Huệ là mối đe dọa lớn nhất chứ không phải Nguyễn Nhạc. Tin vui và hy vọng càng nung nấu trong con người đầy ý chí Nguyễn Ánh niềm tin phục hồi vương quyền, chiếm lại toàn bộ mảnh giang san tổ phụ xây nên.

Cuối năm, Giám Mục Bá Đa Lộc và Hoàng Tử Cảnh từ Pháp trở về. Giáo Sĩ cho biết đã thay Ánh ký với Bá Tước Montmorin, đại diện Pháp Hoàng Louis thứ 16 hiệp ước Versailles, chấp nhận những điều khoản nhượng đứt đảo Côn Sơn và cảng Hội An cho Pháp. Đồng ý cho Pháp buôn bán độc quyền tại nước Nam...

Đối lại, Pháp giúp Ánh kỹ thuật quân sự, bốn chiến hạm, vũ khí đạn dược và trên một ngàn sáu trăm thủy bộ binh.

Vua Tây Sơn biết tin, vua nói với quần thần: Nguyễn Ánh bao phen bị ta đánh tới tấp, làm gì có đất mà nhượng. Nó hèn hạ hết cầu cứu với bọn mọi rợ Xiêm La, nay lại đến phương tây. Chẳng qua vua Phú Lang Sa ở xa không biết rõ tình hình nên bị nó và giáo sĩ người Tây Dương bịp. Ta cứ vỗ cho nó mập rồi càn quét một trận là xong.

Vua chủ quan coi thường Ánh, nguyên nhân đầu tiên dẫn đến thảm bại sau này.

Tháng tám năm sau, năm Mậu Thân 1788. Tổng Nhung Võ Tánh đem quân tuyển mộ được ở Kiến Hòa kéo về trợ lực quân Nguyễn. Ánh cả mừng phong Võ Tánh làm Tiên Phong, lại gả con gái trưởng là Nguyễn Thị Ngọc Du cho Tánh để lấy lòng. Quân Nguyễn lại mở cuộc tấn công hạ thành Gia Định. Thái Bảo Tham chống không lại buộc phải rút quân về Bến Tre. Cuối cùng bị vây khốn ngặt nghèo phải hàng phục quân Nguyễn. Nguyễn Ánh ân cần phủ dụ cho Tham yên lòng. Tham đâu ngờ chỉ một thời gian ngắn sau, chính Tham cũng bị Ánh giết chết. Kể từ đó, Ánh chiếm lại toàn bộ vùng đất từ Gia Định vào nam. Rút kinh nghiệm đau thương của bao lần thất bại, Ánh chăm lo tuyển binh và huấn luyện, lại tổ chức cai trị tại những vùng chiếm được. Ánh chưa vội mở tiếp các cuộc hành quân tiến chiếm, cốt ý xây dựng hậu phương vững làm điểm tựa tính kế lâu dài.

Tin Gia Định thành thất thủ về đến Qui Nhơn. Triều thần hội nghị bàn mưu tái chiếm. Vua Tây Sơn chỉ nói: Đợi xem tình thế ra sao rồi sẽ liệu.

Chờ mãi chẳng thấy vua có quyết định gì. Triều thần dị nghị. Có kẻ cho vua chán nản trở nên nhu nhược sau những chuyện đau lòng xảy ra. Bệnh nhu nhược không có thuốc chữa. Người lại nghĩ vua vốn tức kẻ đa mưu, đang tìm cách gọi quân của Trần Quang Diệu, Vũ Văn Nhậm trở về Qui Nhơn rồi mới tính chuyện hưng binh đánh Nguyễn Ánh. Điều hiển nhiên nhất: Cái thế chân vạc của ba anh em Tây Sơn nay gãy mất một.

Trở lại chuyện xảy ra tại Phú Xuân. Sau khi hòa giải với anh, Nguyễn Huệ kéo quân về. Thế là từ đây, Huệ làm vua

một cõi, hoàn toàn không còn gì lệ thuộc Trung Ương Hoàng Đế. Mục tiêu Nguyễn Huệ đang lưu tâm là đất bắc. Huệ chú tâm theo dõi tình hình Bắc Hà.

Mùa thu năm trước, sau khi anh em Tây Sơn bí mật rút quân về nam, tình hình Bắc Hà lại rối loạn. Căn nguyên vua Chiêu Thống bất tài, không tự gây được thế lực nên bị đám cựu thần hiếp đáp làm loạn nước. Ngay cả đám nho sĩ như Dương Trọng Tế người huyện Gia Lâm nắm khoảng vạn quân trong tay cũng đủ sức bắt nạt vua Lê. Tế đưa Trịnh Lệ, em chúa Trịnh Sâm về kinh ép vua lập lại phủ chúa. Vua căm họ Trịnh giết cha mình là Thái Tử Lê duy Vĩ nên gan lì quyết không thuận.

Lợi dụng cơ hội, Liễn Quận Công Đình Tích Nhưông cũng kéo quân từ Hải Dương về kinh thành. Dù chỉ có vài ngàn quân nhưng Nhưông phao tin quân có hàng vạn để phô trương thanh thế. Nhưông dễ dàng đánh bại Dương Trọng Tế, chủ trương bỏ Trịnh Lệ, ủng hộ Trịnh Bồng, con Uy Nam Vương Trịnh Giang.

Phần vua Lê, vua thích Bồng hơn Lệ nhưng không thuận tái lập phủ chúa. Vua chỉ ban Trịnh Bồng tước quốc công. Triều thần cãi cộ hỗn loạn. Kể bênh vua cho rằng phải vâng mệnh vua, lấy chúa hiếp vua là mầm mống loạn. Đình Tích Nhưông cãi: Trên hai trăm năm có vua lẫn chúa. Công đức nhà chúa không vì một lần thất bại mà bỏ đi, thế là bất công. Chẳng qua vua trẻ người non dạ, nghĩ chưa thấu đáo mới cố chấp không chịu phong vương tước cho Côn Quận Công (chỉ Trịnh Bồng).

Kinh thành nhốn nháo vì Thạc Quận Công Hoàng Phùng Cơ cũng kéo quân Sơn Tây về. Mọi người đều nghĩ Quận Thạc trung với vua, tất sẽ xảy ra giao tranh giữa Nhưông và Thạc. Chính vua cũng tin như thế. Nào ngờ, Thạc thấy thế

chúa mạnh lại quay sang ủng hộ chúa. Vua giận, cần rằng phong Trịnh Bồng làm Yến Đô Vương. Mặt khác, vua ngầm sai người vào Nghệ An gọi Nguyễn Hữu Chỉnh kéo quân về kinh dẹp loạn. Vua tin chỉ có Chỉnh là người mạnh nhất.

Bắc Hà giờ đây đại loạn. Loạn trong triều, loạn ngoài dân. Làng nọ kéo dân đánh làng kia, tranh dành đất đai. Dâu cũng có kẻ cướp. Ông trời tiếp tay hành hạ dân đen, hết đại hạn mất mùa đến giông bão lụt lội. Cây cối hao hại tận tuyệt chẳng còn giống gì. Nhiều nơi bị nạn sâu rầy cắn hại ruộng lúa. Kẻ có tiền chẳng mua được thóc. Thiên hạ đói khổ chết la liệt. Tại Nghệ An, có làng xã người chết sạch chẳng còn ai, tiếng than oán thấu trời...

Giữa tình hình đen tối ấy, Nguyễn Hữu Chỉnh nhận mệnh vua. Chỉnh mừng cho là cơ đã đến tay, xúc tiến nhanh chóng việc tuyển binh rồi kéo đại quân về Thăng Long.

Tại Thăng Long, Nhượng và Thạc nghe Chỉnh kéo quân về, cả hai với Chỉnh vốn chỗ quen biết, cùng muốn tránh đùng độ. Cơ kéo quân về Sơn Tây, Nhượng về Hải Dương chờ nghe ngóng tình hình. Phần Trịnh Bồng, biết không thể tin cậy vào con người hèn hạ như Dương Trọng Tế. Bồng bỏ kinh đô chạy lên phía bắc. Cuối cùng chán cuộc bể dâu, Bồng quyết tâm nương nấu cửa Phật. Thế là trên hai trăm năm cơ nghiệp họ Trịnh đã bị Nguyễn Hữu Chỉnh xóa.

Vua Lê nghiêm nhiên trở thành kẻ thắng. Kẻ thắng có quyền làm mọi sự, vua ra lệnh thiêu hủy phủ chúa, lửa cháy ngút trời mười ngày chưa tàn. Người người chê vua tiểu tâm. Vua phong Chỉnh tước Bằng Trung Công. Chỉnh nắm giữ binh quyền trở thành nhân vật mạnh nhất Bắc Hà.

Thấy Chỉnh nắm hết binh quyền, vua lo sợ một ngày không xa Chỉnh sẽ cướp ngôi. Vua bàn với cận thần tìm cách ám hại Chỉnh. Chỉnh biết được giận lắm nhưng chưa nỡ

xuống tay. Từ đó, Chỉnh không còn coi vua ra gì. Chỉnh đặt tên cho đạo quân của mình là Vũ Thành, hoàn toàn quyết định mọi việc triều chính. Giòng họ nhà Lê bao đời làm vua nhưng vẫn tiếp nối truyền thống bù nhìn.

Tại Nghệ An, Vũ Văn Nhậm theo dõi sát mọi hành động của Chỉnh. Nhậm cấp thời tường trình mọi việc với Nguyễn Huệ. Vì lòng căm ghét Chỉnh, Nhậm vẽ răn thêm chân. Nhậm viết cho Huệ: *"Nay Chỉnh kẻ như chúa tể đất bắc. Ta nên lợi dụng lúc lòng người còn hoang mang, tình hình chưa ổn định cấp thời diệt hần. Nếu để lâu, ta khó lòng chiếm được Bắc Hà."*

Phần Huệ, Huệ nhận ra con người bản lãnh tài năng của Chỉnh. Từ hai bàn tay trắng, Chỉnh gây dựng cơ đồ chẳng mấy khó khăn. Huệ cho Nhậm nói đúng. Phải triệt Chỉnh càng sớm càng tốt.

Khoảng cuối thu, Huệ cử hai Đại Tư Mã Phan Văn Lân và Ngô Văn Sở ra Nghệ An cho lệnh Nhậm tấn công ra bắc diệt Chỉnh. Trước khi Lân và Sở lên đường, Huệ dặn Sở: Tôi cho lệnh Nhậm ra bắc nhưng không bao giờ tin hần vì hần là rể của anh tôi. Vậy ông bám sát, theo dõi gắt mọi hành vi ý đồ của hần, cấp thời cho tôi biết để có cách đối phó.

Dĩ nhiên, Sở chắc chắn hoàn thành nhiệm vụ đáp ứng mong muốn của Huệ. Đại Tư Mã Ngô Văn Sở vốn chẳng ưa gì Tả Tướng Vũ Văn Nhậm.

Quân Tây Sơn ra bắc chiến thắng dễ dàng vì lính Bắc Hà luôn trong tâm trạng sợ hãi không muốn giao tranh. Nhậm vào Thăng Long để mặc lính tự do cướp bóc của cải những nhà quyền quý. Cha con Nguyễn Hữu Chỉnh bỏ kinh thành chạy lên vùng rừng núi Yên Thế. Cuối cùng cũng bị quân Tây Sơn bắt được. Nhậm trả hận Chỉnh bằng hình phạt tử mã

phanh thầy. Dân bắc kinh hãi, ghê tởm hình phạt man rợ dù không ưa Chính.

Tả Tướng Nhậm bây giờ uy quyền lừng lẫy. Nhận thấy dân bắc tuy oán Chính nhưng vẫn mến nhà Lê. Nhậm lập Sùng Nhượng Công Lê Duy Cận làm Giám Quốc. Cận là con trai thứ tư của vua Lê Hiến Tôn.

Quyết định của Nhậm bị Ngô Văn Sở phản đối. Ý của Sở là chiếm lấy Bắc Hà. Nhậm tỏ ra khinh thường Sở. Nhậm nói: Quyền hành trong tay tôi, ông khỏi bàn bạc, chỉ tuân lệnh là đủ.

Sở tức giận mật báo về Phú Xuân, cho rằng Nhậm có ý bội phản, muốn tôn phù nhà Lê. Nguyễn Huệ ý muốn giết Nhậm từ lâu, đích thân đem ba vạn quân ra Thăng Long.

Tháng tư năm Mậu Thân 1788, Huệ đến Thăng Long. Nhậm cùng chư tướng ra cổng thành đón. Hai chú cháu sánh vai nhau vào thành.

Đêm hôm ấy, Nhậm làm tiệc đãi chú. Tàn tiệc, chư tướng ra về chỉ còn lại Huệ, Nhậm và một số thủ hạ thân tín của Huệ. Huệ đứng dậy chống gươm kết tội Nhậm phản bội. Huệ nói: Anh em nhà ta chẳng hề phụ mi, anh ta lại gả con cho mi, ta phong mi quyền cao chức trọng, cớ sao bội phản muốn lập lại nhà Lê chống lại cha chú.

Nhậm rạp đầu một mực kêu oan. Lời nói thống thiết của Nhậm không lay lòng Huệ. Huệ nói câu cuối cùng với Nhậm: Mi vô tội nhưng mi làm ta lo ngại cũng đã là tội.

Nói xong, Huệ ra lệnh võ sĩ Hoàng Văn Lợi đâm chết Nhậm, xác chôn ngay sau vườn.

Hôm sau, Huệ cử Ngô Văn Sở chỉ huy thay Nhậm. Nghe lời khuyên của Trần Văn Kỷ, Nhậm trọng dụng đám cựu thần tâu ba như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích...

Tạm ổn mặt bắc, Huệ rút về Phú Xuân giao toàn bộ trách nhiệm cho Ngô Văn Sở và Ngô Thì Nhậm tùy nghi đối phó giải quyết tình hình.

Vua Tây Sơn được tin con rể đã bị Huệ giết. Vua đau lòng như bị dao đâm. Nhất là phải nghe lời thở than của vợ, tiếng khóc thảm thê trách cha hận chú của con gái Thọ Hương. Hương nói: Cũng vì chuyện mưu bá đồ vương mà cha coi con như món hàng. Cha gả bán con cho Đông Cung Dương. Ông ấy bỏ vô nam, rồi cũng bị chú ba (chỉ Huệ) giết đi. Một ngày ở với nhau cũng là nghĩa tình, con thành gái góa. Con lại vâng ý cha làm vợ ông Nhậm. Ông ấy đem hết tài vô cùng cung tận tụy cơ nghiệp nhà ta. Cuối cùng cũng chết dưới tay chú. Chú tàn nhẫn chà đạp nghĩa tình, chỉ biết danh biết lợi. Chú kéo quân về đánh lại cha. Làm con hai lần thành góa bụa, mang tiếng với đời có tướng sát phu...

Vua héo hắt gan ruột chỉ biết dùng rượu giải sầu.

Tháng tám, Nguyễn Huệ được tin Nguyễn Ánh chiếm Gia Định. Huệ lo sợ nhưng không dám tổ chức hành quân chinh phạt vì nhận mật tin từ Bắc Hà của Tiết Chế Ngô Văn Sở cho biết vua nhà Thanh là Càn Long nhận lời cầu cứu của Lê Chiêu Thống, đã ra lệnh Tổng Đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị gom trên hai mươi vạn quân bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Quý Châu, Vân Nam chuẩn bị vượt biên giới tấn công. Huệ biết nhà Thanh chỉ nhân cơ hội lấy cớ chiếm nước nam. Trung Quốc muôn đời không bao giờ từ bỏ mộng đại bá.

Tháng mười, đại quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị thống lĩnh cùng các danh tướng Hứa Thế Hanh, Trương Sĩ Long, Sầm Nghi Đống ào ạt vượt biên chà nát vùng thượng du miền bắc. Quân Tây Sơn đóng ở biên giới hoàn toàn tan rã. Tiết Chế Ngô Văn Sở tại Thăng Long lòng như lửa đốt nhận tin cấp

báo tới tấp. Sở khẩn cấp họp tham mưu. Nội Hầu Phan Văn Lân, tay võ nghệ siêu quần, bạn thân của vua Tây Sơn hăm hở phát biểu:

- Theo tôi, bọn giặc Thanh kéo sang chẳng có gì đáng sợ. Ông cha ta ngày trước từng phá giặc Tống, ba lần đánh bại Mông Cổ. Bình Định Vương Lê Lợi mười năm quét sạch giặc Minh ra khỏi cõi bờ. Nay ta chỉ cần noi gương người trước, tổ chức những toán phục binh ngăn bước tiến quân của giặc, rồi chọn thời cơ đại chiến đánh cho chúng tan tác.

Tả thị Lang Ngô Thì Nhậm bác bỏ, Nhậm nói:

- Cái thời xưa nay khác hẳn. Thời Trần Lê quân dân một lòng liều chết chống giặc. Ngay các bộ lão cũng họp Hội Nghị Diên Hồng đồng tâm quyết chiến. Thế nước yếu lấy hy sinh để lo chiến chinh. Hiện nay ta chưa thu phục được lòng dân, dân kinh thành căm hận Văn Nhậm chẳng khác căm hận Nguyễn Hữu Chỉnh. Lòng dân còn nhớ nhà Lê. Đám cự thủ nhà Lê đâu cũng có, bọn này đang ngày đêm ngóng trông quân giặc. Phần dân nhẹ dạ, dễ mắc cái mưu “*phù Trần diệt Hồ*” của bọn giặc Minh thời Trần mạt. Với tình hình này, ta đặt quân mai phục tất sẽ bại lộ vì dân cáo tổ với giặc. Như thế có phải mình tự đưa mình vào tử địa. Quân cơ bại lộ làm sao đạt thắng lợi?

Ngô Văn Sở hỏi kế sách. Nhậm giải thích:

- Thuật dụng binh có hai cách công và thủ. Thế công hẳn không được. Thế thủ chắc không xong vì ông có tin được đám quân Bắc Hà trong hàng ngũ của mình. Có thể họ sẽ bỏ trốn hoặc làm nội ứng cho giặc. Vậy thủ sẽ gây biến loạn.

Lân mĩa mai:

- Công không xong, thủ chẳng được. Ý của ông chắc là kế tẩu?

Nhậm nghiêm nghị:

- Chẳng phải tẩu mà là thối. Ông giỏi quyền thuật ắt hiểu cách tấn thối nhịp nhàng để thủ thắng cuối cùng.

Lân chưa chịu thua:

- Khi Đại Vương về Phú Xuân giao trọng trách cho ta. Nay giặc chưa tấn công đã bỏ thành mà chạy sao không khỏi bị quở phạt, lại không tránh được tiếng chê cười rằng ta hèn nhát. Lân này từng theo Đại Vương mấy phen đánh tan Nguyễn Ánh, đại phá giặc Xiêm, mạnh như bọn Tây Dương còn bị chết chìm dưới biển, không lẽ nay lại sợ đám giặc Thanh này?

Nói xong, Lân bỏ ra ngoài. Tiết chế Sở nói với Nhậm:

- Tôi thấy lời Lân nói không hoàn toàn vô lý. Vậy ông cho tôi nghe tiếp kế hoạch.

Nhậm tiếp:

- Danh tướng cầm quân xưa nay liệu thế ta, thế địch sao cho có lợi mới đánh. Tùy cơ ứng biến, xuất quỷ nhập thần. Ta nhử cho giặc vào sâu bằng cách rút thủy binh về tập trung ở đảo Biện Sơn, Thanh Hóa. Còn bộ binh về trấn ngang núi Tam Điệp. Ta chẳng hao một tên quân, bảo toàn lực lượng. Giặc vào Thăng Long ví như ta cho chúng ở nhờ qua đêm rồi lại đánh đuổi chúng đi. Nào có chi mất mát. Ông yên tâm một khi đại vương hỏi đến, tôi sẽ giải bày mọi lẽ.

Tư Mã Sở cho hợp lý, xúc tiến ngay kế hoạch.

Phan Văn Lân, ngay đêm đó tự dẫn một ngàn quân dự tính vượt sông Nguyệt Đức chặn đánh địch.

Trời lạnh, gió bắc thổi buốt xương. Quân của Lân vừa qua sông đã bị quân Thanh do Trương Sĩ Long mai phục đánh tan tác. Lân kéo tàn quân rút chạy lại bị Hứa Thế Hanh chặn đánh mảnh giáp chẳng còn. Lân thoát chạy theo đoàn quân Sở và Nhậm, xấu hổ vì không nghe lời Nhậm.

Quân Thanh tiến vào kinh đô Thăng Long, nghênh ngang trên đường phố như những kẻ chiến thắng. Từ đó, bọn lính vô kỷ luật không ngưng sách nhiễu hà hiếp dân nam. Ngay cả bọn chủ tướng còn hống hách hơn, coi vua quan nhà Lê như bọn tôi tớ hèn hạ, mặc tình sai khiến. Kẻ thức thời hiểu ngay họ không đến để giúp nhà Lê mà để cai trị nước nam.

Phần Chiêu Thống, vua vốn tiểu tâm chỉ lo việc trả thù, trừng phạt dã man những người theo Tây Sơn.

Đến núi Tam Điệp. Sở lập phòng tuyến, cử Đô Đốc Tuyết, cháu gọi Nguyễn Huệ là cậu khấn cấp vào Phú Xuân báo tin. Thấy Tuyết có vẻ sợ hãi, Nguyễn Huệ giận mắng:

- Đến nỗi chi mà mi quá hãi sợ. Rồi xem ta sẽ tiêu diệt lũ chó Ngô như bọn quân Xiêm quân Nguyễn.

Triều thần họp bàn đề nghị Huệ lên ngôi Hoàng Đế cho có chính vị rồi sẽ ra quân diệt giặc. Huệ hỏi Trung Thư Lệnh Trần Văn Kỷ, Kỷ nói:

- Nay vua Lê bất lực không gánh vác nổi sơn hà, lại cam tâm rước voi về đẩy mả tổ tiên. Đó là quốc nhục. Phía nam, Trung Ương Hoàng Đế uy tín suy giảm khi Gia Định lọt vào tay Nguyễn Ánh. Ông lên ngôi là hợp lòng dân, có thể mới kết hợp trong ngoài kháng giặc.

Huệ nghe mừng. Sai Kỷ soạn chiếu lên ngôi. Về quân đội, Huệ đã chuẩn bị sẵn sáu vạn quân tinh nhuệ đầy đủ vũ khí cùng hai trăm thớt voi trận, hàng trăm chiến thuyền sẵn sàng lên đường bắc phạt.

Ngày hôm sau, ngày hai mươi hai tháng mười một năm Mậu Thân 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng Đế niên hiệu Quang Trung. Tờ chiếu lên ngôi có đoạn viết: "... *Trẫm chỉ là người dân áo vải đất Tây Sơn, không hề có chí làm vua. Nhân vì lòng người chán loạn lạc, mong có minh chủ an dân cứu đời. Vậy nên trẫm chiêu binh mãi mã, xông pha chốn mũi tên*

hòn đạn phù Hoàng Đại Huynh (chỉ Nguyễn Nhạc) diệt loạn dựng nước ở cõi Tây, vỗ yên Xiêm La Cao Miên ở phía nam, hạ Phú Xuân Thăng Long chỉ mong giúp dân thoát cơn điêu linh binh lửa..."

Ba ngày sau, Quang Trung ra lệnh xuất quân. Đến Nghệ An, vua cho dừng để tuyển mộ thêm quân. Cứ ba đình lấy một lính. Quân số nay lên khoảng mười vạn. Vua cấp tốc huấn luyện tân binh, lại cho vời danh sĩ xứ Nghệ La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiệp. Đây là lần thứ hai gặp Thiệp. Vua nói:

- Ta cầm quân gần hai mươi năm chưa nếm mùi chiến bại. Lần này xuất quân chống giặc Thanh. Theo ý tiên sinh, cái cơ thành bại thế nào?

Nguyễn Thiệp trả lời:

- Bệ hạ dụng binh mưu lược, mọi người nể phục, lại biết chiêu hiền đãi sĩ, mệnh lệnh uy nghiêm, uy dũng có thừa. Đó là danh tướng. Nay trong nước trống không, nhân tâm ly tán. Giặc từ xa tới không rõ tình hình quân ta tất không có kế sách đối phó. Tôi đoán bệ hạ ra quân lần này chỉ độ mười ngày là đạt thắng lợi.

Vua lại hỏi:

- Giặc đông trên hai mươi vạn. Bọn Tôn Sĩ Nghị, Hứa Thế Hanh, Sầm Nghi Đống... toàn những danh tướng. Sao tiên sinh có thể quyết đoán?

- Giặc tuy đông nhưng không thiện chiến vì vài chục năm qua vùng nam Trung Quốc yên bình không giặc giã. Vả lại khi sang nước ta, chúng sẵn kiêu căng coi thường. Lính viễn chinh ưa làm điều càn bậy gây căm thù bất mãn trong dân. Vậy quân càng đông thất bại càng lớn. Chính Chiêu Thống là kẻ làm cơ nghiệp họ Lê sụp đổ. Tấn công địch vào dịp tết Nguyên Đán được thêm yếu tố bất ngờ. Tôi có kế giúp bệ hạ chiếm thành Thăng Long mau chóng.

Nói xong, Nguyễn Thiệp trao cho vua mật thư. Thiệp nói:

- Tôi có người học trò đáng tin cậy hiện đang làm chức Đề Lĩnh chỉ huy cấm binh tại Thăng Long. Bệ hạ cấp trao thư của tôi cho hắn dẫn làm nội ứng. Khi ta công thành, hắn lập tức phóng hỏa đốt các kho lương thực vũ khí.

Vua Quang Trung cả mừng, tin tưởng kính trọng Thiệp bội phần.

Xong mọi việc, vua ra lệnh tiến quân. Vua nói với tướng sĩ:

- Nay giặc xâm lấn đất nước, ta phải đánh đuổi chúng đi. Các người phải dốc lòng cùng ta lo đại sự. Kẻ nào phản trắc, ta giết tức thì, không dung bất cứ ai.

Ngày hai mươi tháng chạp, đại quân đến núi Tam Điệp. Các tướng Sở, Lân và Ngô Thì Nhậm ra đón vua, tất cả vác gươm trên vai tỏ ý chịu tội. Vua phủ dụ tướng sĩ, khen Nhậm mưu lược.

Vua sai quân dò thám tình hình, cử sứ giả Trần Danh Bính đến gặp Tôn Sĩ Nghị cầu hòa, xin bãi binh. Nghị khinh thị bất giam sứ giả. Nghị nói: Với bọn Nam man, ta chỉ cần đánh một trận là xong. Giặc Huệ biết ăn năn nhưng đã muộn. Ta sẽ cho nó thấy sức mạnh của Thiên Triều, dạy kẻ hèn xược bài học nhớ đời.

Quân Thanh hoàn toàn không phòng bị, thoải mái vui xuân.

Ngày cuối năm Mậu Thân, vua ra lệnh tướng sĩ ăn tết sớm, hẹn bảy ngày sau sẽ vào Thăng Long. Nhiều kẻ nghĩ vua lỏng gông.

Qua giao thừa bắt đầu năm mới, năm Kỷ Dậu 1789. Năm cánh quân Tây Sơn do vua Quang Trung tổng chỉ huy phát pháo tiến quân.

Quân vua vượt sông Giản Thủy chiếm Sơn Nam. Ngày mồng ba tết hạ thành Hà Hồi. Quân đến Ngọc Hồi, dân làng nghe vua đến vui mừng đón rước, lại bày cỗ bàn bánh trái khao quân. Vua vui mừng cảm động ban cho làng bốn chữ “*Hiếu Nghĩa Khả Gia*”, khen lòng dân chuộng nghĩa.

Mở sáng ngày mồng bốn. Trước khi xuất quân, vua đeo khăn vàng nơi cổ, đồng dục truyền lệnh: Thành Ngọc Hồi là cứ điểm quan trọng của giặc. Ngọc Hồi mất, Thăng Long tất chẳng còn. Giặc biết thế nên đóng ở đây gần năm vạn quân, lại do các tướng tài như bọn Hứa Thế Hanh, Trương Sĩ Long... chỉ huy. Chúng ý người đông thành chắc ta không thể hạ nổi. Ta đeo khăn vàng là ý tử chiến. Trận này ta chỉ thắng hoặc chết. Các tướng sĩ có đồng tâm quyết chiến?

Vua vừa dứt lời, tướng sĩ hô vang quyết chiến, thế quân mạnh như thác lũ. Các tướng cũng đeo khăn vàng như vua. Lệnh cuối vua truyền đốt hết lương thảo. Tướng sĩ ai nấy hăng hái thi hành.

Nội Hầu Phan Văn Lân cưỡi voi, chỉ huy một trăm tượng binh mở đường. Quân nam dùng những tấm ván dài bên rơm có tẩm nước đỡ đạn. Đám khinh binh trang bị Hỏa Hổ và đoản đao tiến sát sau tượng binh. Thành Ngọc Hồi chìm trong lửa đạn. Tiếng quân reo ngựa hí. Tiếng trống trận liên hồi hối thúc. Quân nam say máu không lùi, lớp này chết, lớp khác tiến lên. Quá trưa, quân Thanh núng thế. Phan Văn Lân dẫn đầu tượng binh tràn bừa vào húc đổ cổng thành dù thốt voi Lân cưỡi bị tên bắn dày như lông nhím. Lân xuống voi múa đoản đao chém giết. Quân nam say máu giết giặc như thái rau. Vua Quang Trung đầy dũng khí cũng bỏ voi xuống bộ múa roi xung trận. Chiến trường mù mịt lửa khói, tiếng rên la kêu khóc dậy trời. Quân Thanh đập lên nhau bỏ chạy khỏi thành lại vương địa lôi nổ tan xác. Các tướng Trương Sĩ

Lương, Thượng Duy Thăng tử trận. Đề Đốc Hứa Thế Hanh lên ngựa tìm cách thoát thân, cuối cùng bị Lân chém rơi đầu. Ngọc Hồi thất thủ. Hơn nửa lực lượng quân giặc phơi xác.

Toán hậu quân do Ngô Văn Sở vừa đến. Vua ra lệnh biến hậu quân thành toán tiên phong. Vua cười voi chỉ huy ra lệnh thẳng tiến về Thăng Long.

Cũng ngày ấy, cánh quân do Đại Đô Đốc Đặng Văn Long hạ đồn Khương Thượng do Thái Thú Sầm Nghi Đống chỉ huy. Đống kéo quân rút chạy về Thăng Long. Bị truy kích ngặt, Sầm Nghi Đống thắt cổ tự vận tại gò Đống Đa.

Phần Tổng Đốc Tôn Sĩ Nghị. Sáng mồng bốn, Nghị được tin Ngọc Hồi bị tấn công. Nghị hoang mang không hiểu vì sao quân nam tiến nhanh đến thế, vội cử Lãn Bình Thang Hùng Nghiệp dẫn quân ngoài thành chờ rõ thực hư.

Đêm hôm ấy, Nghị bồn chồn thao thức, ra lệnh quân sĩ canh gác cẩn mật chuẩn bị tác chiến.

Dân kinh thành hoảng sợ chạy trốn ra ngoại thành. Trong cung vua, Chiêu Thống cho gia nhân gom đồ tế nhuyễn sẵn sàng cùng bầu đoàn thể tử chạy trốn.

Sáng ngày mồng năm tết, khoảng giờ Sửu trời còn tối mù. Tôn Sĩ Nghị nghe phía tây thành nhiều tiếng súng nổ. Tiếng quân reo hò mỗi lúc một gần, Nghị vụt dậy bước ra ngoài thấy trong thành lửa cháy ngút trời. Các kho lương và vũ khí bị đốt. Tin cấp báo thủy binh nam quân do Đô Đốc Nguyễn Văn Tuyết đang tấn công phá vỡ một góc thành. Bổng quân nam từ nhiều phía ào ào như sóng reo hò tấn công, Hỏa Hổ phun lửa đốt cháy doanh trại. Tôn Sĩ Nghị hoảng hốt không kịp mặc giáp, được tùy tướng che chở thoát chạy về hướng bắc. Quân Thanh thấy chủ tướng bỏ chạy cũng tìm đường đập nhau tẩu thoát vượt sông Nhị Hà. Cầu

gậy, giòng sông nghẽn xác người. Quân Thanh đến gần biên giới lại bị quân nam do Đô Đốc Nguyễn Văn Lộc chặn đánh tan tác. Dân Tàu gần biên giới hoảng hốt bỏ của chạy lấy người. Trên hai mươi vạn hùng binh nay tan tác tả tơi.

Chiều ngày mồng năm tết năm Kỷ Dậu. Vua Quang Trung trên mình voi dẫn đoàn quân chiến thắng vào Thăng Long. Chiến bào đen khói súng. Trên thành, dàn trống trận Tây Sơn đánh khúc khải hoàn.

Sau chiến thắng, vua lo ổn định tình hình Bắc Hà. Vua hỏi Ngô Thì Nhậm:

- Theo ông, phản ứng của vua Thanh sẽ thế nào?

Nhậm đáp:

- Cần Long là vua nước lớn tất không chịu nhục. Thần nghe phong thanh Tôn Sĩ Nghị đã bị cách chức. Vua Thanh cử Tổng Đốc Phúc Khang An chuẩn bị năm mươi vạn quân đánh ta.

- Vậy ta có cách chi đối phó?

- Ta nên tìm cách hòa hoãn. Thần biết Phúc Khang An ngại chinh chiến. Vua Thanh lại tin dùng hần. Ta liệu cách mua chuộc Khang An, xui hần khuyên vua bãi binh. Thần nghĩ việc này ta làm được.

Vua tin tưởng giao cho Nhậm và Phan Huy Ích lo việc ngoại giao. Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân lo quân sự.

Mùa hè, vua trở lại Phú Xuân. Việc ngoại giao tiến triển tốt đẹp. Tháng bảy, vua Thanh phong Quang Trung làm An Nam Quốc Vương.

Vua Tây Sơn biết tin người em đã xưng đế hiệu, vừa đại phá quân Thanh. Vua mừng rỡ nói với quần thần: Em ta đáng mặt anh hùng. Hai anh em cùng làm vua, truyện cổ kim chưa từng có.

Quần thần có người nghĩ khác. Họ bảo nước không thể có hai vua. Thế nào rồi Nguyễn Huệ cũng tìm cách độc tôn, không chia xẻ ngôi báu dù với anh. Huệ đã từng kéo quân vây khốn Qui Nhơn. Nhiều người lo ngại cho vua chẳng còn giữ nổi cơ nghiệp lâu dài.

Phần Nguyễn Ánh, biết tin Huệ phá Thanh diệt Lê. Ánh mừng lắm.

Quần thần lấy làm lạ. Ánh nói: Nguyễn Huệ dù thắng quân Thanh, diệt nhà Lê nhưng hẳn sẽ bị chôn chân tại Bắc Hà vì Thanh Triều sẽ cố rửa cái nhục bại trận. Vậy ta hoàn toàn yên ổn chờ cơ hội dành lại đất đai cơ nghiệp tổ phụ gây dựng. Ta nhận ra Huệ tiếng nói sang sảng, mắt lộ hung quang, ai nhìn cũng sợ. Đó là cái uy nhưng cũng là tướng hung tử. Chắc chắn y không hưởng được phúc lộc lâu dài. Ta mừng vì thế.

Quần thần khen Ánh cao kiến.

Từ năm Canh Tuất 1790, Ánh ra lệnh Võ Tánh, Nguyễn Văn Thành tấn công vùng duyên hải từ Bình Thuận ra Phú Yên, mục đích đẩy quân Tây Sơn vào thế thường xuyên bị đe dọa.

Tại Phú Xuân, sau khi nhận tước phong của vua Thanh, Quang Trung cho lệnh dưỡng binh. Vua muốn kéo quân vào Gia Định tận diệt Nguyễn Ánh. Chẳng may, sức khỏe vua bỗng suy yếu, thường sinh bệnh tật. Những cơn nóng bốc lên mặt khiến vua nhức đầu xây xẩm. Có lần vua ngất đi. Nhiều đêm, vua trải qua những cơn ác mộng hãi hùng, thấy toàn cảnh chém giết, máu chảy đầu rơi, tiếng khóc than, tiếng oan hồn đòi mạng. Vua buồn nói với Trần Văn Kỷ. Kỷ khuyên vua bình tâm an dưỡng. Lại nói bệnh sinh do vua quá lo lắng, lại qua bao chiến trận hiểm nghèo, bao cảnh tóc tang nên nhập tâm thành mộng dữ.

Tháng ba năm Tân Hợi 1791, vua gặp chuyện quá đổi đau lòng. Phạm Hoàng Hậu lâm trọng bệnh qua đời. Quang Trung thường nổi cơn thịnh nộ làm mọi người khiếp sợ chẳng dám lại gần. Vua ra lệnh Bắc Hà tiến kinh các loại vải quý, nhựa trám, sáp, trầm hương... để ướp xác người vợ yêu. Ba tháng sau, vua mới cho lệnh chôn thi hài tại núi Kim Phụng.

Đầu năm Nhâm Tý 1792, Quang Trung thấy thư thái, sức khỏe có cơ hồi phục. Vua viết thư cho anh trách việc để mất Gia Định, phụ bao công lao máu xương tướng sĩ. Vua ngờ ý muốn bàn với anh kế hoạch đánh Gia Định.

Nhận thư em, vua Tây Sơn mừng rỡ. Nguyễn Ánh vẫn là mối lo canh cánh bên lòng. Vua càng vui thấy anh em lại hòa thuận. Quang Trung hẹn gặp anh vào mùa hè tại Quảng Ngãi.

Buổi gặp gỡ, vua Tây Sơn cảm động nắm chặt tay em. Quang Trung cũng ngậm ngùi. Vua nói:

- Đệ chủ tâm tái chiếm Gia Định từ lâu. Ngặt công việc Bắc Hà bẽ bộn, lại yếu đau. Nay rảnh tay muốn bàn với anh chuyện đó.

- Tôi biết chú đa đoan nhưng đáng mặt anh hùng. Rạng danh giòng họ. Nguyễn Ánh chỉ sợ mình chú. Phần quân ta sa sút tinh thần tổ ra ươn hèn. Nay đem quân ấy mà chơi với giặc khác nào dễ đấu cọi. Phải có thời gian ổn định tinh thần tướng sĩ mới mong khôi phục đất cũ.

- Quân ta xưa nay can đảm thiện chiến, sao sa sút quá nhanh?

- Đây là điều tôi nhận ra. Trước tiên, mối bất hòa huynh đệ làm quân chán nản, lòng dạ phân tán mất tự tin. Hai nữa, quân đa số là người Qui Nhơn Quảng Ngãi, chiến đấu xa nhà đã lâu. Kể địch tuyên truyền giỏi, chúng phao tin giáo sĩ Tây Dương có phép lạ làm quả cầu đỏ bay lên trời (chỉ chuyện

Giám mục Bá Đa Lộc thả khinh khí cầu tại Gia Định), bọn lính Tây Dương mất xanh mũi lõ tóc quăn có súng bắn xa hàng dặm, một phát đạn giết chết hàng chục người. Quân ta thấy giặc là chạy, tướng tài cũng chịu thua. Gia Định thành do vậy thất thủ.

- Giận thay bọn xuẩn động. Đệ đã có kế sách đánh Gia Định. Anh lo đóng thêm chiến thuyền, chuẩn bị tuyển và luyện quân. Quân Qui Nhơn sẽ tấn công các đảo vùng Côn Sơn, Phú Quốc truy lùng Nguyễn Ánh khi hắn thoát chạy ra biển. Đệ thống lĩnh thủy binh Phú Xuân đánh thẳng vào Gia Định. Quân bộ đánh miền tây nam chặn đường sang Chân Lạp. Tổng số quân tham chiến có thể đến ba mươi vạn. Trận này ta quyết diệt giặc tận gốc. Khoảng cuối thu khởi binh. Tháng tám, đích thân đệ truyền hịch động viên tướng sĩ.

Vua Tây Sơn thuận, hăng hái xúc tiến chuẩn bị chiến dịch.

Tháng tám, đúng kế hoạch, vua Quang Trung truyền hịch tướng sĩ. Nội dung đại để như sau:

"... Trẫm tự thuở cầm quân khắp cõi bắc nam, đánh đâu thắng đó. Giặc Xiêm, giặc Thanh cũng chịu khuất phục. Đó là do tướng sĩ quyết tâm chiến đấu.

Bọn dư đảng cụt triều từ bao năm nay nào làm nên trò trống gì. Bao trận thua tan tác, xương tàn tướng sĩ của chúng đầy đầy vùng Gia Định. Đến như tên dê hèn Nguyễn Ánh kia cũng bao phen trốn chạy tan tác. Sự thực như thế. Nay sao các người lại hèn nhát khiếp hãi đến vậy? Các người thua vì không dám kháng cự chứ chúng có chi tài giỏi.

Bây giờ theo lệnh Hoàng Đại Huynh. Trẫm thân chinh diệt giặc. Trẫm sẽ đập nát chúng như củi mục cành khô, thu phục đất đai đã mất. Như thế mọi người sẽ rõ, Hoàng Đại Huynh với Trẫm là tình máu mủ ruột thịt.

... Các người chớ nhẹ dạ nghe lời phao đồn về bọn Tây Dương. Chúng tài giỏi chi? Chỉ là bọn mất xanh mũi lõ. Trẫm đã từng đốt cháy chiến thuyền của nó, chìm thấy chúng nó xuống biển. Quả bóng đỏ bay lên trời chỉ là thứ đồ chơi, nào có chi là lạ mà phải đệ trình lên Trẫm..."

Chuyện đời do người mưu sự mà thành bại là ở cơ trời. Vào một buổi chiều cuối thu tháng chín. Vua Quang Trung đang ngồi bỗng xây xẩm rồi ngất xỉu. Tả hữu vội vục vua vào long sàng. Hai ngày sau, vua hồi tỉnh nhưng giọng nói thì thào, vua truyền gọi Đại Tư Mã Trần Quang Diệu đang trấn thủ Nghệ An gấp rút hồi kinh. Đêm ngày mười sáu tháng chín năm Nhâm Tý, tiết thu trời quang mây tạnh. Vua cho gọi những người thân tề tựu bên giường. Ngoài vợ con, còn có Trần Văn Kỷ, Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng. Vua nhìn mọi người căn dặn: Ta sinh thời chinh chiến, tàn sát biết bao sinh linh. Nay mệnh chung âu cũng bởi số trời. Phần Đại Hoàng Huynh chẳng biết lo xa, ham hưởng khoái lạc. Thái Tử thông minh nhưng mới lên mười, lấy chi hiểu chuyện nhà chuyện nước. Kẻ thù Nguyễn Ánh quá ư hiểm độc. Vậy sau khi ta mất, việc an táng chỉ đơn giản sơ sài. Các người vì nghĩa cả tận trung giúp Thái Tử giữ cơ đồ. Hãy nghe ta kíp dời đô ra Yên Trường Nghệ An khống chế thiên hạ. Nếu không, quân Gia Định tiến ra, các người sẽ không còn đất chôn thân.

Vua mất vừa tròn tuổi bốn mươi. Sự nghiệp lỡ làng, hoài bão dở dang.

Vua Tây Sơn nghe tin sét đánh, ruột nát gan bào. Vua tức tốc dẫn ba trăm quân ra Phú Xuân mong nhìn em lần cuối. Đến Quảng Ngãi, quân vua bị Thái Úy Phạm Công Hưng ngăn lại. Hưng tâu vua nghiêm lệnh Thái Sư Bùi Đắc Tuyên cấm bất kỳ cuộc chuyển quân từ các nơi về kinh. Vua

gạt lệ trở về. Thở than trời chẳng chiều lòng người, Huệ mất tạo cơ may cho Nguyễn Ánh thoát hiểm.

Từ đó, mối sầu dằng dặc khôn nguôi, vua uống rượu giải sầu, sức khỏe hao mòn, nhiều khi vua ho ra máu. Các ngự y chữa trị tận tâm nhưng bệnh không dứt được.

Tháng ba năm sau, năm Quý Sửu 1793. Nguyễn Ánh cho rằng Nguyễn Huệ chết sẽ không còn đối thủ đáng sợ, lập tức kéo thủy binh ra tấn công bắn phá cửa Thị Nại. Thái Tử Nguyễn Bảo con vua Tây Sơn cự không nổi phải rút về Qui Nhơn. Các tướng Nguyễn là Nguyễn Văn Thành, Võ Tánh, Nguyễn Huỳnh Đức tấn công Bình Thuận, Nha Trang, Phú Yên.

Tháng tám, quân Nguyễn vây ngặt Qui Nhơn. Vua Tây Sơn đang bệnh nặng, thấy thế nguy cho người cầu cứu cháu là vua Cảnh Thịnh, kế vị Quang Trung. Cảnh Thịnh nhỏ dại, mọi việc một tay người cậu Thái Sư Bùi Đắc Tuyên quyết đoán. Tuyên tính nham hiểm, đa nghi.

Đã có chủ trương, Tuyên cử Thái Úy Phạm Công Hưng, Đại Tư Mã Ngô Văn Sở chỉ huy mười bảy vạn quân thủy bộ cùng tám mươi voi trận vào giải vây. Trước khi xuất quân, Tuyên đã lệnh cho Hưng sau khi giải vây sẽ chiếm luôn Qui Nhơn. Hưng nhận lệnh lên đường.

Thấy thế quân Phú Xuân còn mạnh, Nguyễn Ánh rút về Gia Định chờ cơ hội khác.

Thái Úy Hưng vào thành ngang nhiên ra lệnh kiểm kê và tịch biên kho tàng.

Vua Tây Sơn tức giận, cố gắng gượng dậy, đeo báu kiếm truyền thiết triều.

Ngồi trên ngai, nhìn thái độ ngạo nghễ của Hưng, vua uất ức hét lớn, thu hết tàn lực bước xuống. Thanh báu kiếm lóe sáng lao thẳng vào mặt tên hỗn xược. Hưng nhanh mắt

tránh kịp. Báu kiếm rời tay vua rơi xuống nền nhà kêu loảng xoảng, vỡ vụn từng mảnh như thủy tinh, biến thành làn khói xanh bay mất. Quần thần khiếp hãi. Vua ngã gục. Tả hữu vội chạy ào đến vực vua. Vua thổ huyết đầm đề. Mãi khuya vua tỉnh. Đảo mắt mỗi một nhìn người thân vây quanh. Vua cười hiền hậu rồi nhắm nghiền mắt. Công danh sự nghiệp, hiển vinh phú quý chỉ là phù vân. Vua nhớ tự thuở áo vải, ba thước gươm dựng nghiệp. Những chiến tích, võ công hiển hách nào khác chi một cuộc cờ trong lúc quá chén say sưa.

Vua cảm thấy rất rõ. Một luồng hơi mát từ dưới chân, hơi mát cứ đi dần lên, đến bụng, đến ngực, rồi bao trùm châu thân. Vua khoan khoái chìm trong cảm giác dễ chịu tuyệt vời. Người chung quanh nhận ra vua như muốn nói điều gì nhưng không cất nên lời. Vua bất động.

Đó là đêm rằm tháng chạp năm Quý Sửu 1793. Trời đang trắng sáng bỗng mây đen cuộn cuộn kín trời, rồi mưa gào gió thét, sấm giăng chớp giật...

Có vị đại sư tự thuở thiếu thời chán cảnh hồng trần, ẩn mình tu trong động đá trên đỉnh núi Ngang kể ngót trăm năm. Trước cơn thịnh nộ đất trời, sư động tâm nhìn ra ngoài. Một tia sét lóe tựa lưỡi dao chém ngang trên mộ phần hai đấng sinh thành vua Tây Sơn. Mộ sụp. Nước từ núi tràn xuống màu như nhuộm máu. Xa xa, sông Côn uốn mình gào thét. Sư nghe như tiếng quân reo ngựa hí, tiếng trống trận dập dồn. Bóng võ tướng cưỡi ngựa trắng bay vụt lên trời.

Sư buồn thở than: Ôi vận mệnh nước non còn nhiều phen trôi nổi. Long mạch đứt. Anh hùng tận. Tai ương bất trắc sẽ đổ trên đầu lương dân. Bao gia đình phân ly tan tác. Đó là thời của hôn quân bạo chúa. Biết đến bao giờ... Một trăm năm... Hai trăm năm... hay ba trăm năm sau. Nước Nam ta có thuở thái bình thịnh trị!...

Sáng hôm sau, trời quang gió lặng. Có cánh chim lẻ loi hót nghe nào lòng.

Tây Sơn Đại Huynh. Vua Thái Đức đã từ trần.

ĐOAN TÁI BÚT:

Sử sách sau ghi rằng: "Sau khi vua Thái Đức mất, tướng Phú Xuân Phạm Công Hưng phế Thái Tử Nguyễn Bảo làm Hiếu Công, chỉ cho hưởng quyền thu thuế huyện Phù Ly làm đất ăn lộc. Sử gọi giai đoạn này là Tiểu Triều. Hoàng Hậu Trần Thị Huệ khóc nói với con: Công dựng nghiệp Tây Sơn là của cha. Nay người ta áp bức chỉ cho con ăn lộc một huyện, sống chịu nhục thà chết còn hơn.

Nguyễn Bảo nghe mẹ nói càng thêm uất ức. Ít lâu sau, Thái Sư Bùi Đắc Tuyên cho Bảo có ý phản, buộc uống thuốc độc chết.

Tại triều đình Phú Xuân, Bùi Đắc Tuyên nắm quyền binh bắt đầu ra oai tác quái. Quần thần chia rẽ. Trung Thư Lệnh Trần Văn Kỷ phản kháng bị Tuyên cách chức đày ở trạm Hán Xuyên. Tổng Trấn Bắc Hà Võ Văn Dũng cũng bị mất chức vì Tuyên sợ Dũng sẽ phản. Dũng vốn là bạn thân của vua Tây Sơn tự thuở thiếu thời. Tuyên cử Tư Mã Ngô Văn Sở ra thay.

Dũng mất chức tức giận nhưng không có cách phản ứng. Trên đường về Phú Xuân, định mệnh khiến Dũng gặp lại Kỷ. Kỷ bị Tuyên lưu đày nhưng vốn tức kẻ đa mưu, Kỷ thể rửa hận. Gặp Dũng, Kỷ vờ thương cảm. Kỷ nói:

- Ông quyền uy bao trùm đất bắc, dày công hãn mã. Có sao ngang nhiên bị tước đoạt binh quyền?

Dũng nghe càng thêm giận. Mọi căm hờn đổ trên đầu Bùi Đắc Tuyên. Kỷ đổ dầu vào lửa:

- Ông liệu có nên về Phú Xuân. Cứ nhìn tôi thì biết. Xưa Tiên Vương (chỉ Quang Trung) xử với tôi mười phần trọng đãi. Nay thân tàn ma dại chỉ vì cưỡng lệnh Thái Sư. Thái Sư nay quyền uy, muốn tha ai giết ai tùy thích. Hắn lại chẳng ưa gì ông, coi ông như mối họa vì ông là bạn thân của vua Thái Đức. Ông nhắm chống lại được chăng?

Đêm hôm ấy Dũng mất ngủ. Trần trọc nghĩ suy, Võ Văn Dũng nghĩ thà phụ người còn hơn để người phụ. Đến Phú Xuân, Dũng cầu kết với Thái Úy Phạm Công Hưng đem quân vây nhà bắt Bùi Đắc Tuyên, lại sai thủ hạ bắt luôn con Tuyên là Bùi Đắc Trụ. Hai cha con Tuyên bị Dũng chìm chết dưới sông Hương.

Vua Cảnh Thịnh gạt lệ khóc thầm.

Bấy giờ Trần Quang Diệu đang vây đánh quân Nguyễn tại Diên Khánh. Hay tin Phú Xuân rối loạn, Võ Văn Dũng giết chết Thái Sư. Diệu tức giận. Cho rằng trong loạn thì ngoài khó giết giặc. Diệu kéo quân về kinh quyết diệt loạn thần.

Được tin Diệu kéo quân về; Võ Văn Dũng dàn quân theo bờ sông Hương quyết tử chiến. Vua Cảnh Thịnh khóc lóc xin hai tướng bãi binh, dành sức diệt kẻ thù chung là Nguyễn Ánh.

Cuối cùng hai tướng giảng hòa, cùng chia quyền lực.

Sau này, chính Trần Quang Diệu cũng bị vua ngờ vực tước đoạt binh quyền. Thế lực Tây Sơn suy yếu dọn sẵn cho Nguyễn Ánh con đường thênh thang đại thắng vào tháng năm năm Nhâm Tuất 1802.

Nguyễn Ánh lên ngôi vua lấy hiệu Gia Long, dành cho các con vua Quang Trung, cả họ hàng nhà vua hình phạt trả thù tàn bạo độc ác nhất trong lịch sử dân tộc. Phan thây xé xác.

Riêng Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân, nhiều phen Gia Long dụ quy hàng. Cả hai nhất quyết không khuất phục hiên ngang chịu chết.

Cả nắm xương tàn của vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc và Quang Trung Nguyễn Huệ cũng chẳng được ngủ yên trong cõi vĩnh hằng. Lãng tẩm bị khai quật. Xương cốt bị bẻ gãy bỏ vào cối giã nát nghiền con cháu mai sau không thể cất cao đầu. Kẻ nào thoát được thì cũng tàn mạt.

Đầu lâu của ba vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Quang Toản bỏ trong ba chiếc vò bằng sành. Gia Long cho lính tiểu tiện vào các vò, rồi đậy kín đem xiềng trong ngục thất.

Hai mươi năm sau, đời vua Minh Mạng. Vua chưa nguôi thù hận, cho rằng xử phạt như vậy vẫn chưa đủ. Vua giam ba chiếc vò vào ngục tử tội truyền cấm cố mãi mãi...”

Dân kinh thành Huế còn truyền tụng nhiều điều linh thiêng xảy ra trong ngục nơi giam cầm “các ông vò”. Tù nhân cũng như cai ngục thường cầu các ông giáng phúc. Đám cung phi trong nội cung còn kể: Thỉnh thoảng từ trong chiếc vò chứa sọ vua Quang Trung, một làn khói tỏa biến thành con gà vàng ai trông cũng khiếp hãi. Quang Trung tuổi Dậu.

Sau biến cố năm Ất Dậu 1885, kinh thành Huế thất thủ. Ba chiếc vò biến mất.

Có kẻ thấy trong đêm biến loạn, một người bí mật vào ngục thất mang ba chiếc vò phi ngựa chạy về hướng đông nam.

Triều đình cố sức truy tầm không tìm ra manh mối. Ba chiếc vò biệt tăm....

Các vua nhà Nguyễn tạo thành tích trả thù ghê gớm: Giam các sọ người trong suốt tám mươi ba năm.



TU SACH VAN HOC
VIET NAM HAI NGOAI

Thư từ liên lạc:

Đỗ Hùng
6590 Patriot Dr.
Columbus, GA 31909
USA

Điện thoại: (706) 569 - 1086

Email: Hungdo00@aol.com